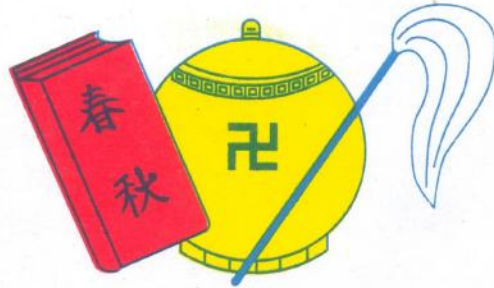


**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**  
Năm Đạo thứ 82



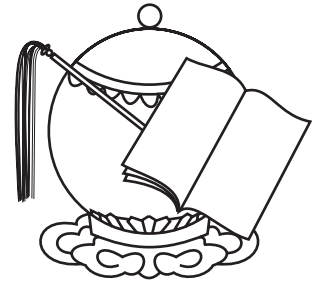
# CAO ĐÀI GIÁO LÝ

**CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**

---

**NỘI SAN SỐ 92**

**RẼM THÁNG 4 ĐINH HỢI (31-05-2007)**



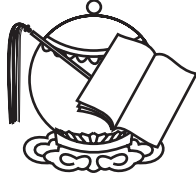
# Nội San Cao Đài Giáo Lý Số 92

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

*Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [đề] đạt đến tâm vóc thế giới. Có như vậy chư đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.*

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN





# Nội San Cao Đài Giáo Lý Số 92

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

## Mục lục

<b>QUAN ĐIỂM: CỨU ĐỘ NHÂN SINH VÀ CỨU ĐỘ TÂM LINH</b>	<b>4</b>
<i>Ban biên tập.</i>	
<b>TRANG THÁNH GIÁO: DANH CÓ CHÁNH – NGÔN MỚI THUẬN</b>	<b>6</b>
<i>Trích lục Thánh Giáo Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn.</i>	
<b>KHÁI LƯỢC VỀ CÔNG QUẢ</b>	<b>10</b>
<i>Thiện Hạnh.</i>	
<b>KHÁI LƯỢC VỀ CÔNG PHU</b>	<b>22</b>
<i>Thiện Hạnh.</i>	
<b>THẦN TIÊN THI DIỆU BÚT</b>	<b>37</b>
<i>Đạt Tường sưu tầm.</i>	
<b>MÙA XUÂN VỚI NGƯỜI GIÁO SĨ</b>	<b>39</b>
<i>Huệ Ý.</i>	
<b>VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO</b>	<b>44</b>
<i>Chí Tín.</i>	
<b>Ý NGHĨA NGÀY 13 THÁNG 3</b>	<b>47</b>
<i>Đạt Tường.</i>	
<b>CHƠN DUNG ĐỨC KHỔNG TỬ</b>	<b>52</b>
<i>Thuần Chơn sưu tầm.</i>	
<b>KỶ NIỆM TÁI THIẾT VĨNH NGUYÊN TỰ</b>	<b>56</b>
<i>Thiên Vương Tinh.</i>	
<b>TẦM VÓC NHÂN LOẠI CHO NHÂN SỰ CỦA ĐẠI ĐẠO</b>	<b>65</b>
<i>Thiện Quang.</i>	
<b>CƠ ĐẠO KỶ BA</b>	<b>76</b>
<i>Quang Dũng.</i>	

<b>TƯ TƯỢNG ĐẠO GIA • BÀI XVII: BIỆN CHỨNG – THẮNG BẠI</b>	<b>82</b>
<i>Lê Anh Minh biên dịch.</i>	
<b>THIÊN CHÚA BA NGÔI</b>	<b>88</b>
<i>Thiện Chí sưu tầm.</i>	
<b>NHỚ VỀ CÁC TÍN HỮU CAO ĐÀI CAMPUCHIA</b>	<b>92</b>
<i>Đạt Tường.</i>	
<b>TÁC PHONG ĐẠO HẠNH</b>	<b>102</b>
<i>Huệ Ý.</i>	
<b>QUYỀN PHÁP - TÌNH THƯƠNG VÀ SỰ SỐNG</b>	<b>109</b>
<i>Đỗ Thị Duyên. Thùy Nhiên. Hương Lan. Đào Thiên Niên.</i>	
<b>CAO ĐÀI – NGUYÊN LÝ VỀ TÍNH NHẤT THỂ TRONG TÔN GIÁO</b>	<b>115</b>
<i>Cao Hoàng Phong. Trần Ngọc Tâm. Nguyễn Quang Thoại.</i>	
<b>MỘT BIỂU TƯỢNG THƯỢNG ĐẾ TRONG VĂN HÓA AI CẬP CỔ ĐẠI: MẮT THẦN HORUS</b>	<b>120</b>
<i>Lê Văn Lộc. Bảo Trân. Nhật Quang.</i>	
<b>TRIỂN LÃM LỚN NHẤT VỀ ĐẠO ĐỨC KINH</b>	<b>125</b>
<i>Thiện Chí sưu tầm.</i>	
<b>CÁO THƠM LẦN GIỜ TRƯỚC ĐÈN</b>	<b>126</b>
<i>Minh Trung sưu tầm.</i>	
<b>TRANG NGOẠI NGỮ: TAM CÔNG</b>	<b>127</b>
<i>Câu lạc bộ Tiếng Anh Ngoại Giao Vụ.</i>	
<b>TẾT ĐOAN NGỌ</b>	<b>131</b>
<i>Minh Trung.</i>	
<b>MỘT CHUYẾN LIÊN GIAO</b>	<b>133</b>
<i>Chí Thật.</i>	
<b>CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN: CHỈ CÓ HIỂU ĐẠO MẦU MỚI THOÁT KIẾP TRẦN DƯƠNG</b>	<b>136</b>
<i>Thanh Mai.</i>	
<b>TRANG THƠ: CHỢT TỈNH</b>	<b>140</b>
<i>Đỗ Thế Sơn.</i>	
<b>VỌNG CỔ: CHUNG SỨC XÂY ĐỜI</b>	<b>140</b>
<i>Chánh Tâm.</i>	
<b>CẢM XẠ HỌC – TỪ HUYỀN BÍ ĐẾN KHOA HỌC</b>	<b>142</b>
<i>Hồng Phúc sưu tầm.</i>	
<b>KIẾN THỨC SỨC KHỎE</b>	<b>144</b>
<i>Việt Thu sưu tầm.</i>	
<b>THEO DÒNG ĐẠO SỰ</b>	<b>146</b>
<i>Bạch Cúc.</i>	



# CỨU ĐỘ NHÂN SINH VÀ CỨU ĐỘ TÂM LINH

Sứ mạng ĐӨTKPĐ là sứ mạng cứu độ toàn diện thế giới nhân loại, nghĩa là chủ trương vừa xây dựng xã hội an lạc tiến bộ tại thế gian, vừa đáp ứng nhu cầu tâm linh của con người.

Mục đích toàn diện đó phát xuất từ nguyên lý chánh trung của Đại Đạo. Đại Đạo bao hàm cả Thượng Đế và chúng sanh, bản thể và hiện

tượng. Tất cả những gì, những ai mang lấy sự sống và sự tiến hóa đều thuộc về Đại Đạo.

Tại hành tinh này, sự sống của loài người thể hiện rõ nét nhất công năng của Đại Đạo, đến độ những bậc minh triết đều nhìn nhận rằng con người là một tạo hóa trong Tạo Hóa hay là tiểu vũ trụ trong đại vũ trụ. Nhưng thực tế đời

người quá ngắn ngủi, tri giác con người bị hạn chế trong cảm quan giữa thế giới hữu hình hữu vi, nên đa số chưa cảm nhận được lẽ sống vượt không- thời của chủ thể chính mình.

Đó là nguyên nhân các bậc Giáo tổ mở đạo để thức tỉnh nhân sanh biết sống đúng cương vị làm người, làm hạt giống của Đại Đạo, không phé

phận trần gian cũng không đánh mất tâm linh tự hữu. Thế nên sự cứu độ rốt ráo là đem đến giác ngộ tâm linh lẫn an định cuộc đời; mà giác ngộ là chủ yếu.

- Người giác ngộ tâm linh mới làm chủ đời sống nhân sinh của bản thân.

- Giác ngộ tâm linh mới phát khởi tình thương, mở rộng tình nhân ái hầu cứu độ chúng sanh đang đau khổ giữa cộng nghiệp dẫy đầy.

Thánh giáo dạy người tín đồ Đại Đạo hãy làm một Giê Su, một Thích Ca, một Lão Tử, một Khổng Tử giữa thời tao loạn này mới mong làm tròn sứ mạng bậc thế Thiên hành hóa. Các bậc Giáo Tổ ấy, từ thuở sanh tiền đến sau khi liễu đạo nào có để lại phương thuốc trị bệnh nan y hay vật chất cứu đói nhân loại, nhưng cầm nang cứu độ của các Ngài là Thánh Kinh, là Phật Pháp, là Đạo Đức Kinh, là Thánh Đạo an bang tế thế.

Do đó người sứ mạng trong TKPD phải ý thức chủ vị của mình là người thấp sáng chân lý Cao Đài, giải quyết tận gốc nguyên nhân phá sản nhân bản của người đời để cuộc đời sẽ giải quyết cuộc đời. Đó là sứ mạng của những người giác ngộ tâm linh thi hành Thiên đạo Đại thừa.

Nếu đã ý thức như thế và đang nhắm mục đích “Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát” thì người tín hữu Đại Đạo dù đang hành đạo trong lãnh vực “Phổ truyền chánh pháp” hay “Phổ tế quần sanh” đều có vai trò quan trọng trong cơ cứu độ hiện nay.

Những tấm gương hy sinh cuộc

đời, hy sinh tài sản để an ủi, chăm sóc kẻ bất hạnh, kẻ nghèo đói, bệnh tật... đều đáng được tôn vinh lòng bác ái vị tha; nhưng nếu các tôn giáo chưa đánh thức được lương tâm, lương tri nhân thế để phục hồi tinh thần đạo đức trong xã hội loài người thì biết bao nhiêu người hy sinh, biết bao nhiêu tài sản cống hiến mới có thể xóa tan tất cả khổ nạn chúng sanh?

Thế nên, nếu tôn giáo muốn góp phần xây dựng thiên đàng tại thế thì tôn giáo phải xác lập một nền giáo lý phổ quát dung hòa được mọi lý thuyết, thông suốt mọi hoàn cảnh, mọi dân tộc để phổ thông trên toàn thế giới, mới mong đạt đến mục đích. Và những ai tự nguyện tham gia vào công cuộc đó đương nhiên mang lấy một sứ mạng trọng đại và hy hữu của Tam Kỳ Phổ Độ.

Đã nhận lãnh sứ mạng thì phải tự tin ở bản thân, vững tin nơi Đại Đạo, kiên nhẫn trì thủ mới đem lại niềm tin cho nhân sanh chung tay cải tạo cuộc đời.

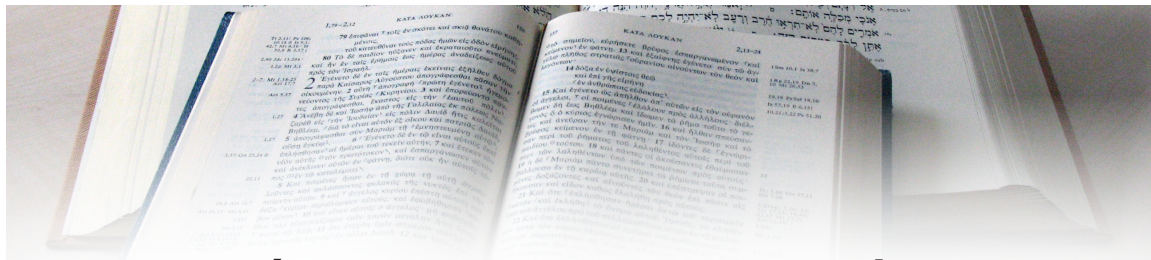
*Đã là một nhân sanh tại thế,  
Khó tránh điều dâu bể đổi thay,  
Dọc ngang giữa cõi trần ai,  
Phải đem đạo lý dựng gầy thế nhân.*

...

*Trên Thượng Đế Kỳ Tam tận độ,  
Dưới non hòa cứu khổ vạn dân,  
Hỡi người sứ mạng ở trần,  
Thế Thiên hành hóa trọn phần chánh*

*chơn.*<sup>1</sup> □

1. Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tý thời, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).



## DANH CÓ CHÁNH; NGÔN MỚI THUẬN

ĐỨC NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHON NHON – VĨNH NGUYÊN TỰ, 16-1 BÍNH THÌN.

THI

NHƯ Ý ĐẠO siêu cũng bởi mình,  
ĐẠO THOÀN vận tải khách phù sinh,  
CHON NHON tìm lại tâm vô niệm,  
Giáng điển khai cơ mở lộ trình.

NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHON NHON, khánh hi, khánh hi chư Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ, mừng các cháu lớn nhỏ.

Thừa lệnh TAM GIÁO ĐẠO TỔ, Lão giảng đàn khai cơ Vĩnh Nguyên Tự để sau này làm phương tiện tu học cho hàng Thiên ân trong giai đoạn khó khăn. Lão miễn lễ đồng an tọa.

Chư hiền đệ hiền muội đã bỏ công đến đây giúp đạo, giúp nhơn sanh với lòng nhiệt thành đó sẽ được đáp ứng xứng đáng. Tuy chư hiền không thấy, không nghe, nhưng không có gì làm mất được nó cả.

Này chư hiền đệ hiền muội! Này các cháu! Ánh thiên quang mùa xuân của vũ trụ đang bao trùm vạn vật, ân tứ phước tải mầm sống cho muôn loài. Người biết Đạo, biết tu phải nương theo cái thuận thời thiên lý mà nâng niu tâm đức của mình cho càng ngày càng thêm mẫn tuệ, trau giồi đạo

hạnh cho thuần thành thánh thiện, phước huệ song tu. Người tu chỉ có bấy nhiêu thôi. Thế mà các hàng Thánh Hiền Tiên Phật ngày xưa phải vượt qua nhiều đời nhiều kiếp để đạt đến. Ngày nay chư hiền cũng đi theo con đường đó. Tuy nói con đường chó thật ra không có con đường nào cả. Hễ tâm đức được thuần thành, cả một vũ trụ bao la mặc tình giung ruổi. Đời người tuy nói trăm năm, nhưng không mấy chốc. Trước cảnh sanh lão bệnh tử đã chiếm quá nhiều thì giờ, lại còn sự thịnh suy, đắc thất, buồn vui, sướng khổ cũng làm hao tâm lực không phải ít.

Người hiểu đạo biết tu phải vượt qua khỏi bận rộn trong vòng lẩn quẩn đó. Nếu không qua được, sanh tử luân hồi sẽ triền miên tiếp diễn. Sự hữu phước là chư hiền được làm người hội đủ điều kiện để lãnh hội ý Phật, lời Tiên hơn các đẳng chúng sanh còn thấp kém, đang trong trạng thái mê muội, ngu khờ, chậm chạp, ngây ngô.

Chư hiền đã có ưu thế để tạo Tiên tác Phật, lên hàng chánh đẳng, chánh



giác. Chỉ còn một điều là có thiết hành chơn đạo hay không, có thắng được lòng tham sân si dục hay không, có khắc phục tánh giải đãi biếng lười hay không đó thôi. Sự hữu phước là chư hiền biết thức tỉnh, biết chế ngự lòng ham muốn, biết tiết kiệm sự tiêu xài để làm việc phước đức. Tuy những việc đó, nói thì dễ, nhưng hành, phải là có tu từ nhiều kiếp. Sẵn đà đó hãy cố gắng vượt lên, làm ngắn bớt con đường trở về ngôi xưa vị cũ, nơi khởi nguyên vạn hạnh. Điều mà Lão vui mừng hôm nay là thấy các cháu và dân chúng địa phương biết dẫn nhau vào cửa Đạo tạo xã hội đạo đức để xã Long An này thoát con kiếp nạn.

Chư hiền đệ muội hãy hãnh diện hoan hỉ nội tâm rằng mình hiện giờ thuộc thành phần tỉnh thức, biết nghe lời khuyên răn, biết nhận chân phải trái, biết phân biệt lẽ đạo, lẽ đời, biết ham tu mộ đạo, biết bước ra khỏi vòng tối tăm tội lỗi, tìm nẻo xán lạn thiện từ khác hơn là những thành phần còn mê tâm muội tánh.

Đầu năm mới mà cũng là cơ hội để chư hiền mỗi người tự kiểm điểm làm bảng kết toán trong khoảng đời dĩ vãng của mình để xem bước đường đạo đức khai mở thánh tâm và các phần công quả công trình công phu tu tập của mình đã được tiến hay thối so với những năm về trước. Mỗi người bình tâm thành thật với lòng sẽ tìm ra đáp số.

Chư hiền đệ muội! Khi bàn luận đến đạo lý thì phải tạm mượn những văn tự, ngôn từ để diễn tả, chớ thật tướng

của chơn đạo là không hình không danh, không ngôn ngữ, văn tự nào mô tả được nó.

Những hiền nào dày công tu tập, thánh trí minh linh sẽ được trực giác Thiên tánh của mình để cảm nhận và chứng nghiệm. Nhưng hiềm vì chúng sanh căn trí không đều, chi nên các Đấng Thiêng Liêng đã phải tạm dùng đủ mọi ngôn từ, hình thức, phương tiện để dắt dìu, dạy dỗ từng căn trí một từ kẻ giác đến người mê. Biết được cái nguyên lý đó thì người hiểu Đạo giải thoát ngay từ bước đầu là phá chấp tất cả sắc tướng, hình danh, thị phi, ngôn ngữ văn tự. Nếu còn chấp là còn lấy dây tự trói buộc mình trong phạm vi hạn hẹp. Do đó mà Đạo Kinh thường dùng những ngôn từ úp úp, mở mở, như có, như không, như chẳng phải có mà cũng chẳng phải không, chẳng phải không có, mà cũng chẳng phải không không... Bởi vì đó là một phương tiện trong những phương tiện để làm ngón tay chỉ trăng, khiến kẻ tìm trăng phải hướng nhãn quan mình vào phía đó và vượt xa hơn nữa mới thấy trăng.

Sở dĩ dùng những ngôn từ không rõ rệt như vậy bởi vì không có ngôn từ nào chính xác để định nghĩa Đạo. Những ngôn từ mà thế nhân thường dùng là để diễn tả những gì thuộc cõi nhị nguyên đối đãi mà thôi. Biết như vậy để cõi lòng mình được mở rộng thênh thang, không có gì đóng khung ngăn cách, đó là mình đã giải thoát từng phần một trên cuộc hành trình tìm bến khởi nguyên rồi vậy.

Lão mừng thấy chư hiền đệ muội đã có ý thức tìm học để chập chững bước lên qua thế giới Đại Thừa. Hãy xem những lời Lão vừa phân đó là ánh nhiên đăng rọi qua màn đêm tâm thức.

Về sự tu học, phần đông hay bị vướng phải cái chứng bệnh tự túc tự mãn, vì thế ngăn trở bước tiến không ít trên đường tu tập.

Mỗi hành giả, hằng ngày, hằng giờ, hằng phút, hằng giây phải luôn luôn xem mình còn thiếu, còn kém cõi về phương diện học Đạo tu thân để cố gắng tiến lên mãi mãi không ngừng. Rất đổi đến bậc Đại Giác Kim Tiên còn phải tự tu tự tiến, đừng nói chi chư hiền đang bị chi phối nơi cõi hạ giới trước trần này.

Sau đây Lão để mấy dòng khích lệ chư Thiên ân hướng đạo có trách nhiệm điều hành Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

Chư hiền đệ! Vai trò và sứ mạng của Cơ Quan càng ngày càng nặng nề phát triển và đồng thời ánh sáng cũng chói

chang muôn nẻo đường đất nước. Đến đây chư hiền mới thấy giá trị của lời nói trước đây rằng: “Cơ Quan là guồng máy sau cùng...” là hữu lý. Do đó mỗi chức vụ trong Cơ Quan, mỗi một nhân viên trong Cơ Quan, chí đến một thanh thiếu niên trong Cơ Quan, mỗi mỗi người phải tự trọng và quan trọng hóa vai tuồng của mình từ đây sắp tới. Quan trọng hóa có nghĩa bảo trọng danh thể Cơ Quan theo đường hướng đã được chỉ dạy từ lâu, đừng xem thường. Hễ xem thường thì tự mình đem vai trò ấy đóng khung trong chỗ tầm thường.

Chư hiền đã vượt ra khỏi ngưỡng cửa tự tu tự tiến để mang lấy vai trò ổn định đạo tâm, ổn định nhân tâm, ổn định dân tâm để góp phần vào công cuộc ổn định đất nước dân tộc mình.

Đã ở nơi đây, đã sống nơi đây, nhứt là đã sanh trưởng nơi đây và ngày nào đó sẽ gởi nắm xương tàn nơi đây vào lòng đất mẹ; tôn giáo này cũng phát nguyên nơi đất nước này là đất nước của dân

tộc Việt, mỗi người có bốn phận xây dựng nó. Tuy đa diện mỗi người mỗi cách, nhưng con số cứu cánh là an vui hạnh phúc, đạo đức, tiến bộ cho tất cả mọi người trên mảnh đất này. Mỗi người mỗi vai tuồng, mỗi tổ chức, mỗi giai đoạn cần thiết của nó, nhưng chung qui phải là lấy đạo đức để san định tất cả làm nòng cốt cho công cuộc xây dựng đời Thượng nguồn Thánh đức. Lúc này và tiếp diễn là cơ sàng sảy chọn lọc không luận trong đạo hay ngoài đời. Ai sáng suốt hãy lãnh hội! Ai có tai hãy lóng nghe! Ai thương thân mình hãy khép mình trong đường lối chánh chơn! Ai thương gia đình mình hãy kêu gọi khuyến khích, giáo dục nhau cùng tu cùng tiến. Ai thương dân tộc đất nước mình hãy gây dựng tình thương yêu từ bản thân đến tập thể, thiết lập một “Thế Nhơn Hòa” để chinh an thiên hạ. Đó là con đường phải đi và sẽ đến. Vì vậy sang niên trình này, Cơ Quan hãy chuẩn bị tinh thần và bắt tay vào việc tiếp



CHÂN DUNG  
ĐỨC NHƯ Ý  
ĐẠO TOÀN  
CHƠN NHƠN.

nổi và phát triển những tiếp nối thêm hơn, cụ thể cho xứng với danh Cao Đài là Quốc Đạo của dân tộc Việt Nam.

Tuy nói về chơn đạo thì Cao Đài không phải là Cao Đài mới thiết là Cao Đài, nhưng với quốc dân đồng bào chúng tộc Việt Nam trong một cục bộ giai đoạn nó phải tạm mang cái danh để được chánh danh. Danh có chánh, ngôn mới thuận.

(...) Chư hiền đệ hiền muội đã biết hưởng một mùa xuân đạo đức, đã khép mình trong khung cảnh cỏ nội mây ngàn, hàng tre rặng lá để tìm nghe tiếng đạo lý của Phật của Tiên. Đó là duyên

lành mà không phải mỗi người đều có được. Nên mừng đi và nhìn lại xót tui thầm thương cho những người bạn chung quanh mình còn mang nặng nghiệp trần và ít oi căn trí, đến nỗi muốn ăn một ngày chay cũng chật vật bào bọt dạ dày, muốn nghe một lời kinh tiếng kệ thì phát ngáp dài ngủ gục. Tuy một ngày chay, một câu kinh chưa thấm vào đâu trong muôn ngàn phương tiện của đời đạo đức nhưng căn bực trí siển, bốn nguyên tiến hóa còn thấp thì thấy những việc còn con ấu lớn tợ núi Thái Sơn. Trái lại, với những tiếng thị phi thì thích tìm ra đôi chối. Một

lời nói khích nhỏ mọn có thể đưa đến án mạng không chừng. Một cái liếc không ngay thường gây gấu ó. Chút lợi nhỏ nhỏ chẳng bỏ lại để tâm. Đơn cử một vài nét nhỏ nhặt đó để so sánh biết được ai là có căn cơ đạo đức, ai là người còn đen tối mang nặng nghiệp tiền khiên. Biết như vậy rồi thì đáng thương hơn là đáng trách, đáng dắt diu dạy dỗ hơn là gièm siểm chê bai, phê bình, chỉ trích.

Thôi bấy nhiêu lời vừa phân (...), Lão đãi ngộ chư hiền không luận căn cơ thấp cao, dày mỏng. (...) Lão ban ơn lành tất cả. Lão hồi cung. Thăng. □



# KHÁI LƯỢC VỀ CÔNG QUẢ

THIỆN HẠNH

Tam công là phương pháp tu hành của người môn đệ Cao Đài trong Tam Kỳ Phổ Độ bao gồm công quả, công trình và công phu. Một cách khái quát, công quả là hành thiện giúp đời nhằm bồi âm chất, công trình là luyện kỹ để hoàn thiện bản thân, và công phu là tham thiền tịnh định hầu đạt đến giải thoát tại trần gian và siêu xuất thế gian.

## 1. Ý NGHĨA CÔNG QUẢ

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy

dạy:

*Người dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của cải. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc đạo phải có công quả.<sup>1</sup>*

*Hay: Nếu tròn công quả sẽ đắc, bằng không thì phải trở lại kiếp xưa.<sup>2</sup>*

Đức Lão Tổ cũng đã xác tín:

*Hằng cầu nguyện On Trên tế độ,*

*Cho mình tâm giải khổ kiếp này;*

*Bao nhiêu nghiệp chướng đừng gây,*

*Tròn công quả đủ là ngày siêu thăng.<sup>3</sup>*

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q1, trang 17.

2. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q1, trang 91.

3. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân

Đức Quan Âm Bồ Tát nhắc nhở:  
*Hữu duyên ngộ Tam Kỳ Phổ Độ,  
Muôn đời còn tử phủ nêu danh;  
Ba ngàn công quả được viên thành,  
Đơn thơ chiếu hiển danh Thiên tước.*<sup>4</sup>

Kinh Cảm Ứng có dạy rằng: Muốn thành bậc Thiên Tiên thì phải làm một ngàn ba trăm điều thiện, muốn thành bậc Địa Tiên phải làm ba trăm điều thiện (Dục cầu Thiên Tiên giả đương lập nhất thiên tam bách thiện, dục cầu Địa Tiên giả đương lập tam bách thiện).

Tiêu chuẩn thế nào mới được công nhận là ba ngàn công quả như lời Đức Quan Âm Bồ Tát dạy? Hay một ngàn ba trăm điều thiện thành bậc Thiên Tiên, ba trăm điều thiện thành bậc Địa Tiên? Chắc hẳn sẽ có người nêu lên thắc mắc là vì sao bản thân đã thực hiện được nhiều điều thiện, nhưng lại chưa đạt được ấn chứng thiêng liêng? Theo thiện nghĩ, tiêu chuẩn về công quả mang tính ước lệ để khuyến thiện và tất cả những điều thiện mà con người thực hiện dưới nhiều hình thức sẽ được quy đổi thành đơn vị công quả thống nhất để so sánh<sup>5</sup>. Chắc hẳn luật

(10-7-1968).

4. Cao Minh Đan, Tuất thời, 28-10 Canh Tuất (26-11-1970). Bài thơ này có ghi trong quyển Ngọc Lịch Minh Kinh (kinh xưa của Trung Quốc) như sau: “Có duyên gặp Tam Kỳ Phổ Độ.”

5. Công Quả Cách (Thiện thư đời Hán) đã nêu bản tự kiểm hàng ngày gồm: Công cách ghi 36 điều thiện chia làm 4 loại: Cứu tế, Giáo điển, Phần tu và Dụng sự. Quả luật ghi 39 điều ác cũng chia làm 4 loại: Bất nhân, Bất thiện, Bất nghĩa và Bất quý. Cứu tế gồm 12 điều nói về cứu giúp người. Thí dụ: Dùng thuốc và châm cứu trị bệnh (10 công), giúp người đói khát thức ăn hoặc thức uống (1 công), v.v. Giáo điển

Thiên điều chí công vô tư phân định những điều thiện, ác vô cùng chính xác không mảy may sơ sót.

Xin được ghi lại đoạn Thánh giáo của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn:

*Này hai cháu B.L.N và L.T.S! Lão miến lễ, hai cháu ngồi để nghe kỹ hầu đem về thuật lại cùng huynh đệ đồng đạo địa phương.*

*Này hai cháu! (...) Sở dĩ cho đến giờ này còn lận đận, quay quẩn lẫn quẩn trong cõi vô thường ô trược này vì bởi công đức tu thân lập quả các cháu còn ít, mà sự tạo duyên nghiệp ở thế thì nhiều. Bởi bài toán trừ cái đáp số còn chênh lệch nên các cháu chưa được về ngôi xưa vị cũ.*<sup>6</sup>

Như vậy là đã rõ, hai điều tội phước bù trừ lẫn nhau, mà thật ra sự phán xét định công định tội lại không thuộc thẩm quyền của người thế gian. Tuy nhiên, chúng ta biết chắc một điều rằng công quả chính là một trong những yếu tố quyết định sự trở về phục hồi ngôi xưa vị cũ. Qua các trích dẫn nêu trên như: “Muốn cho đắc đạo phải có công quả”; “Tròn công quả đủ là ngày siêu thăng”; “Ba ngàn công quả được viên thành”; chúng ta thấy rõ tầm mức quan trọng của công quả đối với kết quả của cuộc đời tu hành như thế nào.

gồm 7 điều nói về truyền bá kinh sách. Phần tu gồm 5 điều nói về trùng tu nơi thờ tự và lễ bái cúng dường. Thí dụ: Thắp nhang cầu an cho bá tánh (mỗi lần 2 công), v.v. Dụng sự gồm 12 điều nói về các việc thiện. Thí dụ: Giảng thuyết (mỗi 10 người được 1 công), tiến cử hiền tài (tiến cử 1 người được 10 công), tán dương việc thiện của người (mỗi việc 1 công) v.v.

6. Thiên Lý Đan, 12-02 Kỷ Dậu (29-3-1969).



Bởi lẽ, thành quả này sẽ qui định phẩm vị thiêng liêng của mỗi người.

Có thể đơn cử một trường hợp điển hình vào thời kỳ khai Đạo năm Bính Dần (1926), khi vị Chương Pháp T. liễu đạo, Thầy căn dặn quý vị Tiền Khai:

*Tr., L.! Hai con phải dụng đại lễ mà an táng T. nghe.*

*Thầy ngật một lễ, chẳng thế nào đem T. vào tam thập lục thiên, phải để nó nơi Đông Đại Bộ Châu mà chờ Tòa Tam Giáo phát lạc. Thầy có để lời cho Thái Bạch Kim Tinh cầu rỗi, nhưng Người giận T. không công quả, dâng Bộ Công Thiên thơ ra trông trái lăm, tại nơi Tòa mới cãi chối nổi gì. Người nhứt định không dự đến. Các con nghe à!*

*Vậy trong hịch văn số tấu, các con phải thượng nơi Tòa Tam Giáo mà cầu rỗi cho nó thiệt hết lòng, rồi Thầy sẽ rỗi cho nó. Các con hiểu.*

Vì sao công quả lại có vai trò quan trọng quyết định đến như vậy? Vì đó chính là tình thương và trách nhiệm của con người đối với chúng sanh, đồng loại, với xã hội, quốc gia, được thể hiện từ tư tưởng, lời nói đến hành động.

#### 1.1. Ý NGHĨA CÔNG QUẢ

Đức Lão Tổ dạy các nội dung của công quả như sau:

*Chư hiền đệ hiền muội nên lưu ý ba điều này:*

*Điều thứ nhứt: Chia cơm sẻ áo, an ủi vỗ về người bất hạnh, đó là một nghĩa cử đạo đức, một hạnh tốt trong vạn hạnh.*

*Điều hai: Dem lời đạo đức, tùy trường hợp, khuyến thiện cảnh tỉnh giác ngộ*

*người đời cải tà quy chánh. Đó là một nghĩa cử, một hạnh, quý hơn nghĩa cử và hạnh ở điều thứ nhứt.*

*Điều ba: Tạo điều kiện và truyền bá pháp môn giúp người tu siêu phàm nhập thánh, thoát kiếp luân hồi. Đó là một nghĩa cử lại càng quý nhứt. Nhưng đừng vì chỗ khinh chỗ trọng mà làm điều ba, bỏ điều một, điều hai, ấy là thiếu sót vạy.<sup>8</sup>*

Như vậy thì ý nghĩa công quả ra sao? Công quả chính là sự thể hiện lòng bác ái từ bi đối với mọi người, mọi vật qua tư tưởng, lời nói và hành động dưới nhiều hình thức nhằm mục đích xoa dịu, giúp đỡ, ban vui cứu khổ những người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn; hướng dẫn người khác cải ác tùng lương. Việc cầu nguyện cho tha nhân hay hồi hướng pháp thí, công phu tọa thiền cũng là công quả rất thâm sâu.

Cũng cần thấy rằng, không phải là có thật nhiều tiền mới làm công quả được (như bố thí, xây chùa, in kinh, cứu trợ, v.v.). Những việc làm nho nhỏ, tùy khả năng sở hữu của mình, thực hiện với tấm lòng vị tha là công quả đích thực vậy. Ví dụ: Cho một viên thuốc, một cái áo dư dùng, bớt một phần ăn, dành mười phút cạo gió, v.v. Tất cả đều là những hình thức công quả rất thiết thực. Chúng ta không so sánh công quả nào nhiều, công quả nào ít. Quan trọng là ở tấm lòng, chính vì thế, tục ngữ có câu: “Cách cho quý hơn của cho”.

#### 1.2. CÔNG QUẢ VÀ BỐ THÍ BA LA MẬT

Công quả trong đạo Cao Đài tương

8. Bát Nhã Tịnh Đường, Tuất thời, 27-11 Tân Hội (13-01-1972).

7. Ngày 07-11 Bính Dần (11-12-1926).

ứng với bố thí ba la mật trong đạo Phật.

Bố thí ba la mật (bố: cùng khắp; thí: cho, trao tặng; ba la mật: Paramita, có nghĩa là đến bờ bên kia) là pháp môn tu hành nhằm thực hiện lòng từ bi ban trao cùng khắp cho tất cả mọi người, mọi vật, mọi nơi để độ mình, độ người ra khỏi nẻo luân hồi, sang qua bờ giác ngộ.

Bố thí ba la mật gồm có: tài thí, pháp thí và vô úy thí. Tài thí gồm nội tài và ngoại tài. Nội tài là vật quý báu nhất của mình (thân mạng, đời sống), ngoại tài là vật ở ngoài thân (tiền bạc, thức ăn, vật dụng, v.v.). Người ta thường có khuynh hướng giúp đỡ phương tiện để tạo ra của cải (giúp cần câu để câu cá).

Pháp thí là đem lời hay, lẽ phải, giáo lý để hướng dẫn người khác (khẩu giáo) hoặc lấy thân mình làm khuôn mẫu cho mọi người noi theo (thân giáo hay chánh kỷ hóa nhân). Vô úy thí là các sự thể hiện (lời nói, cử chỉ, hành động, v.v.) nhằm giúp cho người và vật không còn lo sợ nữa. Người tu hành tu tập hàng ngày đức tính không lo sợ. Tiền của không tham nên không sợ mất, danh lợi không màng nên không sợ thiếu, sanh mạng giả tạm nên không sợ chết. Lòng không xao động trước mọi sự kiện đời thay, nét mặt luôn bình thản, an nhiên, tự tại.

### 1.3. CÔNG QUẢ VÀ CÔNG ĐỨC

Việc thực hành công quả nếu phát xuất từ mục đích danh lợi, tư tâm, tư

dục thì công quả chỉ có giá trị hữu vi (còn gọi là phước đức). Nếu thực hành công quả với tâm vô niệm tức là không có chủ thể, không có đối tượng thọ nhận và không có nội dung công quả thì tác dụng của công quả rất to lớn, có thể ví như được nhân với hệ số cao và được gọi là công đức. Như vậy, công quả cũng chính là công đức nếu chủ thể thực hiện một cách vô kỷ, vô cầu, vô danh hay nói một cách đơn giản là “quên mình” hay “vị tha” như Đức Ngọc Lịch Nguyệt giảng giải:

*Cái vốn của công đức là tâm từ huệ, bác ái, vị tha, giúp người quên mình trong lúc người hoạn nạn khổ đau. Những việc làm do tâm từ huệ, bác ái, vị tha, dẫu lớn dẫu nhỏ cũng đều là công đức.*<sup>9</sup>

Khi thực hành công quả mà một niệm không sanh, thì công quả đó cũng được gọi là công đức. Điều này để phân biệt với công quả thực hành với tư tâm, tư dục gọi là công quả hữu vi. Đức Trần Hưng Đạo

9. Vinh Nguyên Tự, 10-5 Đinh Tỵ (25-6-1977).



phân tích như sau:

*Phật có dạy: Dầu lấy thất bảo chất đầy trong tam thiên đại thiên thế giới mà cúng dường, bố thí cũng không bằng tụng niệm một câu tứ cú kệ ở kinh Kim Cang. Tứ cú kệ như thế nào mà công đức vô lượng vô biên? Phải chăng đó là lòng vô niệm, vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả. Dầu thất bảo có nhiều vô lượng vô biên, cũng chẳng qua là phước đức hồng trần hữu lậu vào sanh ra tử triền miên. Giá trị tu chánh pháp đại thừa, một niệm không sanh vọng chấp hữu vi sắc tướng, thì công đức ví tựa hư không (vô lượng). Bởi vậy mà Đức Đạt Ma mới nói: Việc cất chùa tạo tăng tác tự của Lương Võ Đế<sup>10</sup>, dầu nhiều đến bao nhiêu đi nữa, cũng không đáng gọi là công đức. Công đức mới có phục hồi phóng tâm, cầu tâm thanh tịnh; còn ngoài ra dầu có làm gì, nghĩ gì cũng là công quả hữu vi.<sup>11</sup>*

Lại nữa, Đức Minh Đức Đạo Nhơn phân tích rất chi tiết ý nghĩa của công đức theo giáo lý Phật tông. Lý giải này có thể tóm tắt rất ráo trong chỗ chánh niệm và bình đẳng.

*Theo Phật gia có nói: Mỗi người đều có Phật tánh, Phật tánh hằng tại trong Phật*

10. Vua Lương Võ Đế hỏi Đức Bồ Đề Đạt Ma: “Trẫm từ lên ngôi đến nay thường cất chùa, chép kinh, độ tăng ni không biết bao nhiêu, vậy có công đức gì chăng?” Đức Bồ Đề Đạt Ma đáp: “Đều không có công đức”. Vua hỏi lại: “Tại sao không có công đức?” Ngài đáp: “Bởi vì những việc ấy là nhân hữu lậu, chỉ có quả báo nhỏ ở cõi người cõi trời, như bóng theo hình, tuy có mà chẳng phải thật”. Vua hỏi tiếp: “Thế nào là công đức chơn thật?” Ngài đáp: “Trí thanh tịnh tròn mầu, thể tự không lạng, công đức như thế không do thế gian mà cầu.”

11. Bát Nhã Tịnh Đường, 28-11 Tân Hội (14-01-1972).

*thân là pháp thân, hóa thân và báo thân. Công đức vô lượng sẽ là mầm để khởi ánh huệ đấng cho ba thể Phật ấy, nên nói rằng “Tự tánh bất ly thị công, ứng dụng vô nhiễm thị đức. Tự tu tánh thị công, tự tu thân thị đức. Niệm niệm vô gián thị công, tâm hành bình đẳng thị đức”. Tạm nói nghĩa như vậy: Không lìa tự tánh là công, lúc ứng dụng mà không nhiễm ngoại vật là đức, mình biết tu lấy tánh mình để cho suốt tánh đó là công. Mình biết tu thân mình trọn lành đó là đức, niệm niệm không bị xen lẫn thiên lệch loạn động mà không dứt chánh niệm là công, lòng hằng phẳng lặng xem tất cả đều bình đẳng là đức.<sup>12</sup>*

Công quả và công đức cũng có chỗ khác biệt như vừa nêu. Đức An Hòa Thánh Nương trong một lần giảng điển đã dạy nội gia tôn tử, thiết tưởng đây cũng là bài học chung cho mọi người:

*So ra thì đời hành đạo của hai con (T.B. và N.K.) chỉ do tâm thành mà được thu ngắn công trình, được kết quả. (...) Con có công quả nhưng thiếu công đức với nhơn sanh quần chúng nên công trình còn kém, chỉ nhờ có công phu; với trách nhiệm to tát lại đòi hỏi công phu tu chứng mới đương kham nổi đó.<sup>13</sup>*

Khi thực hành công quả với tâm chánh niệm và bình đẳng một cách rất ráo và thâm sâu, công quả đó sẽ tạo ra một tác dụng rất to lớn có thể tác động vào ba thể Phật là pháp thân, hóa thân và báo thân. Lúc bấy giờ công quả

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-11 Giáp Dần (28-12-1974).

13. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 24-02 Tân Dậu (29-3-1981).

được gọi là công đức vô lượng.

#### 14. CÔNG QUẢ TRONG MỐI TƯƠNG QUAN TAM CÔNG

Như đã trình bày ở phần đầu, Tam công là pháp môn tu hành của đạo Cao Đài trong Tam Kỳ Phổ Độ, gồm có: công quả, công trình và công phu. Công quả là giai đoạn tu phước, công phu là giai đoạn tu huệ, công trình là đòn gánh nối liền công quả và công phu. Thực hành đồng thời công quả và công phu, tức là phước huệ song tu.

Công quả nhằm tô bồi nền tảng âm chất. Công trình nhằm hoàn thiện hóa bản thân, còn công phu nhắm đến mục tiêu giải thoát.

Đức Lão Tổ dạy:

*Công quả là một việc xây nền đắp móng. Tu luyện là tạo một sự nghiệp vĩnh cửu trường tồn.*<sup>14</sup>

Tam công có mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau và tạo thành một thể chân vạc bền vững. Công quả và công trình có sự tương quan với nhau. Thực hành công quả sẽ có tác dụng giúp con người dẹp bớt lòng tham lam ích kỷ, tức là trong công quả có công trình; mặt khác, việc hoàn thiện hóa bản thân sẽ có tác động đến mọi người chung quanh, tức là: *Trải một thân mà độ được ba thân, trải một lòng mà muôn lòng được vui, đó là vừa tự độ, vừa độ tha.*<sup>15</sup> hay “chánh kỹ hóa nhân” cũng thế. Như vậy, trong công trình có hàm chứa công quả. Tương tự, công quả và công phu tương quan mật thiết với nhau. Công

quả là nền tảng để việc thực hành thiền định được kết quả, tức là công quả tác động hỗ trợ cho công phu; ngược lại, việc hồi hướng điển lành sau khi tọa thiền tạo ra công đức, tức là công phu bồi đắp cho công quả thêm sâu dày.

Do công quả là nền tảng của công phu nên thực hành công quả chính là sự vun quén cho nền tảng thêm vững chắc để thực hành công phu có kết quả. Công phu có nhiều mức độ từ thấp đến cao, vì thế đòi hỏi nền tảng là công quả cũng phải được bồi đắp tương ứng. Vì thế, nền tảng âm chất có vai trò rất quan trọng trong việc thực hành công phu đạt kết quả. Đức Ngọc Lịch Nguyệt xác tín như sau:

*Đạo như cái thuyền, đức như nước. Nước có thì thuyền mới trẩy sang. Nên việc thứ đến là hành giả phải bồi công lập đức để tạo được móng nền khả dĩ xây cất được ngôi nhà Đạo pháp vững vàng.*<sup>16</sup>

#### 15. TRƯỜNG THI CÔNG QUẢ

Con người đến thế gian nhằm thực hiện sứ mạng tiến hóa tâm linh mà trong các tiêu chuẩn để định vị mức độ thăng tiến của tiểu linh quang chính là công quả. Chính vì thế, cõi thế gian còn được gọi là trường thi công quả. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*Trường thi công quả chọn nhơn hiền,  
Cho kẻ tu hành hữu huệ duyên;  
Chẳng luận nữ nam Âu Mỹ Á,  
Ai nhiều huệ phúc sẽ thành Tiên.*<sup>17</sup>

Thực hành công quả là sự thể hiện tình thương và trách nhiệm đối với

14. Thiên Lý Đàn, 20-10 Kỷ Dậu (29-11-1969).

15. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Đinh Tỵ (17-02-1977).

16. Vĩnh Nguyên Tự, 10-5 Đinh Tỵ (25-6-1977).

17. Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).



chúng sanh. Chính cõi thế gian này là nơi mà con người thi thố công quả của mình bằng cách cứu độ chúng sanh. Đức Chí Tôn dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

*Thầy hằng nói cùng các con rằng: một trường thi công quả, các con muốn đến đặng nơi Cực lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi. Thầy đã đến chung cùng các con, các con duy có tu mà đắc đạo, phải đoái lại bá thiên vạn ức nhân sanh còn đang trầm luân nơi khổ hải, chưa thoát khỏi luân hồi, để lòng từ bi mà độ rỗi.<sup>18</sup>*

## 2. TÁC DỤNG CỦA CÔNG QUẢ

Công quả có ba tác dụng chánh: trả nợ tiền khiên (nợ kiếp trước), trả nợ hiện kiếp (quả báo nhân tiền hay nhời quả đối với người tu giải thoát do không có kiếp sau) và đầu tư cho kiếp lai sinh (thành quả sẽ nhận ở kiếp sau. Đối với người tu giải thoát thì công quả sẽ giúp hành giả được cao thăng quả vị).

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư chi tiết hóa như sau:

*Những của cải tiền tài vật chất đem sử dụng vào lãnh vực xã hội từ thiện đạo đức tất có ích lắm, chư đạo hữu. Đó là của cải đem gởi nhà băng trên Thượng giới, trộm không cắp, cướp không giật được, hỏa hoạn bom rơi không thiếu hủy được. Đã vậy mà một vốn đến trăm ngàn lần lãi suất. Nhưng nó (của cải vật chất) có ích ở các lãnh vực sau đây:*

<sup>1.</sup> Là có cơ hội may duyên để trả bớt lần những món nợ tiền khiên mình đã thiếu

18. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 26.

(tiền nghiệp).

<sup>2.</sup> Là dùng vật chất để tạo đều âm chất, dùng để cho kiếp lai sanh (luân hồi tái thế).

<sup>3.</sup> Là nếu của ấy giúp cho người tu hành trong cơn khốn khổ về vật chất, cái âm đức ấy đã khiến kẻ thụ hưởng cảm động hằng hộ niệm cho sở thí chủ được tăng trưởng phước đức trừ bớt nghiệp xấu tiền khiên.

<sup>4.</sup> Nếu của cải giúp cho người chưa biết tu hành, nhưng biết chừa đâu đó là cơ duyên được trả nợ tiền kiếp như ở phần số một.

<sup>5.</sup> Là nếu của cải ấy sử dụng đúng với tinh thần tương thân tương ái tương trợ vì phát tâm hành thiện, thì sẽ là tài sản sự nghiệp để dành cho kiếp lai sanh, nếu còn đâu thai tái thế sẽ được hưởng cảnh phú quý vinh hoa hoặc nhiều hoặc ít do hiện kiếp để dành trong hành thiện.

*Chư đạo hữu để ý phần số năm sẽ thấy rằng: nhìn hiện kiếp của một người nào đó, sẽ hiểu được quá khứ kiếp hoặc vị lai kiếp của họ.<sup>19</sup>*

Công quả mà con người thực hiện được cũng ví như tài sản gửi lên ngân hàng nơi thượng giới, vừa rất an toàn không sợ các rủi ro, vừa có lãi suất cao. Đức Quan Âm Bồ Tát xác tín:

*Vô vi là chốn vững an bền,  
Ai có những gì cứ gửi lên;  
Chẳng sợ phong ba cùng bão lụt,  
Không lo trộm cướp chực kề bên.<sup>20</sup>*

Như trên đã trình bày, công quả có tác dụng tiêu trừ tiền nghiệp. Do đó, nếu chúng ta vừa tích cực làm

19. Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 01-11 Tân Hợi (18-12-1971).

20. Huòn Cung Đàn, Tý thời, 01-6 Ất Tỵ (27-6-1965).



công quả, nhưng đồng thời vẫn “tích cực” tạo nghiệp, thì hậu quả tất yếu là công quả sau khi trừ bớt phần nghiệp chướng, có thể không còn lại bao nhiêu, thậm chí có thể gặt hái kết quả âm, tức là phần nghiệp quả chiếm ưu thế hơn phần công quả. Hiện tượng này gọi là “phá sản” như hình ảnh Đức Mẹ minh họa:

*Vì thế nên gây lắm nghiệp trần,  
Mấy đời mấy kiếp dẫn vào thân;  
Trả vay trả hoài chưa rảnh,  
Sanh tử tử sanh với nợ nần. (...)  
Tu một rồi con tạo nghiệp hai,  
Thế nên phá sản chốn thiên đài;  
Khi lâm trần thế toàn căn thiện,  
Vì vậy chuyển luân mãi thế hoài.<sup>21</sup>*

Vì vậy, công quả chỉ thật sự có ý nghĩa khi con người kiểm soát được, ý thức được việc tạo nghiệp quả để sau khi làm bài toán cộng trừ còn có được vốn liếng khả dĩ gửi lên ngân hàng thượng giới.

### 3. CÔNG QUẢ TRONG TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Công quả trong Tam Kỳ Phổ Độ được quy định bởi luật đại ân xá Kỳ Ba. Nhằm tạo mọi điều kiện dễ dàng cho con cái của Đức Chí Tôn hoàn tất con đường tiến hóa của mình để có thể tu nhứt kiếp ngộ nhứt thời, công quả bất luận nhỏ hay lớn đều được nhân với hệ số Ba. Đức Đông Phương Lão Tổ xác nhận:

*Thời đại ân xá, ai tu cũng có thể được đắc quả. Một việc làm thiện đâu nhỏ nhen*

21. Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Nhâm Tý (22-9-1972).

*đến thế mấy đi nữa cũng vẫn là việc thiện và được ghi ở hệ số ba. Trái lại, việc ác đâu cho nhỏ đến thế mấy đi nữa cũng vẫn là việc ác.<sup>22</sup>*

Có thể nói việc công quả được nhân hệ số ba là một đặc điểm rất quan trọng và rất có ý nghĩa của luật Đại Ân Xá trong Tam Kỳ Phổ Độ. Do công quả là phương tiện để con người trở về ngôi vị thiêng liêng; nên khi công quả được nhân hệ số ba sẽ đồng nghĩa với việc con đường trở về với Đức Chí Tôn được giảm đi đến  $\frac{2}{3}$  đoạn đường và nay chỉ còn có  $\frac{1}{3}$  chặng đường mà thôi. Cái đặc ân vô cùng lớn lao này chỉ diễn ra trong Tam Kỳ Phổ Độ mà thôi, vào giai đoạn cuối cùng của hạ nguơn mạt kiếp.

Tuy nhiên, Đức Chí Tôn cũng sẵn dành một hệ số điểm đặc biệt cho những bậc thiên ân hy sinh phụng sự nhân sanh như Đức Giáo Tông Đại Đạo đã xác tín với trường hợp của Cơ Quan như sau:

*Bần Đạo cũng có đôi lời nhắc nhở chư đệ muội. Cơ Quan là bộ máy sau cùng của Đại Đạo, Đại Đạo xây dựng đời thượng nguơn thánh đức, phụng sự nhân loại. Thế nên, sứ mạng của Cơ Quan trọng đại và gian khổ.*

*Trọng đại, nên mỗi một chức vụ trong Cơ Quan dù lớn hay nhỏ đều phải luôn luôn hướng thượng mới xứng với sứ mạng của nó.*

*Gian khổ, để làm bài thi trong trường tiến hóa. Bài thi này có hệ số điểm rất cao dành cho hàng thức giả nào tự nhận chiếc áo Thiên ân để tu nhứt kiếp ngộ nhứt thời.*

22. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Tân Hợi (14-02-1972).

thời.<sup>23</sup>

## 4. THỰC HÀNH CÔNG QUẢ

### 4.1. BÒN MÓT CÔNG QUẢ

Thầy dạy phải bồn mót công quả như kiến tha lâu đây tổ vậy:

*Các con đã từng nghe Thầy dạy rằng công quả đâu nhỏ nhoi đến độ nào cũng là công quả, không mất đâu! Các con cố gắng mót bồn dành dụm trong khoảng đời tu học như con kiến tha mỗi lâu ngày ắt đây ổ đó các con! Đừng chảnh mắng, đừng lười biếng, đừng chấp nhứt giận hờn với bạn đạo rồi bê trễ đường tu tiến của mình.*<sup>24</sup>

Tương tự, việc thực hành công quả cũng có thể ví như trồng cây, tuy không thấy rõ sự phát triển của nó, nhưng mỗi ngày cây đều có tăng trưởng. Đức Lão Tổ dạy:

*Vẫn còn nhớ Thánh xưa có ghi rằng: Hành thiện chi nhân như xuân viên chi thảo, bất kiến kỳ trưởng, nhật hữu sở tăng.*<sup>25</sup>

Chúng ta cần vượt qua rào cản ngăn trở việc bồn mót công quả của chính mình. Khi bắt đầu phát tâm thực hiện một công quả nào đó, tất yếu sẽ xuất hiện một “lực cản” với rất nhiều lý do để “thuyết phục” mình không nên thực hiện công quả đó như là: Gia đình đang thiếu thốn chớ có dư dả gì đâu hay là việc đó có nhiều người đóng góp rồi nên đâu cần đến mình phải góp thêm nữa, v.v. Còn khi thực hiện xong

23. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 25-3 Đinh Mão (22-4-1987).

24. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-02 Nhâm Tý (29-3-1972).

25. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Ất Mão (27-3-1975).

công quả nào đó rồi thì xuất hiện tâm lý nuối tiếc về sự “hào phóng” công quả và biện minh rằng việc nhỏ như vậy đâu có đáng để mình công quả với mức độ nhiều đến thế! Thấu hiểu được tâm lý con người, nên kinh Cảm Ứng răn dè: “Cho người vật chi đừng nghĩ lại mà tiếc” (Điều 2).

Do công quả trong Tam Kỳ Phổ Độ có đặc điểm rất quan trọng là được nhân với hệ số <sup>3</sup>, nên việc bồn mót công quả là một việc rất có ý nghĩa. Vì thế, khi đã phát tâm làm công quả thì cần nên thực hiện ngay, bởi lẽ nếu trì hoãn sẽ rất khó thực hiện, ắt phải bỏ lỡ cơ hội. Do đó, Đức Giáo Tông Đại Đạo khuyến nhủ:

*Công quả cùng danh nghĩa đạo các hiền đệ muội không phải mỗi lúc đều có thể làm được, mà chỉ trong cơ hội thuận tiện nhứt trong kỳ nguơn hạ. Nếu trễ qua, không bao giờ cơ hội ấy trở lại hoặc được trở lại cũng phải mất mấy chục vạn năm trời.*<sup>26</sup>

### 4.2. CHUẨN MỰC CÔNG QUẢ

Muốn thực hành công quả, thiết nghĩ người tín hữu Cao Đài cũng cần dựa vào một bộ chuẩn mực cụ thể để thực thi. Các sách dạy về khuyến thiện xưa nay có rất nhiều, trong đó có ba tác phẩm rất phổ biến là: Cảm Ứng Thiên (thường được gọi là kinh Cảm Ứng), Âm Chất Văn và Công Quả Cách.

Các đạo hữu Chiếu Minh hằng ngày trì tụng kinh Cảm Ứng vào thời cúng giờ Mẹo buổi sáng. Thiết tưởng đây cũng là một phương cách rất bổ ích và hiệu nghiệm giúp cho các đạo hữu nhận thức rõ và ghi nhớ điều nào

26. Thiên Lý Đàn, 15-7 Ất Tỵ (11-8-1965).

là điều thiện để ứng dụng thực hành và điều nào là điều ác để thận trọng ngăn ngừa trong trọn một ngày. Kinh Cảm Ứng có 10 điều. Điều 2 về Tra xét có ghi:

*Đường phải đi thì đi, đường quấy thì tránh.*

*Đừng khi nhà tôi không ai mà làm việc trái lẽ.*

*Chứa đức và làm công quả cho nhiều, phải giữ lòng lành mà thương thú vật.*

*Ngay thảo hiếu thuận, sửa mình cho chánh mới đặng dạy người.*

*Thương kẻ mồ côi, thăm cho người góa bụa, kính trọng kẻ tuổi tác, thương kẻ nhỏ dại.*

*Loài vật cỏ cây chó khá phá hại.*

*Hãy khuyên lon kẻ dữ trở lại hiền, mìnng cho kẻ làm lành.*

*Giúp con gấp rút, cứu người lúc nguy hiểm.*

*Thấy người đặng như mình đặng.*

*Thấy người mất như mình mất.*

*Đừng khai xấu của người, để khoe mình hay.*

*Giấu sự quấy của người, khen điều phải của người, chia vật thì sẻ phần nhiều cho người.*

*Chịu nhục chẳng oán.*

*Đặng quan trên thương yêu phải giựt mình.*

*Làm ơn đừng trông người trả.*

*Cho người vật chi rồi đừng nghĩ lại mà tiếc.*

Ngoài ra, tín đồ Cao Đài thường tụng kinh Sám Hối tại các Thánh sở vào hai ngày sóc vọng hàng tháng. Kinh Sám Hối gồm có 444 câu nêu lên những điều thiện và điều ác cùng với

phần thưởng và hình phạt tương ứng. Xin được dẫn lại một vài đoạn minh họa như sau:

*Hãy có dạ kính già thương khó,  
Chớ đem lòng lấp ngõ tài hiền;  
Xót thương đến kẻ tật nguyên,  
Đỡ nâng yếu thế, bình quyền mồ côi.*

(CÂU 45-49)

*Trên thương dưới xét xem kẻ nhỏ,  
Lúc lâm nạn chớ bỏ tránh xa;  
Cũng là một gốc sanh ra,  
Gôm bao nâng đỡ ruột rà thương nhau.*

(CÂU 69-72)

*Thương đồng loại cũng hơn thí bạc,  
Thấy trên đường miếng bát miếng chai*

*Hoặc là đing nhọn chông gai,  
Mau tay lượm lấy đoái hoài kẻ sau.*

(CÂU 125-128)

Ngoài phần khuyến thiện như đã trình bày, kinh Cảm Ứng và kinh Sám Hối đều nêu lên những điều ác và hình phạt với tác dụng răn dè con người không dám thực hiện những điều tội lỗi, ác hơn thất đức. Suy cho cùng, việc ngăn ngừa điều ác cũng chính là tán dương và khuyến khích con người thực hành điều thiện vậy.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn căn dặn chúng ta cần chú ý đến việc thực hành công quả từ những việc nhỏ nhưt như chia cơm sẻ áo cho những người đói rách. Tuy việc làm nhỏ nhoi như thế nhưng với tấm lòng vong kỷ vị tha, cũng là hạnh Bồ Tát vậy. Ngài dạy:

*Giúp đỡ người thua kém nghèo hèn,  
Đi dắt người sa cơ thất thế, tuy là việc*

nhỏ không sánh được với người xưa đã bỏ ngại vàng, lìa cung ngọc, nhưng đó cũng là công đức ích lợi vị tha. Lúc no bụng nhớ kẻ đói ở quanh mình, khi lành lặn ấm áp nên nhìn người đói rách lang thang, chia cơm sẻ áo, không tích trữ, đó là hạnh Bồ Tát tại thế. Tuy việc nhỏ mà nên Đạo, đừng chê nhỏ mà không làm.<sup>27</sup>

Con người có thói quen phòng xa, khi làm ra của cải vật chất cũng muốn tích lại một phần dành dụm để dành lúc hữu sự. Việc làm này không gọi là tích trữ, tuy nhiên nếu của cải để dành vượt quá mức cần thiết thì đó chính là tích trữ. Điểm khác biệt giữa người đời và người đạo là ở chỗ đó; người đời có khuynh hướng tích trữ vật chất không giới hạn, còn người đạo thì được dạy rằng không được tích trữ và phải chia sẻ của cải cho người bất hạnh.

#### 4.3. CÔNG ĐỨC VÔ LƯỢNG

Công đức cũng là công quả dưới hình thức đặc biệt, bởi lẽ công quả khi thực hành với tinh thần vô kỷ, vô công, vô danh hoặc với tinh thần vong kỷ vị tha thì tác dụng của nó rất to lớn.

Có thể đơn cử một việc làm xem như rất thường tình như việc hộ tịch trong các khóa tu, nhưng tác dụng của nó lại vô biên và được gọi là công đức vô lượng; bởi lẽ, hộ tịch chính là tạo duyên hay gieo duyên cho sứ mạng đại thừa. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Chư hiền phận sự trong Ban Cai Quản hầy chấp hành đạo sự và giúp cho tịnh đường được yên ổn. Đó là công quả vô*

27. Vĩnh Nguyên Tự, 29-4 Nhâm Tuất (22-5-1982).

*lượng. Rồi đây sẽ đến lượt chư hiền sẽ tùy duyên mà dẫn độ.*

*Chư muội Nữ Chung Hòa sở tại cần nên hộ tịch cho chư tịnh viên. Đó là công đức vô lượng. Đừng để chư tịnh viên phải bận tâm mọi việc.*<sup>28</sup>

Câu nguyện cũng đạt được công đức vô lượng nếu hội đủ hai điều kiện căn bản là sự cầu nguyện không phục vụ cho ước vọng riêng tư của bản thân mà phải hướng đến tha nhân và sự cầu nguyện đó thực hành trong chánh niệm và bình đẳng. Đức Minh Đức Đạo Nhơn minh giải:

*Vấn đề câu nguyện được kết thúc vào bốn chữ 'công đức vô lượng' đối với các bậc Thánh Vương vì thiên hạ, đối với người chân tu vì nhơn sanh vong kỷ vị tha. Vì sao câu nguyện lại được công đức vô lượng? Đã bàn qua hai chữ cầu nguyện tất phải nói đến sự quan trọng của lời cầu nguyện.*<sup>29</sup>

Theo thiền nghĩ, các hình thức sinh hoạt tập thể tại thánh sở như lao tác, học tập, cúng kính, thiền định, v.v. nếu hội đủ điều kiện là thanh tịnh và chánh niệm, tất yếu sẽ tạo ra một năng lượng thiêng liêng rất to lớn. Cũng có thể gọi đó là công đức vô lượng. Năng lượng thiêng liêng này sẽ lan toả ảnh hưởng đến môi trường chung quanh và cộng hưởng trở lại từng thành viên của tập thể. Có thể nêu lên một ví dụ để minh họa về công năng của khóa tịnh tập thể đã được Đức Bảo Hòa Thánh Nữ

28. Vĩnh Nguyên Tự, 02-12 Quý Sửu (25-12-1973).

29. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-11 Giáp Dần (28-12-1974).



xác tín:

*Tệ Tỷ rất vui lòng được tiếp đón chư nữ thiên ân về đây [Vĩnh Nguyên Tự] tịnh dưỡng đem phước lành đến cho địa phương. Đó là công đức vô lượng.*

Thật vậy, việc hồi hướng kết quả tọa thiền có tác dụng rất lớn, đã thể hiện trong bài Kệ hồi hướng như sau:

*Công đức tọa thiền lớn biết bao,  
Phước lành hồi hướng đến nơi nao;  
Chúng sanh trầm溺 nguyện ra khỏi,  
Nhập được huyền môn ngộ đạo Cao.*

Đức Đông Phương Lão Tổ đã từng dạy rằng:

*Muốn chống thiên tai sát kiếp, chỉ cần phát tâm công phu thiền định, tọa công ngồi tại đạo tràng mà phóng tinh thần gieo rải thiện duyên kết hợp với huyền linh ân điển xưa đây sát khí. Tư tưởng càng mãnh liệt, hung sát tự khắc thôi lui. Thiền định càng thâm, càng giải phóng cứu người càng dễ (...)*

*Trong lúc tai biến động loạn xáo trộn trên hoàn cầu là một cơ hội cho đạo hữu phát tâm gieo tư tưởng sự sống tình thương đến những nơi có tai biến, kết quả rất lớn mà tiến đạo rất mau, tu một lúc cũng bằng tu trọn đời. Dầu tu trọn đời mà không gặp cơ duyên cũng không bằng tu một ngày có cơ hội.*

Với tầm mức quan trọng như vậy, Đức Giáo Tông Đại Đạo tuyên xưng người tịnh sĩ như là những thiên thần đang dệt tấm lưới thiêng liêng cứu độ chúng sanh. Ngài dạy:

*Chư đệ muội có biết mình là những thiên thần đang dệt tấm lưới thiêng đó chăng? Đây là cơ hội mà Đức Lão Tổ đã dành cho chư đệ muội để làm đầu mối tự*

*độ, độ tha.<sup>30</sup>*

Tuy nhiên, có một vài lãnh vực công quả như xây cất thiền đường đòi hỏi phải là vị chơn tu chủ trì mới có thể thành tựu được. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Nay chư đệ có hảo ý muốn kang trang lại tịnh đường để làm phương tiện cho đàn sau bước tới, đó là công đức vô biên. Các cháu của Lão cũng nhân đó mà bồi công lập đức. Vì tâm đức còn kém, nên có sức cũng khó làm, phải nhờ chư vị chơn tu mới tạo lập nên được. Trông thì rất dễ nhưng lại rất khó.<sup>31</sup>*

## TAM KẾT

Phương pháp tu hành tam công trong Tam Kỳ Phổ Độ gồm công quả, công trình và công phu đòi hỏi người tín hữu Cao Đài phải gia công thực hành cho rốt ráo nhằm hoàn thành hai mục đích của đạo Cao Đài là thế đạo đại đồng và thiên đạo giải thoát. Trong đó, công quả là một phần rất căn bản và then chốt, bởi lẽ, công quả thể hiện tình thương và trách nhiệm của con người đối với chúng sanh và cũng là nền tảng của công trình và công phu.

Xin được đúc kết bài Khái lược về Công Quả trong bốn chữ: “*Bòn mót công quả*”. Bởi vì, Đức Mẹ đã từng nhắc nhở con cái của Ngài rằng: *Công quả là đường đến Ngọc Kinh.*<sup>32</sup> □

30. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-12 Bính Dần (31-12-1986).

31. Vĩnh Nguyên Tự, 18-01 Nhâm Tuất (11-02-1982).

32. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 26-12 Nhâm Tý (29-01-1973).



# KHÁI LƯỢC VỀ CÔNG PHU

THIỆN HẠNH

Tam công là phương pháp tu hành của người môn đệ Cao Đài trong Tam Kỳ Phổ Độ bao gồm công quả, công trình và công phu. Một cách khái quát, công quả là giúp đời tế chúng, công trình là rèn luyện thân tâm, còn công phu là tham thiền nhập định hầu đạt đến giải thoát tại trần gian và siêu xuất thế gian.

Tam công cũng tương tự như pháp ba la mật của đạo Phật, trong đó, công quả tương ứng với bố thí ba la mật; công trình tương ứng với trì giới, nhẫn nhục và tinh tấn ba la mật; còn công phu tương ứng với thiền định và trí huệ ba la mật. Đức Quan Âm Bồ Tát xác tín:

*Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chư hiền đệ muội không có cái pháp ba la mật, nhưng thay vào đó cái pháp tam công cũng là đầy đủ lắm rồi. Thực hành được tam công là chứng được đạo quả mà Phật thường cho là Bồ Tát hạnh. Chư hiền lãnh sứ mạng một tín đồ, một*



người hướng đạo đều phải cố công tu học để hoàn tất tam công.<sup>1</sup>

## 1. Ý NGHĨA CÔNG PHU

Công phu là tập trung tư tưởng vào một việc mà mình đang thực hiện trong thời điểm hiện tại. Những nhà khoa học tập trung tư tưởng vào một đề tài nghiên cứu và đến một lúc nào đó sẽ tìm ra được đáp số, còn gọi là sáng kiến hay phát minh. Tương tự, khi chúng ta tập trung tinh thần đọc sách, tức là trong lúc đọc sách, tâm tư không suy nghĩ bất cứ một việc gì khác ngoài việc đọc sách. Lúc bấy giờ, việc đọc sách cũng được gọi là công phu, nhưng đó là công phu vô ý thức.

Trong lãnh vực đạo giáo, công phu có ý thức khi thực hiện theo phương pháp tôn giáo, hay còn được gọi là pháp môn. Đức Quan Âm Bồ Tát minh họa sự khác biệt giữa công phu vô ý thức và công phu có ý thức như sau:

*Một hiền muội mất hơi làn, xô kim không kiếng, nhắm vào một chỗ để luôn sợi chỉ cho qua, có khi mất cả mười phút. Trong mười phút đó chắc chắn rằng tâm thanh tịnh không tưởng việc nào khác hơn là luôn chỉ qua kim. Như vậy không gọi là công phu được sao? Nhưng đó là thiên định vô ý thức. Thay vì chăm chú vào mỗi chỉ lỗ kim, hãy chăm chú vào ngọn nhang, ánh đèn Thái Cực, hoặc nhìn chăm chú vào Thiên Nhân, đừng tưởng việc chi khác hơn, đó cũng là khởi đầu cho động*

1. Đức Quan Âm Bồ Tát, Thánh thất Tân Định, 02-9 Tân Hội (20-10-1971).

*tác công phu thiên định rồi vậy.*<sup>2</sup>

### 1.1. Ý NGHĨA CÔNG PHU

Con người do mang xác thân hữu hình nên không sao tránh khỏi thất tình lục dục chi phối, khuấy động sai khiến làm cho con người phải chịu đọa đày, luân hồi nghiệp quả. Lục dục là sáu ham muốn của con người, phát sinh khi ngoại cảnh giao tiếp với sáu cơ quan: nhãn (mắt), nhĩ (tai), tỷ (mũi), thiệt (lưỡi), thân (xác thân) và ý (tư tưởng). Kinh Đại Thừa Chơn Giáo dạy những tác hại của lục dục như sau:

*Thất tình lục dục là mỗi loạn hằng ngày ở trong tâm trí, không phương trừ khử. Một đám giặc liệt cường tài trí đánh phá ruộng trong núi cao non thẳm còn dễ trừ diệt đặng, chớ mỗi loạn nơi tâm khó mà diệt đặng cho yên, nhứt là ma lục dục: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Nó phá hại hằng ngày.*

*Nhãn thì ưa màu sắc tốt đẹp.*

*Nhĩ thì thích nghe những giọng nói tao nhã, thanh bai.*

*Tỷ thì ưa mùi thơm, hơi ngọt.*

*Thiệt thích nếm vật lạ món ngon.*

*Thân thì mến vợ đẹp, hầu xinh, cả dục tình cùng dâm niệm.*

*Ý lại tư tưởng vất vơ quấy quác. Mà nhứt là ý, là mỗi đại hại cho con người.*<sup>3</sup>

Còn thất tình là bảy trạng thái tâm lý mang tính đối đãi của con người gồm: hỷ (mừng), nộ (giận), ái (thương), ố (ghét), ai (buồn), lạc (vui) và cụ (sợ). Kinh Đại Thừa Chơn Giáo cũng dạy về những mối hại của thất tình như sau:

2. Đức Quan Âm Bồ Tát, Vĩnh Nguyên Tự, 03-01 Giáp Dần (25-01-1974).

3. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, bài 2: Thất tình Lục dục, Sài Gòn: 1956, trang 22.

Đây Thầy nói về thất tình là hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, cụ. Con người bị thất tình lục dục mà hao tổn tinh thần, tiêu mòn khí phách. Nó luôn đẩy xô nhân loại vào ao lửa núi gươm, hang sâu vực thẳm.

Hỷ, nộ, ái, ố, toàn là sự thường tình hèn thấp của con người; lúc mừng, khi giận, hồi thương, không chừa không mực.

Hỷ là mừng, nộ là giận. Hễ gặp sự vui thích, thỏa vờ lòng dục thì mến mà mừng. Còn gặp điều nghịch lý, bất mãn, tâm tà, lại thăm, lại sâu mà giận. (...)

Ái là yêu, ố là ghét. Hễ thuận tình triu mến, khoái sự ái ân thì mê, thì thích mà yêu. Còn nghịch chỗ mong ham, trái lòng thèm muốn lại gở lại ganh mà ghét. Bị vậy tinh huyết thần lực mới chóng giảm suy.

Còn những ai, lạc, cụ là buồn, vui, sợ thì cùng là những món rất hại trong đám thất tình.<sup>4</sup>

Thất tình lục dục chính là một phần của con người, nên không thể diệt trừ nó; bởi lẽ, diệt thất tình lục dục là diệt chính mình. Vì thế, con người cần điều phục và làm chủ thất tình lục dục để biến thất tình thành thất bửu, lục dục ra lục thông. Thất tình lục dục không phải từ bên ngoài thân, mà nó tác động bên trong nội tâm của mỗi người. Do đó, muốn chuyển hóa thất tình lục dục thì phải quay vào quán chiếu nội tâm, hồi quang phản chiếu để thu hồi các giác quan vào bên trong nội thân. Đó chính là công phu vậy.

#### • PHẢN TÌNH NỘI CẦU HAY HỒI QUANG PHẢN CHIẾU

Phản tình nội cầu hay hồi quang

4. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, bài 2: Thất tình Lục dục, Sài Gòn: 1956, trang 24.

phản chiếu là nhìn vào bên trong, soi sáng vào chỗ thâm sâu của nội thể nhằm đạt đến tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh thì thất tình lục dục không thể dấy động được. Đức Bảo Pháp Chơn Quân dạy:

Muốn thanh tịnh phải phản tình nội cầu để loại trừ hết những chướng ma sân si phiền não thì hồi quang phản chiếu mới suốt thấu được chỗ huyền nhiệm của Như Lai.<sup>5</sup>

Phản tình nội cầu mang đến cho hành giả diệu dụng rất thâm sâu, được Đức Đông Lâm Tiên Trưởng tóm tắt như sau:

Phương pháp thành công của các bậc giáo tổ đạo gia khi xưa, trước tiên là phản tình nội cầu, hồi quang phản chiếu. Có nhìn vào trong, xem xét bên trong mới giảm bớt được sự thâm nạp vô tiết độ, khoát vén tảo trừ lớp vô minh che lấp, bịnh hoạn, chấp trước, phân biệt, ích kỷ, độc tôn, phiền não, v.v...<sup>6</sup>

#### • LUYỆN TÂM

Đối tượng của công phu thuộc về phạm trù của tâm. Vì thế, công phu chính là luyện tâm.

Tâm có định rồi thân mới an,  
Tâm còn điên đảo ắt nguy nàn;  
Công phu là để tâm an định,  
Nên đạo nên người chốn thế gian.<sup>7</sup>

Muốn luyện tâm thì cần ứng dụng công phu thiền định làm phương tiện. Thật vậy:

5. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-11 Đinh Tỵ (21-12-1977).

6. Đức Đông Lâm Tiên Trưởng, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Đinh Tỵ (25-11-1977).

7. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 04-6 Tân Dậu (05-7-1981).

*Thiền là tâm vô niệm.  
Định là dùng lại tất cả”<sup>8</sup>*

• THỨC ĂN CHO LINH HỒN

Con người có thể xác và linh hồn. Thể xác cần có những chất để nuôi dưỡng hàng ngày như cơm ăn, áo mặc, không khí để thở, v.v. Tương tự, linh hồn cũng cần phải có những chất để nuôi dưỡng hàng ngày. Công phu chính là thức ăn cho linh hồn vậy. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo dạy:

*Mỗi ngày các con công phu bốn buổi là nuôi linh hồn. Các con chẳng nên bỏ một thời nào đặng linh hồn nhờ khí ấy mà sáng suốt, khôn ngoan, cứng cáp vậy. Thì giờ công phu của các con là thì giờ linh hồn ăn uống.<sup>9</sup>*

Đức Đông Phương Chương Quán cũng dạy lý đạo tương tự như sau:

*Đáng lý ra muốn đạt Đạo cao thâm vi diệu, hay đắc nhưt cũng thế, phải xem sự công phu tịnh dưỡng như là món ăn, thức uống, hơi thở dinh dưỡng liên tục cho phần nhục thể hằng ngày mới phải.<sup>10</sup>*

• PHƯƠNG TIỆN TU GIẢI THOÁT

Cứu cánh rốt ráo của công phu chính là nhắm đến đích điểm giải thoát ngay tại trần gian và giải thoát khỏi trầm luân nơi cõi dục giới. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo dạy:

*Trời ban cho mỗi người một điểm linh quang (nguồn thần). Điểm linh quang ấy phải đầu thai xuống thế giới hữu hình vật*

*chất này, mượn xác phàm tu luyện mới thành Tiên đắc Phật. Nhờ có cái xác phàm này mới thành Đạo mà tạo Phật tác Tiên, tiêu điều cảnh lạc. Tại sao vậy? Tại tuy có nguồn thần mà không có nguồn tinh, nguồn khí thì làm sao tạo thành nhị xác thân? Nguồn thần là dương, nguồn khí là âm. Đạo phải có âm dương mới sản xuất anh nhi tạo thành xá lợi.<sup>11</sup>*

12. CÔNG PHU VÀ THIỀN ĐỊNH, TRÍ HUỆ BA LA MẬT

Công phu trong đạo Cao Đài tương ứng với thiền định và trí huệ ba la mật trong đạo Phật.

Bố thí, trì giới, nhẫn nhục và tinh tấn ba la mật thuộc phạm trừ tu phước. Thiền định và trí huệ ba la mật thuộc phạm trừ tu huệ.

Thiền (hay là thiền na) có nghĩa là dùng tâm tĩnh lặng, trống không để suy tư một chủ đề đạo pháp. Định (hay là tam muội) có nghĩa là tập trung tư tưởng vào một vấn đề duy nhất. Ba la mật là bến bờ giải thoát. Thiền định ba la mật là dùng tâm an nhiên soi sáng vào nội tâm để nghĩ ngợi, xét suy cho cùng tột cái lẽ huyền vi của đạo pháp.

Trí là thể tánh sáng suốt trong sạch. Huệ là diệu dụng xét soi tự tại. Trí huệ ba la mật là thể tánh sáng suốt, soi sáng bản thể sự vật không một chút sai lầm.

Trí huệ do thiền định mà phát sanh. Bởi lẽ, huệ do định mà thành tựu. Vì thế, thiền định là nhân và trí huệ chính là quả của đạo giải thoát.

11. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, bài 1: Cơ ngẫu luận - Luận về Đại Đạo tâm truyền, Sài Gòn: 1926, trang 20.

8. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-11 Kỳ Mùi (28-12-1979).

9. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, bài 5: Dưỡng sanh tánh mạng, Sài Gòn: 1956, trang 35.

10. Đức Đông Phương Chương Quán, Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Nhâm Tý (24-02-1972).



### 1.3. CÔNG PHU TRONG MỐI TƯƠNG QUAN TAM CÔNG

Như đã trình bày, tam công là phương pháp tu hành của đạo Cao Đài trong Tam Kỳ Phổ Độ, gồm: công quả, công trình và công phu. Công quả là giai đoạn tu phước. Công phu là giai đoạn tu huệ. Công trình là gạch nối liền giữa công quả và công phu. Thực hành đồng thời công quả và công phu, tức là phước huệ song tu.

Công quả nhằm tô bồi nền tảng âm chất. Công trình nhằm hoàn thiện hóa bản thân, còn công phu nhắm đến mục tiêu giải thoát. Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

*Công quả là một việc xây nền đắp móng. Tu luyện là tạo một sự nghiệp vĩnh cửu trường tồn.*<sup>12</sup>

Tam công có mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau và tạo thành một thể chân vạc bền vững. Công phu và công quả tương quan mật thiết với nhau. Công quả là nền tảng để việc thực hành thiền định

12. Đức Đông Phương Chương Quán, Thiên Lý Đàn, 20-10 Kỷ Dậu (29-11-1969).

kết quả, tức là công quả tác động hỗ trợ cho công phu; ngược lại, công phu với tác dụng “tươi gốc sẽ sum cành” giúp cho con người phát triển bồi đắp tâm để hăng say thực hành công quả. Ngoài ra, việc hồi hướng điển lành sau khi tọa thiền tạo ra công đức. Do đó, công phu có tác dụng hỗ trợ và bồi đắp cho công quả thêm sâu dày.

Tương tự, công phu và công trình có sự tương quan với nhau. Công trình với việc tinh nghiêm giới luật và khắc phục tính giải đãi biếng lười là yếu tố quan trọng giúp công phu thành tựu; ngược lại, cũng với tác dụng “tươi gốc sẽ sum cành”, công phu giúp con người mỗi ngày được hoàn thiện để làm gương tốt cho người khác noi theo, tức là công phu hỗ trợ cho công trình.

## 2. TÁC DỤNG CỦA CÔNG PHU

Công phu gồm nhiều pháp môn như cúng tứ thời, trì niệm danh hiệu Đức Chí Tôn, thực hành đạo pháp, v.v. Trong

đó, đạo pháp chính là phương tiện cốt lõi và quan trọng nhất của công phu; bởi lẽ, đây là pháp môn nhằm cứu con người giải thoát tại trần gian và vượt ngoài vòng karm của luân hồi sanh tử. Do đó, tác dụng của công phu cũng chính là tác dụng của đạo pháp. Đức Đông Phương Chương Quán minh giải về tác dụng của đạo pháp như sau:

*Chư hiền đệ muội! Bàn Đạo nhắc lại về tác dụng của đạo pháp:*

1. Trước nhất là điều hòa thân khí, an định thân tâm. Thân khí thân tâm có được điều hòa ổn định thì con người luôn luôn tươi nhuận khỏe mạnh không phải bận tâm những thời kỳ thuốc men khan hiếm.

2. Thứ hai là cho tâm linh được mãi tuệ minh linh sáng suốt, tự chọn đường đi lối về, nẻo tắt đường quanh của đời cũng như đạo và am hiểu được sự rủi may tốt xấu xảy đến cho mình.

3. Ba là hội tụ điển lành từ nội tâm phát ra lời nói êm ấm dịu dàng dễ thương dễ cảm dễ chinh phục tha nhân vào đường chánh



giáo.

Đó là ba điểm chánh yếu thực tiễn của đạo pháp ngay khi còn tại thế. Còn việc thành Tiên tác Phật đó là thứ yếu mà thôi. Hễ công viên quả mãn đương nhiên kết thành quả vị, nhưng đó là giai đoạn ở cõi siêu linh.<sup>13</sup>

Công phu có tác dụng

Xã hội càng văn minh vật chất bao nhiêu thì con người càng bị căng thẳng thần kinh bấy nhiêu. Thật vậy, tại các nước phương Tây, con người thường xuyên mắc phải chứng bệnh gọi là “stress” vì lúc nào cũng bị những nỗi lo lắng chi phối như: lo sợ bị thất nghiệp, lo sợ không

con người an định được nội tâm, sống hạnh phúc.

Công phu còn giúp tâm linh mãi tuệ để sáng suốt giải quyết mọi vấn đề. Công phu không những cứu giúp cho giới tu hành, mà còn giúp ích rất nhiều cho mọi thành phần và mọi giới trong xã hội. Công phu sẽ giúp cho tinh thần sáng suốt, trí tuệ minh mẫn. Công phu chính là ứng dụng cảm nang của Thánh nhân: “Dĩ bất biến ứng vạn biến” và cũng chính là điều mà Đức Tôn Sư căn dặn: “Phải kiên nhẫn giữ cái bất biến hằng tại mà ứng với thiên vạn biến trong cõi vô thường.”<sup>14</sup> Chính tâm thanh tịnh, vô niệm là chìa khóa vạn năng giúp con người có thể đạt đến hiệu quả cao nhất trong việc xử thế hàng ngày cũng như công phu tu luyện.

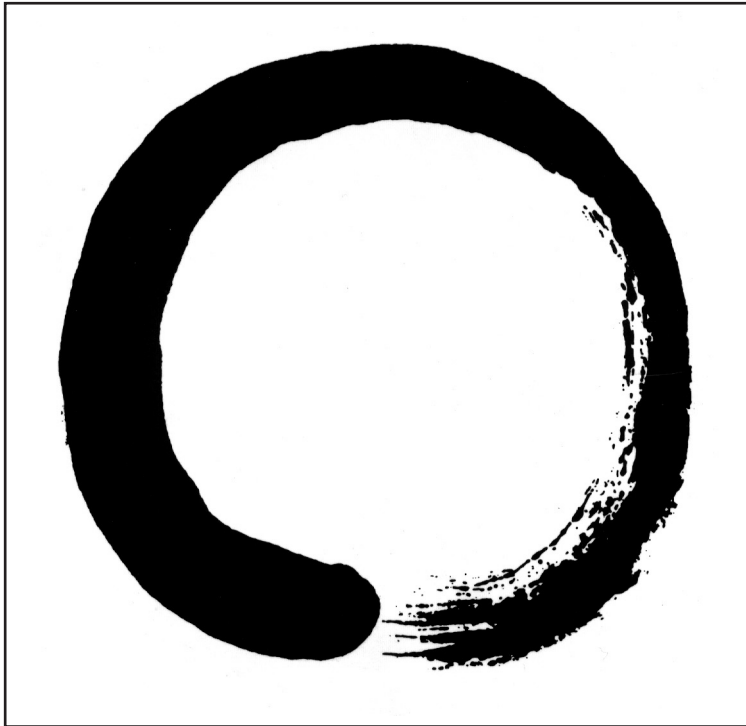
Ngoài ra, công phu còn giúp con người chuyển hóa nội tâm. Tu luyện đạo pháp giúp cho thần khí được điều hòa, thân tâm được an định. Khi tâm an định thì không

nhằm an định thân tâm để tâm hồn luôn được an vui, thung dung, tự tại. Do đó, công phu chính là phương pháp dưỡng sinh hiệu nghiệm.

13. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-5 Bình Thìn (07-6-1976).

có tiền trả các khoản nợ, lo sợ về tình trạng sức khoẻ và biết bao nỗi lo sợ khác nữa. Các nỗi lo sợ này càng ngày càng chồng chất làm cho con người cảm thấy bất an, bồn chồn, nóng nảy, v.v. Do đó, công phu giúp cho

14. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 26-5 Kỳ Mùi (20-6-1979).



có điều gì làm cho tâm phải xao động. Thất tình lục dục và tham sân si không thể tác động khi tâm con người đạt đến chỗ thanh tịnh, vô dục, vô niệm. Đức Bảo Pháp Chơn Quân xác nhận:

*Tham sân si ấy thật ma vương,  
Sáu dục bảy tình tương trợ đương;  
Ba báu của người toan cướp đoạt,  
Huyền công luyện kỹ khó xâm lường.<sup>15</sup>*

Kết quả chuyển hóa nội tâm của bản thân sẽ tạo ra những nét từ hòa, dễ mến, dễ thương, thể hiện qua tư tưởng, lời nói và hành động, ngõ hầu đem điện lạnh chan hòa đến mọi người, mọi vật.

Ngoài ra, công phu còn có các tác dụng khác như:

• ĐIỀU TRỊ THÂN BỆNH VÀ TÂM BỆNH

Đức Đông Phương Chương Quán dạy về nguyên nhân của thân bệnh con người như sau:

*Theo y lý thì âm dương trong người và âm dương ngoài trời đất hai bên tương trợ lẫn nhau. Mỗi khi trong người chánh khí suy yếu thì tà khí ngoài trời xâm nhập mà gây nên bệnh hoạn. Chủ khí mạnh thì khách khí không làm hại được, hoặc chủ khách giao hỗ tương thân thì tinh thần khoẻ mạnh.<sup>16</sup>*

Còn tâm bệnh cũng do mất quân bình nội tâm bởi tham, sân, si và thất tình lục dục dấy động làm cho phàm tâm nắm phần ưu thế kiểm soát.

Công phu có tác dụng chữa trị cả thân bệnh và tâm bệnh. Như đã trình bày, công phu chính là luyện tâm cho

an định. Khi tâm được thanh tịnh sẽ tạo ra một công năng điều hòa các bộ máy trong cơ thể. Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

*Tu là phép chữa bệnh trần,  
Thiền là đoạn diệt tham sân dục tình.<sup>17</sup>*

Thật vậy, “Tâm thanh tịnh là lương dược trị bệnh”<sup>18</sup>, mà tâm thanh tịnh do công phu mà sở đắc.

• PHƯƠNG TIỆN THÔNG CÔNG VỚI CÁC ĐẰNG THIÊNG LIÊNG

Con người là Tiểu linh quang do Đức Thượng Đế chiết ra từ khối Đại Linh Quang. Do đó, con người và các Đấng Thiêng Liêng có cùng chung một bản thể, nên có thể giao cảm thông công với nhau theo luật cảm ứng. Nguyên tắc là như thế. Tuy nhiên, do bức màn vô minh được cấu tạo bởi thất tình lục dục, tham sân si che phủ chơn tâm nên con người không thể nào thông công cùng các Đấng. Chỉ khi nào con người vệt tan được bức màn vô minh bằng công phu thiền định, sự màu nhiệm sẽ hiện bày. Đức Đông Phương Chương Quán xác nhận:

*Hình ảnh các Đấng Thiêng Liêng vẫn có, âm thanh các Đấng Thiêng Liêng vẫn có. Khi người tu muốn nhận được những âm thanh hình ảnh đó, không phải dùng những dụng cụ thông thường như máy thu thanh, máy thu hình mà tiếp nhận được. Muốn tiếp nhận được cần các điều kiện khác (...). Khi tâm linh được mãi tuệ huệ*

15. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-11 Tân Dậu (07-12-1981).

16. Đức Đông Phương Chương Quán, Minh Lý Thánh Hội, 10-11 Bính Thìn (30-12-1976).

17. Đức Đông Phương Chương Quán, CQ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân (26-7-1980).

18. Đức Đông Phương Chương Quán, Minh Đức Tu Viện, 13-9 Tân Dậu (10-10-1981).

*khai thì người và Trời hòa đồng như một, vẫn nghe được tiếng nói không lời, vẫn thấy được hình ảnh không sắc tướng.*<sup>19</sup>

### 3. TÂN PHÁP CAO ĐÀI

Như đã trình bày ở phần trên, công phu thuộc về phạm trù luyện tâm, tức là nhắm vào nội thể con người. Như vậy, công phu bao gồm nhiều phương pháp hay còn gọi là pháp môn. Chúng sanh căn trí vô lượng nên pháp môn cũng vô lượng, tương ứng với mỗi trình độ căn trí khác nhau. Để dễ dàng hình dung và phân biệt, chúng ta có thể gọi chung các pháp môn trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ là cựu pháp và các pháp môn trong Tam Kỳ Phổ Độ là tân pháp. Đức Đông Phương Chưởng Quán dạy:

*Chư hiền đệ hiền muội! Thời gian có trước có sau, pháp môn theo thời gian có tân có cựu. Đại Đạo không thời gian, không sau không trước, cũng không cựu không tân. Đại Đạo vẫn là bản thể bất biến. Thế nên pháp môn vô lượng nhưng người hành giả phải đạt đến chỗ bất nhị pháp môn mới thật sự chứng quả.*<sup>20</sup>

Tuy nhiên, để dễ hình dung trong việc phổ truyền đạo pháp, pháp môn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được gọi là tân pháp Cao Đài. Tân pháp Cao Đài gồm nhiều pháp môn, có thể kể như: cúng tứ thời, pháp môn tu luyện

của đạo hữu Chiếu Minh<sup>21</sup>, pháp môn luyện châu của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, pháp môn của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, pháp môn của Hội Thánh Ban Chính Đạo, pháp môn của Minh Lý Thánh Hội, pháp môn của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, v.v.

Cũng xin lưu ý là pháp môn cúng tứ thời rất quan trọng và hữu hiệu. Đức Chí Tôn dạy:

*Cúng tứ thời có ích cho các con lắm, chớ không phải ích chi cho Thầy. Nếu cúng được thường thì lòng dạ nở nang, tứ chi luân chuyển, có nhiều khi tật bệnh tiêu diệt.*<sup>22</sup>

Tuy nhiên, nếu cúng tứ thời mà không tập trung tư tưởng vào ý nghĩa từng câu kinh thì cũng không gặt hái được diệu dụng của pháp môn này.

#### 3.1. ĐẶC ĐIỂM CỦA TÂN PHÁP CAO ĐÀI

##### • PHÁP MÔN ĐẠI ÂN XÁ

Tân pháp Cao Đài là pháp môn Đại Ân Xá. Điều này được Đức Đông Phương Chưởng Quán xác tín:

*Tân pháp Cao Đài là pháp môn Đại Ân Xá, là nấc thang cuối cùng kỳ mật pháp để cứu độ nhân sanh. Người biết giác ngộ nhập cảnh vô vi sẽ được siêu thoát, kẻ biết hồi đầu hướng thiện chưởng duyên lành vào đời Thánh đức khỏi đọa tam đồ hay*

19. Đức Đông Phương Chưởng Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973).

20. Đức Đông Phương Chưởng Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-9 Giáp Dần (29-10-1974).

21. "Buổi đầu, Tiên Huynh được Thượng Đế chọn là môn đệ đầu tiên. Đức Từ Phụ tùy theo căn cơ và sự sống, tuổi tác của Tiên Huynh mà cho người dẫn dắt một phương pháp công phu tu luyện. Mặc dầu đã có từ ngàn xưa, nhưng nay vẫn tạm đặt là Cao Đài tân pháp để làm đường giải thoát cho Tiên Huynh, một đồ đệ đầu tiên của Thượng Đế trong Tam Kỳ Phổ Độ. Đức Ngô Đại Tiên, Minh Đức Tu Viện, 27-01 Canh Thân (13-3-1980).

22. Thánh ngôn 10-11 Bính Dần (14-12-1926).

*tán khôi trần sau Hội Long Hoa.*<sup>23</sup>

Sở dĩ tân pháp Cao Đài là pháp môn Đại Ân Xá là vì xưa nay hành giả phát tâm tu luyện huyền môn giải thoát đều phải lập nguyện trường trai tuyệt dục và phải lập đại hồng thệ rất nghiêm ngặt. Tuy nhiên, do luật đại ân xá Kỳ Ba nên điều kiện thọ pháp đối với người tín hữu Cao Đài chỉ cần trai kỳ thập nhật (ăn chay<sup>10</sup> ngày mỗi tháng) và giữ gìn giới cấm như đã được quy định nơi Tân Luật.<sup>24</sup>

Đức Phục Đức Tôn Thánh đã minh họa về điều kiện thọ pháp và hành pháp giữa hành giả xưa và nay như sau:

*Người xưa tâm đạo luyện tu,  
Non cao rừng thẳm mật mù xa xôi;  
Muốn cầu giải thoát luân hồi,  
Biết bao khổ hạnh vị ngôi mới thành.  
Thời kỳ ân xá sẵn dành,*

*Cao Đài tân pháp chúng sanh thoát  
nàn.*<sup>25</sup>

#### • MỞ RỘNG PHÁP MÔN

Việc truyền pháp trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ mang tính tuyển lựa rất khắt khe. Người tầm sư học đạo phải vượt qua nhiều thử thách cam go mới được minh sư truyền dạy. Trong

23. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-9 Giáp Dần (29-10-1974).

24. “Ngày xưa tâm Đạo thiên lao vạn khổ, nay gặp thời kỳ đại ân xá, Tiên Huynh không khỏi ngạc nhiên khi được lệnh Đức Chí Tôn phải “truyền đạo cho những tín đồ thập trai”. Sau khi đã rõ lý do, Tiên Huynh vâng trọn Thiên ý. Song cựu pháp tân pháp có khác nhau ở điểm: tùy căn trí, tùy nhân duyên, tùy trình độ để ứng dụng đạo pháp mà truyền đạo. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 01-7 Đinh Tỵ (15-8-1977).

25. Đức Phục Đức Tôn Thánh, Vĩnh Nguyên Tự, 12-5 Đinh Tỵ (27-6-1977).

Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế mở cơ tận độ chúng sanh nên pháp môn được ban truyền rộng rãi với điều kiện dễ dàng, không còn khó khăn như thời xưa. Do đó, pháp môn mang tính mở rộng. Đức Chí Tôn dạy trong kinh Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (quyển 1) như sau:

*Muốn trọn hai chữ phổ độ, phải làm thế nào?” – Thầy hỏi. “Phải bày bửu pháp chớ không đặng giấu nữa”.*

Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân cũng không dạy khác hơn:

*Như thời kỳ này, Đức Thượng Đế đại ân xá, mở rộng pháp môn để ban hành cho vạn linh sanh chúng dễ dàng vượt qua khỏi nhịp cầu ô trược, thoát cõi trần cấu vô minh, lên một tầng xán lạn thanh cao.*<sup>26</sup>

#### • SƯ VÔ VI

Khác với Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ, trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế trực tiếp nắm giữ chánh pháp, do đó, người môn đệ Cao Đài không học đạo với sư hữu hình như ở hai kỳ phổ độ trước mà được thọ truyền đạo pháp từ sư vô vi, thể hiện ở hai điểm rất trọng hệ là việc truyền pháp và điểm đạo. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Người xưa học đạo cần có minh sư chỉ dẫn thì vạn pháp mới hiện bày. Đến ngày nay, Sư vô vi, Đạo vô vi, vạn pháp qui tông. Phải cần tâm nhứt như thanh tịnh sẽ khai ngộ được chơn cơ.*<sup>27</sup>

Đức Đông Phương Chương Quán đã tóm lược lịch sử truyền pháp trong Tam Kỳ Phổ Độ như sau:

26. Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân, Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

27. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 18-01 Nhâm Tuất (11-02-1982)



Buổi đầu sơ khai Đại Đạo, Đức Thượng Đế Chí Tôn muốn cho nhân sanh ý thức được vạn giáo nhưt lý nên vẫn cất tay phạm truyền giáo cho những người môn đệ đầu tiên, như Thầy đã đổ Thần vì các môn đệ. Đúng <sup>36</sup> năm, các pháp đã hiện bày trên thế gian, nhưng người Tiên Khai đã mệnh danh là thí điểm của đạo pháp được triệu hồi và Bản Đạo tiếp tục vang sắc chỉ Ngọc Hư Cung với sự chứng minh của Tam Giáo Đạo Tổ. Lần điểm đạo đầu tiên trên bước sơ cơ cho Định Pháp Minh Thiện<sup>28</sup>. Từ đó với sứ mạng ban truyền tân pháp Cao Đài để cho nhân sanh giác ngộ, Bản Đạo phải đảm nhiệm Chương Quán Hiệp Thiên Đài Vô Vi để truyền pháp cho người có sứ mạng thiêng liêng và người ấy sẽ trực tiếp hướng dẫn hàng thiện căn qua bốn giác khi được điểm đạo.<sup>29</sup>

Qua đoạn Thánh giáo trên, Đức Đông Phương Chương Quán đã xác nhận rằng trong Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài đã được Đức Thượng Đế phó giao trọng trách trực tiếp ban truyền Tân Pháp Cao Đài cho những người có sứ mạng thiêng liêng và những người ấy sẽ tiếp nối hướng dẫn hàng thiện căn trên đường đạo pháp. Vì thế, đối với người môn đệ Cao Đài, Ngài là vị Tôn Sư vô vi trực tiếp truyền pháp và điểm đạo. Các bậc Thiên ân sứ mạng đã được các Ngài dùng huyền năng thiêng liêng soi sáng và hộ trì cho từng người một trên con đường tu luyện.

28. Ngài là Định Pháp Tổng Lý, Siêu Tịnh Sư của Minh Lý Thánh Hội (Tam Tông Miếu), đắc quả vị là Bát Nhã Thiền Sư.

29. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-9 Giáp Dần (29-10-1974).

Xin được nêu lên một ví dụ để minh họa và đây cũng là một trường hợp rất hy hữu.

Vừa rời Đức Đông Phương Chương Quán phải đến Đâu Suất Cung hữu sự, có nhờ phần việc dạy pháp này cho Lão. (...) Vậy chư đệ muội đã thọ pháp hãy đồng ngồi lại, tất cả công phu một giây cho Lão xem. (...) Phải từ từ, chẳng nên phóng tâm. Sắc diện phải tươi lên như sắp được một việc vui mừng. Thôi được rồi. Mặc dầu chư hiền đệ chưa niệm hết bài chú, nhưng cái thể đã biểu lộ trong sự công phu của chư hiền ở thời gian qua.<sup>30</sup>

Đấng Tôn Sư đã từng thổ lộ tâm tư tha thiết của Ngài đối với các môn đệ Cao Đài như sau:

Công phu sở dĩ không đạt được kết quả là do tâm không tịnh, ý còn động nên lục dục thất tình còn rấp ranh quấy nhiễu. Chư hiền đệ cố gắng. Bản Đạo luôn luôn hộ trì và lo cho chư hiền đệ cũng như Bản Đạo lo cho chính Bản Đạo vậy.<sup>31</sup>

#### • PHÙ HỢP CĂN TRÍ CHÚNG SANH

Do trình độ chúng sanh phát triển vượt bậc về phần hậu thiên trong thời hạ nguon mặt kiếp nên cự pháp không còn thích hợp nữa<sup>32</sup>. Tân pháp

30. Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân, Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

31. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-8 Tân Hợi (07-10-1971).

32. "Mỗi thời kỳ mở đạo, mỗi pháp môn khác nhau, vì phải tùy theo trình độ tiến hóa và hoàn cảnh xã hội của từng giống dân mà đem giáo lý thích hợp để dìu dắt họ. Đến nay là thời kỳ thứ Ba mà Thượng Đế đem đạo dìu dắt trong thời đại nguyên tử này. Do đó các pháp môn đều phải tân tiến để dìu dắt nhơn sanh kịp theo trào lưu tiến hóa của nhơn loài.(...) Nếu không quan hệ thì không gọi là Nhứt Kỳ, Nhị Kỳ, Tam Kỳ mà chi?" -Đức Như



Cao Đài mang tính kế cơ nên phù hợp với căn trí của chúng sanh trong thời khoa học phát triển tân tiến này. Đức Đông Phương Chương Quán xác nhận:

*Như thời hiện tại vật chất thịnh cường, tinh thần băng hoại, hậu thiên hữu dư, tiên thiên bất túc, không thể dùng trọn vẹn cựu pháp kỳ bí để chế hãm được phàm tâm, nên phải đem phương pháp tùy căn trí mà truyền. Đạo đã xa lạc hậu thiên phải có phương pháp chế hậu thiên để huân phần tiên thiên, nhưng phương pháp đối trị vô vi của các bậc giáo chủ là căn trí cao dày, hàng phàm phu bị giam hãm trong thời suy vong đạo lạc này, không thể theo đó mà tu luyện nổi, nên phải cần các phương tiện thiết yếu hơn.<sup>33</sup>*

• CHỈ GIẢN CHỈ DỊ

Tân pháp Cao Đài rất giản dị vì tựu trung chỉ có thần khí hay âm dương mà thôi. Đức Tôn Sư dạy:

*Bản Đạo thường bảo với chư hiền đệ là Đại Đạo chỉ giản chỉ dị, chỉ có âm dương thần khí là bí cơ giải thoát. Chư đệ nghe Bản Đạo dạy:*

*Đại Đạo vốn không lời diễn tả,  
Phải do tâm hành giả tham cầu;  
Hỏi rằng biệt quyết là đâu?*

*Khí thần, tánh mạng đạo mâu âm dương.<sup>34</sup>*

Hay Đức Diêu Trì Kim Mẫu cũng xác tín:

*Đại Thừa pháp con ôi giản dị,*

---

Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 21-6 Kỷ Dậu (03-7-1969).

33. Đức Đông Phương Chương Quán, Bát Nhã Tịnh Đường, 09-5 Giáp Dần (28-6-1974).

34. Đức Đông Phương Chương Quán, thánh thất Bình Hòa, 29-02 Nhâm Tuất (24-3-1984).

*Do âm dương thần khí vận hành;  
Trong cơ động tịnh khinh thanh,  
Lắng lòng tư dục đạo lành hoàng  
dương.<sup>35</sup>*

3.2. ĐIỀU KIỆN THỌ PHÁP

Đức Đông Phương Chương Quán ban ơn ba điều kiện để được thọ truyền đạo pháp giải thoát khỏi luân hồi sanh tử. Ngài dạy:

*Những người muốn vào trường đạo pháp, điều trước tiên là đến trước Cao Đài gõ cửa Cao Đài. Cửa Cao Đài sẽ mở khi người có duyên được đến. Thứ đến phải học luật lệ Cao Đài và nhận chân tôn chỉ để noi theo, mục đích để đạt đến. Điều sau nữa là giữ giới luật qui điều của Đại Đạo. Đó là ba điều kiện tối thiểu của người muốn bước vào chơn đạo và sẽ được Đức Cao Đài điểm đạo.<sup>36</sup>*

Như vậy, ngoài điều kiện thập trai, ba điều kiện này gồm:

- a. Nhập môn vào đạo Cao Đài.
- b. Học tập luật lệ gồm Tân Luật, Pháp Chánh Truyền và noi theo tôn chỉ là “Tam giáo quy nguyên, Ngũ chi phục nhứt.
- c. Giữ giới luật gồm ngũ giới cấm và Tứ đại điều quy.

## 4. THỰC HÀNH CÔNG PHU

### 4.1. CÔNG PHU VÀ TUỔI TÁC

Tuổi trẻ và tuổi già đều có những ưu nhược điểm khác nhau. Tuổi trẻ thì sức khoẻ sung mãn, đầy đủ tinh khí thần nên công phu dễ dàng đạt kết

---

35. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-8 Tân Dậu (11-9-1981).

36. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-9 Giáp Dần (29-10-1974).

quả; trong khi tuổi già thì vương mang nhiều bệnh tật, tam bửu hao mòn khá nhiều nên hành pháp rất khó khăn. Thế nhưng, tuổi trẻ thì bận rộn lo toan việc đời nên lơ là công phu, trong khi tuổi già thì rảnh rang chuyện trần thế nên chú tâm hành pháp. Mặc dù vậy, tuổi càng trẻ càng có nhiều điều kiện thành công trên bước đường công phu. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Muốn song tu tánh mạng không đợi thời gian tuổi tác, càng sớm bước càng hay, càng sớm bước càng đủ điều kiện để giải quyết bốn phận của chính mình trên con đường giải thoát.<sup>37</sup>*

Tuy nhiên, tuổi trẻ lại dễ bị sa ngã bởi những quyến rũ của cuộc đời.

*Nhân đây Bốn Huynh cũng để lời khuyên những ai đã vào học chánh pháp Đại Đạo, nhứt là hàng tuổi trẻ, sinh lực đủ đầy, khí lực sung mãn, nên dễ tu chứng mà cũng dễ sa ngã, vì phần chánh thông còn đầy đủ thì phần nội tà cũng còn hưng vượng. Nếu không cẩn thận giữ gìn, chỉ một sơ hở, một sát na thôi, là tà vọng dễ dàng áp chế tâm linh, xu hướng vào mọi đường đục vọng, rồi tự sa đọa lạc loài, bỏ bê tu học.<sup>38</sup>*

#### 4.2. CÔNG PHU VÀ SỨC KHOẺ

Sức khoẻ có tầm mức rất quan trọng trong việc thực hành công phu. Do đó, bệnh tật và sức khoẻ suy yếu cũng là một trở ngại rất lớn đối với hành giả. Muốn vậy, con người cần chú ý đến việc giữ gìn sức khoẻ trong việc ăn

uống và luyện tập cơ thể. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo dạy:

*Các con phải biết rằng: Hễ muốn cho chơn thần đặng tinh khiết thì phải giữ gìn thân thể cho tráng cường. Muốn dưỡng phần hồn tất phải nuôi phần xác. Bởi vậy, các con chớ trọng “vô” mà bỏ “hữu”, hay trọng “hữu” mà bỏ “vô”. Hữu vô phải nương náu với nhau cho mật thiết mới được. Phép tu phải đờng ép xác hủy mình, vì hễ xác phàm mà khương kiện thì linh hồn mới đặng thông huyền.<sup>39</sup>*

#### 4.3. CÔNG PHU TRONG MỌI HOÀN CẢNH

Thực hành công phu không chỉ áp dụng trong tứ thời như đã quy định đối với hành giả: giờ Tý (từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng), giờ Ngọ (từ 11 giờ đến 1 giờ trưa), giờ Mẹo (từ 5 giờ đến 7 giờ sáng) và giờ Dậu (từ 5 giờ chiều đến 7 giờ tối). Tuy nhiên, hành giả có thể thực hành công phu mọi lúc, mọi nơi, trong mọi hoàn cảnh, chẳng hạn như trong thời gian chờ đợi, lúc cảm thấy mệt mỏi, v.v. Thật vậy, bất luận là đi, đứng hay nằm, ngồi, chúng ta đều có thể thực hành công phu được. Đức Bảo Pháp Chơn Quân ban cho khẩu khuyết như sau:

*Muốn thành đạo quả khó chi đâu,  
Có có, không không chớ vọng cầu;  
Đi đứng khí thần bền khắng khít,  
Nằm ngồi tâm tức gắn thâm sâu.  
Thong dong chớ để lòng sanh niệm,  
Tự tại đờng cho ý phát râu;  
Lòng trông bụng đầy vào nội thất,  
Đợi chờ chừ đệ đã từ lâu.<sup>40</sup>*

37. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn (06-7-1976).

38. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-11 Tân Dậu (07-12-1981).

39. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, bài 5: Dưỡng sanh tánh mạng. Sài Gòn: 1956, trang 34.

40. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Minh Đức Tu Viện, 27-01 Tân Dậu (03-3-1981).



Nếu thực hành được bốn phép (đi, đứng, nằm, ngồi) như trên thì: *có giờ phút nào mà không tu, tháng ngày nào mà không hành.*<sup>41</sup> đâu!

**44. KHUYẾT ĐIỂM CỦA HÀNH GIẢ**  
Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Nếu công phu còn hơi hợt non kém, thân thể còn bị bốn mùa tám tiết đổi thay, đời sống vật chất lại chi phối rất nhiều làm tinh thần mờ mịt, nên vào thiền tâm chưa dứt niệm, thân thể nặng nề, tê nhức, ngứa ngáy đủ điều, định chưa được nên bị hôn trầm, ngủ gà ngủ gật, ngồi lưng chưa thẳng nên tấn hỏa không thông, đầu cúi quá tâm, thân cong nên thôi phù chưa suốt. Đó là bệnh chung của hành giả.*<sup>42</sup>

Như vậy, hành giả cần lưu ý khắc phục ba khuyết điểm thường gặp như sau:

- a. Thân thể tê nhức, ngứa ngáy.
- b. Hôn trầm, ngủ gục.
- c. Lưng cong không thẳng.

---

41. “Tu hành là hai việc của một con người biết sống đạo. Dù ở giai tầng nào, ở căn trí nào, biết giác ngộ và giác ngộ không ngừng thì có giờ phút nào mà không tu, tháng ngày nào mà không hành. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 nhuận Nhâm Tuất (06-6-1982).

42. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-11 Kỳ Mùi (28-12-1979).



#### 4.5. CHUYÊN CẦN TU LUYỆN

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Phương pháp tu tam công trong Đại Đạo có, chơn hiền tìm đâu xa xôi cho rắc rối cõi lòng. Công phu, công quả, công trình; công nào cũng đứng đầu bằng chữ công. Phải tự lực cánh sinh, tự tu tự tiến, thiên nan vạn nan, mới đắc thành quả vị...<sup>43</sup>*

Như vậy, công phu đòi hỏi người hành giả chuyên cần tu luyện, tức là thực hành đúng mức, không gián đoạn. Do đó, nếu công phu mà chỉ để học trên lý thuyết thì cũng chỉ là phần “ngoại công phu”<sup>44</sup> mà thôi.

*Dầu pháp linh mà không hành công đúng mức thì làm sao thấy được chỗ linh diệu của pháp. Đạo vô vi mâu nhiệm mà chỉ học trên lý thuyết thì làm sao thấy được chỗ huyền nhiệm vô vi.<sup>45</sup>*

Thực hành công phu cũng giống như nấu cơm đòi hỏi phải công phu tứ thời hay nhóm lửa bốn lần mỗi ngày một cách đều đặn. Nếu không chuyên cần, tức là nhóm lửa không đủ bốn lần trong ngày thì sẽ kéo dài thời gian cơm chín, việc hành pháp không đạt kết quả.

Vì thế, Đức Tôn Sư căn dặn:

*Bần Đạo cũng nhắc điểm này: Đạo pháp chỉ là phương tiện. Điều chánh yếu phải*

43. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Bính Thìn (14-4-1976).

44. “Đừng tưởng học nhiều trên lý thuyết mà đạt đạo. Đó chỉ là phương tiện ngoại công phu. Chỗ đạt đạo là phải thần an, tâm định, trí huệ. Tự tánh sáng tỏ mới thấy chỗ công hiệu của nội tại huyền linh. Đức Bát Nhã Thiên Sư, Bát Nhã Tịnh Đường, 15-5 Ất Mão (24-6-1975).

45. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Đinh Tỵ (03-4-1977).

*chuyên cần tu luyện, đó mới là cứu cánh.<sup>46</sup>*

Song, công phu không chỉ đòi hỏi hành giả phải “chuyên cần tu luyện”, Ôn Trên còn nêu lên một yêu cầu cao hơn nữa. Đó chính là mỗi hành giả cần ý thức việc tu luyện từng ngày, từng giây phút.

Đến đây Bản Huỳnh cũng lưu ý chơn hiền đệ muội, điều cốt lõi của đạo pháp thuần chơn huyền vi chứng đắc không phải chỉ ở các khóa tu ôn dưỡng, các đợt tịnh bốn mùa hay liên hoàn mừng<sup>8</sup>, khóa tịnh kỳ<sup>9</sup> ngày mà chơn đệ muội phải ý thức tu luyện từng ngày, từng sát na.<sup>47</sup>

#### 4.6. TU CHỨNG

Tu chứng chính là kết quả rốt ráo đích điểm của việc thực hành công phu. Đức Đông Phương Chương Quán đã lý giải hai cấp độ tu chứng như sau:

*Tu là phải chứng. Có như vậy chơn hiền đệ mới hoàn thành sứ mạng trọng đại đã ban trao. Tu chứng có hai phần:*

1. Phần do nội giới tu chứng, phần này sẽ đạt đến chỗ lục thông.

2. Phần đức độ uy nghi, tác phong thuần phác, đó là tiêu biểu của Chơn Nhơn.

*Tuy hai mà một, ảnh hưởng thành tựu không riêng.<sup>48</sup>*

Đức Tôn Sư cũng diễn tả một cách khác:

*Chơn đệ muội sẽ thấy được qua diện mạo đoan trang vui vẻ, sắc khí chơn thuần, mắt trong sáng, tướng ung dung, lời nói hòa*

46. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-3 Mậu Thìn (30-4-1988).

47. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 02-9 Kỷ Tỵ (04-7-1989).

48. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 09-10 Tân Dậu (05-11-1981).

*nhã dễ cảm, lòng người mến phục, sẵn sàng tế chúng độ nhơn, không nề hà gian lao khổ nhọc. Đó là tất cả những gì thấy được ở người đạt được đạo quả.<sup>49</sup>*

Thiết tưởng, cũng cần xác định là tâm thanh tịnh chưa phải là chỗ chứng đắc công phu. Tuy nhiên, tất cả các pháp môn muốn thực hành có kết quả tốt ráo đều cần một điều kiện không thể thiếu là tâm thanh tịnh.

Tuy nhiên, trên con đường đạo pháp hành giả không biết được mình đã đi bao xa, cũng như khi nào thì đến đích hay tu chứng, đạt đạo. Nhưng nếu hành giả nghĩ ngợi hay nôn nóng đến việc tu chứng trong quá trình hành pháp, e rằng do tâm khởi vọng tưởng sẽ kết quả bằng vọng tưởng. Việc tu luyện đòi hỏi hành giả cần phải kiên trì thực hành pháp môn suốt cả cuộc đời nhưng tu chứng thì chỉ trong giây phút mà thôi.

*Trên bước đường tu luyện hành pháp, những sự việc luyện thân, điều tức, luyện tâm hư vô, luyện thân nhãn, luyện thông nhĩ, v.v. Các pháp ấy là các pháp để rèn luyện cho con người trở nên một con người có chí tu luyện, tìm thấy bốn linh chơn tánh của mình. Khi đã qua những giai đoạn khó khăn ấy, đến chỗ đạt Đạo chỉ một phút thôi.<sup>50</sup>*

Lại nữa, công phu dù ở cấp bậc pháp môn nào cũng có thể tu chứng trong phạm vi pháp môn đó. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn khẳng định:

*Chỉ cần chư đệ muội công phu tu tập*

49. Đức Đông Phương Chương Quán, Minh Đức Tu Viện, 24-01 Đinh Tỵ (13-3-1977).

50. Đức Đông Phương Chương Quán, Thiên Lý Đàn, 04-11 Tân Hợi (21-12-1971).

*cho thật dũng mãnh sáng suốt, đầu đạo pháp ở cấp bậc nào cũng có thể tu chứng được.<sup>51</sup>*

## TAM KẾT

Thực hành tam công bao gồm: công quả, công trình và công phu, người tín hữu Cao Đài thực hiện được cả hai mục tiêu của Đại Đạo là Thế đạo đại đồng và Thiên đạo giải thoát. Trong đó, công phu mang ý nghĩa rất quan trọng, vì công phu mang lại ích lợi thực tiễn cho con người ngay tại trần gian để có thể sống vui, sống khoẻ, sống hữu ích. Muốn thực hành công phu cho có kết quả, hành giả phải chuyên cần tu luyện và nhứt là ý thức việc tu luyện từng ngày, từng giây phút để có an lạc, ung dung, tự tại trong mọi hoàn cảnh. Được vậy, thế gian này chính là cõi thiên đường rồi vậy. Chính vì thế, tu chứng là một việc rất có ý nghĩa trong công cuộc cứu độ Kỳ Ba, như lời nhắn nhủ của Đức Mẹ:

*Đạo mẫu huyền nhiệm lắm con ôi!*

*Chứng quả rồi con sẽ độ đời;*

*Luyện kỹ công phu đừng gián đoạn,*

*Mới mong vững bước cuộc đời vui.<sup>52</sup>*

Ngoài ra, việc tu chứng còn giúp hành giả có thêm điều kiện để thực hành công quả giúp đời tế chúng hay *Cứu thế độ nhơn sẽ mặc tình.*<sup>53</sup> □

51. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983).

52. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Kỷ Mùi (10-5-1979).

53. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 18-01 Nhâm Tuất (11-02-1982).



# THẦN TIÊN THI DIỆU BÚT

ĐẠT TƯỜNG SỬU TÂM



Kỳ này, chúng ta hãy thưởng thức sự phối hợp thi thơ giữa Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông qua một hình thức độc đáo: Chiết thi bài, câu thất bỏ một, câu lục chữ đầu, câu bát bỏ hai đọc xuống. Đàn cơ cách nay đúng 40 năm. Qua bài thơ chiết được, chúng ta cũng thấy cách gọi tuổi năm đạo.

HUỒN CUNG ĐÀN, <sup>14</sup>.<sup>6</sup> ĐINH MÙI <sup>21</sup>.<sup>7</sup>.<sup>1967</sup>

THẦY

*Vậy ngày giờ cùng tận, Thầy đến để nhắc nhở các con nên lưu ý.*

THI BÀI

*Đạo CAO lập bảo tồn chánh thể,  
Xây ĐÀI môn độ thế Đông phương,  
QUỐC hồn Nam Việt biểu dương,  
Thánh đường ĐẠO chuyển bốn phương quy hồi.*

*Cơ độ tận trau dồi đức hạnh,*

*Hồn NAM dân thọ lãnh tiên phong,*

*BAN cho chánh đức đại đồng,  
Tuân hành THƯỢNG Phụ thoát vòng mê ly.  
Rời ĐỂ vị không vì Kim Khuyết,  
Xuống KHAI cơ Nam Việt con ta,  
THÔNG trên thượng giới Tam Tòa,  
Cộng đồng HỘI giáo hiệp hòa đạo môn.  
Nhập NIẾT bàn Thế Tôn lưu tích,  
Hội BÀN Đào chiêu hịch Mẫu Nghi,  
THẦN tiên tá thế vậy thì,  
Chuyển nguơn THÁNH đức Tam Kỳ  
hoát khai.*

*Ngày CHUYỂN đạo Cao Đài giáo lý,  
Dựng cơ đồ nguyên thủy trần đây,  
QUY nguyên Đại Đạo kỳ này,  
Hợp cùng BẢ giáo Đông Tây hòa đồng.  
Ngày ĐẠO phát khắp trong Nam Việt,  
Chư PHẬT Thánh chi xiết lo toan,  
TIÊN Thân, hiền triết đầu an,  
Chuyển cơ TÁ thế hội tràng giáo dân.  
Vậy Thầy ban ơn lành chung các con,  
tiếp Thái Bạch chuyển lời Từ Phụ nghe!  
Thăng.*

TIẾP ĐIỂN:

*Bần Đạo tiếp bài của điển linh Chí Tôn.*

TIẾP BÀI

*Nhìn THẾ sự đại cân thêm nã,  
Sửa DỤNG đời lập Đạo cứu đời,  
TRẦN hồng càng mến càng vui,  
Giác trần GIAN mộng cuộc đời là bao.  
Kìa BỐN vách đồ nhào nhờn loại,  
Nợ HAI điều thành bại nan phân,  
TUỔI tên còn vướng nợ trần,  
Tâm đường ĐẠO mạch chánh chân hạ kỳ.  
Đời CÒN phải thanh suy bỉ thái,  
Chớ MÊ sa thời đại mộng trần,*

TÌNH tâm đôi luyện bản thân,  
 Ngày qua SÁU khắc tinh thần dưỡng nuôi.  
 Đẹp BẢY tình rèn trui tâm đạo,  
 Tuổi TÊN còn huân áo thiên môn,  
 ĐỜI sang tử, tảo, hoàng hôn,  
 Tìm đường DẪN lối Chí Tôn hạ trần.  
 Giác MỘNG điệp khá phân xét lại,  
 Dã TRĂNG kia đời phải phải xong,  
 NĂM hai tay, áo huân không,  
 Nhắm vào LẤY mục tiêu hồng vượt lên.  
 Cầm TAY lái chí bên qua bể,  
 Nương THUYỀN không độ thế đông hành,  
 THÔNG đường vạch lối tôn sinh,  
 Bao giảng THÀ mái thuyền linh độ đời.  
 Tay VỊN lấy Thầy Trời dắt dẫn,  
 Chân KÈ bên chuyển vận quy nguyên,  
 NGÀY đêm nắm giữ một giếng,  
 Đòi cùng RÚNG động trần miền tiêu tan.  
 Sẵn ĐỘNG lực Đạo vàng cứu độ,  
 Cả TIẾNG kêu sanh lộ quày về,  
 HÒA nhau một môi vện thề,  
 Tiếng hò VANG dậy cận kề bên tay.

Thi bài này rập lại hai đoạn, đọc  
 chiết thành bài thi bát cú, câu thất bỏ  
 một, câu bát bỏ hai đọc xuống. Cười.  
 Cười. Đó là Bần Đạo chuyển lời Từ  
 Phụ tiếp trọn bài.

TRÌNH BÀY: ĐỌC CHIẾT THÀNH BÀI THI BÁT  
 CÚ. THI:

Cao Đài quốc đạo độ Nam bang,  
 Thượng Đế khai thông hội niết bàn.  
 Thần Thánh chuyển cơ quy bá đạo,  
 Phật Tiên tá thế dựng trần gian.  
 Bốn hai<sup>1</sup> tuổi Đạo còn mê tỉnh,  
 Sáu bảy<sup>2</sup> tên đời vẫn mộng tràng.  
 Nắm lấy tay thuyền thông thả vịn,  
 Kê ngày rúng động tiếng hòa vang. □

1. Năm Đạo 42.  
 2. Dương lịch 1967.



T HÁNH GIÁO

Huyền linh điển hàng hàng ngọc rót,  
 Giọng vô trần thánh thót châu rơi.  
 Thiên không bóng nguyệt rạng ngời,  
 Tinh quân lấp lánh khung trời mạnh xuân.  
 Kỳ đại xá Thiên ân rải khắp,  
 Ban pháp quyền tái lập thượng nguơn.  
 Châu nhi phục tử tuần huân,  
 Cơ mẫu tiến hóa thiên chơn phản hồi.  
 Người giác ngộ vun bồi tách đạo,  
 Bậc nguyên căn hoài bão ý Thiên.  
 Vào đời một chí nhẫn kiên,  
 Thực thi sứ mạng pháp quyền dựng xây.

(...)

Cửa huyền môn lần phăng tiến hóa,  
 Gót đại thừa giục giã thi công.  
 Ngoài xây thế đạo đại đồng,  
 Trong cùng trời đất cộng thông cơ mẫu.  
 Trước luyện kỹ, sau hậu tế chúng,  
 Thế đạo thành, công dụng mới linh.  
 Thước khuôn mẫu mực lý tình,  
 Hợp thời đúng đạo, phân minh pháp quyền.  
 Người chức vụ tinh chuyên trách vụ,  
 Các tư kỳ phận đủ công tư.  
 Khi bất túc, lúc hữu dư,  
 Cùng trong tập thể bù trừ đỡ nâng.  
 Được như vậy trong phần tu chứng,  
 Được thế rồi mới xứng thiên ân.  
 Sống thì trọn đạo vi nhân,  
 Thác làm tiên phật, thánh thần khó chi.

ĐỨC GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO, CQPTGL, <sup>15-01</sup> TÂN

ĐẬU (19\_02\_1981)



HUỆ Ý • 3\_2007 ĐÌNH HỢI

# MÙA XUÂN VỚI NGƯỜI GIÁO SĨ

## I. THÁNH GIÁO

Vào một ngày đầu xuân ĐỨC THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ dạy:

*Bốn biển dương yêu cầu thống thiết,  
Có những người minh triết thuần  
chơn<sup>1</sup>,  
Vô vi, vô ngã, vô nhân,  
Bình hành tâm vật mở ngươn thanh  
bình.*

1. Thống thiết: Đau khổ lắm. Nhân loại mong chờ được giải cứu ra khỏi cảnh nguy khốn về vật chất lẫn tâm linh.

2. Minh triết: Người hiền trí. Minh triết bảo thân: Có trí thức, đủ tự vệ lấy sinh mệnh của mình.

3. Thuần: Không tạp nhạp. Ôn Trên dạy: “Đạo pháp thuần chơn, huyền vi chứng đắc”.

## II. HỌC TU

Chúng ta học tu theo lời Đức Đạo Tổ dạy, lần lượt như sau:

CÂU 1: BỐN BIỂN ĐƯƠNG YÊU CẦU THỐNG THIẾT.

Hiện tình nhân loại trên hoàn cầu đang chịu khổ nạn về vật chất<sup>4</sup> lẫn tâm linh<sup>5</sup>. Bệnh nhân đang cần lương y và đơn dược một cách khẩn trương.

Đức Hiệp Thiên Đại Đế dạy:

Câu quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách, nhưng cái trách nhiệm của

4. Khổ nạn về vật chất: Tai họa tự nhiên do chính con người gây ra: hạn hán do phá rừng, lối sống công nghệ gây nhiều bệnh tâm thần, dịch gia súc (bò, gà, heo...).

5. Câu hỏi: Nhân loại đang khao khát tâm linh, còn bạn thì thế nào?

bậc thế Thiên hành hóa, giáo dân vi thiện lại càng quan trọng hơn. Trước cảnh quốc phá gia vong, thôn làng tan nát, đồng bào khổ nạn lầm than thống thiết, người tu không phải dụng võ để tế thế an bang, hoặc dụng văn để sửa đoan quốc chánh. Nếu không làm hai việc ấy, không lẽ vô trách nhiệm sao? Trái lại trách nhiệm rất nặng nề nhưng linh diệu mà Thiêng Liêng đã dành sẵn cho (...) trong chỗ dụng tâm linh cải hóa nhân tình, lấy đuốc tuệ soi đường sanh chúng. Những bậc Giáo chủ xa xưa, những hàng triết nhân kim cổ, những bậc anh hùng cận đại nào ý lại tha nhân, tự mình thấp đuốc lấy mà đi, tự mình sắp xếp việc an nguy cho nhơn thân, cho đạo sự. Nếu không hoặc thiếu đức hy sinh, hỏi mấy kẻ được thành công trong kim cổ? (CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, TUẤT THỜI,<sup>15-12</sup> GIÁP DẦN)

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo tìm người để ban trao sứ mạng:

*Nhìn những cảnh thiên ma bách chiết,  
Nghĩ thương người thống thiết bôn phi,  
Kiếp nhơn sanh có ra gì,  
Ai đem thân đạo bù chì nước non?*

(VẠN QUỐC TỰ, CHON LÝ ĐÀN, TUẤT THỜI,<sup>20-11</sup> ẤT TỶ)

Riêng đối với thế hệ tiếp nối, Đức Cao Triều Tiên Bối dạy:

*Các em có nghĩ đến một ngày nào đó nhân loại sẽ thêm khát đạo lý đến mức nào chăng? Liệu các em có còn ở trong tư thế đạo đức minh triết sẵn sàng hướng đạo chưa? (CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, TUẤT THỜI,<sup>11-02</sup> NHUẦN ẤT SỬU)*

Tiêu chuẩn của một vị lương y thế

nào?

CÂU 2: CÓ NHỮNG NGƯỜI MINH TRIẾT THUẦN CHON.

Vị lương y tâm linh, trước hết phải là một vị chon tu. Kế nữa là phải tu luyện để bảo vệ được mình trước các thăng trầm của cuộc đời (minh triết bảo thân) và một lòng, một dạ phụng Thiên sự dân (trung thành sự đạo).

Trong thanh tịnh, hành giả sẽ nhận được chỗ minh triết để tiếp nhân xử thế. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*Người có xuân tâm sẽ thấy hân hoan đón Chúa Xuân trong niềm vui sứ mạng thì cảnh sẽ do tâm mà hòa hợp êm đềm. Chính cái lặng lẽ êm đềm ấy mới thấy được mẫu vi minh triết. (CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, TUẤT THỜI,<sup>15-01</sup> MẬU NGỌ)*

Có minh triết mới trở thành người con ngoan của Đức Chí Tôn. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*Chư đệ muội ôi! Những người con tin của Thượng Đế! Những sứ giả Thiên ân! Thượng Đế và chư Phật đều lo lắng cho cả, trong đó có Bần Đạo. Dầu là nhân hay quả, dâu là nghiệp chung hay nghiệp riêng, dâu trả hiện tiền nặng hay nhẹ nhưng Thượng Đế Chí Tôn cùng các Đấng sẽ lo cho. Trời sắp mưa thì có dù, trời sắp nóng thì lo quạt, trời sắp lạnh thì lo áo, đừng nên vì lý do nhỏ nhặt mà bỏ dù cho bị trận mưa. Cũng đừng vì tự ái mà bỏ áo cho thân hình run rét. Ngoài sự lo lắng của Thượng Đế Chí Tôn, của chư Phật, chư Tiên Thần Thánh, của Bần Đạo, còn một việc nữa là thuận Thiên giả tôn, nghịch Thiên giả vong. Biết thời trời hạn hán phải chứa nước đào ao. Biết lúc*



mưa to phải tìm phương che đậy. Biết đường tiến thoái, biết dùng phương tiện để minh triết bảo thân, để trung thành đạo sự, đó là con ngoan của Thượng Đế vậy. (CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, TUẤT THỜI, 15-7 ĐINH TÝ)

Làm sao để đạt được minh triết? Người tu sĩ, giáo sĩ phải tu học, nghiên cứu và tu tập thiền định. Đức Quảng Đức Chơn Tiên dạy:

Các giáo sĩ hiền dân trọn đời và nhân viên nòng cốt nên đến thư viện vào mỗi sáng để học tập và nghiên cứu. Nghiên cứu giáo lý là một hướng nhắm quan trọng trong tương lai. Chư đệ muội phải khổ công rèn luyện mới có thể nhận định vấn đề sâu rộng được. Tu học nghiên cứu để đạt được minh triết. Tu tập thiền định để đạt đến chứng đắc tại tiên. Đây là hai điều kiện khá quan trọng người giáo sĩ phải đạt đến mới xứng đáng là người giáo sĩ Đại Đạo. (CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, TÝ THỜI, 19-10 ĐINH SỬU)

Công năng tu học của thiền định được Đức Vạn Hạnh Thiên Sư dạy rõ như sau:

Người tu học luôn luôn phải tìm tòi học hỏi giáo lý cho cận kề ngọn nguồn. Học để thông, tham thiền tịnh định để thấu cho rốt cái lý. Lý được thông rồi tâm khai phát huệ. Từ đó giao cảm cùng với Thiên Liêng là một chân sự hướng dẫn trong tâm linh, trong tiềm thức của mỗi người. Vì vậy cũng đồng thời tu học mà mỗi người thông suốt cùng sự giao cảm với Thiên Liêng không được đồng đều nhau. (MINH LÝ THÁNH HỘI, TUẤT THỜI, 12-9 MẬU THÂN)

Người xưa dạy rằng sông không cần sâu, chỉ cần có rồng ở; núi không cần cao, chỉ cần có Tiên ở. Người minh triết phải là con rồng ở sông, tiên nhân ở núi. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

Này chư đệ muội! Bản Đạo cảm thương chư đệ ở chỗ chật hẹp nóng bức thiếu tiện nghi nhưng chính điều này làm tăng giá trị và đạo hạnh của bậc tu chơn mới chứng tỏ chư hiền đệ muội hy sinh thụ hưởng cá nhân để hoàn thành sứ mạng nhận lãnh. Tuy trụ tướng nhỏ hẹp thiếu tiện nghi, nhưng bên trong chứa đựng cả sứ mạng to tát mà chư đệ

muội quyết tâm thực hiện, còn hơn trụ tướng rộng rãi thênh thang, thoải mái đầy đủ tiện nghi mà bên trong trống rỗng, chỉ phục vụ cho cá nhân, không lợi ích gì cho thiên hạ. Bản Đạo dạy như vậy để mỗi chư hiền đệ, hiền muội tự minh triết mà quyết định con đường giải thoát cho chính bản thân. (CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, TÝ THỜI, 30-02 NHÂM THÂN)

Cứu cánh minh triết thuần chơn, không phải chỉ riêng hàng tu sĩ, giáo sĩ mà chung của các cấp chức vụ nhân viên Cơ Quan. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

Cơ Quan là guồng máy sau cùng của Đại Đạo. Đại Đạo xây dựng đời thượng nguồn thánh đức, phụng sự nhân loại. Thế nên, sứ mạng của Cơ Quan trọng đại và gian khổ.

Trọng đại, nên mỗi một chức vụ trong Cơ Quan dù lớn hay nhỏ đều phải luôn luôn hướng thượng mới xứng với sứ mạng của nó.

Gian khổ, để làm bài thi trong trường tiến hóa. Bài thi này có hệ số điểm rất cao dành cho hàng thức giả nào tự nhận chiếc áo Thiên ân để tu nhất kiếp ngộ nhất thời.



Cũng bởi sứ mạng trọng đại và nhiều gian khổ này đòi hỏi mỗi nhân viên chức vụ phải hội đủ Tâm, Hạnh, Đức, Tài. Muốn được thế, đạo đức phải thuần chơn, đạo tâm phải chuyên nhất, đạo hạnh phải viên dung. Đó là những điểm cần yếu phải có ở người chức vụ nhân viên. (CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, TÝ THỜI, 25-3 ĐÌNH MÃO)

CÂU 3: VÔ VI, VÔ NGÃ, VÔ NHÂN.

Vị lương y phải thực hành kết quả mục đích, tôn chỉ, lập trường Đại Đạo.

Lập trường của Đại Đạo là thuần chân vô ngã. Thế nào là vô ngã? Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy các ý như sau:

1. Vô ngã: Mình là mọi người, mọi người là mình.

2. Vô ngã: Thiên địa chi tâm; tâm là tâm, cảnh là cảnh.

3. Vô ngã: Vô tư, vong ngã.

4. Vô ngã: Có thương yêu mà không có đối lập, có trách nhiệm mà không có hậu ý.

Khi tâm có được trạng thái vô ngã, chúng ta mới trả được nghiệp tiền khiên của thân, khẩu ý mà tu tiến lập công bồi đức.

Đức Vạn Hạnh Thiên Sư dạy:

*Trong đời sống của người học đạo tu thân phải cần dùng đến nhiều yếu tố. Ngoài bốn phận làm người xử thế lại còn phải sống với đời sống của người hành đạo.*

*Có chịu gia công cực nhọc trong trường công quả để sớm tiêu trừ nghiệp quả tiền khiên của thể xác gây nên.*

*Có trau dồi tập luyện tư tưởng thuần túy đạo đức tốt đẹp vì nhân sinh vì vạn thế, đem tình thương ban bố trong tư tưởng mọi người để sớm tiêu trừ nghiệp ý.*

*Có học hỏi thuần chơn vô ngã mà giải thoát siêu sinh, sống ở đời như thường nhân mà tâm linh cách biệt những thường tình thế sự. (MINH LÝ THÁNH HỘI, TUẤT THỜI, 12-9 MẬU THÂN)*

CÂU 4: BÌNH HÀNH TÂM VẬT MỞ NGUỒN THANH BÌNH.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tận độ toàn diện cho nhân loại: nhân sinh lẫn tâm linh<sup>6</sup>.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy:

*Ý thức hệ đã ràng buộc con người với con người trong thế giới hiện hữu. Dầu muốn hay không muốn thì tâm vật vẫn song hành, hai phương diện trong một con người. Lìa vật không có tâm, bỏ tâm không có vật. Thế nên sứ mạng Đại Thừa là thực tiễn cứu cánh vạn khổ chúng sanh hòa mình trong xã hội nhân loại. Thế dụng ứng biến hình danh công cụ tâm vật bình hành. Tất cả đều hoàn hảo trong một cuộc sống ung dung, tự do, tự tại.*

Đức Cao Triều Tiên Bối dạy:

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-7 Đinh Tỵ.

Các em! Lịch sử nhân loại hiện tại đang tiến đến giai đoạn quyết liệt. Không phải mạnh được yếu thua, mà như đạo, công lý hòa bình thịnh vượng trên nền tảng tâm đức, trí năng, để quân bình do đề huề phối hợp Thiên đạo và Thế đạo. Đến đây hẳn các em thấy được phần nào ý nghĩa của công phu tu luyện, nhưng đồng thời cần phải nỗ lực gấp bội về hai mặt tâm đức, trí năng, như vậy mới hoàn thành được sứ mạng.

Đức Chí Tôn dạy:

*Bình hành tâm vật kỷ cương,*

*Thân hình câu diệu tứ phương cộng đồng.*

Các vị hành giả với tâm vô ngã, hành Thánh sự sẽ mở màn cho việc xây dựng cho nhân loại một kỷ nguyên Thánh đức tại trần gian.

\* \* \*

Hàng tu sĩ, giáo sĩ nói riêng, nhân viên Cơ Quan nói chung, hãy đáp lời kêu gọi của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

*Hỡi tu sĩ, muốn hoằng dương nền chánh giáo,*

*Hỡi nhơn tài, mong hoài bão được non sông,*

*Hỡi ai kia, làm sao cho rạng rỡ giống Tiên Rồng,*

*Cho bốn biển năm châu cùng hạnh phúc?*

*Giữa dòng đời phải lóng trong hay gạn đục,*

*Trong đạo trường đều họa phúc phải cân phân,*

*Biết bao nhiêu người trí thức, bậc vĩ nhân,*

*Thiếu chi khách hùng anh cùng nữ liệt,*

*Có sao đời diễn lăm cảnh ai bi thống thiết,*

*Có sao đời còn rên siết nỗi tang thương,*

*Có phải chăng vì đời mất hết nếp luân thường,*

*Có phải chăng bởi Đạo thiếu lập trường nền chánh pháp?*

*Trí thức ôi, tình nhân loại hãy mở cửa mà dung nạp,*

*Nhân tài ôi, cảnh nguy vong đang tràn ngập khó phối pha,*

*Nắm tay nhau sửa dựng mỗi Đạo nhà . . .*

*Đạo Cao Đài là phương được thoát trần nê.*

(HUỒN CUNG ĐÀN, TÝ THỜI, 01-9 QUÝ MÃO)

Nguyện xin được như thế. □

# VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO



CHÍ TÍN

**1** Không như các tôn giáo khác, Phật giáo không nói đến sự hiện diện của một Đấng tối cao, toàn tri, toàn năng, tạo hoá ra càn khôn vũ trụ với muôn loài vạn vật. Đức Phật Thích Ca chú trọng đến việc cứu khổ chúng sanh thoát khỏi tứ khổ (sinh, lão, bệnh, tử) của kiếp người hiện đang sống trên thế gian này – đó là điều thực tế cần giải quyết – và tránh trả lời những câu hỏi về Thượng Đế mặc dầu Ngài gốc là đạo Bà La Môn, một tôn giáo nhìn nhận có Thượng Đế Phạm Thiên (Brahman)



là chúa tể muôn loài vạn vật chúng sanh.

Phật lấy ví dụ: Một người đang trúng một mũi tên, bị thương nặng mà không để cho người ta băng bó, trị thương liền, lại bắt người ta phải trả lời cho ông biết người bắn ông là ai, ở đâu, mũi tên từ đâu bắn đến và có tấm thuốc độc không...

**2** Phật vì lòng từ bi thương xót chúng sanh nên quyết tâm tìm ra phương pháp giải thoát con người ra khỏi những hệ lụy đau khổ của cuộc sống nơi trần gian, đồng thời chấm dứt vòng luân hồi sanh tử. Phương Pháp đó là Tứ Diệu Đế (bốn chơn lý cao thượng: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế) do chính Ngài đã chứng nghiệm bằng con đường Trung Đạo, cũng là đường lối tu hành (không thái quá cũng không bất cập) của Khổng giáo ngày xưa và Cao Đài giáo ngày nay, sau sáu năm lìa bỏ ngôi báu, dứt hẳn luyến ái thế nhi để vào rừng sâu tham thiền nhập định. Trước đó, Ngài tu theo phương cách kham khổ ép xác, nhưng Ngài không tìm thấy được đạo lý nhiệm màu, nên thay đổi, chọn con đường Trung đạo là không thể hưởng món ngon vật lạ nhưng cũng không hành xác khổ thân để phải bị mất sức làm ảnh hưởng đến sự sáng suốt, minh mẫn của tinh thần.

**3** Đức Phật dạy các đệ tử phải noi theo gương Ngài, phải tự lực. Thay vì van vái cầu khẩn đấng thần linh nào đó trợ lực thì kiên gan, trì chí, nhẫn nại để quán xét nội tâm chính mình (tức là tọa thiền) như Ngài đã

thực nghiệm, đã giác ngộ mở được trí huệ sau 49 ngày thiền định thâm sâu. Nhờ Ngài kiên quyết thệ nguyện, nếu không ngộ được đạo lý nhiệm màu Ngài không rời khỏi cội cây bồ đề dầu thịt nát xương tan.

**4** Đức Phật khuyên đệ tử không nên lãng phí thì giờ và năng lực trong những học thuyết không lợi ích cho sự tiến bộ về tâm linh và thực hành đạo đức. Thế nên Ngài không giải quyết những vấn đề siêu hình, cũng không đề cập đến giáo lý bí truyền mặc dầu Ngài đã đắc quả chánh đẳng chánh giác Thích Ca Như Lai Phật.

**5** Phật giáo có một chủ trương duy nhất rõ ràng và thực tiễn là chấm dứt sự khổ cho chúng sanh. Phật khuyên các môn sanh hãy chú trọng ngay đời sống hiện tại, dứt bỏ mọi luyến ái, không hối tiếc những việc đã qua, cũng không khao khát vọng tưởng đến việc tương lai sắp đến.

Điểm đặc biệt của Đức Thích Ca, một nhà cách mạng vĩ đại của lịch sử tôn giáo thế giới, là đã phá tan được bốn giai cấp của chế độ đương thời Ấn Độ để giải phóng cho giới cùng đinh nghèo khổ.

Bốn giai cấp ấy gồm: thứ nhất là giới Bà La Môn, thứ nhì là hàng vua chúa, thứ ba là giới tư bản thương gia, và sau cùng là giới nghèo khổ đói rách bị xã hội Ấn Độ khinh khi ruồng bỏ mà người Anh gọi là hạng không thể đụng chạm tới (intouchables). Đức Phật Thích Ca thâm nạp chung tất cả các đẳng cấp: vua chúa, quý tộc và cùng đinh dân giả vào hàng môn đệ



bình đẳng ngang nhau trong cùng một giáo đoàn Phật tử.

**6** Một điểm đặc biệt khác nữa là trì bình khất thực. Chính Đức Phật Thích Ca đã dám hy sinh từ chối mọi vinh hoa sang trọng để mặc áo vải thô, đi chon không, đầu trần, và hằng ngày Ngài đích thân ôm bình bát đi khất thực. Hễ thập phương bá tánh bố thí vật gì thì nhận lấy, không được chê khen từ chối.

Quả thật là một đức nhẫn nhục vô cùng cao cả, từ tột đỉnh ngôi cao mà chịu hạ mình xuống dưới bậc thấp hèn bình dân để ôm bình bát ăn xin. Đó là một sự hy sinh bản ngã quá lớn lao, khó thực hành, trừ phi là một vị Phật, Bồ Tát mới có thể thực hành được với tâm trạng bình thản. Đây là cách tập hạnh nhẫn nhục trong pháp môn Lục Độ Ba La Mật của Bồ Tát Đạo.

**7** Đức Phật Thích Ca còn khuyến khích môn sanh của Ngài thực hành Tứ vô lượng tâm, mở hoát bốn cái tâm từ, tâm bi, tâm hỉ và tâm xả đối với mọi người, dầu cho đó là kẻ nghịch thù. Nhờ tuân hành lời dạy của Phật, nên trải qua trên 2500 năm, non loại chưa bao giờ thấy máu đổ giữa các chi phái của đạo Phật hay giữa Phật giáo với các tôn giáo khác trên khắp thế giới.

**8** Hơn nữa, trong Phật giáo không để cho quyền lực ép buộc con người phải theo Phật giáo hoặc mua chuộc quyến rũ bằng danh vị lợi quyền.

**9** Đức Phật Thích Ca không khuyến khích môn sanh thờ phượng hay cúng kiến, giết thú để tế lễ cầu xin thần linh hộ trợ. Chính Ngài dạy trong kinh Kim Cang: “Nếu dùong sắc tướng âm thỉnh để cầu Ta, đó là tà đạo chớ không thấy được Như Lai.”

**10** Về đức tin, Đức Thích Ca dạy môn sanh đừng vội tin lời nói của bất cứ người nào dầu là của Phật cũng vậy, nếu không hội đủ ba điều kiện: lời nói phải chơn thật dịu dàng dễ thương, đúng đạo lý, và phải phải hữu ích cho mọi người .

Phật giáo chính là một tôn giáo nhân bản (vị nhân sinh) và chỉ mưu cầu hạnh phúc hiện tại cho con người, lo giải thoát con người thoát vòng tứ khổ luân hồi với giải pháp thực tế là phải tự giác để tự cứu lấy mình với giáo thuyết cốt yếu là Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo, chớ không nhờ người khác hay cầu khẩn thần linh một cách mê tín dị đoan bằng âm thỉnh sắc tướng. □

# Ý NGHĨA NGÀY 13 THÁNG 3

ĐẠT TƯỜNG

Hạ tuần tháng 2 Quý Sửu (1973), giải thích lý do vì sao Ôn Trên đốc thúc việc xây cất phải cố gắng làm để kịp khánh thành ngôi “Vĩnh Nguyên Tự tái thiết” tại tỉnh Long An vào ngày 13 tháng 3 Quý Sửu, Đức Đông Phương Chương Quán đã dạy:

*Bản Đạo giải thích về đạo số cho chư hiền được rõ:*

Ngày <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup>, Tiên Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn đã chọn ngày ấy phong Thánh cho tam vị Đại Thiên Phong chức sắc đầu tiên. Đó Là Thượng Trung Nhật Lê Văn Trung, Ngọc Lịch Nguyệt Lê Văn Lịch, Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

Ngày <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup> cũng là ngày Chí Tôn Thượng Phụ thân hồi người Anh Cả tín hữu Cao Đài. Đó là Ngô Văn Chiêu. Chư hiền đệ muội còn nhớ, một thời Chí Tôn đã sắc phong cho Ngô Văn Chiêu vào chức vị Giáo Tông, nhưng Người đã bãi mạng không nhận lãnh. Đó cũng là lý số.

Xuyên qua lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng trước đây, chắc một số chư hiền còn ghi nhớ, đó là những diễn tiến kế tiếp trong thời kỳ Chí Tôn đến đất nước Việt Nam nhỏ bé này khai Đạo.

Chí Tôn đã dùng một di tích đầu tiên nơi Dương Đông (Phú Quốc) và đã

truyền giao cho Ngô Văn Chiêu nhận lãnh dấu hiệu Thiên Nhân để làm biểu tượng thờ phượng trong đạo Cao Đài từ ấy đến nay.

Di tích thứ hai là Vĩnh Nguyên Tự. Chí Tôn đã dùng nơi này thân nhận những sứ đồ trung kiên làm nòng cốt ban phong Thiên sắc để nhận lãnh công việc khai Đạo truyền bá giáo lý trong Tam Kỳ Phổ Độ. Nơi đây đã là nơi Chí Tôn lập các kinh điển luật pháp Đạo trong buổi sơ khai.

Di tích thứ ba là Thánh thất Cầu Kho mà hôm nay biến thành Nam Thành Thánh thất. Chí Tôn đã dùng nơi này khai tịch Đạo với nhà đương cuộc lúc bấy giờ.

Di tích thứ tư là nơi thiên tự tại Gò Kén. Chí Tôn đã dùng nơi này khai minh Đại Đạo trước quốc dân bá tánh.

Mỗi một chỗ đều có một sứ mạng, tuy riêng nhưng chung quy nó là những mắt dây xích, đều có móc nối nhau để đến ngày thành tựu là Tòa Thánh Tây Ninh rồi tuần tự các nơi khác, như cây đã mọc lên, đâm tược nảy chồi, đơm hoa kết quả cho non sanh đồng thọ hưởng.

Bản Đạo nói như vậy để chư hiền ý thức về tiến trình của ngày sơ khai Đại Đạo.<sup>1</sup>

1. Sau đây Bản Đạo dạy về việc hành lễ khánh thành an vị Vĩnh Nguyên Tự.

Như vậy trong “tiến trình của ngày sơ khai Đại Đạo”, những sự kiện lịch sử có liên quan đến ngày <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup> này là những gì? Chúng ta có thể điểm lại theo thứ tự thời gian như sau:

<sup>1</sup>. SỰ KIỆN LỊCH SỬ THỨ NHẤT LÀ NGÀY ĐỨC NGÔ KIẾN NHẬN THIÊN NHÃN.

Trước năm 2000, các sách sử Đạo đều đã ghi nhận vào năm Tân Dậu (1921), sau khi Đức Chí Tôn gợi ý tìm biểu tượng để thờ kính nhưng sau lời đề xuất dùng “thập tự” không được chấp thuận, Ngài Ngô Văn Chiêu đã hai lần được kiến nhận Thiên Nhân. Tuy nhiên, lần đầu tiên được ân ban đó là ngày nào, chúng ta chưa thấy có tác giả nào đề cập đến mà chỉ nói vào khoảng tháng 3 mà thôi.

Hơn <sup>10</sup> năm trước đây, đã có huynh tử phát hiện được chi tiết quan trọng đề cập đến thời gian của sự kiện “lần đầu tiên kiến nhận Thiên Nhân” qua đoạn Thánh giáo sau đây của Đức Ngô:

*Hôm nay, chư đệ tử thiết lễ kỷ niệm để nhớ ơn Thầy,<sup>2</sup> và thay mặt Thầy mời chư đồng đạo các nơi quy tụ đến mảnh đất nhỏ hẹp này để đánh dấu lịch sử ngày Thượng Đế ban biểu hiệu cho đạo Cao Đài trong Kỳ Ba ân xá. (...)*

*Tiên Huynh nhận thấy lòng ưu tư và thiết tha đến ngày kỷ niệm này của chư hiền đệ hiền muội, nên chư hiền đệ hiền muội từ các phái đoàn các nơi đến thành phần cá nhân, đã vượt sóng ngàn khơi đến để tưởng nhớ và hân hoan ghi nhận nơi đã phát sinh di tích đạo Cao Đài.<sup>3</sup>*

Vậy Đức Ngô đã xác nhận rằng ngày <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup> năm Tân Dậu (1921)<sup>4</sup> là thời điểm lần đầu tiên Đức Chí Tôn ban ân cho Ngài “nơi Dương Đông (Phú Quốc)... nhận lãnh dấu hiệu Thiên Nhân để làm biểu tượng thờ phượng trong đạo Cao Đài”.

<sup>2</sup>. SỰ KIỆN LỊCH SỬ THỨ HAI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY <sup>13</sup> THÁNG <sup>3</sup> LÀ NGÀY ĐỨC CHÍ TÔN THIÊN PHONG CHỨC SẮC LẦN ĐẦU TIÊN VÀ BAN CHO LỜI THỀ NHẬP MÔN.

Trước khi quyển Khai Đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được phát hành, đọc các quyển đạo sử khác chúng ta chưa thấy có tác giả nào khi nói đến sự kiện Đức Chí Tôn thiên phong cho ba vị Đại Thiên Phong đầu tiên gồm hai vị Đầu Sư (Thượng Trung Nhựt, Ngọc Lịch Nguyệt) và Phạm Hộ Pháp mà có nhắc đến ngày 13 tháng 3.

---

Chư hiền đệ muội có biết tại sao Chí Tôn Thượng Đế đã chọn ngày 13 tháng 3 để cử hành cuộc lễ đó chăng? Sao lại không chọn thời gian khác để có đủ thì giờ chu toàn công việc tái thiết được hoàn mỹ thêm hơn? Để khỏi mất thì giờ, Bản Đạo giải thích về đạo số cho chư hiền được rõ (...) Chí Tôn Thượng Đế đã chọn ngày an vị khánh thành sắp tới đây để các sứ đồ con cái của Ngài ôn nhớ lại kỷ niệm thời kỳ khai nguyên lập đạo. Vì tác dụng, nhu cầu cho việc truyền bá đạo pháp cứu độ quần sanh. (...) Thế nên, trong phạm vi hiện hữu với khả năng cố gắng tối đa của nhơn sanh chỉ tới chừng ấy, Chí Tôn vẫn cho phép hành lễ trong năm này để kịp thời sử dụng trong công cuộc cứu rỗi (ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỜNG QUẢN, CQPTGL, 20-02 QUÝ SỬU • 24-3-1973).

2. Với các vị tu theo Chiếu Minh, Đức Ngô xưng là “Thầy”. Còn với các đạo hữu bên phổ độ, Ngài xưng là “Tiên Huynh”.

3. Đức Ngô Minh Chiêu, Cao Đài Hội Thánh Phú Quốc, 14-3 Đinh Mùi (23-4-1967).

4. Trong quyển Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh (xuất bản 2004) của Nhà Xuất Bản Trẻ ở trang 78, tác giả có ghi ngày Đức Ngô được thấy Thiên Nhân lần đầu là ngày 20-4-1921. Tra cứu lịch đối chiếu dương lịch và âm lịch thì đó là ngày 13-3 Tân Dậu.

Đọc Thánh Ngôn Hiệp Tuyển<sup>1</sup>, chúng ta thấy đàn cơ Đức Chí Tôn dạy chư vị Tiên Khai cách thức sẽ tổ chức lễ phong Thánh vào ngày rằm tháng<sup>3</sup> Bính Dần (1926) tại nhà ngài Lê Văn Trung đề ngày<sup>11</sup> và<sup>12</sup> tháng<sup>3</sup> nhưng không ghi rõ địa điểm lập đàn.

Về thời điểm và địa điểm của sự kiện này lại được Đức Đông Phương khẳng định:

*Ngày<sup>13</sup> tháng<sup>3</sup>, Tiên Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn đã chọn ngày ấy phong Thánh cho tam vị Đại Thiên Phong Chức Sắc đầu tiên (...)*

*Vĩnh Nguyên Tự. Chí Tôn đã dùng nơi này thu nhận những sứ đồ trung kiên làm nòng cốt ban phong Thiên sắc để nhận lãnh công việc khai Đạo truyền bá giáo lý trong Tam Kỳ Phổ Độ.*

Chúng ta có thể hiểu đây là cách Ôn Trên điều chỉnh cho chính xác hơn về một thời điểm quan trọng trong đạo sử.

Đi kèm theo sự kiện này, trong nội dung hướng dẫn về nghi thức cuộc Thiên phong, Đức Chí Tôn đã hướng dẫn thêm về lời thề và cách thức thực hiện minh thệ cho các môn đệ:

*... Tới phiên các môn đệ. Từ người đến bàn Ngũ Lôì mà thề rằng: “Tên gì?... Họ gì?... Thề rằng: từ đây biết một đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng. Hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài. Như sau có lòng hai thì Thiên tru, Địa lục”. Tới trước bàn Hộ Pháp, cũng thề như vậy.*

Như vậy, sự kiện lịch sử được Thầy ban cho lời minh thệ để dùng trong các buổi lễ nhập môn cho suốt “thất

ức niên” của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng là một chi tiết không kém phần quan trọng khi nhắc đến ngày<sup>13</sup> tháng<sup>3</sup> Bính Dần.

<sup>3</sup>. SỰ KIỆN LỊCH SỬ THỨ BA LÀ NGÀY ĐỨC NGÔ “CÔI RỒNG VỀ NGUYÊN”.

Khoảng 3 giờ chiều ngày 13 tháng 3 năm Nhâm Thân (1932), các sách sử đạo đều ghi nhận, Đức Ngô Minh Chiêu đã thoát xác trong xe hơi lúc đang qua phà Mỹ Thuận (Tiền Giang) trên đường từ Tổ Đình Chiếu Minh ở Cần Thơ trở về Tân An (Long An). Đúng như lời Đức Chí Tôn đã ban cho Đức Ngô từ năm 1924:

*Giờ này Thầy điếm thâm công,  
Ngày sau con sẽ côi rồng về Nguyên.*

Trong lúc gần thoát xác, da của Đức Ngô trở vàng như nghệ nhưng sau khi Ngài liễu đạo rồi thì dần trở lại hồng hào như bình thường và mắt trái mở ra. Đã qua ba ngày với hoa tươi phủ quanh thân thể, Đức Ngô vẫn nằm trong tư thế ngủ ngồi trên chiếc ghế loại riêng của người tu Chiếu Minh, sắc mặt bình thường, mắt trái vẫn mở.

Sau này, qua thực tế nhiều trường hợp đã cho chúng ta thấy hiện tượng “mắt trái mở” sau khi liễu đạo của những vị đã dày công quả phổ độ hay tu luyện là tín hiệu báo tin vui quý vị được trở về phục lệnh với Thầy Mẹ sau khi đã hoàn thành sứ mạng.

<sup>4</sup>. NHẬN ĐỊNH.

a. Từ chiếc nôi ở Dương Đông (Phú Quốc), người đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài đã trực tiếp thọ nhận tâm pháp và kiến nhận Thiên Nhân vào ngày<sup>13-3</sup> Tân Dậu (1921) như lời của



Đức Đông Phương:

*Là một anh cả trong thập nhị tông đồ đầu tiên. Ngô Văn Chiêu đã kiến nhận và tiếp lãnh dấu hiệu Thiên Nhân. Nói về lý số Thiên Nhân là con số<sup>1</sup>, tượng trưng cho ngôi Thái Cực.<sup>5</sup>*

Về Đạo số, ngày<sup>13</sup> tháng<sup>3</sup> đầu tiên này trong “Tiến trình ... sơ khai Đại Đạo” là thời điểm xuất hiện hình ảnh của “Lẽ Một” hay là điểm khởi nguyên.

b. Năm năm sau, tại Vĩnh Nguyên Tự, vào ngày<sup>13</sup> tháng<sup>3</sup> Bính Dần (1926) hai vị Đầu Sư Thượng Trung Nhật và Ngọc Lịch Nguyệt được Thiên phong. Âm dương đã hình thành và chuyển “pháp” để phổ độ nhơn sanh qua vai trò của Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

Về Đạo số, ngày<sup>13</sup> tháng<sup>3</sup> của năm Bính Dần này được Đức Đông Phương giải thích tiếp:

*Kế đến lập thành lưỡng nghi nơi Vĩnh Nguyên Tự. Đó là Nhật Nguyệt Âm Dương.*

*Từ Thái Cực biến lưỡng nghi trở thành cái Pháp sanh hóa muôn loài vạn vật mà cái Pháp ấy Hộ Pháp đã tượng trưng.<sup>6</sup>*

Ba vị Đại Thiên Phong đầu tiên được phong Thánh. Hình bóng của “lưỡng nghi” và “tam cực” cho thấy chiều hướng phóng phát của Đạo để cứu độ vạn linh.

Nhưng nếu nhơn sanh nào “hữu duyên hạnh ngộ Cao Đài” thì trước tiên phải nhập môn với nghi thức đọc

lời minh thệ gồm<sup>36</sup> từ trước chư chức sắc và đồng đạo. Đây là bước đầu căn bản phải “gõ cửa Cao Đài” mà không ai có thể bỏ qua được trước khi học và thực hành Tân Pháp Cao Đài nếu muốn được hưởng duyên lành Đại Ân Xá Kỳ Ba.

Ngày nay, hầu như chỉ còn tại Vĩnh Nguyên Tự mới duy trì nghi thức nhập môn y như buổi ban đầu đã được Đức Chí Tôn dạy: vừa đọc lời “minh thệ” trước Thiên bàn và vừa đọc trước bàn thờ Hộ Pháp.

c. Và ngày<sup>13</sup> tháng<sup>3</sup> năm Nhâm Thân (1932), trên nhánh sông Tiên của dòng Cửu Long, Đức Ngô đã “cõi rông về Nguyên” với hình ảnh của mặt trái mở sau khi thoát xác và kể từ đó hình ảnh này đã trở thành dấu hiệu báo tin kết quả một đời tu hoàn thành sứ mạng trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Về Đạo số nếu như ngày<sup>13</sup> tháng<sup>3</sup> năm Tân Dậu là năm thứ nhứt (số sinh) với sự kiện lần đầu tiên Đức Ngô được kiến nhận Thiên Nhân thì tròn<sup>11</sup> năm sau, cũng vào ngày này của năm Nhâm Thân, vừa bắt đầu cho năm thứ<sup>12</sup> (số thành, đồng thời là con số của Thầy) là thời điểm đánh dấu ngày thành đạo của người đệ tử Cao Đài đầu tiên. Kết quả đã thể hiện lý số của Kinh Dịch và Đạo số của Đấng Cao Đài Giáo Chủ.

Một cách tổng quát, chuỗi các sự kiện liên quan đến ngày<sup>13</sup> tháng<sup>3</sup> cho chúng ta thấy hình ảnh “sinh thành” của một chuỗi vòng tròn tròn ốc đi từ khởi điểm phát sinh đến giáp mỗi thành quả. Hình ảnh này gợi ý cho nhơn sanh tín hữu lộ trình cần phải

5. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

6. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

thực hiện nếu muốn trở lại với “Nhứt Nguyên”. Đó là phải thực hành Tân Pháp Cao Đài (pháp môn Tam Công).

Và việc Đức Ngô từ năm Tân Dậu được kiến nhận Thiên Nhân và rồi năm Nhâm Thân “về Nguyên” có gợi ý cho chúng ta hình ảnh và ý nghĩa lời sấm của Ngài Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm cho dân tộc Việt: “Thân Dậu niên lai kiến thái bình” hay không? Nếu dân tộc này ý thức thực hiện tốt vai trò “dân Nam sứ mạng tiên phong” trong sứ mạng Kỳ Ba thì thái bình thịnh trị sẽ đến với Nam bang Thánh địa trước khi lời tiên tri

*Một nước nhỏ nhen trong vạn quốc,  
Ngày sau làm chủ mới là kỳ*

sẽ trở thành hiện thực.

• Như vậy đã có <sup>3</sup> cột mốc thời gian về ngày <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup> trong “tiến trình của ngày sơ khai Đại Đạo” qua các năm Tân Dậu (1921), Bính Dần (1926) và Nhâm Thân (1932).

Hàng năm, vào ngày <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup> này, với những nơi nào có tổ chức kỷ niệm mà bấy lâu nay thường chỉ trú trọng đến ý nghĩa là ngày “về Nguyên” của Đức Ngô với mắt trái mở thì cũng nên ghi nhớ đến sự kiện lần đầu tiên Ngài được Đức Cao Đài ân ban cho kiến nhận Thiên Nhân. Và đây cũng là ngày Thiên phong lần đầu tiên cho ba vị cao đồ chức sắc Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài cùng lời minh thệ được Thầy ban cho trong nghi thức nhập môn. Như thế chúng ta mới có được cái nhìn tổng quát đầy đủ về sự kiện <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup> trong “thời kỳ khai nguyên lập đạo”.

• Các sự kiện lịch sử này trong chuỗi các mốc thời gian hình thành và phát triển của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giúp cho tín hữu Cao Đài chúng ta thấy rằng không có sự phân chia rạch ròi giữa cơ Phổ Độ và Tâm Pháp. Trái lại, Phổ Độ Công Truyền và Tuyển Độ Tâm Truyền luôn là hai mặt của một thể thống nhứt không thể tách lìa nhau. Tín hữu Cao Đài chúng ta cần phải ý thức rõ điều này để cố gắng thực hành trong một đời tu của mình hầu song hành nhiệm vụ phổ độ và tâm pháp. Một khi hoàn thành sứ mạng sẽ được cõi rờng về nguyên như lời Đức Ngô Minh Chiêu có dạy:

*Ngày nay tuy lòng người còn phân cách công truyền, tâm truyền nhưng đến một lúc nào đó sẽ thấy phải có đủ công truyền tâm truyền mới tạo Tiên tác Phật được. Thử nhìn lại lịch sử từ ngàn xưa không có vị Phật Tiên nào mà thiếu Tam Công.<sup>7</sup>*

• Ba mốc thời gian liên quan đến ngày <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup> cho thấy hình bóng các con số <sup>1, 2, 3, 12, 36</sup> ... của Đạo số:

<sup>1</sup> khởi đầu với số sinh là Thiên Nhân xuất hiện tượng trưng (Thái Cực).

<sup>2</sup> là nhị vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt tượng trưng (Lưỡng Nghi).

<sup>3</sup> là Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

<sup>12</sup> là số thành gợi ý nếu muốn có kết quả thành đạo như Đức Ngô thời phải khởi đầu từ con số <sup>36</sup> qua lời minh thệ nhập môn. □

7. Đức Ngô Minh Chiêu, Minh Đức Tu Viện, mùng 1 tháng 2 Tân Dậu (06-3-1981).

chơn dung

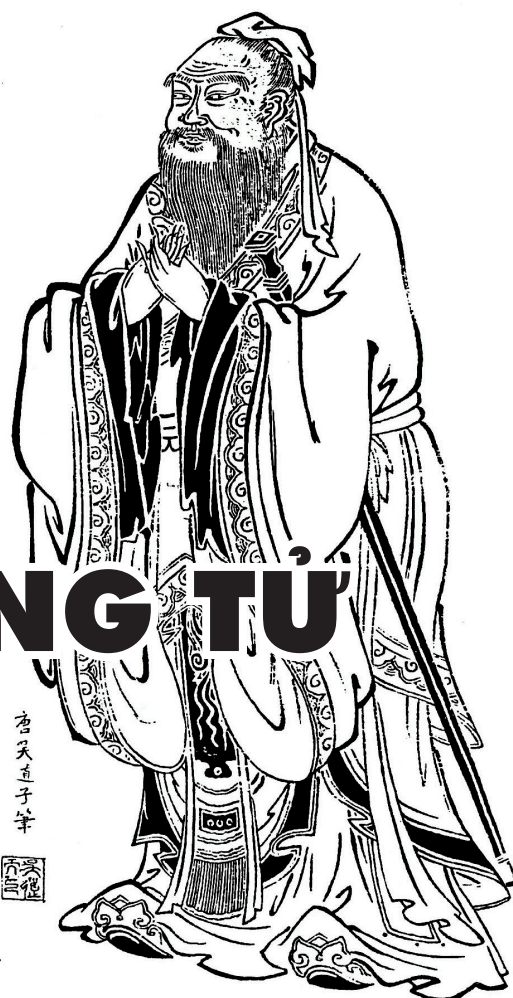
# ĐỨC KHỔNG TỬ

Đức Khổng Tử cùng với Đức Thích Ca Mâu Ni và Đức Lão Tử là Tam Giáo Đạo Tổ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát sáng lập tại xứ Việt Nam để cứu rỗi nhơn loại còn đang trầm luân đọa lạc nơi chốn trần ai sông mê bể khổ.

Đức Khổng Tử sanh vào khoảng <sup>551</sup> trước công nguyên ở tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, và mất vào vào đời vua Ai Công, nước Lỗ, khoảng <sup>478</sup> trước công nguyên, thọ <sup>73</sup> tuổi. Ngài mất rồi, học trò thương khóc thảm thiết, ai cũng để tâm tang ba năm, lại có đến hơn <sup>100</sup> người làm nhà ở gần mộ Ngài đến hết tang.

Đức Khổng Tử dạy được <sup>3000</sup> môn đệ, trong đó có <sup>72</sup> vị xuất sắc, gọi là thất thập nhị hiền.

Đức Khổng Tử lấy đạo luân thường



THUẦN CHƠN SƯU TÂM

làm tôn chỉ của Đạo Ngài:

LUÂN là ngũ luân, năm giềng mối trong gia đình và xã hội: đạo vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em và bạn bè.

THƯỜNG là ngũ thường, gồm năm đức tánh ở nơi con người: nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín. Đạo luân thường do các Thánh hiền xưa để lại và chính Đức Khổng Tử san định và hệ thống hóa cho dễ giảng dạy và học hiểu.

Những sách của Khổng Giáo gồm có Tứ Thư: Đại Học, Trung Dung, Luận Tử và Mạnh Tử. Lục Kinh gồm có Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Nhạc và Kinh Xuân Thu.

Triết lý của Khổng Giáo gồm hai phần: hình nhi hạ học và hình nhi thượng học.

HÌNH NHI HẠ thuộc về phần công truyền, dạy cho tất cả hàng môn đệ về nhơn sinh triết học, học vấn, tu thân tề gia, xử thế tiếp vật, phục vụ nhơn sanh làm gốc.

HÌNH NHI THƯỢNG là phần tinh ba, tâm truyền của Khổng Giáo. Ngài chọn một số môn đệ có trình độ tri thức cao mà

trao truyền đạo lý thâm sâu huyền bí của Tạo Hóa.

Bài này chúng tôi chỉ trình bày chơn dung của Đức Khổng Tử Giáo Chủ của Nho Giáo gồm hai phần về tướng mạo và tác phong đạo đức của Ngài để chúng ta noi gương Ngài. Ông Trên có dạy người tu hành muốn làm Tiên Phật thì phải học và bắt chước hành động gương mẫu của hàng Tiên Phật mới về sống chung được với các Ngài ở Bồng Lai Tiên cảnh.

#### <sup>1</sup>. TƯỚNG MAO

Người cao lớn, có tướng ngũ lộ (mắt lồi, lỗ mũi rộng, lộ hầu, tai bạt, răng hở). Mặt to và có những vạch như quả dưa chín. Bàn tay hổ, ngực rùa, râu rậm, mồm rộng, miệng nói tươi, đi nhanh.

#### <sup>2</sup>. TÁC PHONG

Ngài ôn hòa, nghiêm trang và kính cẩn. Uy mà không dữ, kính cẩn mà an vui tự nhiên. Lúc nào Ngài cũng khoan thai, ung dung và bao giờ cũng có cái vẻ mặt tự nhiên, tươi tỉnh an vui. Những khi ăn uống, nằm nghỉ, luôn ngay

chính, kín đáo. Đối với vua quan, tới lui rất cung kính, điều gì cũng giữ cho hợp lễ phép, cẩn thận từ li từ tí để bày tỏ cái đạo của người quân tử. Lúc động lúc tĩnh đều có thể làm gương cho người bắt chước.

Ngài là người rất nhân hậu. Thấy ai đau đớn buồn rầu thì Ngài cũng động lòng thương xót. Ngồi ăn bên cạnh người có tang thì Ngài ăn không no. Ngày nào đã đi phúng điếu về thì suốt cả ngày không đàn hát (dù tính Ngài thích đàn hát).

#### <sup>3</sup>. CÁI CHÍ

Một hôm Thầy Tử Lộ, đệ tử ruột của Ngài, hỏi Ngài rằng:

*Đệ tử muốn biết cái chí của Phu Tử thế nào?*

Ngài trả lời rằng:

*Lấy sự yên vui mà đôi với kẻ già cả, lấy sự tin mà đôi với bạn bè, lấy sự yêu mến mà đôi đũa với trẻ thơ.*  
(LUẬN NGŨ, CÔNG DÃ TRẠNG)

#### <sup>4</sup>. CÁCH HỌC

Ngài rất hiếu học. Ngài nói rằng:

*Ta không phải là người sanh ra đã biết, chỉ là người thích đạo của Thánh hiền ngày trước, cố sức mà cầu*



học lấy được.

Ngài hết lòng dạy bảo người ta. Ngài nói:

*Thăm lặn nghĩ ngợi mà biết mọi lẽ, học mà không chán, dạy người mà không mỏi, ba điều ấy, ta có điều gì hơn người đâu!*

Bất cứ điều gì, Ngài cũng để chí học cho hiểu, hoặc để biết điều hay mà theo hoặc để biết điều dở mà sửa mình.

Tánh Ngài rất hiếu học và không thẹn mà học hỏi với những kẻ khác ngang hoặc dưới mình. Ngài có cho biết:

*Ta từ <sup>15</sup> tuổi đã có chí lo học, qua <sup>30</sup> tuổi mới biết rõ lẽ, đến <sup>40</sup> tuổi thì hết mê lẫn...*

Ngài học điều gì cũng cẩn thận, không có khinh suất. Ngài nói rằng:

*Có người chẳng biết rõ nghĩa lý gì đã làm chừ ta thì không thê. Nghe nhiều, rồi chọn điều mà theo, thấy nhiều mà nhớ lấy, để xét cho rõ cái hay cái dở, thì cũng đã cho là biết vậy."*

(LUẬN NGŨ, THUẬT NHI VII)

<sup>5</sup>. CÁI LO

Bình sinh lúc nào Ngài cũng lo việc sửa mình

cho ngay chính. Ngài nói rằng:

*Đức của mình không sửa cho tốt, học của mình không giảng cho rõ, nghe điều nghĩa mà không theo được, nghe điều dở mà không sửa đổi được, đó là cái lo của ta vậy.*

<sup>6</sup>. KHIÊM TỐN

Ngài quả thật là một người chí thánh, chí chơn, nhưng Ngài vẫn khiêm tốn, không dám nhận mình là Thánh, là nhân. Ngài nói rằng:

*Nếu bảo ta là Thánh, là nhân, thì ta sao dám đương, nhưng ta làm việc Thánh, việc nhân không chán, dạy người không mỏi, có thể bảo ta được thế mà thôi.*

<sup>7</sup>. ĐỐI VỚI HỌC TRÒ

Đức Khổng Tử rất coi mờ dễ dãi. Hễ ai theo đúng lẽ thì không bao giờ Ngài từ chối dạy bảo. Sự giáo hóa của Ngài có cái chú ý làm cho sáng cái đức sáng của người ta, chớ không phải chỉ đem cái biết của mình mà trao cho người ta. Ngài dùng cách làm cho người ta tự mình hiểu được mọi lẽ phải trái. Ngài nói rằng:

*Ta có biết gì không? Không biết gì cả! Không biết gì cả! Có người què*



*kịch đến hỏi ta, ta không không như không biết gì, đem đầu đuôi trước sau mà nói, làm cho người ấy biết hết mọi lẽ. (LUẬN NGŨ, TỬ HÂN IX)*

Đó thật là một cái phương pháp giáo hóa rất hay để mở rộng cái biết của người ta vậy.

Đối với học trò, không bao giờ Ngài làm việc gì mà không cho mọi người biết. Ngài bảo rằng:

*Các anh tưởng ta có giấu gì các anh chăng? Ta không giấu các anh điều gì cả, ta không làm điều gì mà không cho các anh biết. Thực tế là vậy.*

Ngài ôn hòa và thành thực như thế, cho nên học trò rất đông, mà ai cũng yêu mến và kính trọng Ngài như cha sinh ra họ vậy.

## KẾT LUẬN

Qua tác phong đạo hạnh trong đời sống thường nhật, Đức Khổng Tử cho thấy Ngài không phải là một thường nhân mà chính là một Thánh nhân, thà chịu nghèo để sống thanh bần, không để cho danh lợi, địa vị quyền tước lôi cuốn, chi phối. Ngài thà từ quan về nhà dạy học trò bởi vì cái Đạo của Ngài thuộc vương đạo nên không được các vua chúa trọng dụng vì họ chuyên về bá đạo, thích chiến tranh, giết hại lẫn nhau, không tôn trọng đạo đức nhơn nghĩa. Tuy nhiên học thuyết của Ngài được lưu truyền khắp Á Đông, cả đến Tây Phương cũng nghiên cứu học hỏi. Ngài được sùng bái là “*Vạn thế sư biểu*”, tức tấm gương sáng cho ngàn đời sau noi theo. □



*Đời con có những gì đâu tá,  
Mãi quần quanh trong bả lợi danh;  
Thị phi, đắc thất bại thành,  
Hơn thua, vinh nhục, dữ lành buồn vui.  
Kẻ mọc mọc tới lui bất cập,  
Người khôn ngoan sẽ vấp sảy chơn;  
Rốt cùng nào có gì hơn,  
Sống ăn mặc ở cũng trần thế gian.  
Khi đắc thế huênh hoang hống hách,  
Lúc thất thời nhân cách thảm thương,  
Chợt nhìn mái tóc điểm sương,  
Rồi mờ cỏ lạnh nắm xương rữ tàn.  
Kẻ muội táng thẳng đàng tâm tôi,  
Người giác tâm chọn lối quang minh,  
Trau dồi một mảnh tâm linh,  
Trì trai thủ giới, giữ mình sạch trong.  
Tu cho đạt huyền đồng đại thể,  
Tu cho thành từ huệ phối thiên;  
Tu cho đắc nhất, tấn huyền,  
Tu cho tịch diệt thiên niên Niết Bàn.  
Tiền nhân xưa chỉ đoan sửa tánh,  
Mà kết chung nhập thánh siêu phàm;  
Nay con đạo hạnh vững cầm,  
Dày công tu sửa sẽ làm phật tiên.  
Tâm tánh vốn môi giếng thiện ác,  
Tâm tánh đâu đọa lạc siêu thăng;  
Dở hay xấu tốt bất bằng,  
Buồn vui đau khổ lẽ hằng do đây.  
Muốn tịch diệt liên đài Phật giáo,  
Muốn phối Thiên Nho Lão huyền đồng;  
Trước con giữ dạ sạch trong,  
Phôi đời tịch đạo huyền cùng chúng dân.*

ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU, CQPTGL, <sup>13-8</sup> MẬU NGỌ  
(14\_9\_1978).

# KỶ NIỆM TÁI THIẾT VĨNH NGUYỄN TỰ

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI VĨNH NGUYỄN TỰ NGÀY 15-3 ĐÌNH HỘI (01-5-2007)

THIÊN VƯƠNG TINH

## 1. MỘT CHÚT LỊCH SỬ

Ngôi Vĩnh Nguyễn Tự được Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long (thế danh Lê Văn Tiêng, 1843-1913) khai sáng năm Mậu Thân (1908) ở làng Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn. Đây là chùa Phật của chi Minh Đường.

Nguyên lai Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long tu theo Minh Sư. Chùa Minh Sư gọi là Phật đường, thường là nơi che giấu nghĩa quân chống Pháp. Có thể do tránh sự bắt bớ, đàn áp của quân Pháp nên sang đến đời

Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long, thì bốn chữ *Minh Sư Phật đường* rút gọn thành *Minh Đường* chăng? Đây là một giả thuyết tạm nêu ra để các nhà sử Đạo lưu ý, vì hầu hết đều không rõ lý do xuất hiện chi Minh Đường, nguồn gốc thế nào, và vì sao chỉ có ở làng Long An với Vĩnh Nguyễn Tự trong lúc chi Minh Sư thì lan rộng khắp hai miền Trung Kỳ và Nam Kỳ.

Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long xưa kia (mà nay là Như Ý Đạo Toàn Chon Nhon) lúc còn tại thế đã tiên tri sứ mạng Vĩnh Nguyễn Tự trong

thời khai đạo Cao Đài nên Ngài đã di chúc cho con cháu và môn sinh sau này hãy dùng Vĩnh Nguyễn Tự làm phương tiện cho các Tiên khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hoàng giáo. Năm 1970, có lần Đức Chon Nhon xác nhận sứ mạng dọn đường của Ngài như sau:

*Xưa kia, Lão lập Vĩnh Nguyễn Tự để tu niệm và gây dựng một số hành trang dành để chờ đợi đoàn người sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ tạm dừng chân để lãnh số hành trang ấy làm vốn liếng đi trên quang đường gay go khó khăn giữa thời mạt pháp, ngõ hầu hoàn thành*



sứ mạng đã thọ lãnh chốn Thiên cung.<sup>1</sup>

Chính vì lẽ nhiệm màu ấy, đến tháng Giêng năm Bính Dần (tháng 3\_1926) thì con trai của Ngài Lê Văn Tiếng là Lê Văn Lịch (1890\_1947) đã tuân Thánh ý, thuận cơ Trời mà mau lẹ quy hiệp đạo Cao Đài.

Vĩnh Nguyên Tự từ xưa đến nay tuy vẫn giữ nguyên hình dáng một ngôi chùa Phật nhưng rất vinh diệu là di tích thứ hai của lịch sử khai đạo Cao Đài. Di tích thứ ba là Thánh thất Cầu Kho đã mai một nên về sau thay

1. NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHON. Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 20-3 Canh Tuất (25-4-1970).

bằng Thánh thất Nam Thành (quận 1, Sài Gòn). Di tích thứ tư là chùa Gò Kén (Thiền Lâm Tự, làng Long Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh).

Nói về hai di tích đầu tiên, Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

*Chí Tôn đã dùng một di tích đầu tiên nơi Dương Đông (Phú Quốc) và đã truyền giao cho Ngô Văn Chiêu nhận lãnh dấu hiệu Thiên Nhân để làm biểu tượng thờ phượng trong đạo Cao Đài từ ấy đến nay.*

*Di tích thứ hai là Vĩnh Nguyên Tự. Chí Tôn đã dùng nơi này thu nhận những sứ đồ trung kiên làm nòng cốt ban phong Thiên sắc để nhận lãnh công việc*

*khai Đạo truyền bá giáo lý trong Tam Kỳ Phổ Độ. Nơi đây đã là nơi Chí Tôn lập các kinh điển, luật pháp Đạo trong buổi sơ khai.”<sup>2</sup>*

Trải qua sáu thập niên dãi dầu mưa nắng, ngôi chùa xưa xuống cấp, hư hỏng quá nhiều. Cuối xuân Canh Tuất (tháng 4\_1970), Đức Chí Tôn ban ơn cho Hộ Đạo Vĩnh Nguyên Tự hiệp sức chung lòng cùng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý xúc tiến công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự. Mọi việc lớn nhỏ từ lúc khởi công cho đến khi hoàn tất, làm lễ khánh

2. ĐÔNG PHƯƠNG CHƯƠNG QUÁN. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).





thành, thảy thảy đều thuận theo lẽ Thiên nhân hiệp nhất.

Thật vậy, chính Đức Chí Tôn chọn ngày <sup>13-3</sup> Quý Sửu (<sup>06-4-1973</sup>) để làm lễ khánh thành công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, diễn ra trong ba ngày <sup>13, 14</sup> và Rằm. Công cuộc tái thiết này được Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn (năm <sup>1970</sup>) gọi là “*gây dựng lại ngôi nhà lịch sử*”.<sup>3</sup>

Sau <sup>34</sup> năm, nhân kỷ niệm ngày tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, hôm nay chúng ta có dịp ôn học ý nghĩa lịch sử và giá trị đạo lý huyền nhiệm của ngôi nhà lịch sử. Quan trọng hơn hết là từ chỗ ôn cố tri tân, chúng ta rút ra bài học sống động áp dụng cho Vĩnh Nguyên Tự để quật khởi tinh thần và sức mạnh của Họ Đạo này sao cho khỏi phụ lòng kỳ thác của tiền nhân, sao cho khỏi tụt hậu so với Thiên cơ và kịp thời hòa nhịp cùng vận hội mới của đất nước.

## 2. Ý NGHĨA THIÊNG

3. NHƯ Ý ĐẠO TOÀN CHƠN NHƠN. Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời, 06-8 Canh Tuất (06-9-1970).



### LIÊNG CỦA NGÀY KHÁNH THÀNH 13-3

Như đã nhắc trên đây, chính Đức Chí Tôn chọn ngày <sup>13-3</sup> Quý Sửu (06-4-1973) để làm lễ khánh thành công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự. Tuy nhiên, lúc ấy công trình chưa kịp hoàn tất 100%, một số công trình phụ hã còn dang dở. Lý do vì sao không thể hoãn lại đã được Đức Đông Phương Chương Quán dạy rõ như sau:

Chí Tôn Thượng Đế đã chọn ngày an vị khánh thành sắp tới đây để các sứ đồ con cái của Ngài ôn nhớ lại kỷ niệm thời kỳ khai nguyên lập Đạo. Vì tác dụng, nhu cầu cho việc truyền bá đạo pháp cứu độ quần sanh, cho nên ngày <sup>13</sup> tới đây, nếu

vì lý do các cơ sở tả hữu tiền hậu phụ thuộc chưa kịp dựng nên hình, rồi đình hoãn lại, ắt phải trễ thêm một niên kỳ nữa, là ngày <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup> năm Giáp Dần, e sẽ lỡ hết các cơ hội.

*Thế nên, trong phạm vi hiện hữu với khả năng cố gắng tối đa của nhơn sanh chỉ tới chừng ấy, Chí Tôn vẫn cho phép hành lễ trong năm này để kịp thời sử dụng trong công cuộc cứu rỗi.*<sup>4</sup>

Như thế, ngày khánh thành tái thiết Vĩnh Nguyên Tự vào <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup> âm lịch có ý nghĩa thiêng liêng về mặt đạo pháp. Đức Đông Phương Chương Quán dạy chi tiết như sau:

*Chư hiền đệ muội có biết tại sao Chí Tôn Thượng Đế*

4. ĐÔNG PHƯƠNG CHƯƠNG QUÁN. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

đã chọn ngày <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup> để cử hành cuộc lễ đó chẳng? Sao lại không chọn thời gian khác để có đủ thì giờ chu toàn công việc tái thiết được hoàn mỹ thêm hơn?

Để khỏi mất thì giờ, Bần Đạo giải thích về đạo số cho chư hiền được rõ.

Ngày <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup> tiên khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn đã chọn ngày ấy phong Thánh cho tam vị đại Thiên phong chức sắc đầu tiên. Đó là Thượng Trung Nhật Lê Văn Trung, Ngọc Lịch Nguyệt Lê Văn Lịch, Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

Ngày <sup>13</sup> tháng <sup>3</sup> cũng là ngày Chí Tôn Thượng Phụ thân hồi người Anh Cả tín hữu Cao Đài. Đó là Ngô Văn Chiêu.

(...) Ngô Văn Chiêu là một Anh Cả trong thập nhị tông đồ đầu tiên. Ngô Văn Chiêu đã kiến nhận và tiếp lãnh dấu hiệu Thiên Nhân. Nói về lý số Thiên Nhân là con số<sup>1</sup>, tượng trưng cho ngôi Thái Cực.

Kế đến lập thành lưỡng nghi nơi Vĩnh Nguyên Tự. Đó là nhật nguyệt âm dương.

Từ Thái Cực biến Lưỡng Nghi trở thành cái pháp sanh hóa muôn loài vạn vật mà cái pháp ấy Hộ Pháp đã tượng trưng.<sup>5</sup>

Như thế, Thánh giáo giúp cho ta hiểu rằng khánh thành công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự cũng là để kịp thời tạo nên một trụ tướng hữu hình làm cái lý huyền diệu cho dòng đạo pháp sinh hóa trường lưu hầu cứu rỗi chúng sinh trong Kỳ Ba Ân Xá.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

5. ĐÔNG PHƯƠNG CHƯÔNG QUẢN. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

Vĩnh Nguyên Tự ngày nay được tái thiết bằng những tấm lòng thiết tha vì đạo nghiệp. Dầu rằng chưa được hoàn thành trọn vẹn, nhưng cũng tạm gọi là thành, và khánh thành cho đúng với máy Trời xây chuyển tận độ Kỳ Ba.<sup>6</sup>

Vậy, BÀI HỌC THỨ NHẤT rút ra là gì? Phải chăng, nếu Vĩnh Nguyên Tự hôm nay cứ vì những lẽ thường tình, cứ loanh quanh trong vòng trói buộc của vật chất, thì sẽ không đủ sức huyền linh để phát động vị thế “lưỡng nghi sanh hóa” của mình. Như thế cũng có nghĩa là trái Thiên cơ, nghịch Thánh ý, là phụ lòng tiền nhân gởi gắm và ơn phước của Đức Chí Tôn chan rưới.

### 3. Ý NGHĨA VIỆC RÚT BĂNG KHÁNH THÀNH TÁI THIẾT VĨNH NGUYÊN TỰ

Khi khánh thành công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, thay vì tục lệ cắt băng khánh thành quen thuộc trên thế gian, Ôn Trên dạy làm nghi thức rút băng khánh thành, đáng nói là hy hữu. Tại sao không cắt băng mà lại rút băng? Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

Chư hiền đê, hiền muội xa gần chung nhau bồi đắp nền tảng Đạo để hữu dụng tương lai. Đó cũng là một sợi dây liên hệ chặt chẽ khiến cho tiền đồ Đại Đạo càng được vững vàng bởi cội gốc được vững bền.<sup>7</sup>

Như thế, cắt băng cũng đồng nghĩa

6. NHƯ Ý ĐẠO TOÀN CHƠN NHƠN. Vĩnh Nguyên Tự, 10-3 Quý Sửu (12-4-1973).

7. NHƯ Ý ĐẠO TOÀN CHƠN NHƠN. Vĩnh Nguyên Tự, 06-8 Canh Tuất (06-9-1970).

cắt đứt “sợi dây liên hệ chặt chẽ” mà Đức Chơn Nhơn đã nói đó. Còn rút bằng hàm ngụ ý nghĩa tháo gỡ những gút mắc, rối rắm cho tình đạo hanh thông, tình đời suôn sẻ.

Trên phương diện hòa đồng tôn giáo, dung hợp tín ngưỡng, Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch minh giải ý nghĩa sâu kín của việc rút bằng khánh thành như sau:

*Còn sang ngày Rằm. Cười. Chương trình đã in có ghi chữ rút bằng, nhưng chưa hề phân vân chưa biết rút bằng hay nên cắt bằng. Nếu Ban Tổ chức không thỉnh ý Thiêng Liêng cứ noi theo cựu lệ mà hành thì cũng tốt. Nhưng tâm nguyện hỏi thì Bản Đạo cũng góp ý để tùy chưa hề linh động.*

*Theo ý Bản Đạo, nếu được, nên làm bằng thất thành hoa có tám cánh, nhưng phía dưới thông ra bốn môi. Bốn môi đó dành cho đại diện Tứ giáo xu hướng tín ngưỡng: Một là Phật Giáo, có vị thượng tọa. Hai là Tiên Giáo (Đạo Giáo, Lão Giáo cũng thế), có thể mỗi này do Tổng Lý Minh Đạo rút. Môi khác nữa đại*

*diện Khổng Giáo. Môi chót do đại diện Thiên Chúa (Ki Tô) rút.<sup>8</sup>*

Ngoài ra, để thể hiện lý đạo của hình ảnh “sợi dây liên hệ chặt chẽ”, Đức Giáo Tông Vô Vi khuyên hãy thành lập một Ban Tổ chức hỗn hợp cho lễ khánh thành, thay vì chỉ gồm những người địa phương. Đức Giáo Tông dạy:

*(...) Bản Đạo khuyên Thường Vụ Cơ Quan đứng ra mời các tổ chức bạn để cùng phối hợp tinh thần trong Ban Tổ chức. Các khối ấy gồm có Hội Thánh Truyền Giáo, Minh Lý Thánh Hội, Giáo Hội Tiên Thiên cùng chưa hề Thường Vụ soạn thảo chương trình phối hợp hành sự. Có như vậy để nói lên ý nghĩa Vĩnh Nguyên Tự là của chung, là một mắt xích trong sợi dây xích Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.<sup>9</sup>*

Nếu Vĩnh Nguyên Tự là “của chung” thì ắt có người không hiểu vì sao hơn 40 năm qua Vĩnh Nguyên Tự luôn luôn

gắn bó với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, kể cả quá trình tái thiết cũng như duy trì và phát triển sau này.

Quả thật, Cơ Quan chẳng phải là một Hội Thánh, thậm chí cũng chẳng phải là một Thánh thất, nên Cơ Quan đóng vai trò mặc nhiên là “trung tính” (neutre), là lý do Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, vị Tổ khai sáng Vĩnh Nguyên Tự, đã khuyên lớp hậu duệ của Ngài ở Vĩnh Nguyên Tự như sau:

*Vậy trong sự tái thiết chánh danh chánh nghĩa, các cháu hãy tựa hẳn vào toàn Đạo để khỏi điêu du luận thị phi, mà điểm tựa chánh là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Lão cũng nói rõ hơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ngày nay là đại đồng hiệp nhất, quy nhất, thống nhất, v.v...<sup>10</sup>*

Vậy, BÀI HỌC THỨ HAI rút ra là gì? Phải chăng, nếu Thánh giáo đã xác định Vĩnh Nguyên Tự “là của chung, là một mắt xích trong sợi dây xích Đại

8. GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 04-3 Quý Sửu (06-4-1973).

9. ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỜNG QUẢN. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

10. NHƯ Ý ĐẠO TOÀN CHƠN NHƠN. Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 20-3 Canh Tuất (25-4-1970).





Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”, là nơi thể hiện tinh thần dung hòa, thống nhất các xu hướng tín ngưỡng... thì người Vĩnh Nguyên Tự không một ai được phép nghĩ rằng Thánh sở này là tài sản riêng và chỉ dành riêng cho dòng tộc họ Lê mà thôi. Ngược lại, nếu ai còn dám nghĩ suy theo óc tư riêng chiếm hữu, thì có lẽ Đáng buồn phiền nhất chính là Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn.

#### 4. TẠI SAO MỘT THÁNH SỞ CAO ĐÀI NHƯ VĨNH NGUYỄN TỰ MÀ VẪN MANG

#### HÌNH DÁNG MỘT NGÔI CHÙA PHẬT?

Từ khi quy hiệp Cao Đài (1926) và đến khi tái thiết (1970-1973), Vĩnh Nguyên Tự trước sau vẫn mang hình dáng một ngôi chùa Phật. Thậm chí, không gọi tên “Thánh thất Vĩnh Nguyên”, mà cứ giữ hoài chữ Tự (là chùa). Tại sao như thế?

Nói theo luân lý thế gian, đó là ghi nhớ nguồn cội xuất phát ban sơ, vì Vĩnh Nguyên Tự vốn là chùa thờ Phật.

Nhưng xét về lý Đạo sâu xa, Ông Trên giữ hình tướng chùa Phật và giữ

hình danh ở chữ “Tự” để phá bệnh chấp tướng, phá bệnh chấp danh của thế gian, đưa con người vươn lên tới chỗ vô tướng vô danh, vô phân biệt của Đại Đạo.

Về danh xưng Vĩnh Nguyên Tự, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Vĩnh Nguyên Tự là một danh từ cũng như bao nhiêu danh từ khác, mượn danh từ để miêu tả ý Đạo.<sup>11</sup>*

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy tiếp:

*Còn nói về cái tướng của ngôi chùa cũng vậy. Đó chỉ là tạm mượn hình tướng để diễn tả cái lý Đạo. Ngôi chùa Phật thờ theo nghi tiết trong Đại Đạo, đại diện các tôn giáo đến rút bằng khánh thành. Người tín hữu Minh Sư đọc kinh Cao Đài và lập đàn cơ thỉnh Tam Giáo Tổ Sư dạy đạo đến khi quy liễu đắc vị Thần Thánh Tiên Phật. Những cái dị biệt về hình tướng danh từ còn có nghĩa gì trước cái chơn lý đơn thuần tự nó không giới hạn không phân ranh.<sup>12</sup>*

11. NHƯ Ý ĐẠO TOÀN CHƠN NHƠN. Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời, 15-3 Giáp Dần (07-4-1974).

12. NHƯ Ý ĐẠO TOÀN CHƠN NHƠN. Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời, 15-3 Giáp Dần (07-4-



Nếu đã lãnh hội lý Đạo cao siêu qua lời dạy của Đức Chơn Nhơn, sẽ không còn ai phải thắc mắc vì sao trong Cao Đài có một Thánh sở khác lạ như Vĩnh Nguyên Tự. Mọi người cũng từ đó hiểu thêm giá trị tinh thần rất to tát của Vĩnh Nguyên Tự. Giá trị ấy được Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh dạy rõ như sau:

*Sự tái thiết Vĩnh Nguyên Tự cũng như sự tái thiết các nơi khác cũng như nhau. Về vật chất và trụ tướng thì không có chi đáng nói. (...) Dầu nơi đây là một trong những khởi thủy cho giai đoạn tiên khai Đại Đạo, nhưng giá trị tinh thần của nó là ở chỗ phá chấp mọi dị đồng, mọi giai cấp.<sup>13</sup>*

Vậy, BÀI HỌC THỨ BA rút ra là gì? Phải chăng, nếu Thánh giáo đã xác định Vĩnh Nguyên Tự mang giá trị cao quý ở chỗ phá hình danh sắc tướng, thì bản thân Họ Đạo này càng phải thể hiện tinh thần siêu việt ấy. Có như thế, ít ra trong quan hệ hành đạo với chánh quyền, Họ Đạo càng được thấu hiểu và được sự yểm trợ theo tinh thần đời đạo tương đắc, đúng với chính sách tôn giáo hiện hành của Nhà nước. Đó là góp phần tạo nên một điều kiện thuận lợi cho công

cuộc hành đạo vị nhơn sanh tại Vĩnh Nguyên Tự.

## 5. Ý NGHĨA ĐÍCH THỰC CỦA CÔNG CUỘC TÁI THIẾT VĨNH NGUYÊN TỰ

Học đạo, ai cũng hiểu hai chữ vô thường, ai cũng rõ luật Thành Trụ Hoại Không. Như vậy, tái thiết Vĩnh Nguyên Tự cốt yếu chẳng nhắm vào chỗ phục hồi và duy trì một hình tướng cũ sắp đổ nát.

Để giúp cho bốn đạo thấy được ý nghĩa rất tương đối của một di tích lịch sử về phương diện vật chất hữu hình, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Lão thiết nghĩ vật chất hữu hình là của tạm bợ nơi cõi hồng trần, nếu còn lưu lại chẳng là trên dòng lịch sử. (...)*

*Xưa kia, Lão lập Vĩnh Nguyên Tự để tu niệm và gây dựng một số hành trang dành để chờ đợi đoàn người sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ tạm dừng chân để lãnh số*



1974).

13. GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH. Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 12-4 Canh Tuất (16-5-1970).

*hành trang ấy làm vốn liếng đi trên quãng đường gay go khó khăn giữa thời mạt pháp, ngõ hầu hoàn thành sứ mạng đã thọ lãnh chôn Thiên cung. Nay giai đoạn của Lão đã xong, đoàn người sứ mạng cũng đã trở về trên cảnh cũ. Còn lại đây, nếu muốn giữ di tích ấy cho khỏi đứt quãng dòng lịch sử trong Đại Đạo thì cứ giữ, bằng không cũng sẽ như các sự vật trên đời này luân chuyển theo thời gian, chìm sâu trong quá khứ đó thôi.<sup>14</sup>*

Nhưng dòng lịch sử Đạo mà Đức Chơn Nhơn nói tới đó không nên hiểu là một lịch sử chung chung, trừu tượng. Vĩnh Nguyên Tự được tái thiết là để góp phần vào guồng máy Thiên cơ, nhằm cứu khổ chúng dân.

Đức Ngọc Lịch Nguyệt, một tiền nhân anh linh của Vĩnh Nguyên Tự, đã minh xác như sau:

*Dòng sử Đạo hay nói đúng hơn là dòng sử của một dân tộc được chọn trên thế giới ngày nay không phải chỉ nhắm vào những hình thức vĩ đại mà chính là ý nghĩa của nó phải tương xứng, không quá chênh lệch, cũng không phải chỉ để bảo tồn hai tiếng lịch sử của nó, mà điều quan trọng hơn là bảo tồn vạn linh sanh chúng trong cơ cứu khổ sau Hội Long Hoa.<sup>15</sup>*

Vậy, BÀI HỌC THỨ TƯ rút ra là gì? Phải chăng, nếu thánh giáo đã xác định tái thiết Vĩnh Nguyên Tự “không phải chỉ để bảo tồn hai tiếng lịch sử của nó, mà điều quan trọng hơn là bảo tồn vạn linh sanh chúng trong cơ cứu khổ

sau Hội Long Hoa” thì nhân sự trách nhiệm của Vĩnh Nguyên Tự hôm nay và mai sau mãi mãi phải xứng đáng với sứ mạng này. Nói khác đi, mỗi năm kỷ niệm tái thiết Vĩnh Nguyên Tự thì con người Vĩnh Nguyên còn phải tâm niệm xét lòng rằng từng trách vụ đã tái thiết con người chính mình chưa đủ sức gánh gồng đạo nghiệp cho xứng tầm sứ mạng cao quý của Vĩnh Nguyên Tự.

## 6. LÀM SAO TÁI THIẾT CON NGƯỜI VĨNH NGUYÊN CHO XỨNG TẦM SỨ MẠNG CAO QUÝ CỦA VĨNH NGUYÊN TỰ TRÊN DÒNG SỬ ĐẠO?

Bài học thứ tư trên đây đặt ra cho chúng ta câu hỏi này. Trả lời được, thì đó lại là BÀI HỌC THỨ NĂM để chúng ta cùng chiêm nghiệm và thực hành.

Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch đã giúp cho con người Vĩnh Nguyên nhận rõ đâu là giá trị cao quý đích thực của Thánh sở này. Ngài dạy:

*Nơi đây đã thể hiện tinh thần thương tôn luật pháp, dưới hạ mình độ chúng trong tình huynh đệ đại đồng. Nơi đây cũng đóng góp bao tâm tư, bao kinh nghiệm đạo lý để lại dòng sử Đạo cho hậu thế. Mà nơi đây cũng thể hiện tinh thần bất khuất, dám hy sinh thân thế cũng như sản nghiệp trước bạo lực không chế đàn áp của đương quyền lúc bấy giờ để khai thông và phổ độ quần sanh trong thời lê dân thống khổ. Cái quý là ở chỗ đó, chớ quý chi những vật chất*

14. NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN. Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 20-3 Canh Tuất (25-4-1970).

15. NGỌC LỊCH NGUYỆT. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 24-02 Quý Sửu (28-3-1973).

*hữu thể hữu tướng trên cõi tạm này.*<sup>16</sup>

Vậy thì tiếp nối truyền thống xưa, để tái thiết con người Vĩnh Nguyên hôm nay trước tiên cần đảm bảo tuân thủ quyền pháp Đạo nghiêm minh và rèn luyện tinh thần buông xả tư lợi vật chất.

Đã bao lần vị khai sáng tổ nghiệp Vĩnh Nguyên này luôn bận lòng nhắc nhở hậu duệ hiểu thông lý Đạo mà buông bỏ vô ốc tư riêng. Năm 1973, trước ngày khánh thành tái thiết, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy con cháu họ Lê rằng:

*Về phần các cháu, hẳn các cháu còn nhớ lời Lão khi xưa: “Truyền hiền bất truyền tử”. Không phải phủ nhận con cháu, mà muốn con cháu phải làm hiền mới xứng đáng là người noi đạo nghiệp.*

*Vĩnh Nguyên Tự là Đạo nghiệp. Vậy thì của người đạo, người hiền, không phải của một họ, mà của trăm họ.*<sup>17</sup>

Nếu Vĩnh Nguyên Tự đích thực là của trăm họ thì mới mong có nhân tài đức độ chung lòng góp sức để phát triển cơ Đạo nơi đây. Muốn vậy, Vĩnh Nguyên Tự phải trở thành một nơi như dân gian vẫn nói “Đất lành chim đậu”. Thật thế, Đức Thiện Trí Lê Minh Pháp từng nhắc nhở Họ Đạo Vĩnh Nguyên như sau:

*Vĩnh Nguyên là tàn cây đạo đức, cành lá có sum sê tươi tốt thì muôn chim mới đến ẩn mình. Bằng tàn lá xơ rơ tro trọi thì muôn chim không tránh khỏi những cơn*

16. GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TÍNH. Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 12-4 Canh Tuất (16-5-1970).

17. NHƯ Ý ĐẠO TOÀN CHƠN NHƠN. Vĩnh Nguyên Tự, Hợi thời, 10-3 Quý Sửu (12-4-1973).

*đông bão. Đã bao lần, trải qua bao thảm trạng rồi, và sẽ còn nữa, nếu đạo nghiệp nơi này chẳng dựng phục hưng.*<sup>18</sup>

•

Kính thưa quý vị,

Khi ôn học Thánh giáo xưa để đúc kết thành năm bài học vừa rồi và đem ra đây chia sẻ cùng Họ Đạo nhân ngày kỷ niệm tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, lòng chúng tôi vô cùng lo âu trước lời cảnh báo tâm huyết của Đức Thiện Trí Lê Minh Pháp (năm 1970):

*Đã bao lần, trải qua bao thảm trạng rồi, và sẽ còn nữa, nếu đạo nghiệp nơi này chẳng dựng phục hưng.*

Tôi có phước được Đức Chơn Nhơn sớm nhận nhìn là đệ tử. Ngài bao phen nâng đỡ dìu dắt tôi cũng như từng gởi gắm đạo nghiệp Vĩnh Nguyên để tôi vinh hạnh hiệp sức chung lòng cùng quý đạo huynh, đạo tử nơi đây gánh vác.

Cảm đội ơn sâu của Đức Chơn Nhơn, xưa nay tôi luôn coi mình là một người ruột thịt của Vĩnh Nguyên. Vì thế, bài nói chuyện hôm nay, nếu như vì thiết tha với tiền đồ sứ mạng lịch sử của Vĩnh Nguyên Tự mà tôi có bày tỏ lời lẽ chi khiến quý huynh tử suy nghĩ, chạnh lòng... kính mong quý vị lượng tình đạo mạch thiêng liêng giữa cá nhân tôi với Đức Tôn Sư là Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, và cũng vì những thâm tình của tôi với Vĩnh Nguyên Tự bao nhiêu năm qua mà cùng hoan hi, thể tất cho tôi.

Xin chân thành đa tạ. □

18. THIỆN TRÍ LÊ MINH PHÁP. Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời, 06-8 Canh Tuất (06-9-1970).

# TÂM VÓC NHÂN LOẠI CHO NHÂN SỰ CỦA ĐẠI ĐẠO

THIỆN QUANG

Vào đầu năm Kỷ Tỵ (1989), Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã tổ chức lễ tốt nghiệp cho lớp Giáo Sĩ khoá 4,<sup>1</sup> kết thúc một trong những khóa giáo lý gặp khá nhiều nghịch cảnh của Cơ Quan. Mùa mưa năm ấy, mấy anh chị em “khoá 4” này vẫn còn bồi hồi ôn lại những năm tháng học giáo lý trong lò tương hột, ngồi chép bài trên những chiếc bàn phoi tương đầy rệp, dưới ánh sáng của mấy ngọn đèn dầu tù mù trong những buổi tối cúp điện dài dằng dặc. Nhưng khoảng giữa mùa mưa, vào dịp rằm tháng Bảy, Đức Lý Giáo Tông đã dạy Cơ Quan:

*Nhân sự được đào tạo phải có tâm vóc nhân loại, vượt khỏi ngưỡng cửa Cao Đài, do đó, đòi hỏi phải hội đủ tâm, hạnh, đức, tài để*

1. Bây giờ, lớp này được gọi là lớp “Bồi dưỡng giáo lý cấp 2” – khoá 4.

*thực hiện sứ mạng lớn lao của Cơ Quan. Thế chư hiền đệ muội đã chuẩn bị chưa? Nếu chỉ đào tạo một nhân sự chung chung thì chưa đủ với sứ mạng trong tương lai.*

Như vậy, bất chấp mọi nghịch cảnh, Đức Lý Giáo Tông vẫn yêu cầu Cơ Quan phải đảm bảo “tâm vóc nhân loại” cho nhân sự mà mình đào tạo được. Đã có nhiều buổi đạo đàm, hội thảo về lời dạy này cùng với nhiều đề xuất ở những mức độ khác nhau, nhưng giờ đây, nhân sự Cơ Quan vẫn chưa đạt được tâm vóc mà Đức Lý Giáo Tông mong đợi. Trong quá khứ, chúng ta thiếu một cơ sở khoa học cho những giải pháp đào tạo đã được đề xuất. Tuy nhiên, vài năm trở lại đây, trên thế giới đã có nhiều tiến bộ trong các lĩnh vực như phát triển nguồn nhân lực (human resources development),

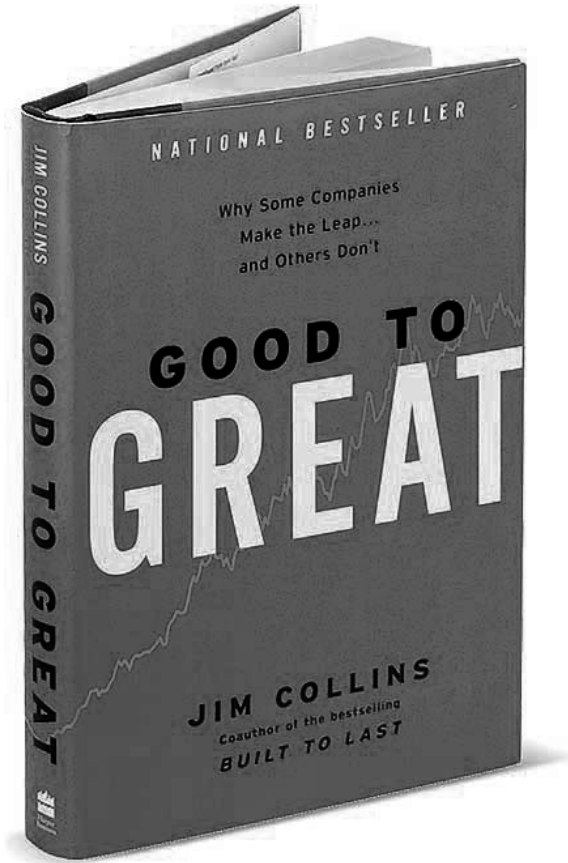
hay phát triển khả năng lãnh đạo (leadership development); và chúng có thể mang đến cho chúng ta những cơ sở khoa học cần thiết để phát triển chất lượng nhân lực của Cơ Quan và Đại Đạo.

## 1. CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU “GOOD TO GREAT”

Được thực hiện bởi một nhóm 21 nhà nghiên cứu tại Colorado do Jim Collins chịu trách nhiệm chính, công trình nghiên cứu mang tên “Good to Great” nhằm xác định “nguyên nhân khiến cho một công ty đạt tâm vóc toàn cầu”.<sup>2</sup> Đối tượng nghiên cứu của nhóm J. Collins là những công

2. Công trình nghiên cứu này được công bố trong quyển sách “Good to Great – Why Some Companies Make the Leap... and Others Don’t” của Jim Collins, do Random House xuất bản vào năm 2001.





ty đã từng được bình chọn trên tạp chí Fortune 500 từ năm 1965 đến năm 1995. Khi đánh giá tầm cỡ của 1.435 công ty lớn nhất (và tốt nhất) trong số những công ty được Fortune 500 bình chọn trong khoảng thời gian 30 năm này, nhóm nghiên cứu dùng một thước đo với hai giá trị: “good” (tốt, giỏi, có hiệu quả cao), và “great” (tuyệt hảo, xuất sắc, ưu tú, vĩ đại, có tầm vóc toàn cầu). Nhóm nghiên cứu này nhận thấy rằng:

- Trong số 1.435 công ty được nghiên cứu, hầu hết đều đạt (và chỉ đạt) mức “good”. Nhiều công ty trong số đó đã chuyển lên được mức “great” nhưng sau một thời gian khá ngắn – không quá 15 năm – lại rơi trở về mức “good”.

- Chỉ vọn vẹn 11 công ty thật sự có khả năng chuyển từ mức “good” (tốt) lên mức “great” (có tầm cỡ, vĩ đại, ưu tú, xuất sắc) và duy trì được khả năng đó trong tối thiểu

15 năm.<sup>3</sup>

Mười một công ty đặc biệt này được nhóm J. Collins đặt tên là “good-to-great company”: những công ty có khả năng từ bỏ cái “tốt” của mình để tiến đến cái “vĩ đại” ở tầm mức toàn thế giới.

Tại sao hầu hết các “good companies” lại không trở thành các “great companies”? Nhóm J. Collins phát hiện ra một điều, gây sững sốt cho các nhà lãnh đạo và các nhà quản trị kinh doanh trên toàn thế giới: “Good is the enemy of Great.”<sup>4</sup> (Cái Tốt là kẻ thù của cái Vĩ đại).

Điểm đặc biệt trong nghiên cứu của nhóm J. Collins là họ không hề so sánh giữa “good” với “bad”, mà chỉ so sánh “good” với “great”. Trong ngữ cảnh của toàn bộ công trình nghiên cứu này, khi nghe J. Collin nói “Cái tốt là kẻ thù...”, chúng ta đừng nghĩ đến

3. Mười một công ty này là: Abbott, Circuit City, Fannie Mae, Gillette, Kimberly-Clark, Kroger, Nucor, Philip Morris, Pitney Bowes, Walgreens, và Wells Fargo.

4. Jim Collins, Good to Great, tr.3.

mặt đối lập thấp hơn nó là cái xấu, mà hãy nghĩ đến mặt đối lập cao hơn nó là cái ưu tú, cái xuất sắc, cái vĩ đại. Ngữ cảnh này chứa đựng một tư tưởng tích cực đối với việc phát triển cá nhân và tập thể mà chúng ta thường thấy trong Thánh ngôn, Thánh giáo.

Bây giờ, trở lại với câu hỏi “tại sao Cơ Quan chưa đạt được tầm vóc nhân loại?”, nếu sử dụng kết quả nghiên cứu của nhóm J. Collins, chúng ta có thể nhìn thấy lý do: sở dĩ Cơ Quan thiếu nhân viên ưu tú vì hầu hết nhân viên Cơ Quan đều là... nhân viên tốt, sở dĩ Cơ Quan có quá ít Vụ (Ban) xuất sắc vì hầu hết các Vụ (Ban) đều... tốt. Nhưng, thật không may, trong cõi nhị nguyên này, cái tốt luôn luôn trở thành vật cản đường đối với cái xuất sắc, cái ưu tú. Vì vậy, chỉ khi nào chúng ta chịu từ bỏ cái tốt của mình để tiến đến chỗ xuất sắc, ưu tú,... thì Cơ Quan mới có thể đạt được tầm mức nhân loại.

Liệu đây có phải là một sự cường điệu hóa? Không, chúng ta thử nhìn vào một sự kiện có thật. Năm Bính Dần 1986, Đức Lý Giáo Tông đã từng dạy:

*Cơ Quan phải làm những gì có ích cho cơ Đạo mà các chi phái khác chưa làm (...) chớ nếu chỉ thuyết đạo, lễ bái, liên giao, tu học,... thì có gì khác nữa đâu.<sup>5</sup>*

Sau lời dạy đó, tuy nhiên, phần lớn các nội dung của các phúc trình từ 1986 đến 2006 đều là:

- Liệt kê các bài thuyết đạo.
- Liệt kê các buổi lễ, bái.
- Liệt kê các chuyến liên giao.
- Liệt kê các bài học của các lớp.

5. 19-02 Bính Dần (28-3-1986).

• Những công việc thường xuyên khác trong Cơ Quan.

Những việc thuyết đạo, lễ bái, liên giao, tu học,... hiển nhiên đều là những việc “good”, nhưng Đức Lý Giáo Tông đang muốn Cơ Quan phải làm vượt lên tất cả những việc đó để làm những việc “great”: “phải làm những gì có ích cho cơ Đạo mà các chi phái khác chưa làm”. Vậy thì, chính những cái “tốt” mà chúng ta đang dừng lại tại đó – như thuyết đạo, lễ bái, liên giao, tu học – đã và đang cản trở Cơ Quan tiến đến tầm vóc đáng lẽ phải có của Cơ Quan.

Trở lại với công trình nghiên cứu của nhóm J. Collins. Điều gì đã làm cho <sup>11</sup> công ty như Abbott, Gillette, Nucor, Wells Fargo,... đạt được tầm vóc “great”? Trong khi đó, tại sao những “good companies” không lồ như Boeing, Coca-Cola, Intel,... lại không đạt được một tầm vóc như vậy? Câu trả lời nằm ở vấn đề nhân sự. Dữ liệu mà nhóm nghiên cứu thu thập được cho thấy: Trong tất cả <sup>11</sup> “good-to-great companies”, những nhân vật then chốt đều của họ đều thuộc về một loại “nhân sự đặc biệt” mà các công ty khác không có. Vậy, loại “nhân sự đặc biệt” đó là loại nhân sự như thế nào?

Khảo sát các đặc điểm nhân sự của toàn bộ <sup>1,435</sup> công ty, nhóm nghiên cứu thấy rằng có thể phân loại nhân sự của họ như sau:

- Loại 1, những cá nhân có năng lực cao: họ có năng khiếu, kiến thức, kỹ năng, và những thái độ tốt;
- Loại 2, những thành viên tích cực: họ luôn muốn đóng góp khả năng cá

nhân vào sự thành đạt chung của tập thể;

- Loại <sup>3</sup>, những nhà quản lý (manager) tài ba: họ có thể tổ chức nhân lực và vật lực để thực hiện những mục tiêu đã được cam kết từ trước với một năng suất rất cao;

- Loại <sup>4</sup>, những nhà lãnh đạo (leader) hiệu quả: họ có một tầm nhìn sáng suốt, uy tín lớn lao, có thể tạo cho tổ chức một sức sống mạnh mẽ để đạt được những thành tựu ngày càng cao;

- Loại <sup>5</sup>, những người tạo tầm vóc cho tổ chức (level-<sup>5</sup> executive): họ kiên nhẫn xây dựng nên tầm vóc vĩ đại của tổ chức bằng cách sử dụng sự khiêm hạ trong nhân cách của họ và sự quyết chí trong việc phát triển những sở trường chuyên môn của họ.

Hầu hết <sup>1,435</sup> công ty được khảo sát đều có trong tay bốn loại nhân sự đầu, tức là nhân sự loại <sup>1</sup>, loại <sup>2</sup>, loại <sup>3</sup> và loại <sup>4</sup>. Riêng chỉ có <sup>11</sup> công ty “good-to-great” là có được nhân sự loại <sup>5</sup>. Đặc biệt, trong <sup>11</sup> công ty này, cả <sup>11</sup> vị CEOs (chức vụ lãnh đạo cao nhất trong một công ty, có

thể tạm dịch là Tổng giám đốc) đều là những “người loại <sup>5</sup>”.

Bốn loại nhân sự đầu là những loại nhân sự tài giỏi mà không một công ty nào không mơ ước. Nhưng tại sao, dù có cả bốn loại nhân sự này – mà thiếu nhân sự loại <sup>5</sup> – các công ty chỉ có thể đạt được mức tối đa là “good” chứ không thể tiến được đến mức “great”? So với bốn loại nhân sự này, thì nhân sự loại <sup>5</sup> chính là loại nhân sự “đặc biệt” để phát triển tầm vóc của mọi bộ phận trong một tổ chức, cũng như, của toàn thể tổ chức. Vậy điều gì khiến cho loại nhân sự thứ <sup>5</sup> này làm được điều mà bốn loại nhân sự tài giỏi bên trên không làm được? Nhóm J. Collins tìm ra lời giải đáp: chính là do tính cách của người thuộc loại <sup>5</sup>. Tính cách này có thể được tóm tắt bởi công thức sau đây:

SỰ KHIÊM HẠ + SỰ QUYẾT CHÍ  
= NGƯỜI LOẠI <sup>5</sup>.

Trong tính cách của mình, “người loại <sup>5</sup>” là một sự kết hợp của hai khuynh hướng cương-như trái ngược nhau: khiêm nhường nhưng

quyết tâm, mềm mỏng nhưng đầy dũng khí, hiền lành nhưng uy nghiêm,... Đặc điểm chung của các CEO trong <sup>11</sup> công ty “good-to-great” nói trên, qua sự mô tả của báo chí Mỹ, thể hiện rõ hai mặt đối lập này:

- Mặt thứ nhất: Quiet (trầm tĩnh), understated (cẩn ngôn), humble (hạ mình), self-effacing (khiêm cung), modest (tử tốn), reserved (kín đáo), shy (biết mắc cỡ, sĩ diện), gracious (nhân hậu), mild-mannered (ôn hòa),...

- Mặt thứ hai: Mỗi khi thời cơ để nâng cao tầm vóc của công ty vừa tới, họ lập tức nắm thời cơ và hành động một cách nhanh chóng, cương quyết, mạnh mẽ, không rụt rè, không e ngại, không sợ mình bị tổn thương,... miễn sao tập thể của họ đạt được tầm vóc mới.

Người loại <sup>5</sup> có khả năng phát triển tầm vóc của một cộng đồng mà không cần đứng ở bất kỳ một vị trí lãnh đạo hay quản lý nào. Khả năng này lại chính là khả năng quan trọng nhất của nghệ thuật lãnh đạo

hiện đại (modern leadership), nghĩa là “lãnh đạo nhờ sự đặc nhân tâm chứ không cần đến những quyền lực của chức vụ”. Để hiểu rõ hơn về điều này, chúng ta hãy tạm dừng câu chuyện “Good to Great” của nhóm J. Collins một lúc để thực hiện một chuyến tham quan ngắn trong lĩnh vực nghệ thuật lãnh đạo hiện đại.

## 2. NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO HIỆN ĐẠI (MODERN LEADERSHIP)

Chúng ta hãy mở đầu việc tham quan bằng cách đến ngắm căn phòng chứa đồ cổ của những quan niệm về lãnh đạo trong quá khứ mà nay đã bị lỗi thời. Trong số những thứ đồ cổ này, ta có thể thấy:

- Nói đến lãnh đạo là nói đến quyền hành, địa vị, chức tước.
- Lãnh đạo là quản lý, quản lý, và quản lý.
- Người lãnh đạo làm việc bằng cách sai bảo, ra chỉ thị, dùng mệnh lệnh để điều khiển cấp dưới.
- Quy tắc vàng của cấp dưới: chấp nhận công thức “cấp trên luôn luôn đúng”. v.v...

Đây là những kiểu lãnh đạo dùng quyền hành, mệnh lệnh, chỉ thị. Ngày nay, tất cả các công ty có những kiểu lãnh đạo tương tự như trên đây đều bị trì trệ, không phát triển được. Họ cố gắng tung tiền vào quảng cáo, đánh bóng thương hiệu của mình, huy động thêm vốn, thay đổi nhân sự, giảm giá sản phẩm,... Nhưng lần lượt, họ bị sụp đổ trên thương trường. Đó là lý do tại

sao những kiểu lãnh đạo này đang bị từ bỏ trong thế giới ngày nay.

Nói đến nghệ thuật lãnh đạo hiện đại là nói đến “tầm nhìn” về tương lai, khả năng “tạo nên động cơ” làm cho tập thể đi về cùng một hướng, và “tắm lòng hy sinh” cho tập thể. Trong một tổ chức của thế giới hiện đại, người đứng ở cấp bậc càng cao không phải là người sử dụng càng nhiều quyền lực, mà là người có tầm nhìn càng xa về tương lai của tổ chức, là người tạo được càng nhiều ảnh hưởng tích cực đến mọi thành viên của tập thể khiến cho tất cả cùng nhìn về một hướng để đi về cùng một mục tiêu, và cuối cùng, là người hy sinh càng nhiều cho tổ chức trong việc phục vụ cấp dưới và phụng sự cho tương lai của tổ chức.

LÃNH ĐẠO và QUẢN LÝ là hai chức năng có bản chất khác nhau tuy có cùng mục đích. LÃNH ĐẠO LÀ MỘT KHẢ NĂNG CỦA TÂM HỒN, CÒN QUẢN LÝ LÀ MỘT KHẢ NĂNG CỦA LÝ TRÍ. Nhà lãnh đạo (leader) phải biết dùng tâm hồn của mình để khai đường mở lối cho tập thể; nhà quản lý (manager) phải biết dùng lý trí của mình để tổ chức cuộc hành trình cho có hiệu quả trên những đường lối đã khai mở. Bởi vậy, quản lý là “làm việc cho đúng, còn lãnh đạo là làm cho đúng việc”. Nhà quản lý phải kiểm soát được tiến độ của hành trình; nhưng nhà lãnh đạo phải kiểm soát được những cảm xúc của tâm hồn chính mình. Một nhà lãnh đạo không làm chủ được cảm xúc của mình sẽ dễ dàng phạm sai lầm trong việc mở đường, và khi đó, sẽ không có một



thành tích quản lý nào đủ sức bù đắp cho những sai lầm trong lãnh đạo.<sup>6</sup>

Một trong những người khởi xướng của nghệ thuật lãnh đạo hiện đại là Peter Drucker. Từ năm 1954, ông đã đề ra quan niệm: Lãnh đạo không phải là một cấp bậc hay một quyền lực; lãnh đạo là một cách sống mà mọi cấp bậc trong một tổ chức đều phải thực hiện. Theo quan niệm này, một tổ chức sẽ trở nên vô cùng hùng mạnh nếu tất cả mọi thành viên trong tổ chức đó đều là những nhà lãnh đạo. Vì sao? Peter Drucker kể một câu chuyện đơn giản để giải thích<sup>7</sup>:

Có ba người thợ đang cắt những phiến đá lớn ở một công trường. Một người khách đi đường dừng lại và hỏi họ, “Mấy anh đang làm gì?” Người thợ thứ nhất nhìn vào những gì mình đang làm và đáp: “Tôi đang kiếm tiền”. Người thợ thứ hai trả lời: “Tôi đang cắt đá, và tôi là người thợ cắt đá giỏi nhất trong vùng này.” Còn người thợ thứ ba dừng tay và nói: “Tôi đang xây dựng một ngôi nhà thờ to lớn và đẹp đẽ.”

Người thợ thứ ba, Peter Drucker nhận xét, chính là một nhà lãnh đạo thực thụ. Người này có khả năng bỏ qua tất cả những mối bận tâm vật vãnh trong hoạt động của cá nhân và tổ chức – chẳng hạn như “có ai để phần cho tôi không?”, hay “có ai làm được như tôi không?” – mà luôn hướng cái nhìn của mình về mục đích cuối cùng

của tổ chức.

Nếu đang xây một căn nhà, chúng ta mong mỗi sẽ tuyển dụng được loại thợ nào trong số ba loại thợ trong câu chuyện được Peter Drucker nêu lên? Cũng vậy, nếu đang xây dựng một tổ chức, chúng ta mong mỗi sẽ tìm được loại nhân sự nào để cộng tác? Khi xây dựng bất kỳ một cơ đồ nào, người ta cũng đều cần đến những con người có tầm nhìn (và nghĩa là có ý thức) về mục đích của cơ đồ ấy. Trong nghệ thuật lãnh đạo hiện đại, mẫu người như vậy được xem là những nhà lãnh đạo, theo nghĩa là những “người mở đường” ở mỗi giai đoạn phát triển của một tổ chức, vì họ lối suy nghĩ của họ tạo ra được “sự tiến về phía trước” của tổ chức.

### 3. PHONG CÁCH “LÃNH ĐẠO LOẠI 5” (LEVEL 5 LEADERSHIP)

Trong môi trường Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, những quan niệm về lãnh đạo hiện đại như vậy không thể là xa lạ, nhất là đối với những người trưởng thành từ Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý. Đức Cao Triều Phát từng dạy:

*Ta không bảo các em chinh phục thiên hạ, mà bảo các em tự thắng các em để phục vụ cho thiên hạ. Hãy lấy niềm vui khi làm cho kẻ khác. Hãy lấy làm hãnh diện khi xả thân cho tha nhân. Không ai có thể bắt kẻ khác làm cho mình; hơn hết là mình làm cho kẻ khác.<sup>8</sup>*

6. Những ý tưởng của đoạn này được lấy từ Stephen R. Covey, *Seven Habits of Highly Effective People*.

7. David Evans, *Management Gurus*, tr. 42.

8. Đức Cao Triều; Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

Tự chiến thắng lấy bản thân để phục vụ cho tha nhân, đó là đặc điểm căn bản của nghệ thuật lãnh đạo hiện đại. Công trình nghiên cứu của nhóm J. Collins đã phát hiện ra “nhân sự loại 5”, là loại người thể hiện một khả năng lãnh đạo lý tưởng theo chiều hướng này. Vì vậy, nhóm J. Collins gọi khả năng quan trọng nhất của loại người này là “level 5 leadership” (khả năng lãnh đạo loại 5). Thật ra lúc đầu nhóm nghiên cứu đã từng định đặt tên cho loại người này là “servant leader” (nhà lãnh đạo biết hạ mình như đầy tớ) do đặc điểm lạ lùng sau đây của họ: MỖI KHI TỔ CHỨC GẶP MỘT THẤT BẠI, HỌ NHẬN HẾT TRÁCH NHIỆM VÀO MÌNH MÀ KHÔNG HỀ ĐỔ LỖI CHO MỘT AI KHÁC, CÒN KHI TỔ CHỨC ĐẠT ĐƯỢC MỘT THÀNH CÔNG, HỌ CA NGỢI CÔNG SỨC CỦA MỌI NGƯỜI CHUNG QUANH HỌ.

J. Collins viết: “Chúng tôi ngạc nhiên, thật sự là bị sốc, khi phát hiện ra kiểu lãnh đạo cần thiết cho việc nâng cao tầm vóc của một công ty. Nếu được đem ra so sánh với những nhà lãnh đạo

từng được cho là sáng giá và lừng danh, thì những nhà lãnh đạo loại 5 lại y hệt như những kẻ từ Hòa tinh rớt xuống. Không hề có cốt cách của một nhà chỉ huy, họ cẩn thận trong lời nói, dè dặt trong tác phong, tìm cách tự làm lu mờ mình trước thiên hạ, nhưng lại có một tâm chí mạnh mẽ, quyết liệt và kiên nhẫn trong việc đưa tổ chức của họ tiến lên. “Những nhà lãnh đạo kiểu này giống với nhà hiền triết Socrates hơn là hoàng đế Cesar”.<sup>9</sup>

Nhân sự “loại 5” chắc chắn là loại nhân sự hết sức tham vọng (ambitious), nhưng đó không hề là tham vọng cho cá nhân họ, mà là tham vọng cho sự phát triển của tổ chức. Cách thể hiện tham vọng của người “loại 5” cũng rất lạ lùng: HỌ LUÔN CHUYỂN GIAO CÁI TỐT ĐẸP NHẤT CỦA HỌ CHO NHỮNG NGƯỜI KHÁC TRONG TỔ CHỨC, RỒI... RÚT LUI MÀ KHÔNG MUỐN NHẬN PHẦN THƯỞNG HAY SỰ CA NGỢI. Nếu người “loại 5” là một nhân viên bình thường của một tổ chức,

9. Jim Collins, Good to Great, tr. 12-13.

họ luôn tìm cách “đào tạo” những người có khả năng giống họ, để tăng thêm số người có khả năng phát triển tổ chức, bằng cách trao tặng bí quyết thành công của họ cho những người khác. Còn nếu người “loại 5” ở vào một cấp bậc quản lý hay lãnh đạo, họ luôn luôn đào tạo những người tiếp nối, có khả năng đứng vào chức vụ của họ để thay thế họ; đến khi thế hệ tiếp nối đã vững vàng, họ từ chức để không trở thành chướng ngại vật cho sự phát triển.

Trong số rất nhiều ví dụ được nhóm nghiên cứu nêu lên, David Maxwell đã hành xử như vậy vào năm 1990 khi ông ở cương vị CEO của công ty Fannie Mae, một trong số 11 “good-to-great company”. Thời điểm ông bắt đầu nhận chức vụ CEO của Fannie Mae là năm 1981, lúc đó, công ty này mỗi ngày đang bị lỗ đến 1 triệu USD. Trong thời gian chín năm kể từ đó, David biến Fannie Mae thành một công ty mà, cứ mỗi ngày, nó lãi đến 4 triệu USD. Năm 1990, cổ phiếu của Fannie

Mae đứng đầu bảng của thị trường chứng khoán Wall Street, giá trị trao đổi của cổ phiếu này cao gấp 4 lần giá trị trao đổi trung bình của đại đa số cổ phiếu trên thị trường. Chính trong năm đó ông đã từ chức, một mặt vì thấy công ty đã đạt được tầm vóc mới trên thế giới, mặt khác vì sợ rằng sự lãnh đạo quá lâu của ông sẽ vô tình cản trở sự phát triển của công ty trong tương lai. Ông đã chuẩn bị cho điều này từ trước đó bằng cách đào tạo cho Fannie Mae một người kế nhiệm có những phẩm chất ngang ngửa với ông. Người kế nhiệm đó là Jim Johnson.

Sự hạ mình và quyết chí nâng cao tầm vóc của tổ chức là những đặc tính này không hề có ở những người loại 1, loại 2, loại 3 và loại 4. Qua các bản điều tra (questionnaires) và các buổi phỏng vấn của nhóm nghiên cứu, tất cả những cá nhân có năng lực cao (loại 1), những thành viên tích cực (loại 2), những nhà quản lý tài ba (loại 3) và những nhà lãnh đạo hiệu quả (loại 4) đều thể hiện

một *lối suy nghĩ vị ngã* rất giống nhau: Tổ chức của họ chỉ có thể thành công khi có bàn tay và khối óc của họ; Công trạng của họ là điều không ai có thể quên được; Không có cách nào tìm được những người làm được việc “tốt” như là họ đã làm; Họ là người không thể thay thế được.

Điều này tự nó đã giải thích được kết luận của nhóm nghiên cứu: “Cái Tốt là kẻ thù của cái Vĩ đại.” Sự phát triển của đại đa số tổ chức thường dừng lại ở mức “tốt” mà không mấy ai đi được xa hơn. Lý do của sự dừng lại này là óc tự mãn và lòng vị ngã. Sợ dĩ nhân sự “loại 5” có thể thoát khỏi sự kiềm hãm những thứ tự mãn và vị ngã này, đó chỉ là nhờ sự khiêm hạ và sự quyết chí nâng cao tầm vóc của tổ chức.

Liệu những nghiên cứu của nhóm J. Collins có thích hợp để áp dụng vào lĩnh vực tôn giáo hay không? Các bậc Giáo tổ đều có những đặc điểm mà J. Collins mô tả như là “loại người thứ 5”, vì các Ngài đều thực hiện được những công cuộc

an trị thế gian mà không cần phải nắm giữ những quyền lực hay ngồi vào những địa vị của vua chúa. Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử, Jesus... đều là những con người lãnh đạo được thiên hạ mà không cần dùng quyền lực, thậm chí Đức Thích Ca còn từ bỏ mọi quyền lực thế gian mà mình đang có. Trong cơ cứu thế Kỳ Ba, chính Đức Ngộ Hai Giáo chủ Ngô Minh Chiếu cũng đã bắt đầu lịch sử Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bằng việc từ chức Giáo Tông để dốc sức tạo tiềm lực cứu độ trong hành trình tu giải thoát của mình. Nếu có dịp nghiên cứu về sử đạo Cao Đài, hẳn J. Collins sẽ ca ngợi Đức Ngô Minh Chiếu như một con người “loại 5” lý tưởng. Còn tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, những đức tính của tu sĩ và giáo sĩ được quy định trong lịch trình hành đạo đều là những đức tính của “loại người thứ 5” nếu nói theo ngôn ngữ của J. Collins: tu sĩ phải trang nghiêm, thuần hậu, cẩn hạnh, cẩn ngôn, khiêm cung, và từ tốn;

giáo sĩ còn phải có thêm bốn đức tính nữa, là kiên nhẫn, trì thủ, đại tín, và hy sinh.

Nhóm J. Collins đã thực hiện được một công trình nghiên cứu khách quan và khoa học. Công trình đó có một giá trị rất lớn đối với bất kỳ một tổ chức nào muốn nâng chính mình lên tầm vóc toàn nhân loại. Ai cũng biết rằng óc tự mãn và lòng vị ngã có thể tiêu diệt mọi tiềm năng phát triển của mọi cá nhân và tổ chức. Nhưng nếu không có công trình nghiên cứu của nhóm J. Collins, ít có ai tin rằng *sự khiêm hạ* khi kết hợp với *sự quyết chí* sẽ trở thành một sức mạnh có thể nâng tầm vóc của một tổ chức lên mức toàn cầu.

#### 4. ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN "NHÂN SỰ LOẠI 5" CHO ĐẠI ĐẠO

Khi những ý tưởng này đang được thảo luận trong một buổi đạo đàm tại Cơ Quan, thì công trình của nhóm J. Collins đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt thành của nhiều tổ chức lớn và nhiều nhà lãnh đạo hàng đầu trên toàn thế giới, chỉ vì nó phát hiện được một cách thức phát huy sức mạnh của sự khiêm hạ (thông qua sự quyết chí). Điều đáng ngạc nhiên là hầu hết những phát minh quan trọng nhất trong lĩnh vực lãnh đạo và quản trị trong những năm gần đây, tuy không hện nhau nhưng lại cùng khẳng định khả năng to lớn của hạnh khiêm cung, đức khiêm tốn, tánh khiêm nhường... Thậm chí, trong một quyển sách rất

thực dụng viết về cách làm giàu, nhà kinh tế học Lester C. Thurow đã phát hiện ra một quy luật giúp cho mỗi cá nhân, mỗi công ty, và mỗi quốc gia có thể tăng trưởng số tài sản vật chất của mình lên nhanh chóng; đó chỉ đơn giản là một quy luật về đức khiêm tốn:

*Thấy được, hiểu được, và thừa nhận được những nhược điểm của mình; đây là bước khởi đầu khôn ngoan của mọi tổ chức để khám phá ra bí mật của sự thành công.<sup>10</sup>*

Thurow đưa ra quy luật này sau khi nghiên cứu lịch sử của mọi xã hội và cá nhân đã từng giàu có trên thế giới. Ông thấy rằng, những quốc gia giàu mạnh trên thế giới – hay nói chính xác hơn, trong giai đoạn lịch sử mà quốc gia đó đang giàu có, thịnh vượng trên thế giới – đều có những nhà lãnh đạo dám thừa nhận với toàn dân về những nhược điểm của quốc gia đó; tương tự như vậy đối với những công ty giàu có, và cả những tỉ phú hàng đầu thế giới nữa, họ luôn nói về những nhược điểm của bản thân mà họ đang phải nỗ lực khắc phục.

Nền kinh tế toàn cầu hiện đang được đặt trên nền tảng tri thức (knowledge-based economy). Quan sát nền kinh tế này, nhà tương lai học Alvin Toffler đã dự báo một điều đáng sợ, một dự báo cũng liên quan đến đức khiêm tốn: TRONG TƯƠNG LAI, NGƯỜI MÙ CHỮ SẼ CHẮNG PHẢI LÀ NGƯỜI KHÔNG BIẾT ĐỌC, MÀ LÀ NGƯỜI KHÔNG BIẾT HỌC.<sup>11</sup> Người biết học không phải là người biết mở quyển

10. Lester C. Thurow, *Building Wealth*, tr. 60.

11. Leadership Development Program workbook, 11:13



sách, cũng không phải là người biết bước vào lớp, lại càng không phải là người biết lấy bằng cấp, nhưng là người biết khiêm tốn và biết mở rộng tư tưởng trước mọi khả năng tiến bộ của bản thân và xã hội. Từ những năm đầu thế kỷ 21 này, đã thật sự xuất hiện một xu hướng xây dựng tổ chức mới, tạo nên những “tổ chức biết học hỏi” (learning organization). Ngày càng có nhiều nhà lãnh đạo muốn cải cách tổ chức của họ, biến nó từ một cơ cấu của quyền lực và chức tước trở thành một môi trường học hỏi, mà mọi cấp bậc trong đó phải khuyến khích tinh thần cầu tiến, hiếu học và chia sẻ kiến thức lẫn kinh nghiệm giữa các thành viên cho nhau một cách cởi mở.

Sự khiêm hạ cộng với sự quyết chí là “chìa khóa” để phát triển tâm vóc nhân sự cho Cơ Quan và Đại Đạo. Riêng đối với Cơ Quan, chỉ có sự phối hợp của hai đức tính này mới duy trì được tinh thần căn bản của mình. Thật vậy, từ buổi đầu thành lập Cơ Quan, Đức

Chí Tôn đã dạy:

*Các con sẽ là đoàn người hy sinh, không chức vụ, chẳng oai quyền, chẳng danh lợi, mà phải làm đoàn người xung phong phá núi, đốn rừng, dẹp những chướng ngại trên đường Thiên Đạo, để khách lữ hành Tam Giáo chung bước sau này trên những lối đi bằng phẳng đó.<sup>12</sup>*

Muốn phát triển lên những tầm vóc cao hơn, Cơ Quan phải duy trì được tinh thần căn bản này ở mọi cấp chức vụ nhân viên. Nếu có sự xuất hiện của đầu óc quyền hành, tư tưởng đề cao chức vị,... dưới bất kỳ một hình thức nào và từ bất cứ cá nhân nào, chúng ta hãy giúp đỡ nhau hóa giải cho đến khi chúng biến mất. Nhưng làm sao để hóa giải? Hãy gia tăng nhân sự “loại 5” trong môi trường Cơ Quan.

Thật ra, Ôn Trên lâu nay vẫn huấn luyện để nhân viên Cơ Quan trở thành “người loại 5” như một kết quả tối thiểu, từ một thanh thiếu niên cho đến Tổng Lý Minh

12. Đức Chí Tôn; Thiên Lý Đản, Tuất thời, 14-01 Ất Tỵ (15-02-1965)

Đạo. Mặt khác, hàng năm, nhiều người “loại 5” cũng đã do cơ duyên của riêng mình mà tìm đến Cơ Quan. Vậy chúng ta đang có trong tay loại nhân sự khó tìm nhất mà mọi tổ chức trên thế giới đều mơ ước. Những “người loại 5” đang có mặt khắp nơi trong các Vụ (Ban) của Cơ Quan. Vấn đề là chúng ta có nhìn ra được họ hay không, có phát huy được khả năng lãnh đạo “loại 5” (level 5 leadership) của họ được không.

Có người nói rằng, “một tổ chức mà ai cũng là lãnh đạo thì sẽ loạn”. Tuy nhiên, lo ngại này bắt nguồn từ cách hiểu đã lỗi thời về sự lãnh đạo. Trên thế giới hiện nay, lãnh đạo là tự thắng bản thân, tự kiểm soát cảm xúc, hy sinh đi mở lối khai đường. Và trong Thánh ý của Đức Chí Tôn, tập thể Cơ Quan phải là một “đoàn người xung phong phá núi, đốn rừng, dẹp những chướng ngại...”

Có người lại nói rằng, “một tổ chức theo kiểu không chức vị, chẳng oai quyền, thì làm sao phân biệt được trên dưới?” Khi

lập Cơ Quan, Đức Chí Tôn đã chỉ ra cách thức để phân biệt trên dưới cho nghiêm minh mà không cần chức quyền: “Đức hy sinh của đứa lớn sẽ làm sáng đức hy sinh của đứa nhỏ”. Cấp bậc càng cao thì phải hy sinh càng nhiều, và sự hy sinh đó không phải để thể hiện công lao của cá nhân mình, mà để làm sáng tỏ sự hy sinh của những người cấp dưới. Nói rõ hơn, ví dụ, một người Trưởng Ban gương mẫu không chỉ hy sinh cho đạo sự, nhưng còn phải làm thế nào để người ngoài nhìn vào hiểu rằng đó là sự hy sinh của mọi nhân viên trong Ban ấy, mà không cần biết gì đến sự hy sinh của người Trưởng Ban. Cách hành xử này, J. Collins gọi là “cách lãnh đạo loại 5”. Chúng ta hãy đọc lời dạy sau đây của Đức Chí Tôn để thấy được sự trình độ tổ chức lẽ ra phải luôn luôn có của Cơ Quan, từ quy mô toàn bộ đến quy mô từng Ban:

*Các con hãy sắp một cơ cấu, rèn luyện tín đồ các cấp, cũng như nhơn sanh, sao cho am tường giáo lý căn bản của Đại Đạo, rèn luyện cho xứng tài xứng đức, xứng phẩm hạnh (...). Việc lập thành Ban không có ý nghĩa cai quản hoặc chỉ huy ai. Đó ví như bánh có khuôn, rắn có đầu. Các tư kỳ phận mà thi hành chu đáo phận việc của mình. Đức hy sinh của đứa lớn sẽ làm sáng đức hy sinh của đứa nhỏ. Thương yêu, nương núp, dìu dẫn nhau, tha thứ mọi sơ suất nếu có, để chung lưng đấu cật, phô trương giáo lý, tức là nguồn gốc của hạnh phúc cho nhơn sanh và nhơn loại.<sup>13</sup>*

Trong thiết kế của Đức Chí Tôn, Cơ

Quan quả là một guồng máy có tâm cỡ về mặt tổ chức: không ai cai quản ai, không ai chỉ huy ai, thứ bậc trên dưới là thứ bậc về sự hy sinh, về phẩm hạnh và tài đức. Bảo tồn thiết kế ấy để phát triển lên cao hơn nữa, thật sự, không phải là một việc quá khó đối với mặt bằng tâm-hạnh-đức-tài hiện tại của toàn thể nhân viên. Chỉ cần tạo điều kiện để phát triển khả năng lãnh đạo “loại 5” của mỗi nhân viên Cơ Quan ở mọi cấp chức vụ, thì đức khiêm hạ và sự quyết chí của họ sẽ làm nên mọi kỳ tích cần thiết cho Đại Đạo. Ngày nào mà mỗi nhân viên Cơ Quan đều là một nhà lãnh đạo biết tự lãnh đạo lấy bản thân mình và khiêm hạ để phụng sự nhơn sanh, thì ngày đó tự khắc sự tăng trưởng của Cơ Quan sẽ vượt khỏi ngưỡng cửa Cao Đài và đạt được tầm vóc nhơn loại.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Jim Collins, Good to Great – Why Some Companies Make the Leap... and Others Don't, Random House, 2001.
2. David Evans, Management Gurus, Pearson Education, 2000.
3. Lester C. Thurow, Building Wealth – The New Rules for Individuals, Companies, and Nations in a Knowledge-Based Economy, Harper Business, 1999.
4. Leadership Development Program workbook, Onkaparinga Institute of TAFE, Australia, 2002.
5. Stephen R. Covey, Seven Habits of Highly Effective People; bản dịch của Nguyễn Văn Cừ, Bảy Thói Quen của Những Người Thành Đạt, nhà xuất bản Thống kê, 1996. □

13. Đức Chí Tôn; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 14-01 Ất Tỵ (15-02-1965)

# CƠ ĐẠO KỶ BA

QUANG DŨNG



Đức Chí Tôn đã gửi đến cho nhân loại một thông điệp cứu độ trong Tam Kỳ Phổ Độ như sau:

*Thầy sắp cuộc dinh hoàn tái tạo,  
Dụng huyền linh Đại Đạo vận hành,  
Quyền Thầy hiệp cả vạn linh,  
Đông Tây kim cổ lập thành tương lai.  
Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,  
Dụng Nam bang làm mức phóng khai,  
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,  
Năm châu bốn bể hòa hài từ đây.<sup>1</sup>*

Đức Chí Tôn đã tóm tắt toàn bộ quá trình vận chuyển của thiên cơ trong Tam Kỳ Phổ Độ. Toàn bộ quá trình này được gọi là cơ Đạo Kỳ Ba. Thầy đến trần gian khai minh nền Đại Đạo vào đầu thế kỷ 20, thời điểm cuối của hạ nguơn mặt kiếp để tái lập cõi đời thượng nguơn thánh đức theo định luật tuần hoàn của thiên địa (quả địa cầu 68 sẽ tiến hóa lên quả địa cầu 67). Trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, các sứ giả của Đức Chí Tôn đến trần gian khai mở các mối đạo tại nhiều địa phương khác nhau để cứu rỗi nhân loại. Đến Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn trực tiếp lâm phạm bằng huyền diệu thiên điển vận hành nền Đại Đạo để “sắp cuộc dinh hoàn tái tạo”. Thầy đã chọn nước Việt Nam làm thánh địa, làm trung tâm điểm của cơ cứu thế Kỳ Ba, chọn dân tộc Việt Nam để ban trao sứ mạng của đoàn người tiên phong. Dân tộc Việt Nam được hạnh ngộ nền Đại Đạo trước tiên, để rồi sau đó phổ truyền đạo Thầy ra khắp năm

1. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Hợi (29-3-1983).

châu bốn biển<sup>2</sup>. Đó chính là Thánh ý của Thầy:

*Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,  
Dụng Nam bang làm mức phóng khai,  
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,  
Năm châu bốn biển hòa hài từ đây.*

## 1. ĐẶC ĐIỂM CỦA THỜI KỲ HẠ NGUON MẠT KIẾP

Thời kỳ hạ nguồn mạt kiếp có một số đặc điểm như sau:

- Văn minh khoa học phát triển cao độ, với tốc độ tiến triển nhanh chưa từng thấy. Chẳng hạn như trong lãnh vực công nghệ thông tin, máy vi tính cá nhân không ngừng được cải tiến với rất nhiều phát minh được ứng dụng,

2. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thiên Lý Đàn, 30-10 Mậu Thân (19-12-1968): “Nói gần hơn, một người cha sanh ra một đàn con, tuy là tình phụ tử vẫn thương đồng đều, đứa nào cũng như đứa nấy, nhưng phần vụ giao phó cũng tùy theo tánh tình mỗi đứa cho thích hợp. Những đứa làm được việc lớn thì giao việc lớn, những đứa vụng về dốt nát thì giao việc nhỏ. Nhưng tình thương người cha lúc nào cũng lưu ý đến những đứa đại khờ dốt nát hoặc tật nguyền bệnh hoạn đau khổ.

“Các con là dân tộc Việt cũng như các dân tộc khác sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác. Nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều, non sông tổ quốc các con đã bị giày xéo lâu đời, nhưng các con được tội hơn chúng về đức tin, về lòng đạo đức, ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng Trọn Lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa, do đó dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Trên bốn mươi năm rồi, Thầy đem giống đạo đến gieo trên mảnh đất hiền hòa nhưng đau khổ này để các con chung nhau vun xới tưới nước bón phân để hạt giống đó sớm nảy mầm đâm tược đơm bông kết quả. Chỉ có giống này mới cứu đời vạn linh trong thời kỳ mạt kiếp này mà trước tiên là cứu dân tộc các con.”

làm cho tính năng không ngừng được nâng cao và đổi mới theo một chu kỳ rất ngắn, nhưng lại có tỷ lệ nghịch với giá thành sản phẩm.

- Sự phát triển của văn minh khoa học vật chất đã khiến con người dần dần đánh mất tâm linh, gây nên một sự mất cân đối to lớn. Đó chính là sự khủng hoảng không lối thoát.

- Đạo đức vì thế trở nên suy đồi hơn bao giờ hết, tội ác ngày càng gia tăng một cách đáng sợ, nạn khủng bố bộc phát rất nghiêm trọng. Chúng ta đã chứng kiến nhiều thảm trạng đau lòng từ gia đình đến xã hội. Do đánh mất nhân bản, con người đã gây ra biết bao tội lỗi cho đồng loại.

- Thế giới bất đồng quan điểm trên nhiều lĩnh vực, phát sinh mâu thuẫn gay gắt không thể thông qua đàm phán, mà phải dùng đến vũ lực để giải quyết. Tình hình xung đột dai dẳng giữa Israel-Palestine là một ví dụ điển hình.

- Chưa hết, nhân loại còn luôn bị đe dọa về vấn đề môi trường sinh thái đang bị hủy hoại nặng nề vì nạn chặt phá rừng, phóng xạ chất thải bừa bãi, v.v. Ngoài ra, sự thiếu hụt các nguồn nước sạch, thực phẩm và năng lượng luôn là mối quan tâm lo ngại hàng đầu của con người.

- Thầy đã dạy về thời kỳ hạ nguồn mạt kiếp trong kinh Đại Thừa Chơn Giáo như sau: “*Sự tranh đấu ngày càng ráo riết, dữ tợn góm ghê, thì hơn loại lại chê sức mạnh mà dùng não cân, nên mới bày ra chước quỷ mưu tà, kế sâu bẫy độc, thiệt là khốc liệt phi thường. Song đó cũng là lẽ tự nhiên, càng tranh đấu mới càng*



tấn hóa. Ngặt càng tranh đấu lắm lại càng ác liệt lắm, nếu tranh đấu thét phải đến ngay thời kỳ tiêu diệt. Bởi đó, đời hiện tại là đời mạt kiếp, còn hạ nguồn này là nguồn điều tàn.”<sup>3</sup>

## 2. CƠ ĐẠO KỶ BA

Thầy đã dạy trong kinh Đại Thừa Chơn Giáo như sau:

*Thầy lập Đạo tại xứ Nam này nhằm thời kỳ cuối cùng của nhơn loại. Các con ôi! Vách tường sắp đổ, nạn khổ hầu kề. Thầy há nỡ điem nhiên tịnh tọa để xem cho bầy con sắp phải tận vong tiêu diệt sao! Thế nên Thầy phải không nài gian khổ nhọc nhằn đem mỗi đạo mà cứu vớt các con trong hồi khẩn cấp này.*<sup>4</sup>

Theo định luật tuần hoàn của vũ trụ, cuối hạ nguồn mạt kiếp thế giới này sẽ bị tiêu diệt để tái tạo đời thượng nguồn thánh đức, muôn loài sẽ được hưởng cảnh đất Thuần trời Nghiêu, thiên hạ sống an lạc thái hòa. Nhân loại của quả địa cầu <sup>68</sup> sẽ tiến hoá lên quả địa cầu <sup>67</sup>. Thầy dạy:

*Quả địa cầu của các con ở đây nó gần đúng thời kỳ tan rã. Ấy là Thiên thơ Thầy định trước ngày giờ, mà cũng vui cho các đấng chúng sanh được trỗi bước lên một nấc thang cao vợi. Hễ thế giới này tiêu diệt thì linh hồn nhơn loại tiến hóa sang qua quả Địa cầu <sup>67</sup> là nơi tiền định của đạo mẫu.*<sup>5</sup>

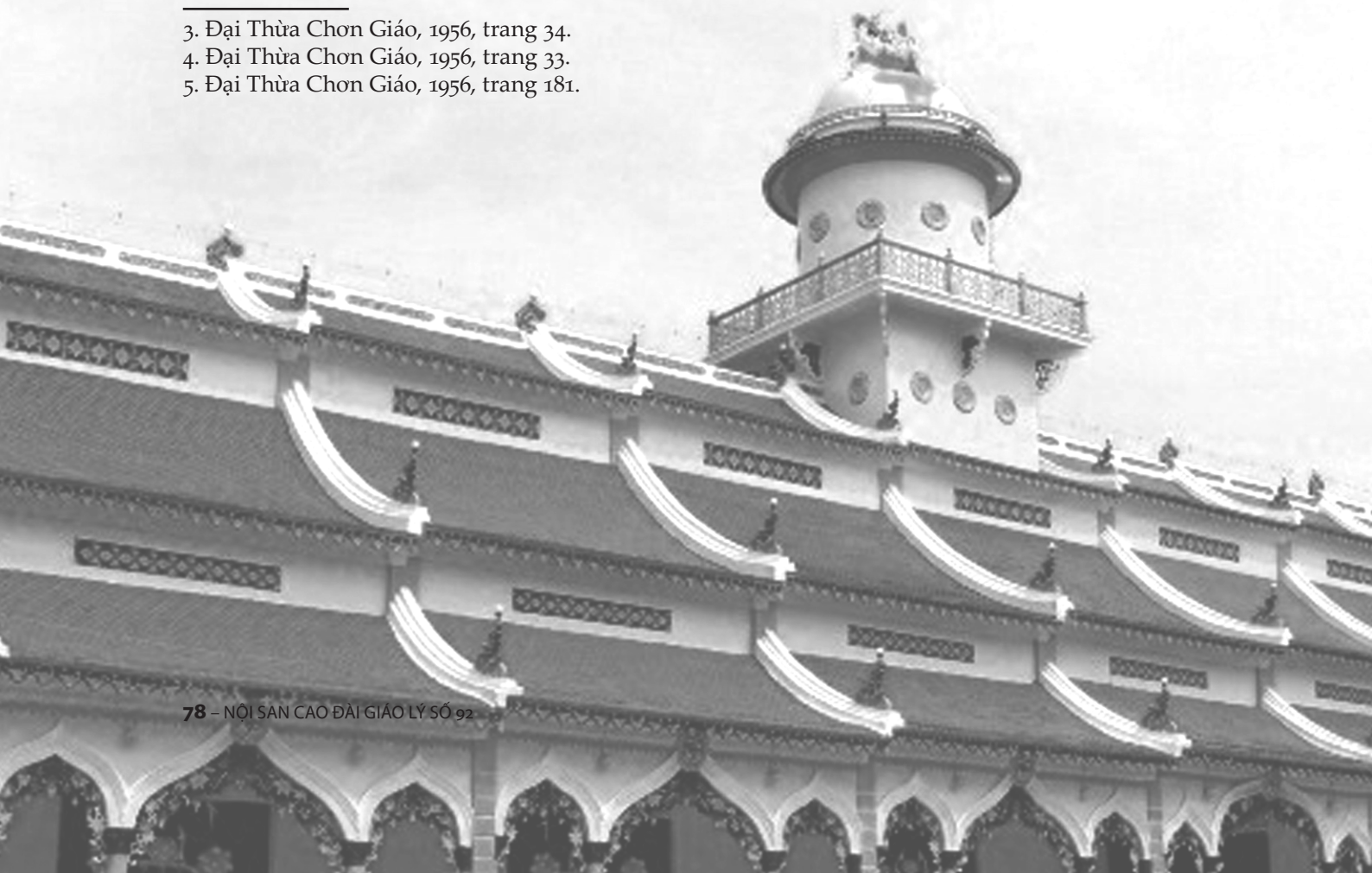
Chúng ta thử nêu những đặc điểm của cơ Đạo Kỳ Ba trong Tam Kỳ Phổ Độ (như trong bảng).

Để phần nào hình dung sứ mạng trọng yếu của Đại Đạo, tầm mức vô cùng lớn lao của cơ Đạo Kỳ Ba, chúng ta hãy cùng nhau đọc lại lời dạy của Đức Giáo Tông

3. Đại Thừa Chơn Giáo, 1956, trang 34.

4. Đại Thừa Chơn Giáo, 1956, trang 33.

5. Đại Thừa Chơn Giáo, 1956, trang 181.



NỘI DUNG	NHỨT KỲ VÀ NHỊ KỲ	TAM KỲ PHỔ ĐỘ
GIÁO CHỦ	CÁC SỨ GIẢ CỦA THƯỢNG ĐẾ: • SỨ HỮU HÌNH. • PHƯƠNG PHÁP THÔNG THƯỜNG.	ĐỨC THƯỢNG ĐẾ: • SỨ VÔ VI. <sup>1</sup> • SỨ DỤNG CƠ BÚT.
ĐỐI TƯỢNG CỨU ĐỘ	<sup>4</sup> ỨC NGUYÊN NHÂN (KẾT QUẢ).	<sup>92</sup> ỨC NGUYÊN NHÂN (KẾ HOẠCH).
PHẠM VI CỨU ĐỘ	TỪNG QUỐC GIA.	TOÀN THẾ GIỚI.
PHƯƠNG TIỆN CỨU ĐỘ	TRUYỀN THỐNG. PHÁP MÔN BÍ TRUYỀN.	HIỆN ĐẠI. PHÁP MÔN PHỔ CẬP. <sup>2</sup>
QUÁ TRÌNH TU LUYỆN	KHÓ KHĂN. <sup>3</sup>	ĐẸ DÀNG. <sup>4</sup>
ĐẶC ÂN	CHƯA LIỆT KÊ.	LUẬT ĐẠI ÂN XÁ • TÂN LUẬT – PHÁP CHÁNH TRUYỀN. <sup>5</sup> • CÔNG QUẢ HỆ SỐ BA. <sup>6</sup> • ĂN CHAY <sup>10</sup> NGÀY ĐƯỢC THỌ PHÁP. • HUỒN NGUYÊN CHƠN THẦN. <sup>7</sup> • PHÉP BÍ TÍCH. • ĐẦU SỨ NỮ PHÁI.
ĐẮC QUẢ	VÔ CÙNG KHÓ KHĂN.	KHÓ KHĂN TƯƠNG ĐỐI. <sup>8</sup>

#### Đại Đạo:

Tam Kỳ Phổ Độ là một giai đoạn quan trọng trên lịch sử diễn tiến của nhân loại trong kỳ hạ nguơn. Đây là thời kỳ có một không hai trong quá trình tiến hóa tâm linh nhân loại vì được diễm phúc hồng ân lớn lao duy nhất Thượng Đế giáng trần lập đạo cứu độ và tận độ (...) Điều này có nghĩa cụ thể là trong giai đoạn lịch sử này,

không làm tròn sứ mạng có một không hai thì vĩnh viễn không còn cơ hội nào khác để thực hiện cả. Đó là điều mà chư Thiên ân đức muội phải tâm tâm niệm niệm xét suy cho thấu đáo.<sup>6</sup>

Thầy đến trần gian trong Tam Kỳ Phổ Độ đã mang đến quả địa cầu này một nguồn Thánh linh cứu độ và sự chấn hưng các nền tôn giáo trước đây. Thầy dạy:

Thầy đến lần Ba này làm cho nhơn loại khắp trên mặt địa cầu được sống lại ơn cứu độ lan chảy khắp năm châu. Trước đây năm sáu mươi năm, các con cũng thấy các tôn giáo như ngủ mê mà từ ngày được đạo Thầy hồng khai thì các tôn giáo lần lượt chấn hưng sự sống, đó chẳng những đến cho các con mà đến khắp hoàn cầu, nên phong trào đạo đức đâu đâu cũng

6. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo – 79 Thông Giáo Lý, 11-8 Bình Dân.

sống dậy.<sup>7</sup>

Diễm phúc mà dân tộc Việt Nam nói riêng, nhân loại nói chung được chính Đức Chí Tôn Thượng Đế đến trần gian mở đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ là vô cùng lớn lao. Chư vị Hội Đồng Tiên Khai Đại Đạo xác tín đó là một sự kiện hi hữu.

*Đức Thượng Đế đến khai minh Đại Đạo đã là một hi hữu, mà vấn đề hoát khai Đại Đạo để cứu độ vạn linh lại là một hi hữu khác.<sup>8</sup>*

### 3. HOÁT KHAI ĐẠI ĐẠO

Nhân kỷ niệm ngày Khai Minh Đại Đạo năm Mậu Ngọ, Đức Giáo Tông Đại Đạo đã nhấn nhủ:

*Hãy quay về đoạn đường quá khứ của các bậc Tiên Khai để định đoạt cho bước chân tiếp nối. Có như thế thì ngày kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo mới có ý nghĩa.<sup>9</sup>*

Là những người tiếp nối sứ mạng của các bậc Tiên Khai, chúng ta phải làm những gì để góp tay cùng Thượng Đế “hoát khai Đại Đạo” cứu độ vạn linh. Mục tiêu mở Đạo của Đức Chí Tôn không phải chỉ nhắm vào dân tộc nhỏ bé này, mà đối tượng cứu độ thuộc phạm vi toàn nhân loại. Quá trình phát triển cơ đạo Kỳ Ba chính là ở chỗ truyền bá đạo Cao Đài bề sâu lẫn bề rộng tại thánh địa Việt Nam, để từ đó làm động năng lan rộng toàn

thế giới nhân loại. Xin mượn ý bài thi xưng danh của Đức Cao Triều Tiên Bối để minh họa:

*Đức trọng tài CAO mới vững vàng,  
Vững vàng TRIỀU nội đến lân bang,  
Lân bang PHÁT khởi sùng Thiên Đạo,  
Thiên Đạo hòa nhơn vạn vật an.<sup>10</sup>*

Tuy nhiên, làm sao đạo Cao Đài có thể phổ thông rộng khắp trong khi nội bộ Cao Đài chưa có sự thống nhất trên rất nhiều lĩnh vực như: cách thờ phượng, nghi lễ, nền tổ chức hành chánh đạo, giáo lý, v.v... Làm sao mà đạo Cao Đài có thể truyền bá ra ngoài quốc trong khi chúng ta chưa có một Hội Thánh thống nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ?

Đại Đạo muốn thống nhất thì trước tiên mỗi thánh thất, thánh tịnh phải có cùng một mô hình từ nội dung đến hình thức đúng theo chơn truyền của Đại Đạo từ buổi sơ khai. Tân Luật Pháp Chánh Truyền chính là kim chỉ nam để mỗi địa phương tự điều chỉnh cho đúng với một mô hình Thánh thất kiểu mẫu. Đây chính là “mẫu số chung” để có thể thống nhất các đơn vị thánh sở với nhau thành một Hội Thánh duy nhất.

Thánh thất Cao Đài kiểu mẫu phải là những viên gạch đúng quy cách và chắc chắn để cấu thành một tòa Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ uy nghi trang trọng đáp ứng được nguyện vọng của toàn thể tín đồ Cao Đài và làm hài lòng chư vị Tiên Khai Đại Đạo đã dày công hy sinh xây đắp

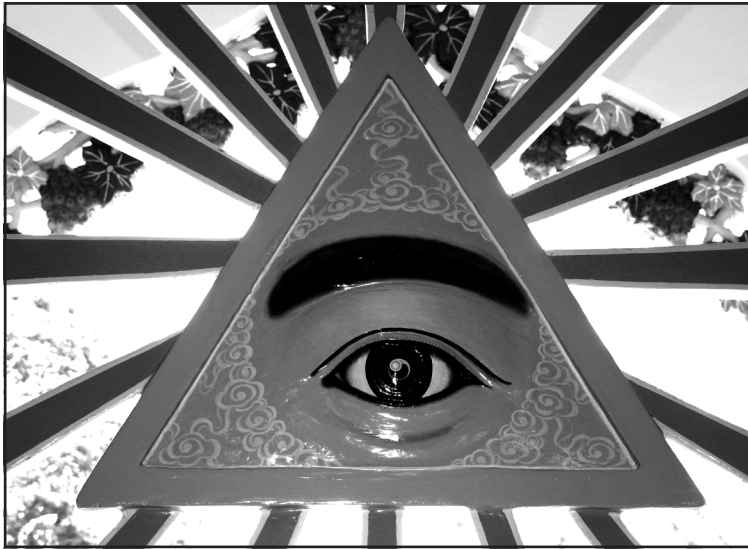
7. Đức Chí Tôn, Bát Nhã Thiên Đường, 13-5 Giáp Dần (02-7-1974).

8. Tiên Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

9. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Mậu Ngọ.

10. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 30-10 Đinh Mùi (01-12-1967).





trụ tướng của Đại Đạo từ buổi sơ khai.

Mặt khác, đạo Cao Đài còn có một sứ mạng vô cùng to tát, đó là sứ mạng đối với nhân loại nhằm góp tay xây dựng một xã hội đại đồng, thượng nguồn thánh đức tại trần gian. Chúng ta cùng nhau suy gẫm lời thánh huấn của chư vị Tiên Khai Đại Đạo dạy nhân dịp kỷ niệm <sup>78</sup> năm ngày Khai Minh Đại Đạo Rằm tháng <sup>10</sup> năm Nhâm Ngọ:

*Thượng Đế không kêu gọi con người phụng sự cho Thượng Đế, mà con người hãy cải tạo để xây dựng thiên đàng cho con người và thế giới ở trên đời.*<sup>11</sup>

11. Tiên Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-

Muốn vậy, chúng ta phải có bốn phận xây dựng cõi thiên đàng tại thế gian. Điều này đòi hỏi mỗi người tín đồ Cao Đài phải có một nỗ lực rất lớn, là cải tạo bản thân một cách triệt để. Mỗi người phải tạo một chất “thánh đức” nơi nội thân, là tâm-hạnh-đức-tài, để từ đó nhân rộng ra nơi thánh sở và trong nội bộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

## KẾT LUẬN

Đức Giáo Tông Đại Đạo đã nhắc nhở chúng ta ghi nhớ điều này:

*Chư đệ muội có nhớ lời dạy của Đức Chí Tôn năm Bính Dần (1926) không? Đạo phát chậm trễ một*

1974).

*ngày là có hại cho nhân sanh một ngày. Lời dạy đã 60 năm qua mà vẫn còn giá trị và ý nghĩa. Mỗi lần lễ Khai Minh Đại Đạo là mỗi lần Bản Đạo càng thêm trách nhiệm nặng nề.*<sup>12</sup>

Sứ mạng cơ Đạo Kỳ Ba là một sứ mạng cộng đồng giữa các Đấng Thiêng Liêng và con người nơi trần thế. Do đó, mọi người tín đồ Đại Đạo cần không ngừng tăng trưởng, để cơ đạo được tăng trưởng vững chắc. Có như thế, chúng ta mới xứng đáng là những bước chân tiếp nối, mới không hổ thẹn là những đứa con tin yêu của Đức Chí Tôn. □

12. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Bính Dần.





## BIỆN CHỨNG – THẮNG BẠI

LÊ ANH MINH BIÊN DỊCH

376. Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện hĩ. Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy. [Đạo Đức Kinh, chương 2]

*Dịch: Thiên hạ đều biết đẹp là đẹp, là vì đã có cái xấu; đều biết tốt là tốt, là vì đã có cái không tốt. Cho nên có và không sinh ra nhau, khó và dễ thành tựu cho nhau, dài và ngắn tạo hình thể cho nhau, cao và thấp làm nghiêng nhau, âm và thanh hoà nhau, trước và sau theo nhau.*

377. Khúc tắc toàn; ưỡng tắc trực; hóa tắc doanh; tộ tắc tân; thiếu tắc đắc; đa tắc hoặc. [Đạo Đức Kinh, chương 22]

*Dịch: Cái gì khiêm khuyết sẽ được làm cho toàn vẹn. Cái gì cong sẽ được làm cho ngay. Cái gì trống sẽ được làm cho đầy. Cái gì cũ sẽ được làm cho mới. Có ít sẽ được thêm. Có nhiều sẽ mê muội.*

378. Trọng vi khinh căn. Tĩnh vi táo quân. [Đạo Đức Kinh, ch. 26]

*Dịch: Nặng là gốc của nhẹ. Tĩnh là chủ của xao động.*

379. Thiện hành vô triệt tích. Thiện ngôn vô hà trích. Thiện số bất dụng trừ sách. Thiện bế vô quan kiện nhi bất khả khai. Thiện kết vô thàng ước, nhi bất khả giải. [Đạo Đức Kinh, chương 27]

*Dịch: Giỏi đi thì không lưu dấu vết xe. Giỏi nói thì không để bị chỉ trích. Giỏi đếm*

thì không dùng que đếm. Giỏi đóng cửa dù không có then chốt mà không ai mở được. Giỏi thắt dây dù không có dây nẹp mà không ai cởi được.

**380.** Vật trắng tác lão. [Đạo Đức Kinh, chương 30]

*Dịch: Vật lớn mạnh ắt già.*

**381.** Tương dục hấp chi, tất cố trương chi. Tương dục nhược chi, tất cố cường chi. Tương dục phế chi, tất cố hưng chi. Tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi. [Đạo Đức Kinh, chương 36]

*Dịch: Muốn làm cho cái gì chùng, trước hết phải căng nó ra cho thẳng. Muốn làm cho cái gì suy yếu, trước hết phải giúp cho nó mạnh thêm. Muốn vứt bỏ cái gì, trước hết phải làm cho nó hưng vượng. Muốn tước đoạt cái gì của nó, trước hết phải tặng nó cái gì đó.*

**382.** Quí dĩ thiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ. [Đạo Đức Kinh, chương 39]

*Dịch: Sang lấy hèn làm gốc, cao lấy thấp làm nền.*

**383.** Minh Đạo nhược muội. Tiến Đạo nhược thoái. Di Đạo nhược lỗi. Thượng Đức nhược cốt. Đại bạch nhược nhục. Quảng đức nhược bất túc. Kiến đức nhược thâm. Chất chân nhược du. Đại phương vô ngưng; đại khí văn thành; đại âm hi thanh; đại tượng vô hình. Đạo ẩn vô danh. [Đạo Đức Kinh, chương 41]

*Dịch: Đạo sáng, dường như tăm tối. Đạo tiến, dường như thoái lui. Đạo bằng phẳng, dường như gồ ghề. Đức cao tột dường như hang cốc. Tráng tình dường như hoen ố. Đức đầy dẫn dường như khiếm khuyết. Đức chắc khoẻ dường như mềm yếu. Chất phác trình thuần dường*

*như biến đổi. Hình vuông lớn không góc. Vật dụng lớn lâu hoàn thành. Tiếng lớn nghe không thấy. Tượng lớn không có hình. Đạo ẩn nơi không tên.*

**384.** Chính phục vi kỳ, thiện phục vi yêu. [Đạo Đức Kinh, chương 58]

*Dịch: Cái ngay thẳng lại biến thành gian trá, cái thiện lại biến thành gian tà.*

**385.** Phù khinh nặc, tất quả tín. Đa dị tất đa nan. [Đạo Đức Kinh, chương 63]

*Dịch: Những kẻ hứa hẹn bừa bãi, sẽ khó giữ được lời. Coi cái gì cũng dễ, sẽ gặp nhiều cái khó.*

**386.** Dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh. [Đạo Đức Kinh, chương 66]

*Dịch: Chính vì thánh nhân không tranh với ai, nên trong thiên hạ không có ai tranh với ngài.*

**387.** Duy vô dĩ thiên hạ vi giả khả dĩ thác thiên hạ dã. [Trang Tử, Nhượng Vương]

*Dịch: Chỉ ai không màng cai trị thiên hạ là mới đáng được giao thiên hạ cho mà thôi.*

**388.** Đại bạch nhược nhục, thịnh đức nhược bất túc. [Trang Tử, Ngụ Ngôn]

*Dịch: Tráng tình phải làm như bị hoen ố; đức dày phải làm như còn khiếm khuyết.*

**389.** Chung thân ngôn, vị thường ngôn; chung thân bất ngôn, vị thường bất ngôn. [Trang Tử, Ngụ Ngôn]

*Dịch: Cả đời nói, mà chưa từng nói gì; cả đời không nói, mà chưa từng không nói gì.*

**390.** Nhất xích chi chúy, nhật thú kỳ bán, vạn thế bất kiệt. [Trang Tử, Thiên

Hạ]

Dịch: Gậy dài một thước, mỗi ngày chặt một nửa, chặt hoài suốt đời cũng không hết cây gậy này.

**391.** Trường giả bất vi hữu dư, đoàn giả bất vi bất túc. [Trang Tử, Mã Đê]

Dịch: Cái đã dài thì ta đừng cho là quá dài; và cái đã ngắn cũng đừng cho là quá ngắn.

**392.** Vật vật giả dữ vật vô tế, nhi vật hữu tế giả, sở vị vật tế giả dã. Bất tế chi tế, tế chi bất tế giả dã. [Trang Tử, Trí Bắc Du]

Dịch: Cái tạo ra vật (tức Đạo) không có sự hạn chế với vật, nhưng vật có sự hạn chế. Đó gọi là sự hạn chế của vật. Cái giới hạn của cái không giới hạn là cái không giới hạn của cái giới hạn.

**393.** Phạm ngoại trọng giả nội.

Dịch: Ai có bề ngoài trịnh trọng thì bên trong vụng về kém cỏi.

**394.** Tự kỳ dị giả thị chi, can đàm Sở Việt dã; tự kỳ đồng giả thị chi, vạn vật giai nhất dã. [Trang Tử, Đức Sung Phù]

Dịch: Về mặt khác nhau mà xét thì vạn vật [khác nhau] ví như gan với mật, hay nước Sở với nước Việt. Về mặt giống nhau mà xét thì vạn vật đều là một.

**395.** Khả dĩ ngôn luận giả, vật chi thô dã; khả dĩ ý trí giả, vật chi tinh dã; ngôn chi sở bất năng luận, ý chi sở bất năng sát giả, bất kỳ tinh thô yên. [Trang Tử, Thu Thủy]

Dịch: Cái mà ta bàn luận được là phần thô của vật; cái mà ta dùng ý niệm để đạt được là phần tinh túy của vật. Cái không thể bàn luận được của lời nói và cái không thể đạt được của ý niệm thì không liên can

phần tinh hay thô của vật.

**396.** Dĩ đạo quan chi, vật vô quý tiện; dĩ vật quan chi, tự quý nhi tương tiện; dĩ tục quan chi, quý tiện bất tại kỳ. Dĩ sai quan chi, nhân kỳ sở đại nhi đại chi, tắc vạn vật mạc bất đại; nhân kỳ sở tiểu nhi tiểu chi, tắc vạn vật mạc bất tiểu. [Trang Tử, Thu Thủy]

Dịch: Theo phương diện Đạo mà xét, vật chẳng quý chẳng tiện. Từ bản thân của vật mà xét, mỗi vật tự cho mình quý và coi vật khác là tiện. Từ quan điểm thế tục mà xét, quý và tiện không nằm tại bản thân sự vật. Từ sự khác biệt của vật mà xét, do tâm cỡ lớn mà cho rằng chúng lớn thì vạn vật chẳng thứ nào mà không lớn; do tâm cỡ nhỏ mà cho rằng chúng nhỏ thì vạn vật chẳng thứ nào mà không nhỏ.

**397.** Chí tinh vô hình, chí đại bất khả vi. [Trang Tử, Thu Thủy]

Dịch: Cái cực tinh tế thì vô hình, cái cực lớn thì không thể bị [cái khác] vây bọc được.

**398.** Niên bất khả cử, thời bất khả chi. Tiêu tức doanh hư, chung tắc hữu thủy. [Trang Tử, Thu Thủy]

Dịch: [Chỉ có] thời gian trôi đi thì không thể bắt đầu lại và không thể dừng lại, [còn các thứ nào] tiêu vong và phát khởi, đầy và rỗng, hễ chúng tận cùng thì sẽ trở lại ban đầu.

**399.** Nhân kỳ sở nhiên nhi nhiên chi, tắc vạn vật mạc bất nhiên. Nhân kỳ sở phi nhi phi chi, tắc vạn vật mạc bất phi. [Trang Tử, Thu Thủy]

Dịch: Theo xu hướng thiên hạ cho điều gì là đúng mà ta bảo là đúng, thì vạn vật cái gì cũng đúng; theo xu hướng thiên hạ cho điều gì là sai, thì vạn vật cái gì cũng

sai.

**400.** Đa nam tử tắc đa cụ, phú tắc đa sự, thọ tắc đa nhục. [Trang Tử, Thiên Địa]

*Dịch:* Càng nhiều con trai, càng thêm lo sợ. Càng giàu có, càng lắm sự sinh. Càng sống lâu, càng thêm nhục.

**401.** Tri kỳ ngu giả, phi đại ngu dã; tri kỳ hoặc giả, phi đại hoặc dã. [Trang Tử, Thiên Địa]

*Dịch:* Biết mình ngu tức không phải là quá ngu; biết mình bị dối lừa tức không bị lừa dối nhiều.

**402.** Thiên chi tiểu nhân, nhân chi quân tử; nhân chi quân tử, thiên chi tiểu nhân dã. [Trang Tử, Đại Tông Sư]

*Dịch:* Tiểu nhân của Trời là quân tử của người; quân tử của người là tiểu nhân của Trời.

**403.** Nhân mạc giám vu lưu thủy nhi giám vu chỉ thủy, duy chỉ năng chỉ chúng chi. [Trang Tử, Đức Sung Phù]

*Dịch:* Người ta không soi bóng vào mặt nước trôi chảy, mà chỉ soi bóng vào mặt nước yên tĩnh. Chỉ có nước yên tĩnh mới có thể làm mọi người dừng lại để tìm sự yên tĩnh.

**404.** Phương sinh phương tử, phương tử phương sinh; phương khả phương bất khả, phương bất khả phương khả; nhân thị nhân phi, nhân phi nhân thị. [Trang Tử, Tề Vật Luận]

*Dịch:* [Bất cứ vật gì] đang sống là đang chết, đang chết là đang sống; có thể là không thể, không thể là có thể. Nguyên do đúng là nguyên do sai, nguyên do sai là nguyên do đúng.

**405.** Phân dã giả, hữu bất phân dã; biện dã giả, hữu bất biện dã. [Trang Tử, Tề

Vật Luận]

*Dịch:* Trong mỗi sự phân tích có cái không phân tích được; trong mỗi sự biện luận có cái không biện luận được.

**406.** Xử minh giả bất kiến ám trung nhất vật, xử ám giả năng kiến minh trung khu sự. [Quan Doãn Tử, Nhất Vũ]

*Dịch:* Người ở nơi sáng sửa không thấy được vật gì trong bóng tối; người ở nơi tối có thể thấy được sự vật rất bé nhỏ trong ánh sáng.

**407.** Chuyên dụng thông minh, tắc công bất thành; chuyên dụng hồi muội, tắc sự tất bại; nhất minh nhất hồi, chúng chi sở tái. [Doãn Văn Tử Dật Văn]

*Dịch:* Chỉ thuần thông minh sẽ không thành công; chỉ thuần tối tăm sẽ gặp việc trái ý muốn. Vừa sáng vừa tối là cách làm mọi việc.

**408.** Mục tương miếu giả, tiên đồ thu hào; nhĩ tương lung giả, tiên văn nhuệ phi, [...] cố vật bất chí giả tắc bất phản. [Liệt Tử, Trọng Ni]

*Dịch:* Mắt sắp mờ thì trước tiên hãy nhìn vật cực bé, tai sắp điếc thì trước tiên hãy nghe tiếng muỗi bay vo ve. [...] Cho nên sự vật chưa phát triển đến chỗ cùng cực thì chưa quay trở lại.

**409.** Dục cương, tất dĩ nhu thủ chi; dục cường, tất dĩ nhược bảo chi. [Liệt Tử, Hoàng Đế]

*Dịch:* Muốn nó cứng thì lấy mềm giữ nó; muốn nó mạnh thì lấy yếu bảo vệ nó.

**410.** Thiên hạ lý vô thường thị, sự vô thường phi. Tiên nhật sở dụng, kim hoặc khí chi; kim chi sở khí, hậu hoặc dụng chi. [Liệt Tử, Thuyết Phù]

*Dịch:* Sự và lý trong thiên hạ không bao



giờ đúng mãi hay sai mãi. Có thứ ngày trước áp dụng mà nay có người bỏ đi; cái ngày nay bỏ đi thì ngày sau có người áp dụng.

**411.** Đắc điều giả, la nhất mục; nhất mục chi la, bất khả đắc điều. [Doãn Văn Tử]

*Dịch: Bắt được chim là nhờ ở một mắt lưới; nhưng cái lưới chỉ có một mắt lưới thì không thể bắt được chim.*

**412.** Nhập thủy tăng nhu, hoài xú cầu phương, bất khả đắc dã. [Doãn Văn Tử]

*Dịch: Vào nước ghét bị ướt, ôm giữ cái hôi hôi cầu mong được thơm tho, điều đó là không thể.*

**413.** Nhật bất tri dạ, nguyệt bất tri trú, nhật nguyệt vi minh nhi phát năng kiêm dã. [Hoài Nam Tử, Mậu Xưng Huấn]

*Dịch: Mặt trời không biết đến đêm tối, mặt trăng không biết đến ban ngày. Mặt trời và mặt trăng cho ánh sáng nhưng không thể cùng biết ban ngày và ban đêm của nhau.*

**414.** Thủy tuy bình, tất hữu ba; hành tuy chính, tất hữu sai. [Hoài Nam Tử,

Thuyết Lâm Huấn]

*Dịch: Nước mặc dù yên tĩnh nhưng cũng có lúc gợn sóng, cái cân mặc dù thăng bằng nhưng cũng có lúc sai lệch.*

**415.** Đắc vạn nhân chi binh, bất như văn nhất ngôn chi đáng; đắc Tùy Hâu chi châu, bất như đắc sự chi sở do; đắc Oa thị chi bích, bất như đắc sự chi sở thích. [Hoài Nam Tử, Thuyết Sơn Huấn]

*Dịch: Có được quân binh vạn người không bằng nghe được một lời nói đúng đạo lý; có được ngọc châu Tùy Hâu không bằng có được nguyên do của sự việc; có được ngọc bích của họ Oa không bằng có được sự thích đáng của sự việc.*

**416.** Hoặc dự nhân nhi thích tức dĩ bại chi, hoặc hủy nhân nhi nãi phản dĩ thành chi. [Hoài Nam Tử, Nhân Gian Huấn]

*Dịch: Có khi tán dương ai mà làm cho hắn bị thất bại; có khi hủy báng ai mà làm cho hắn được thành công.*

**417.** Sự hoặc đoạt chi nhi phản dữ chi, hoặc dữ chi nhi phản thủ chi. [Hoài Nam Tử, Nhân Gian Huấn]

*Dịch: Sự đời, có khi tước đoạt ai cái gì*



thì trái lại làm cho họ được tặng cái khác; có khi cho ai cái gì thì trái lại ta nhận được cái khác.

**418.** Sơn sinh kim, phản tự khắc; mộc sinh đố, phản tự thực; nhân sinh sự, phản tự tặc. [Hoài Nam Tử, Thuyết Lâm Huấn]

*Dịch: Núi sinh vàng, trái lại nó bị tổn hao (do người ta khai thác vàng); gỗ sinh môi mọc, trái lại nó bị một ăn mòn; người phát sinh sự rắc rối, trái lại tự làm hại bản thân.*

**419.** Dĩ cận luận viên, dĩ tiểu tri đại. [Hoài Nam Tử, Phạm Luận Huấn]

*Dịch: Căn cứ cái gần mà suy luận ra cái xa xôi, căn cứ việc nhỏ mà biết việc lớn.*

**420.** Nhất điều chi khô, bất tổn phần lâm chi ông ái. [Bão Phác Tử, Bác Dụ]

*Dịch: Một cây khô không làm mất dáng vẻ sum suê um tùm của rừng cây dày đặc.*

**421.** Giang hà chi lưu, bất năng doanh vô để chi khí dã. [Bão Phác Tử, Cục Ngôn]

*Dịch: Nước sông ngòi không thể đổ đầy một đò vật để chứa nước mà không có đáy.*

**422.** Tiểu tì bất túc dĩ tổn đại khí. [Bão Phác Tử, Bác Dụ]

*Dịch: Tì vết nhỏ không đủ để làm hại đò vật lớn.*

**423.** Tục hữu kiến du vân tây trì, nhi vị nguyệt chi đông hành. [Bão Phác Tử, Tắc Nan]

*Dịch: Kẻ kiến thức thiên lậu hễ thấy mây bay về hướng tây thì nói mặt trăng đi về hướng đông. □*



*Tâm mà được chí chơn chí chánh,  
Tâm hòa quang mọi cảnh sẽ vui;  
Ớt chanh nghe cũng ngọt bù,  
Tâm tu đường mật cũng mùi đắng cay.  
Con giỏi lội sông dài vẫn thích,  
Con dốt bơi nương lạch vẫn ghê;  
Nệm bông, buồn thấy gồ ghề,  
Chông tre, vui thấy mọi bề đều êm.  
Đó là Đạo trước thêm giải thoát,  
Đó là tâm linh hoạt viên dung;  
Đó là đạt Đạo thời trung,  
Huyền mà bất biến, thuận tòng bất thiên.*

**ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU, CQPTGL, 13-8 MẬU NGỌ (14-9-1978)**

*Trên đường tiến hóa: “Mục đích của kiếp hiện tại là gây dựng hạnh phúc chân thật cho đời người ngày nay. Mục đích đối với quá khứ đã giải quyết, thanh toán những vay mượn nợ nần còn lưu dấu. Mục đích nhằm hướng về tương lai là đặt thành một nền tảng giải thoát cho con người tạo lập một nấc thang tiến hóa sau kiếp nhân sanh hiện tại.*

**ĐẠO HỌC CHỈ NAM, CHƯƠNG 4, TIẾT 4, MỤC 3.**  
*Lòng không ích kỷ vị tha nhân,  
Dem đạo khuyên đời học chữ chân;  
Chân giả có ngày nguyên hiện tướng,  
Ai trung ai nịnh kẻ phong thần.*

**ĐỨC GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO, NGỌC MINH ĐÀI, TUẤT THỜI, RẪM THÁNG 10 KỶ DẬU (24-11-1969)**

# THIÊN CHÚA BA NGÔI

Theo giáo lý Cơ đốc giáo, qua câu Thánh kinh Cựu Ước: “Trước mặt ta người chớ có các thần khác” (Phục truyền 5.7), Thiên Chúa là duy nhất. Câu Thánh kinh trên có thể hiểu hai cách:

- Chỉ có một Thiên Chúa hay Thượng Đế tối cao.
- Trong cõi thiêng liêng vô hình chỉ có một vị Thần là Thiên Chúa mà thôi.(!)

Cách hiểu thứ nhất khẳng định chỉ có một Thiên Chúa duy nhất nhưng không có ẩn ý phủ nhận sự hiện hữu của các “Thần” khác dưới quyền ngự trị của Thiên Chúa. Nhưng với cách hiểu thứ hai sẽ dẫn đến việc cấm tôn thờ các vị “Thần” khác dù ở bất cứ đẳng cấp nào. Và giáo hội hay tín hữu dễ có thái độ cực đoan hay kỳ thị đối với nhiều tôn giáo khác.

Tuy nhiên, với thuyết Thiên Chúa Ba Ngôi dưới đây, nếu tìm hiểu thấu đáo các khái niệm “Bản thể của Thiên Chúa” hay “tính bao hàm hỗ tương của Ba ngôi hay Ba thân vị Thiên Chúa” và “ Sự hiệp nhất của Thiên Chúa với bản thể nhân tính trong Chúa Giê-Su Cơ Đốc”, các tín hữu Cơ đốc giáo hay tín hữu các đạo khác có thể đối chiếu giáo lý để nhận định được chỗ nhất lý về mặt Thần học, Đạo học hay hình nhi thượng học giữa các tôn giáo.

## THIÊN CHÍ

BA NGÔI (Trinity) là Thiên Chúa, theo giáo lý của hầu hết các giáo hội thuộc cộng đồng Cơ đốc giáo, Thiên Chúa là duy nhất, hiện hữu trong ba thân vị: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Linh.

Về phương diện lịch sử, học thuyết Ba Ngôi đã được khẳng định

là giáo lý chính thức của Hội Thánh bởi các tín điều (creed) Nicaea (năm 325) và Athanasius (khoảng năm 500) nhằm chuẩn hoá các xác tín khi những bất đồng về thần học nảy sinh trong nội bộ Hội Thánh. [ . . ]

Tín điều Nicaea, cấu trúc căn bản của giáo



lý Ba Ngôi, dùng từ “homousia” (trong Hi văn nghĩa là có “cùng một bản thể”) để định nghĩa mối quan hệ giữa các thành viên của Ba Ngôi.

#### BÀI HỌC VỠ LÒNG

Tín hữu Cơ Đốc học biết về giáo lý Ba Ngôi khi chịu lễ báp têm. Cũng là bước khởi đầu để thấu hiểu tại sao giáo lý này quan trọng với tín hữu Cơ Đốc, ngay cả khi họ nhận ra rằng học biết về “bản thể của Thiên Chúa” là vượt quá sự hiểu biết của họ. Bản Tín điều các Sứ đồ, như là bản tóm lược về đức tin Cơ Đốc, ngày càng phổ biến hơn. Bản tín điều này là kiểu mẫu cho sự xác tín giáo lý Ba Ngôi giúp người qui đạo xác chứng niềm tin của họ khi thụ lễ báp têm và vào những dịp khác theo lịch giáo nghi của Hội Thánh. Họ chịu lễ báp têm “trong danh của Cha, Con và Thánh Linh” (Mat. 28:19). Như thế, cuộc sống tôn giáo cũng như nhận thức của họ về sự cứu rỗi khởi đầu với lời xác chứng liên quan đến Ba Ngôi.

Theo học thuyết Ba

Ngôi, cả ba thân vị đều xuất hiện vào lúc Chúa Giê-Su chịu lễ báp têm “Vừa khi chịu lễ báp têm rồi, Chúa Giê-Su vừa lên khỏi nước, kìa, các tầng trời mở ra, Ngài thấy Thánh Linh của Thiên Chúa ngự xuống như chim bồ câu và đậu trên Ngài; Tức thì, có tiếng từ trời phán rằng, Này là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng” (Mat. 3:16-17). Đối với những tín hữu tin vào thuyết Ba Ngôi, ba thân vị của Ba Ngôi đã hiển lộ cùng một lúc vào dịp cử hành lễ báp têm.

#### ĐỜI SỐNG CƠ ĐỐC VÀ BA NGÔI PHƯỚC HẠNH

Tính duy nhất của bản thể Thiên Chúa cùng tính đa nguyên huyền nhiệm của Ba Ngôi giải thích bản chất của sự cứu rỗi và bày tỏ sự sống vĩnh cửu. “Ấy là nhờ Chúa Con mà chúng ta được phép đến gần Chúa, trong một Chúa Thánh Linh” (Eph.2:18). Mối tương giao với Cha là mục tiêu của cuộc sống Cơ Đốc, có được qua sự hiệp nhất của Thiên Chúa với bản thể nhân tính trong Chúa Giê-Su Cơ Đốc. Ngài là Thiên

Chúa nhưng nhận lấy cái chết của một con người để cứu chuộc người có tội, hầu cho tín hữu nhận lãnh sự tha thứ và tình bằng hữu của Thiên Chúa qua sự vận hành của Chúa Thánh Linh, đáng làm Chúa Giê-Su sống lại từ kẻ chết, cũng là đáng thấu hiểu Thiên Chúa (vì Ngài là Thiên Chúa), soi dẫn và ban năng lực cho tín hữu để họ có thể thực thi ý chỉ của Thiên Chúa. Như thế, giáo lý này ảnh hưởng đến mọi phương diện trong đức tin và sống đạo của tín hữu Cơ Đốc. Cũng dễ hiểu khi có nhiều người, suốt theo dòng lịch sử Cơ Đốc giáo, đã tranh đấu quyết liệt để bảo vệ nó.

#### ĐỒNG CƯ TRÚ

Một cách luận giải tương đối khó hiểu nhưng hữu dụng nhằm giải thích sự tương quan giữa ba thân vị của Thiên Chúa gọi là “tính bao hàm hỗ tương” (perichoresis). Khái niệm này đặt nền tảng trên Phúc âm John 14,17 khi Chúa Giê-Su giải thích cho các môn đồ hiểu tại sao Ngài phải rời xa họ. Ngài đi đến cùng Cha vì điều đó ích lợi cho



họ, như thế Ngài có thể ở trong họ khi “Đấng An ủi” (Chúa Thánh Linh) được ban cho họ. Ngài tỏ cho họ biết Ngài ở trong Cha, Cha ở trong Ngài và cả hai đều ngự trong họ. Như thế, theo thuyết bao hàm hỗ tương, ba thân vị “chứa đựng lẫn nhau hầu cho mỗi thân vị luôn luôn bao hàm và đồng thời luôn luôn được bao hàm”.

#### CHÚA CHA TRONG CƠ ĐỐC GIÁO

Vì Cơ Đốc giáo tự xem mình là sự tiếp nối và hoàn chỉnh của Do Thái giáo, nên các khái niệm về Chúa Cha trong đạo thần giáo của người Do Thái được chấp nhận rộng rãi trong cộng đồng Cơ Đốc giáo. Thêm vào đó, tín hữu Cơ Đốc, nhìn xem Chúa Cha trong nội dung của học thuyết Ba Ngôi, cùng với Chúa Con và Chúa Thánh Linh là Thiên Chúa Ba Ngôi (God the Trinity).

Trong Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa được gọi là “Cha” trong ý nghĩa Chúa là Đấng tạo hoá, Đấng duy trì công cuộc sáng tạo và là Đấng cung



cấp mọi sự cần dùng cho con cái của Chúa, cho dân Chúa. Theo đức tin Cơ Đốc, Chúa Cha có mối quan hệ vĩnh cửu với Con độc sinh của Chúa, Chúa Giê-Su; thể hiện mối tương giao duy nhất và thân tình của bản thể Ba Ngôi: “Ngoài Cha không ai biết Con; ngoài Con và người nào Con muốn tỏ ra cùng, cũng không ai biết Cha”.

(Matthew 11. 27).

Đối với tín hữu Cơ Đốc, mối quan hệ giữa Chúa Cha đối với nhân loại là tình cha con. Như vậy, toàn thể nhân loại, theo nghĩa rộng, được gọi là con cái của Thiên Chúa. Theo quan điểm Cơ Đốc, Thiên Chúa là Đấng tạo hoá và loài người là tạo vật được Chúa dựng nên, trong ý nghĩa đó, Chúa là cha của mọi người. Tân

Uớc liên kết mối quan hệ này với hình ảnh của một gia đình mà Thiên Chúa là Cha, “bởi Cha mà cả nhà trên trời dưới đất được đặt tên”. (Ephesian 3: 15).

Tuy nhiên, còn có một ý nghĩa sâu nhiệm hơn về mối quan hệ giữa Thiên Chúa và con người. Tín hữu Cơ Đốc tin rằng, qua Chúa Giê-Su, họ được dự phần vào mối tương giao vĩnh cửu giữa Cha và Con. Tín hữu Cơ Đốc cũng tự nhận mình là con được thừa nhận:

*Khi kỳ hạn được trọn, Thiên Chúa sai Con Ngài, sinh bởi một người nữ, sinh ra dưới luật pháp, để cứu chuộc những người ở dưới luật pháp, và cho chúng ta được thừa nhận là con Ngài. Bởi vì anh em là con, nên Thiên Chúa sai Thánh Linh của Con Ngài ngự vào lòng anh em, kêu rằng ‘Abba, Abba, Cha!’. Vì vậy, anh em không phải là nô lệ nữa mà là con; nếu anh em là con, anh em cũng là người kế tự của Thiên Chúa qua Chúa Giê-Su (GALATIANS 4: 4 -7).*

#### CHÚA THÁNH LINH

Chúa Thánh Linh (The Holy Spirit), còn

gọi là Chúa Thánh Thần trong tiếng Hêbrơ Ruah haqodesh, theo đức tin của Cơ Đốc giáo, là Thiên Chúa, là ngôi thứ ba trong Ba Ngôi; Từ “Thánh Linh” có nguồn gốc từ Tân Ước Hi văn pneuma (πνεύμα).

#### QUAN ĐIỂM CỦA CƠ ĐỐC GIÁO

Tín hữu Cơ Đốc tin rằng Chúa Thánh Linh là một thân vị trong Ba Ngôi, bình đẳng với Chúa Cha và Chúa Con (Chúa Giê-Su).

Theo Tân Ước, Chúa Thánh Linh là Đấng dẫn dắt con người đến đức tin để tin nhận Chúa Giê-Su, ban cho họ năng lực để sống cuộc đời Cơ Đốc. Chúa Thánh Linh ngự trong lòng tín hữu, xem họ là đền thờ của ngài<sup>1</sup>. Chúa Thánh Linh được miêu tả là “Đấng Dạy dỗ” hay “Đấng Cứu giúp” (paraclete trong Hi văn), dẫn dắt tín hữu vào lẽ thật. Quyền năng của Chúa Thánh Linh thể hiện trong đời sống của tín hữu, theo quan điểm Cơ Đốc, sản sinh những kết quả tích cực được gọi là Trái của Thánh Linh.

#### TRÁI CỦA CHÚA THÁNH LINH

Tín hữu Cơ Đốc tin rằng “Trái của Chúa Thánh Linh” là những đức hạnh được ban cho những ai chấp nhận Chúa Thánh Linh và để quyền năng của Ngài vận hành trong đời sống của mình. Những đức hạnh này được liệt kê trong Tân Ước (Gal 5:22): “Nhưng trái của Thánh Linh, ấy là lòng yêu thương, sự vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhân từ, hiền lành, trung tín, mềm mại và tiết độ”. Truyền thống Công giáo cũng liệt kê 12 Trái của Chúa Thánh Linh (Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo, Phần 1832): “từ thiện, vui thoả, bình an, nhẫn nại, nhân ái, từ tâm, độ lượng, hoà nhã, chung thủy, khiêm nhường, tiết chế và trinh bạch”. Nhiều tín hữu Cơ Đốc tin rằng những Trái của Thánh Linh ngày càng trở nên tinh tuyền bằng cách tuân giữ Lời của Thiên Chúa (Kinh Thánh) và bằng những trải nghiệm trong sống đạo. [THAM KHẢO THEO WIKIPEIDA.ORG] □

# NHỚ VỀ CÁC TÍN HỮU CAO ĐÀI CAMPUCHIA

KỶ NIỆM TÁM MƯƠI NĂM KHAI PHÁ VÀ XÂY DỰNG THÁNH ĐỊA TÂY NINH • TÁC GIẢ: ĐẠT TƯỜNG





Năm 1947, hai mươi năm sau khi bắt đầu tạo dựng Thánh địa Tây Ninh, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc một hôm vui miệng có kể câu chuyện sau:

Việc khai phá rừng già không phải là việc dễ. Nhon công phải đương đầu với muôn ngàn nỗi gian lao khổ ải. Khó chịu nhất là bệnh sốt rét rừng, chói nước. Chư tín hữu người Việt ở lực tình lên làm công quả không chịu nổi với trận giặc rét này. Công quả được ít ngày thì các vị ấy lần lượt xin về hết. Nếu tình thế ấy cứ tiếp tục thì không biết khi nào mới khai phá xong khu rừng.

Nhưng may thay ! Ông Trên chuyển số người Tân Nhon (Cao Miên) đến làm công quả có đến vài trăm người. Họ là những người

lực lưỡng, chịu nắng chịu mưa giỏi lại quen với lối sống trong rừng nên làm việc đặc lực lắm. Có điều này đặc biệt là trong số hai trăm nhon công ấy lại có một người là cốt của một vị Thần.

Mỗi buổi sáng đến giờ làm việc, vị Thần nói trên nhập vào cốt, mặt đỏ phừng phừng tay cầm cây gỗ to, nhảy lên đám cây dâu to đến cả mấy người ôm và dài đến mười mấy thước bị đốn ngã nằm ngổn ngang. Và rất uy nghi, ra lệnh cho nhon công khiêng các cây súc ấy sắp lại ngay hàng thẳng lối. Công việc mỗi ngày đều như thế cả, không sai chạy. Như thế mà vị Thần không biết mệt. Nhưng trái lại xác được Thần mượn thì quá mệt, quá khổ! Cho nên một bữa nọ, trước giờ làm việc,

người Miên có xác được Thần mượn tự động chạy trốn ra Bến Kéo. Nhưng khi nghe tiếng “keng” của kiếng báo hiệu giờ làm việc, tức thì vị Thần liền mau mau nhập lại xác rồi chạy trở về chỗ cũ, tiếp tục công việc như trước.<sup>1</sup>

Ngày nay, trên đường về Toà Thánh Tây Ninh chúng ta có thể ghé ngang qua sóc Bàu Éch, nơi con cháu của chư vị tiền bối Cao Đài Khmer đang định cư.

<sup>80</sup> năm trước đây, trong những tháng ngày này tại làng Long Thành tỉnh Tây Ninh đang khởi đầu công cuộc khai phá rừng hoang để xây dựng Thánh địa Tổ đình. Hàng

1. Đỗ Vạn Lý, Tìm Hiểu Đạo Cao Đài, California USA, 1989, tr. 238.





ngàn tín hữu tham gia công quả, trong đó có hàng trăm Thổ nhơn bao gồm người Campuchia và bộ tộc Tà Mun.<sup>2</sup>

## I. NHẮC LẠI SỰ KIẾN KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

1. CƠ DUYÊN NÀO ĐÃ ĐƯA ĐẤY CÁC NGƯỜI CAMPUCHIA TRỞ THÀNH TÍN HỮU CAO ĐÀI? GIẤC MƠ “PHẬT ĐI VÀO NƯỚC NAM”

Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo đã diễn ra tại Thiên Lâm Tự<sup>3</sup> (Gò Kén, Tây Ninh). Hôm khai mạc cũng là ngày khánh thành ngôi Thánh thất đầu tiên của đạo Cao Đài.

Trong quá trình sửa chữa ngôi chùa Phật theo nghi thức Tam Kỳ Phổ Độ để chuẩn bị cho đại hội Tam Giáo sẽ diễn ra, một cụm gồm hai pho tượng diễn tả cảnh Thái Tử Sĩ Đạt Ta cỡi ngựa lên đường đi tìm chân lý

2. Trần Văn Rạng, Đại Đạo Sử Cương 1, Cát Tòa Thánh tạm.

3. Ngày nay, hàng chữ Nho nơi cổng chùa (cả hai mặt trước và sau) đều là Thiên Lâm Tự. Trong bài Ai Đếếu cho Phối Sư Thượng Tông Thanh, Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung có nhắc đến từ “Thiên Lâm”: “Nghe Gò Kén Thiên Lâm Tròi khai Đại Đạo”

cùng người hầu Sa Nặc đã được thực hiện.<sup>4</sup>

Bà Hương Hiếu, người nữ đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài là một nhân chứng, đã kể lại trong quyển Đạo Sử Xây Bàn số<sup>2</sup> như sau:

*Đến ngày Khai Đạo<sup>14</sup> tháng<sup>10</sup> Bính Dần, chức sắc và tín đồ trong<sup>20</sup> tỉnh về hầu đàn và ngoài đời thiên hạ đi coi tập nập ...*

*Phần tôi (...) luôn luôn có bốn phận lo tiếp đãi chức sắc và quan khách ngoài đời. (...) Việc tiếp đãi trong đạo ngoài đời trong thời buổi ấy không phải giờ khác. Nấu đãi liên liên, khách đến giờ nào đãi giờ nấy, vì kẻ xa người gần, hết tập này đến tập khác.”*

Bà Hương Hiếu kể tiếp:

*Thời buổi ấy người Thổ họ đồn với nhau rằng tại Tòa Thánh có thờ ông Phật của họ (tức là Phật Tô) nên họ kéo đến nhập môn mỗi ngày lu bù. Khi họ đến ban ngày thì dọn ăn ban ngày, đến ban đêm thì dọn ăn ban đêm, tôi và công quả phải*

4. Ngày nay, hai pho tượng này vẫn được đặt ở quảng trường trước Đền Thánh Tòa Thánh Tây Ninh gần với cổng chánh.

*thức lo thết đãi (...).*

*Sau tôi biết ý họ xuống không chừng đôi, vì họ ở vùng Sway Rieng hoặc ở Khét Sà Tiệp, nơi này chỗ kia miệt trên Nam Vang kéo xuống, nên bữa nào chiêu tôi tôi cũng dự phòng hai chảo cơm và đồ ăn. Nghĩ vì họ ở xa xuôi đi tìm Đạo, đường xa ngàn dặm đi suốt cả ngày họ chịu đói khát cho nên đâu tôi cực khổ thế nào cũng phải thức để lo tiếp đãi họ, cho họ được vui lòng.*

Hòa lẫn trong dòng người Việt kéo về dự lễ tại Thiên Lâm Tự, có người Pháp, người Hoa, ... Đặc biệt, có nhiều người Campuchia từ Soài Riêng sang. Ban đầu chỉ một vài người, sau đó họ trở về nước kể chuyện. Thế là bà con trong nhà, rồi hàng xóm rủ nhau kết thành nhóm vượt biên giới vào Tây Ninh hướng về nơi nghe nói Phật đã đến.

Câu “Sau tôi biết ý họ xuống không chừng đôi” cho chúng ta mừng tượng hình ảnh nhiều tập người Miên lũ lượt kéo đến tham quan đại hội.

## 2. NGƯỜI CAMPUCHIA NHẬP MÔN

Nửa tháng sau Đại Lễ Khánh Thành Thiên Lâm Tự, những người Miên đầu tiên bắt đầu đến viếng ngôi Thánh thất đầu tiên của Cao Đài Giáo.

Theo tài liệu Đạo Sử của bà Hương Hiếu, buổi đàn đầu tiên có hai người Miên được Đức Chí Tôn điểm danh là ngày Samedi 4 décembre 1926<sup>5</sup> tức là 30.10 Bính Dần:

### TRÌ CHIA:

*Trì Chia người Thổ thiết,  
Đạo đức kia còn biết.  
An Nam thiết giống Nam,  
Vô Đạo coi muốn hết.*

### HÒA RẤU:

*HÒA RẤU tại nhà đã đủ đôi,  
Không thua ai ngày đủ hai nôi;  
Phật Trời chứng chiếu lòng con thảo,  
Lễ cúng Thầy đều đặn hưởng xôi.  
Cười.*

*Nội khuya bữa ấy có chư Nhu ở Soài  
Riêng qua xin nhập môn, giữa đường rủ  
bị đụng xe nên đến trễ.*

Một số đàn khác còn được lưu giữ cho chúng ta thấy tình hình diễn tiến việc độ dẫn người Miên trong thời gian Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo:

• Ngày Vendredi 10 décembre 1926  
(06-11 Bính Dần)<sup>6</sup>

*Sum vầy các sắc, các con nhà,  
Dầu phải sang hèn cũng một Cha;  
Nương dựa con tua vầy hiệp bạn,  
Đường đời cũng thế chẳng bao xa.  
Thâu*

*Trung! Nó là kẻ yêu Thầy. Con khá dạy*

5. Thứ bảy 04-12-1926

6. Thứ sáu 10-12-1926



nó cách cầu nguyện để thờ phượng Thầy.

XÀ INH con chó ngại ngừng chi,  
Các việc con xin ý định tùy;  
Nền Đạo của Thầy nền Đạo cả,  
Con con đừng sợ thị hòa phi. Thân  
Thầy cũng dặn Trung như vậy.

• Đoàn ngày Lundi <sup>27</sup> décembre <sup>1926</sup>  
(<sup>23-11</sup> Bính Dần)<sup>7</sup>

Ngọc Hoàng Thượng Đế

Trung! con nên cho kẻ môn đệ yêu  
dấu Thầy hầu nội hết ... Cười ... Không  
cần nói chúng nó cũng hiểu, Thầy rất vui  
mình. Vậy Thầy dặn con: mỗi khi chúng  
nó đến phải tiếp rước trọng hậu nghe à.  
Chư Nhu Thượng Sớ.

<sup>4</sup> ÔNG LỤC VÀ <sup>9</sup> NGƯỜI ĐÀNG THỔ. THÂN  
HẾT.

Qua đây, chúng ta thấy trong những  
người buổi đầu nhập môn cầu đạo có  
cả những vị sư người Miên.

Trong quá trình thân nhận người  
Miên, Đức Lý Giáo Tông cũng có khi  
dùng huyền diệu thiêng liêng để chữa  
bệnh cho họ. Thí dụ đoàn ngày:

• Lundi <sup>3</sup> janvier <sup>1927</sup> (<sup>30-11</sup> Bính  
Dần)<sup>8</sup>.

Thái Bạch. Hỷ chư đạo hữu, chư đạo  
muội, chư chúng sanh.

Thượng Trung Nhật! Dem người Thổ  
nhơn bịnh vào tới nữa ... đem một chén  
nước cho uống ... Lui ...

Oan nghiệt, đời vì có biết tội, không  
biết phước, vì nghiệt chướng bên mình.  
Than ôi! Biết bao giờ cho hết oan oan  
tương báo.

• Vendredi <sup>14</sup> janvier <sup>1927</sup> (<sup>11-12</sup>  
Bính Dần).

Thái Bạch

7. Thứ hai 27-12-1926

8. Thứ hai 03-01-1927

Hỉ chư đạo hữu, chư đạo muội, chư  
chúng sanh,

Bình thân. Thân nam nữ Thổ nhơn.  
Thái Bính Thanh, Hiền Hữu dặn chư Sơn  
Thổ nhơn nán lại nghe dạy.

Thảm thay! Thảm thay! Cũng bởi thất  
kỳ truyền nên tu hữu công mà hành đạo  
chưa hề thấy. Lão sẽ xin lệnh Thầy hội chư  
sơn Thổ nhơn lại đây trong tháng ba đặng  
truyền bí pháp cho chúng nó luyện đạo.  
Thầy thế nào cũng buộc chúng nó trường  
trai.

Tường, nói lại với chúng nó.

Trong khoảng một tháng rưỡi, người  
Campuchia nhập môn ngày càng đông  
thêm. Để việc hướng dẫn đạo cho họ  
được hữu hiệu, Đức Chí Tôn thân  
nhận ông Vương Thành Tông và dạy  
phải công quả dịch Thánh ngôn sang  
tiếng Cao Miên. Ngày <sup>12</sup> tháng chạp  
Bính Dần, Thầy phong cho ông Tông  
phẩm Phối Sư:

Tông! Con phải lo phổ độ nhơn sanh  
Trung Huê và Cao Miên. Thầy phong cho  
con chức Phối Sư phái Thượng.<sup>9</sup>

Đàn sau đây cho thấy số lượng người  
Miên dự hầu đàn xin nhập môn trong  
những ngày xuân Đinh Mão đông đến  
mức bên trong chánh điện Thiên Lâm  
Tự chứa không đủ nên nhiều người  
phải quỳ hầu ngay ngoài sân Thánh  
thất đến nỗi Thầy phải dạy:

• Mardi <sup>8</sup> février <sup>1927</sup> (<sup>07-01</sup> Đinh  
Mão).

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI  
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.

Chư môn đệ bình thân,

Trung, con kêu hai người thông ngôn

9. Thánh Ngôn Sưu Tập 1, số 52, 12-12 Bính  
Dần (15-01-1927)

Thở vào, để một đĩa trước chùa, một đĩa trong điện, Thầy nói thì nói lại nghe.

Kêu Gông... cựa Mẹ Sóc...

Không phải,

Gông! Con thông ngôn lại nghe. Đứng dậy con.

Thầy mừng lũ con yêu dấu Thầy. Căn đây của các con hầu mãi. Thầy đến lập một nền chánh đạo này tại cõi Đông Dương là cốt làm cho kẻ bị hiệp đập đặng mạnh mẽ, kẻ hiền lương làm thầy kẻ hung bạo, ấy là lẽ công bình thiêng liêng Tạo Hóa.

Hết phạt tới thưởng là thường lệ.

Các con thoát đặng khỏi nơi u ám là bởi đạo đức. Các con sẽ đặng trọng kính cũng bởi đạo đức. Thầy bồi đắp một sự ghét bỏ các con gần trên một trăm thế kỷ. Vậy các con phải chung hiệp cùng nhau. Nam Thổ chẳng còn phân chia nòi giống nghe à!

Thầy ban ơn cho hết thầy các con.

Ngày đêm hôm đó, khi tái cầu, Đức Lý Giáo Tông phong Giáo Hữu cho hai người thông ngôn:

TÁI CẦU: (07-01 ĐINH MÃO).

Thái Bạch

Thượng Trung Nhựt, hiền hữu kêu Gông và Niên.

Gông, Lão phong cho hiền hữu chức Giáo Hữu đặng phổ độ Thổ nhơn nghe à. Tuân mạng... Lão chó không phải Thầy.

Niên, Lão phong cho chức Giáo Hữu, tuân mạng.

Nhị vị hiền hữu lui ra ngoài lấy tên người Thổ chẳng kịp cầu đạo. Niên lui đi. Nữ phái toàn thân.

Nam đọc số; hỏi ngoài còn sót số nhieu. Mai, đọc số.

Trong thời gian lưu lại Tây Ninh để học đạo và hành đạo, có vị đạo hữu

người Miên được phong Thần vị sau khi liễu đạo.

Thái Bạch.

Hỷ chư đạo hữu, chư đạo muội, chư chúng sanh. Đạo hữu ráng giữ lễ kính lão.

Thượng Trung Nhựt! Hiền hữu phải lập tức cấp một cái bài vị Long chỉ niên ngoạt nhựt thời sanh tử của Nolin Dinh để tại bàn Thánh dưới Khương Tử Nha. Nhớ làm rõ ràng là để phía sau rớt rằng: Tên Nolin vì Đạo mà bị tên Mẹ Khum sát hại, có kiện tại tòa. Song phép công bình đòi không đủ.

Ngọc Đế cho qui vị vào bậc Thần, lại ban cho sắc chỉ báo oán. Nghe à và tuân mạng Lão. Bình thân.

Thượng Trung Nhựt! Hiền hữu nói với mấy vị đạo muội Thổ rằng: Rằm tháng 3 phải có mặt đặng thọ phong với nhiều người An Nam nữa.<sup>10</sup>

## II. CÔNG QUẢ KHAI PHÁ VÀ XÂY DỰNG THÁNH ĐỊA TỔ ĐÌNH

### 1. DỜI THÁNH THẤT GÒ KÉN ĐẾN ĐẤT MỚI MUA Ở LONG THÀNH

Khi Hòa thượng Như Nhân đòi lại Thiên Lâm Tự, chư vị tiền bối theo hướng dẫn của Thầy và Đức Lý Giáo Tông gấp rút tìm mua đất. Việc di dời Thánh thất về đất mới, phần sức lực phần đông là công quả của bốn đạo người Miên. Bà Hương Hiếu ghi nhận:

Đến ngày 20 tháng 2 năm Đinh Mão (23.3.1927) Hội Thánh trả chùa Gò Kén lại cho ông Hòa thượng Giác Hải. Tỉnh cốt chư Phật và cốt Đức Phật Thích Ca cõi

10. Thánh Ngôn Suu Tập 1, số 64, ngày 25-02-1927 (24-01 Đinh Mão)



ngựa về đất mới mua là nơi đền thờ (...)

Khi thỉnh Phật, cả chức sắc và công quả buổi ấy phần nhiều là người Miên đều mệt đuối. Vì phần đường xa, cốt Phật thì lớn nên rất nặng nề, phân đôi và khát nước. Đi dọc đường nhờ có đạo hữu gánh nước theo từng chặng đường, nhưng uống cũng không đủ. Nên khi rón sức đi tượng Phật về đến nơi rồi thì ai nấy đều nhào vô đám lá cây khô trong rừng nằm thở dốc.<sup>11</sup>

## 2. KHAI PHÁ RỪNG VÀ XÂY DỰNG THÁNH ĐỊA

Tiếp theo đó là việc khai hoang rừng rậm và xây cất các cơ sở ban đầu nơi Thánh địa thì công quả của người Miên là chánh. Bà Hương Hiếu ghi:

Nói về vấn đề phá rừng (thành Thánh địa) buổi ban sơ dọn về đất mới, Đức Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm tính phá rừng mà không có nhà ở, nên phải tạm sửa cái nhà bò của chủ bán đất còn để lại, rửa cho sạch sẽ, phân ra làm ba ngăn. Nghĩa là ngăn ra cho có thứ tự: chỗ thì để cho công quả ở nghỉ (công quả người Miên), chỗ làm kho chứa đồ dụng cụ để phá rừng như là: máy đánh gốc, nạo cuốc, nạo xuống, xà cốc, lòi tói, v.v... và còn một chỗ thì làm kho trữ gạo và thực phẩm. Một bên thì hai ông ở tạm, rồi hai ông mượn công qua đi đốn cây nạng (y) dựng làm cái chõng để nằm, đi đốn cây săng con làm vạt, trên thì lót bố tời dựng nằm cho êm lưng đỡ vậy thôi. Ngày nào hai ông cũng dắt dẫn công quả (Thổ) đi chặt chỗ này đốn chỗ kia để phá cho trống vắng cất Tòa Thánh tạm. Lăn lăn phá đến đâu thì cất đến đó dựng an vị chư Phật và có chỗ nơi cho nhơn

sanh sùng bái (...)

Phần của tôi trong lúc tạo tác, thì phải lo lắng nấu ăn cho công quả phá rừng có ba trăm người Thổ.

(...) bởi vì Đức Chí Tôn lập Đạo kỳ Ba là vĩnh viễn trường tồn, nên tôi phải ghi rõ lại, chẳng những công quả của tôi mà cũng ghi lại sự nghiệp to tát của chức sắc và công quả của người Thổ lẫn người Việt buổi đầu tiên thật là gay go khổ hạnh, để cho đoàn hậu tấn noi chí hướng đàn anh mà nối bước.

Ở đoạn khác, bà Hương Hiếu viết:

Nhưng sự thật nhờ các Đấng vận chuyển cho công việc chóng thành. Nên nhờ công quả Thổ buổi đầu họ xuống phá rừng, Thổ nam thì đốn cây đánh gốc, Thổ nữ thì chặt nhánh kéo chà gom lại đốt cho trống mà cất Tòa Thánh tạm.

Người Thổ được gọi là Tân Nhơn. Đức Lý Giáo Tông đã dùng danh từ này trong đàn ngày:

• Dimanche <sup>16</sup> Janvier <sup>1927</sup> (13\_12 Bính Dần).

Người Thổ nhơn gốc con cái nhà Tân, biết Đạo Phật, chẳng biết Đạo Nho, một phen lâm lỡ phải đọa muôn đời.

Nước gần tiêu diệt, may thay Thầy đã đến mà chúng nó cũng là con yêu dấu của Thầy... Cười...

Thật quả vậy chư sơn Thổ nhơn cần phải chịu dạy dỗ nhiều lắm đó. Thâu... biểu ra cho kẻ khác vào.

Nữ Thổ nhập nội. Chư đạo muội khá học gương đạo đức của họ nghe. Dem trở lại gần đây... Lui... Cười...

Chư đạo hữu thấy đức tin của người Thổ lớn là dường nào chưa, chẳng phải như người Nam vậy. Ôi! Thương thay!

11. Đạo Sử Xây Bàn 1

Một nước chẳng đạo nhà thì thế nào đặng vậy.

Từ lớp mười người vào trong. Thâu.

### III. VIỆC TRUYỀN ĐẠO SANG CAMPUCHIA.

<sup>1</sup>. Trong thời gian cuối tháng <sup>6</sup> Đinh Mão (1927), Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc được lệnh của Thầy sang Campuchia để truyền đạo. Tại đây, Ngài đã dùng phương tiện xây bàn cải tiến và sau đó dùng đại ngọc cơ để On Trên độ dẫn một số người Việt và người Miên.

<sup>2</sup>. Về sau, theo lệnh của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Hội Thánh Ngoại Giáo được hình thành chính thức thực hiện phổ độ sang Campuchia.

Trong Thánh Ngôn Suu Tập của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, chúng ta tìm được một số đàn cơ được tổ chức trên xứ Chùa Tháp.

• PRAKHAN, 29.9.1935, 7 GIỜ SÁNG.

Nam đô trước đã dựng dinh Tân,  
Bồ Tát Prakheng vốn chí thân.  
Vương nghiệp mặc ai tham thế sự,  
Phật quyền tô điểm về đại cân.  
Trước năm kỷ thế châu u vận,  
Đoạt đạo lục niên hiệu Vị Nhân.  
Khám phá đài thành người tấc liệt,  
Mới ra bại quốc với vong thân.

PRAKHENG BỒ TÁT. Thăng.

• BRAKSEI CHAMKRANG, NGÀY 25.9.1935,  
LÚC 10 GIỜ SÁNG.

NỘI CUNG THẦN NỮ. Để thiệp đi mời  
Prasey Hoàng Hậu.

PRASEY. Thiếp cúi chào chư Thiên  
mạng.

Thiếp là Hoàng Hậu họ Prasey,  
Lập tháp tông môn chứa cốt hài.  
Lặn một kỳ dư chưa cứu thế,  
Tay chàm khởi tạo chín năm ngoài.  
Kho tàng chứa chất bao nhiêu báu,  
Xiêm quốc đã đào lấy mấy ngoài.  
Hình phạt bầy chừ là lợi lẽ,  
Các tay sãi khó độ ra bài.

Hộ Pháp Thiên Tôn! Thiếp có một em  
traí Ananda Sommérit Prasey đương sanh  
tiên làm một vị Thiên phong, nên thiếp  
cậy Thiên Tôn nghĩ tình đều độ.

Hộ Pháp: Xin cho biết tên.

– Cười . . . Không dám. Thăng.

Nhật báo LA PRESSE INDOCHINOISE  
ngày 22.5.1937 nói về cuộc viếng thăm  
Thánh thất Cao Đài Nam Vang:

Thánh thất Cao Đài Nam Vang tọa lạc  
gần góc đại lộ Pasquier và đường Verdun.  
Khi xưa, cách nay <sup>8</sup> năm, Thánh thất này  
chỉ là một ngôi nhà lá đơn giản làm chỗ  
trú ngụ cho những nhà truyền giáo đầu  
tiên.

Sau nhiều cố gắng đáng khen của việc  
truyền giáo, số tín đồ Cao Đài tại Nam  
Vang có được hơn hai chục ngàn người  
nam nữ, trong đó đếm được nhiều người  
Âu châu và cả ngàn người Tàu.

Nhờ lòng hy sinh và thiện tâm của tất  
cả tín đồ mà ngôi đền thờ hôm nay trở  
thành một tòa nhà lộng lẫy.

Lễ khánh thành diễn ra ba ngày <sup>21</sup>, <sup>22</sup>,  
và <sup>23</sup> tháng <sup>5</sup>, cũng trong dịp này, lễ kỷ  
niệm hàng năm của Victor Hugo được cử  
hành. Nghi lễ của hai cuộc lễ hợp lại làm  
một làm cho cuộc lễ trở nên vĩ đại.

Khi ấy, Đức Hộ Pháp được nhật  
báo LA DÉPÊCHE mở một cuộc phỏng vấn  
nhanh:

Ngài khởi đầu nói cho chúng tôi biết Ngài là độc giả trung thành của tờ báo chúng tôi và Ngài đặc biệt chú ý đến lần xuất bản nói về Cao Miên, bởi vì trên đất Miên, có hơn 40 ngàn đồng đạo của Ngài. (Gabriel Gobron file tr. 39)

Hồi ký của Phối Sư Thượng Vinh Thanh cho biết số lượng đạo hữu Cao Miên vào năm 1951:

*Ấy là trụ cột của Hội Thánh Ngoại Giáo, mặc dầu gặp bao nhiêu trở ngại, vẫn lướt qua, phổ thông chơn đạo trong số kiều bào ở toàn xứ Cao Miên với số tín đồ là 64.954 người Việt Nam cộng với số 8.210 người Miên là 73.164 đạo hữu tất cả. Đúng theo bản thống kê chánh thức của Tòa Thánh năm 1951. (HỒI KÝ PHỐI SƯ THƯỢNG VINH THANH)*

Năm 1969, đã có nhiều Thánh thất trên đất Chùa Tháp. Bản đồ được Tòa Thánh lưu lại cho chúng ta ước lượng được số tín đồ.

Năm 1970, xảy ra sự kiện một số người Miên nổi lên “cáp duồn”<sup>12</sup> người Việt đang sinh sống trên đất nước Chùa Tháp.

12. “Duồn” theo tiếng Miên là người Việt.

Việt kiều Campuchia tìm đường trốn chạy về đất Việt.

Trong chuyến theo chân Ủy Ban Cao Đài Phổ Tế đến Tây Ninh để cứu trợ đồng bào đồng đạo, người viết đã được nghe một số chuyện kể của những người tỵ nạn. Trong đó có chi tiết sau đây là ấn tượng nhất với người Cao Đài:

Những tốp người Việt khăn gói dắt nhau tìm những con đường tắt để mau chóng thoát về Nam Việt. Cho dầu có rành đường cách mấy đi nữa cũng phải đi ngang qua vài chốt trạm kiểm soát của lính Miên. Tốp người Việt chạy loạn nào may mắn có ai đó mang theo trong người “Tờ phái cấp” chứng minh là tín đồ Cao Đài thì cả tốp đều được cho qua bằng không thì bị đuổi trở lại”.

Có thể trong tốp lính gác Campuchia đó có người là tín hữu Cao Đài nên nhận ra màu cờ Tam Thanh trên tờ phái cấp và nhìn nhận anh em đồng đạo nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho “huynh tỷ, đệ muội” của mình đi lánh nạn. Các đạo hữu

Cao Đài Khmer này, khi đó chắc chắn trong tâm khảm của họ luôn nhớ như in lời Thầy dạy:

*Cùng nhau một đạo tức một Cha và*

*Vậy các con phải chung hiệp cùng nhau. Nam Thố chẳng còn phân chia nòi giống, nghe à.<sup>13</sup>*

#### IV. LỜI KẾT

Tám mươi năm đã qua đi, nay lần tay giờ và đọc những trang đạo sử, để rồi nhớ lại những ngày khởi đầu gian khó nhưng đầy hào hùng của chư vị tiền bối từ chức sắc đến tín đồ trong công cuộc khai phá và xây dựng Thánh địa của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đặc biệt, người tín hữu Cao Đài chúng ta không thể nào quên được công quả to lớn của các “huynh tỷ Tần non” những người đã nhận về mình phần lao động cực nhọc nhất trong chốn rừng thiêng hoang sơ để rồi chung tay xây đắp nó thành Tổ đình khang trang, uy nghiêm là niềm hãnh diện chung của mọi

13. Thánh Ngôn Sưu Tập 1, số 59, thứ ba 07-01 Đinh Mão (08-02-1927)

tín hữu Cao Đài.

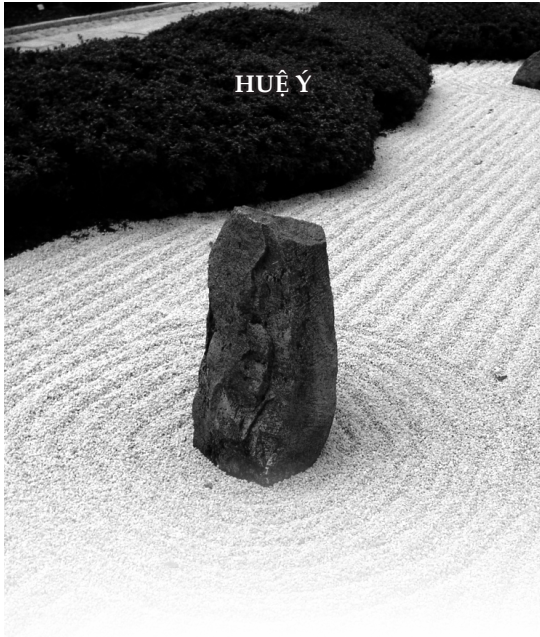
*Công cuộc khai sơn phá thạch buổi đầu đầy khó nhọc này quý vị hướng đạo đứng ra chủ trương, nhưng phải nói đến cụ Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư người trực tiếp điều hành, Cụ Phôi Sư Thái Thơ Thanh và bà Nữ Chánh Phôi Sư Lâm Hương Thanh lo tài chánh lương thực, bà Hương Hiếu (bà Cao Quỳnh Cư) lo việc tiếp tế cho tất cả. Và khó nhọc hơn hết, số bốn đạo đến làm công quả ban đầu từ 200, 300 dần lên 500 rồi đến hàng ngàn người ở các tỉnh về. Người này làm công quả 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng, người này về người khác đến cứ thế mãi hết năm nọ đến năm kia. Đặc biệt có người Thổ gốc Miên ở Nam Vang xuống họ làm việc rất hăng say, nên phần lớn là nhờ họ mới khai phá để dành khu rừng hoang này. (HỒI KÝ THANH LONG, TR. 70)*

Hôm nay chúng ta ghi nhận lại một vài chi tiết ban đầu liên quan đến một dân tộc lân bang đồng thời cũng là anh chị em nhà đạo để tương lai có thể khai triển thành một đề tài nghiên cứu đầy đủ hơn.

Uống nước nhớ người đào giếng”, dòng nước mát đạo lý mà tín hữu Cao Đài chúng ta không phân biệt phái chi được tắm mình trong những năm qua, đã được khơi nguồn từ bàù Cà Na và vận chuyển qua ngã ba Mít Một ở đất Long Thành Tây Ninh lịch sử để rồi lan tỏa khắp nơi. Chúng ta cần luôn nhắc nhở những hình ảnh đạo sử hào hùng của các bậc tiền nhân hầu góp phần trong việc giáo dục tinh thần sù mạng Kỳ Ba cho những người tiếp nối mà những gương sáng của chư vị tiền bối Tần non là những điều không thể thiếu được. □







# TÁC PHONG ĐẠO HẠNH

Sau khi nhập môn, chúng ta phải có ngôn ngữ, cử chỉ khác hơn trước, Ôn Trên dạy phải “khác hơn người thế tục”. Đó là TÁC PHONG ĐẠO HẠNH.

Hạnh là sự thể hiện của tâm, đức bên trong hành giả qua ánh mắt, khuôn mặt, lời nói, hành động. Đức Cao Triều Tiên Bối dạy:

*Tác phong đạo hạnh sẽ gây sự cảm mến đến hơn tâm giác ngộ. Tâm đức là bát nhã toàn đưa người qua bĩ nạn.<sup>1</sup>*

Đức Mẹ dạy:

*Tiên nhân xưa chỉ đoan sửa tánh,  
Mà kết chung nhập thánh siêu phàm;  
Nay con đạo hạnh vững cầm,  
Dày công tu sửa sẽ làm Phật Tiên.<sup>2</sup>*  
Yếu tố quyết định của hạnh là tâm.

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### 1. TÂM QUAN TRỌNG

a. Tác phong đạo hạnh tiến dần theo quá trình tu học của người tín đồ: nhập môn, thọ pháp, tiến đạo, tu chứng.

Có đạo phải có hạnh, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*Đã là người học Đạo thì phải tiếp nhân xử thế khác hơn người thế tục, nhất là tác phong đạo hạnh, đó là điểm quan trọng, nếu thiếu nó thì không nên đạo.<sup>3</sup>*

Tác phong đạo hạnh là cái khuôn giúp con người từ một khối bột không định hình thành cái bánh trung thu rỗng phụng, từ một thương nhân trở nên học trò Tiên. Đạo hạnh giúp chúng

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuần Ất Sửu.

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Mậu Ngọ.

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-12 Bính Dần.

ta có được giá trị gia tăng. Đức An Hoà Thánh Nữ dạy nhục tử:

*Khuyên con bỏ dở tìm hay,  
Sửa mình rèn tánh khỏi hoài công phu.<sup>4</sup>*

On Trên quan sát và đánh giá chúng ta bằng giá trị tâm linh chứ không phải vật chất. Đức Thiên La Tinh Lê Văn Nghĩa dạy:

*Người đạo cũng giống như người thế gian về phương diện nhơn sanh, nhưng có được khác hơn và cao thượng hơn người nhơn sanh ngoài đời là khác ở chỗ tác phong đức hạnh của người biết tu.<sup>5</sup>*

Cho nên Đức Quảng Đức Chơn Tiên dạy:

*Chư hiền đệ muội lưu ý về tâm hạnh của mình.<sup>6</sup>*

Người tu phải ý thức lo hoàn chỉnh tác phong đạo hạnh ngay từ lúc nhập môn. Tác phong đạo hạnh là việc quan trọng từ khi xuất phát đến chung cuộc của hành giả. Đức Bảo Hoà Thánh Nữ dạy “*tác phong đạo hạnh là lớp đầu của người tu sĩ, và cũng là kết quả của cấp lãnh đạo*”<sup>7</sup>.

b. Đạo hạnh là tiêu chuẩn để tiến đạo của tịnh viên.

Khi xin thọ pháp để học chơn đạo, tín đồ trở nên tịnh viên (hành giả), tác phong đạo hạnh càng được nghiêm chỉnh hơn. Đức Đông Phương Chưởng Quán dạy: “*Đã chấp nhận quày chơn lại, thời đầu là nấc thang đầu tiên, hành giả cũng phải thận trọng từ sự sống, ăn, mặc,*

*ở, đủ thiếu, giàu nghèo, đều phải giữ tiết độ tri túc, an phận tùy duyên để nội tâm được bình thản. Từ tư tưởng, hành động, ngôn ngữ đều phải khiêm tốn từ hòa, mà không mất vẻ đoan trang nghiêm chỉnh. Nói tóm lại, đó là tác phong đạo hạnh của hành giả trong đời sống nội tâm và ngoại cảnh để tu tập tam công.”<sup>8</sup>*

#### <sup>2</sup> DIỆU DỤNG CỦA TÁC PHONG ĐẠO HẠNH

##### a. Phù linh để cứu mình

Trong phần tự độ, tác phong đạo hạnh chính là bộ thiết giáp hữu hình bảo vệ người tu vượt qua các khó khăn, trở ngại, khảo đảo. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*Con người được hoàn thiện, đương nhiên thể hiện trên gương mặt hiền hòa, khả ái, đức độ đáng kính, tác phong thanh nhã, lời nói dịu hiền, cái nhìn khoan dung rộng lượng. Đó là những phép mầu bảo vệ cho con người mình được an ninh trên mọi bước đường, an ninh trong mọi hoàn cảnh.<sup>9</sup>*

##### b. Nêu gương để độ người

Trong phần độ tha, tác phong đạo hạnh là bài học thân giáo sống động. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*Đạo hạnh để thể hiện cụ thể tôn chỉ giáo lý đạo làm gương mầu cho nhân sanh.<sup>10</sup>*

Nhờ tác phong đạo hạnh người tín đồ có được cảm tình của mọi người chung quanh, rồi trở thành gương sáng điển hình và được nhân ra tập thể. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo

4. Ngọc Minh Đài, 15-3 Bính Ngũ (05-4-1966).

5. Ngọc Minh Đài, 01-01 Quý Sửu (03-02-1973).

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17-10 Tân Tỵ.

7. Vĩnh Nguyên Tự, 16-6 Đinh Tỵ.

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân.

9. Vạn Quốc Tự, 14-6 Kỷ Dậu (27-7-1969)

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-8 Bính Dần.

dạy:

*Có tác phong đạo hạnh để cảm hóa người đời.*<sup>11</sup>

Tác phong đạo hạnh là ánh sáng của ngọn tâm đăng bên trong, dẫn đường đi đến thành công, hạnh phúc. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*Hễ ngọn tâm đăng càng hiện lần sáng tỏ chùng nào thì con người ấy sẽ được và đang được trở thành một người thuần hậu, thuần lương, từ tướng đi cách đứng, khi nói lúc làm, luôn luôn tác phong người ấy rất nghiêm chỉnh phúc hậu đoan trang, dễ gây sự thiện cảm, kính mến với tất cả mọi người chung quanh. Một lời người ấy nói ra sẽ đem lại sự thành công nên việc, an ủi và hạnh phúc cho kẻ khác.*<sup>12</sup>

c. Kết quả việc tu học

Không ai dám chủ quan rằng mình đạt đạo, nhưng đạo hạnh viên dung chính là kết quả mình chứng đời tu cụ thể. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Đức độ uy nghi, tác phong thuần phác, đó là*

*tiêu biểu của chơn nhơn.*<sup>13</sup>

<sup>3.</sup> LUÔN LUÔN TRÌ THỦ TÁC PHONG ĐẠO HẠNH

Tác phong đạo hạnh là một báu vật, phải luôn luôn gìn giữ trân trọng đừng để bị rơi rớt hay mất đi. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*Này các em! Giữa lúc ngoài thế nhân đang tao loạn, từ nội tâm đến ngoại cảnh, các em hãy thận trọng cẩn mật gìn giữ từ nội tâm đến tác phong đạo hạnh của mình, ví như đang đi trên cầu tre không tay vịn, gìn đức độ để vượt lên vô môn tam cấp đến chỗ cá được hóa rồng.*<sup>14</sup>

## II. NHỮNG ĐỨC TÍNH THUỘC VỀ TÁC PHONG ĐẠO HẠNH

### <sup>1.</sup> TRANG NGHIÊM

Hãy tô điểm mình bằng tướng hảo quang minh của người học trò Tiên, chứ đừng bằng mỹ phẩm của người thế tục.

Trang nghiêm là dung mạo trang trọng, uy nghi, kính cẩn với người trên, đứng đắn với người dưới. Chúng ta phải trang nghiêm từ cá

nhân đến văn phòng làm việc, đến bưu điện, cúng tịnh. Trang nghiêm chính điện, tịnh đường, nghi lễ, văn phòng, nhân sự.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Cần nhứt là giữ chánh điện cho thật tinh khiết, và hai đài chung, cổ sạch sẽ trang nghiêm. Các cháu phải cố gắng giữ trật tự, đừng cho có những tiếng la hét nào động. Mỗi người phải tự ý thức trước trách nhiệm của mình để tạo sự thanh tịnh (cho Thiên ân tu luyện).*<sup>15</sup>

Nguyên tắc là phải trang nghiêm mọi lúc, mọi nơi. Nếu thường ngày chưa thật thanh tịnh thì mỗi năm có bốn mùa tu, mỗi tháng có tịnh liên hoàn, các vị có trách nhiệm phải tổ chức nghi lễ khoá tịnh trang nghiêm.

• Phải chọn người trang nghiêm đảm nhiệm phân nghi lễ. Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy:

*Ban Nghi Lễ cần chuẩn bị nhân sự chấp hành chu đáo trang nghiêm.*<sup>16</sup>

Thần lực có sung mãn

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-01 Đinh Tỵ.

12. Minh Lý Thánh Hội, 21-9 Kỷ Dậu (01-11-1969).

13. Vĩnh Nguyên Tự, 09-10 Tân Dậu.

14. Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

15. Vĩnh Nguyên Tự, 18-01 Nhâm Tuất.

16. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-8 Bính Thìn.

mới giữ được sự trang nghiêm. Phải công phu chuyên cần để đủ thần lực. Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn dạy:

*Chư Thiên ân cần nhứt bảo thủ nguyên thần để đủ thần lực trang nghiêm phát huy tinh thần bảo vệ các chức vụ nhân viên đã được chọn thực hiện chương trình hành đạo trong năm (...).*<sup>17</sup>

• Thiết lễ trang nghiêm On Trên mới chứng.

Sau buổi lễ kỷ niệm thành đạo của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Ngài dạy:

*Lòng thành kính tạo nên bầu không khí hiền hòa, hiện lên bao khuôn mặt vui tươi thuần hậu. Lòng thành*

17. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-02 Canh Thân.

*kính cũng chan hòa vào vật ăn thức uống làm no ấm mát mẻ ở lòng người. Đại khái về kết quả của lòng thành kính quan trọng như vậy. Còn nhiều điểm quan trọng hơn và ảnh hưởng đến đời sống lý tưởng của mỗi người sau cuộc lễ.*<sup>18</sup>

• Trang nghiêm tại Thánh sở, nam nữ phân biệt. Đức Giáo Tông Vô Vi dạy:

*Thầy sai Bần Đạo đến sắp đặt trang nghiêm trong Thánh thất. Bần Đạo phân phép từ ngày nay hễ nhập Thánh thất thì phải giữ phép. Nam nữ bất thân. Nam ở đông hiên; nữ ở tây hiên. Hai bên không lân cận nhau, nam theo nam, nữ theo nữ. Cấm cười cợt trêu giỡn với nhau. Trừ ra vợ chồng hay là chị em ruột,*

18. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-6 Quý Sửu (18-7-1973)

*anh em ruột đặng chuyên vãn nhau nơi tịnh đàn. Còn kỳ dư như hai đảng muốn chuyện vãn nhau, phải có hai người chứng, một bên nam, một bên nữ.*

*Phòng trừ dâm phải chung lộn với nhau buổi nấu nướng, khi dọn ăn chẳng đặng lộn xộn cùng nhau... nghe à!*<sup>19</sup>

## 2. THUẦN HẬU

• Lòng thành kính tạo nên thuần hậu. Đức Quan Thế Âm dạy:

*Lòng thành kính tạo nên bầu không khí hiền hòa, hiện lên bao khuôn mặt vui tươi thuần hậu.*<sup>20</sup>

• Tác phong đạo hạnh giải được tam nghiệp (thân, khẩu, ý) để tự độ và độ tha. Đức Hà Tiên Cô dạy:

*Từ đây cố gắng lo tu học chớ lãng xao. Học Thầy, học*

19. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 02-12-1926.

20. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-6 Quý Sửu (18-7-1973).





bạn, ngày ngày gắn bó với đạo với thiên để tránh điều tội lỗi, tránh việc thị phi, bớt đua tranh thế sự, bớt lo lắng tương lai vật chất của tiền, đói no thiếu đủ, để lòng an định hầu giải quyết mọi hoàn cảnh khó khăn bên ngoài đưa tới. Ngoài ra còn phải bồi công lập đức. Tâm chí có sáng ngời nhờ có chí lo bồi công lập đức, có chói sáng được tâm đức thì thể hiện lên những nét thuần hậu minh mẫn, dễ mến dễ thương, chẳng những đoạn được nghiệp thân mà còn cảm hóa được những người chưa giác ngộ. Đó là bước tu chứng đầu tiên của người hành giả.<sup>21</sup>

• Thuần hậu cảm ứng với On Trên. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

Giói tu hành luôn luôn phải để tâm mình hòa đồng cùng vạn vật, luôn luôn tập tư tưởng tốt, gạt bỏ những tư tưởng xấu, hoặc từ ngoại cảnh chi phối, hoặc từ nội tâm phát hiện, gạt đục lóng trong. Có thanh lọc được, có đặt môi cảm về một định hướng từ ái, sẽ tiếp nhận được lần điện trợn tốt trợn lành từ cõi xa xăm truyền đến. Lúc bấy giờ lòng được an định,

21. Vĩnh Nguyên Tự, 22-11 Đinh Tỵ.

thần sắc diện mạo được từ ái, muôn người được thuần hậu, các cách đối xử với mọi người được đầy vẻ thuần chất thuần hòa. Đó là pháp phù hộ mạng hành giả được vững vàng trên đường tu tiến. Vì lòng mình đã chọn sẵn một chỗ quý báu từ hòa để đón nhận một quý khách (Trời) từ xa xăm đến, rồi nhứt nhứt thường hành, tâm tâm thường niệm, sẽ có sự ứng hiện đến hộ trì hành giả trên mọi phương diện.<sup>22</sup>

### 3. CẢN HẠNH, CẢN NGÔN.

Ưu điểm của người tu là nói ít, nghe nhiều. Đức Minh Đức Đạo Nhơn dạy:

Cẩn ngôn, ít nói mà hiểu nhiều đó là ưu điểm.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

Bần Tăng dặn dò chư đạo hữu phải luôn luôn tập lòng thanh tịnh, tư tưởng thanh cao hướng thượng, hằng nghĩ điều đạo đức, hằng nói lời đạo đức, giúp đời cứu chúng, nhứt là phải cẩn hạnh cẩn ngôn để hiểu câu họa tụng khẩu xuất.<sup>23</sup>

Cẩn ngôn là làm chủ chiến thắng được khẩu

22. Minh Lý Thánh Hội, 22-7 Tân Hợi (11-9-1971).

23. Minh Lý Thánh Hội, 07-01 Quý Sửu (09-02-1973).

ngiệp của hành giả, một yếu tố quan trọng trên đường tu. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

Đừng đại đột tranh chấp nhau từ lời ăn tiếng nói trong khi cuộc đời còn nhiều cơn phong bão, quý ma còn cám dỗ giựt giành. Tiên của có mất, các cháu còn kiếm lại được. Nếu để đánh mất lương tâm chơn tánh, sẽ bị trầm luân, khó quày trở lại.<sup>24</sup>

Đức Chí Tôn dạy về cấm vọng ngữ:

Thầy đã nói rằng nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một Chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói các con cũng hiểu rõ rằng Đấng Chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các Đấng Trọn Lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa phán xét, bởi vậy nên một máy không qua, dữ lành đều có trả. (...) Như các con nói dối, trước chưa dối với người, thì các con đã nói dối với lương tâm, tức là Chơn linh. Thầy đã

24. Vĩnh Nguyên Tự, 29-4 Nhâm Tuất.

nói Chơn linh ấy đem nạp vào Toà phán xét từ lời nói của các con, đâu những lời nói ấy không thiệt hành mặc dầu, chớ tội hình cũng đồng một thể. Nơi Toà phán xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh. Thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.<sup>25</sup>

#### 4. KHIÊM CUNG

• Noi gương Đức Chí Tôn. Từ lúc khai Đạo, Đức Chí Tôn đã dạy:

Các con coi bậc CHÍ TÔN như Thầy mà hạ mình đặng độ rồi như sanh là thế nào, phải xưng là một vị TIÊN ÔNG và BỒ TÁT, hai phẩm chót của Tiên, Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tội cao tội trọng; còn Thầy thì khiêm nhường là thế nào. Vì vậy mà nhiều kẻ môn đệ cho Thầy là nhỏ. Cười. Hạnh khiêm nhường là hạnh của mỗi đứa con. Phải noi theo gương Thầy mới độ rồi thiên hạ đặng. Các con phải khiêm nhường sao cho bằng Thầy.<sup>26</sup>

Mỗi đạo của Đức Chí Tôn phát triển được nhanh chóng, vừa nhờ sự hộ phù của Ông Trên vừa nhờ sự hạ mình của Chư Tiên Khai vong ký vị tha, bỏ danh, quyền, lo độ người mà gần gũi đàn em đại chúng.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

Nền Đạo lập nên là nhờ có lòng đạo đức và tánh khiêm cung của mỗi môn đệ của Đức Từ Bi. Nếu đã vào nẻo đạo mà còn bôn chôn tranh lướt theo thói thường tình thì đâu có bao nhiêu đạo hữu, bao nhiêu công quả đi nữa, mỗi Đạo chẳng qua là một trường ngôn luận của thế gian

25. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.II, 1928

26. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.I, 11-9-1926

đó thôi, chớ công quả đạo đức mong chi thấy sự kết quả xứng đáng?<sup>27</sup>

• Khiêm cung là hạ mình hoà người.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

Đạo hạnh phải rạng ngời chính khí,  
Tác phong luôn giữ thể'khiêm cung,  
Chí thành, chân thật, khoan dung,  
Khuyến đi nhắc lại dày công cũng thành.  
Phép dẫn đạo tâm thanh ngôn hạnh,  
Tiếp giao người biết tánh hiểu tình,  
Làm cho thắm thiết chị anh,  
Đức tin ân điển sẽ thành đạo tâm.

• Khiêm cung là một đức tính cần thiết để tự kiểm và nhận phê trong tập thể. Điều thứ ba của Tứ Đại Điều Qui dạy:

Đôi với trên, dưới đừng lòn dẽ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

Nếu muốn cải tật cho nhau thì dùng Tứ Đại Điều Quy, khiêm cung, hòa ái, chơn chánh, mới có công năng diệu dụng mà cải hóa cho nhau. Sở dĩ quyền pháp không được nghiêm minh vì thiếu chân chánh. Chân chánh là nhân, quyền pháp là quả. Nhân sanh quả, quả sanh nhân, cứ lẫn quẩn trong vòng lập đi lập lại mãi. Thiếu chân thì nghịch lý, thiếu chánh thì nghịch đạo. Nếu nghịch đạo lý thì Thần không khâm, quý không phục, Phật Tiên không hộ trì. Tâm dấy động sanh ra điều bất ái, bất kính, làm quyền pháp không được nghiêm minh. Nếu quyền pháp không nghiêm minh thì làm sao chư đệ muội hoàn thành được sứ mạng?<sup>28</sup>

• Có khiêm cung mới âm thầm

27. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.I, 29-5-1927.

28. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22-01 Bính Dần.

tu tiến. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chon Nhon dạy:

*Nhấn nại, trì thủ, hy sinh là căn bản để thành công. Hòa ái, khiêm cung, tha thứ để vững vàng trên Đại Đạo.*<sup>29</sup>

Đức Như Ý Đạo Thoàn Chon Nhon dạy:

*Người tu hành phải giữ tâm từ hòa, nhấn nại, khiêm cung, khoan dung, tha thứ. Từ bề trên đến kẻ dưới, phải xử sự sao cho kẻ mến người thương, siêng năng công phu công quả, bỏ lòng chấp nhứt, bỏ tất cả lời lẽ thị phi, sao cho trên thuận dưới hòa, đâu muốn lấp biển dời non cũng không khó.*<sup>30</sup>

#### 4. TỪ TỐN

• Hành động cần trọng, không hấp tấp.

*Việc mặc lễ phục nên sửa soạn nơi nhà riêng hoặc phòng nghỉ riêng của mình xong xuôi rồi mới đến Đền Thánh. Nên tránh những cử chỉ không được trang nghiêm như vừa đi vừa cài nút áo hoặc bịt khăn, đội*

29. Vĩnh Nguyên Tự, 29-4 Nhâm Tuất.

30. Vĩnh Nguyên Tự, 29-4 Nhâm Tuất.

*mũ. Người tín hữu phải dự lễ khoảng đường từ nơi nghỉ của mình đến Đền Thánh xa hay gần và mất một thời gian bao lâu để chuẩn bị đi hầu đàn. Nếu khoảng đường khá xa, nên đi sớm rồi đến Đền Thánh nghỉ và chờ giờ cúng. Không nên chờ đến cận giờ cúng rồi mới mặc lễ phục vội vàng và vừa đi vừa chạy.*

*Lúc nào người tín hữu cũng phải giữ cử chỉ trang nghiêm khoan thai từ tốn. Có thể tâm thần mới được yên tĩnh hầu giữ được trọn vẹn sự kính cẩn đối với Đức Chí Tôn.*

*Khi đến Đền Thánh, nam nữ phải đứng riêng biệt nhau, nam đứng phía tả và nữ đứng ở phía hữu.*<sup>31</sup>

• Nữ phái gắn liền với đức từ tốn. Đức Lê Đại Tiên dạy:

*Cái giá trị cao quý có được phơi bày trên nữ giới hay không là do những hành*

31. Đinh Văn Khá, “Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn”.

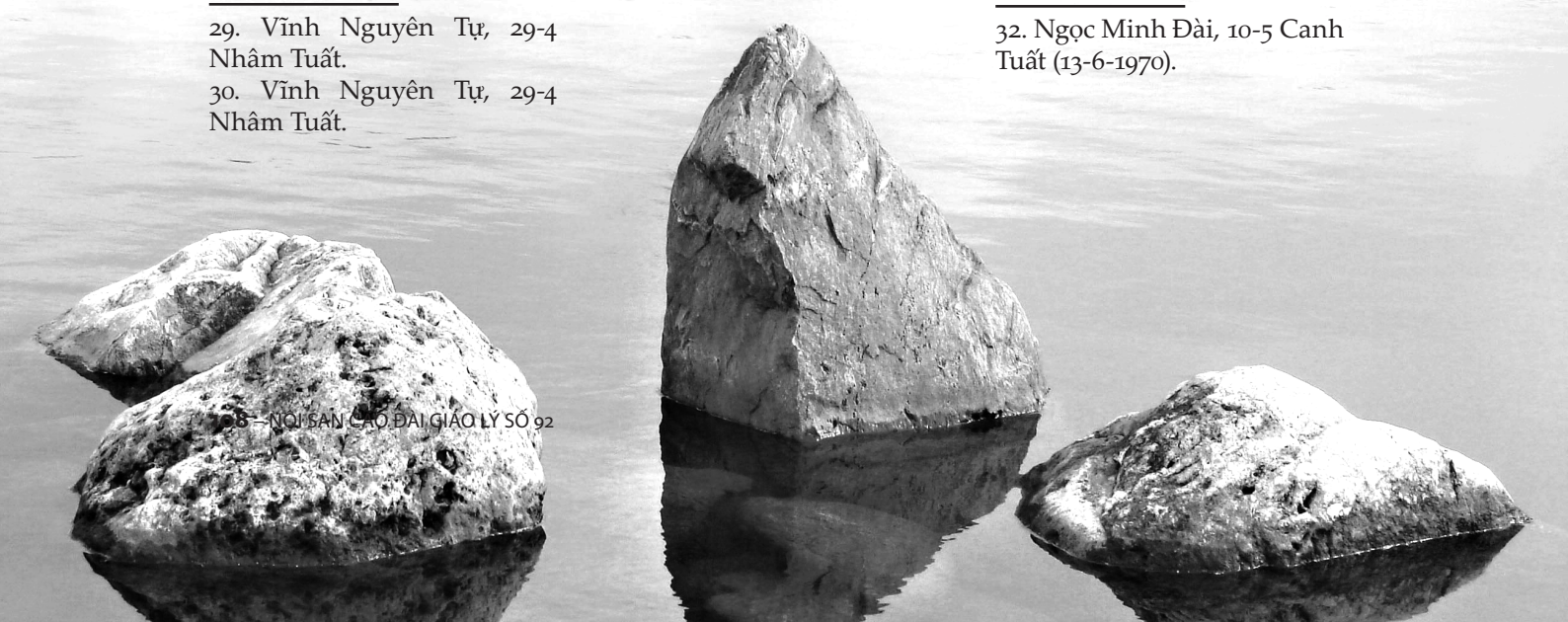
*động của chư hiền muội với lòng kiên nhẫn, khiêm cung, từ tốn, quảng bác, khoan dung. Đức dụ hiền của người nữ giới phải được bao trùm lấy lòng của chư hiền muội. Có thể mới làm sáng danh Đạo, mới trọn vẹn con hiếu của Đức Vô Cực Từ Tôn. Biết bao nhiêu đặc ân đã sẵn dành chờ đón chư hiền muội, chư nữ phái bước đến để thọ lãnh.*<sup>32</sup>

## KẾT LUẬN

Tác phong đạo hạnh đi theo ta suốt cả đời tu, từ nhập môn đến nhập thất, tiến đạo, tu chứng. Tác phong đạo hạnh cốt yếu là làm chủ tam nghiệp (thân, khẩu, ý).

Tác phong đạo hạnh là phù linh cứu mình, là gương mẫu độ người, để mọi người yêu mến, cảm phục, cũng là chìa khóa thông công với Ông Trên. Nguyên xin được như thế. □

32. Ngọc Minh Đài, 10-5 Canh Tuất (13-6-1970).

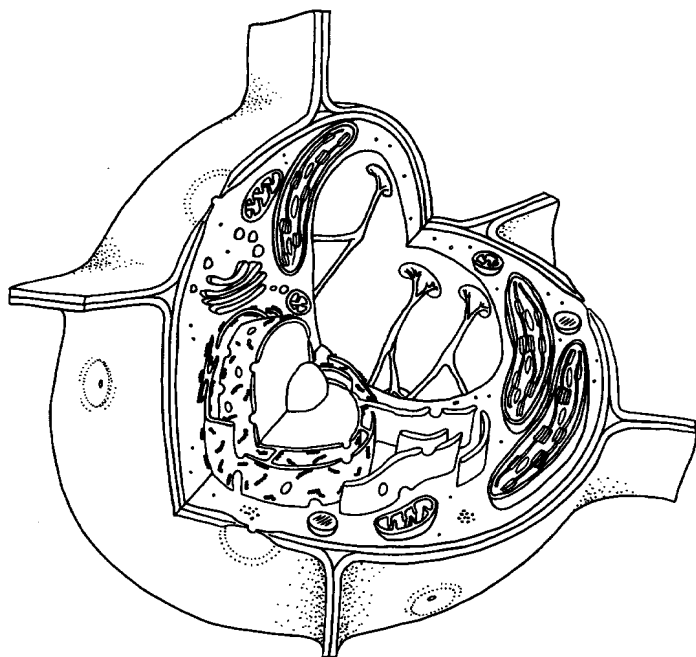




# QUYỀN PHÁP

## TÌNH THƯƠNG VÀ SỰ SỐNG

ĐỖ THỊ DUYÊN. THÙY NHIÊN. ĐÀO THIÊN NIÊN. HƯƠNG LAN.



HÌNH 1: TẾ BÀO THỰC VẬT.

Bài viết này là một phần trong đề án nghiên cứu “Quyền pháp – tình thương và sự sống”, nhằm trình bày yếu điểm giáo lý “Quyền Pháp” bằng một ngôn ngữ gần gũi hơn với xã hội, sao cho người đời có thể nhìn thấy được những ứng dụng thực tiễn của chủ đề giáo lý này trong đời sống hàng ngày.

Trong quyển Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, hai chữ “Quyền Pháp” được giải thích như sau: “Quyền là tình thương, Pháp là sự sống.” Còn trong Đạo Học Chí Nam, “Quyền là hình thức thể hiện trước đối tượng, Pháp là thể hiện trước bản thân”<sup>2</sup>.

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, tr. 89.

2. Đạo Học Chí Nam, chương

Mục đích của bài viết này là diễn dịch những định nghĩa như vậy bằng một cách thức đơn giản hơn, để xã hội dễ tiếp thu hơn.

### 1. PHÁP LÀ SỰ SỐNG

Theo giáo lý Đại Đạo, chữ “Pháp” trong “Quyền Pháp” có liên quan đến sự sống. Vậy chúng ta có thể hiểu điều này như thế nào?

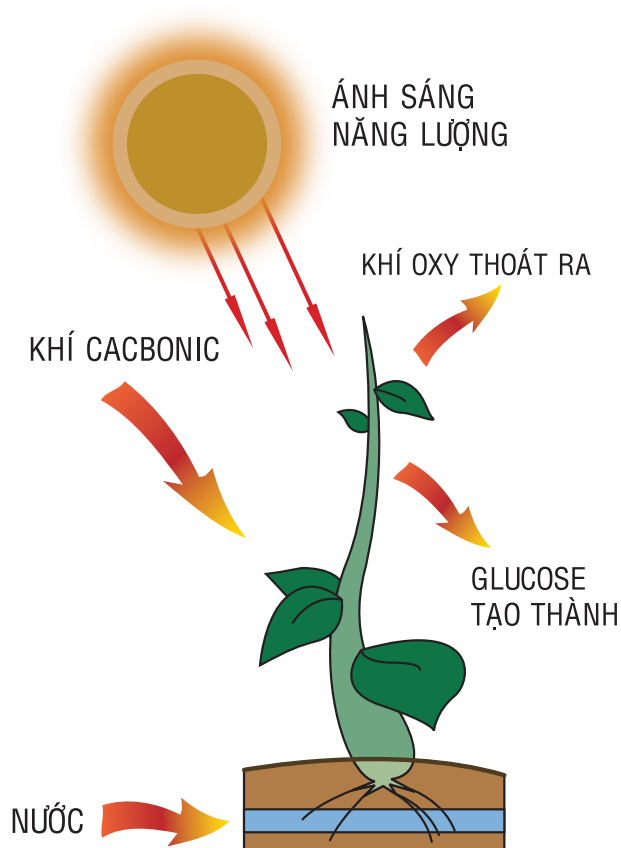
Trước hết, cần có một cách hiểu tổng quát về sự sống. Dựa trên những khái niệm của sinh học, chúng ta có thể đưa ra một định nghĩa về sự sống như sau: Sự sống được hình thành từ một hoặc nhiều đơn vị cơ bản được gọi là tế bào; đó là một hệ thống mở, trao đổi năng lượng và thông tin một cách có chọn lọc với môi trường bên ngoài, kèm theo việc duy trì và tái tạo tích cực cấu trúc đặc thù của hệ thống đã sản sinh ra mình.

Ví dụ ở thực vật, một

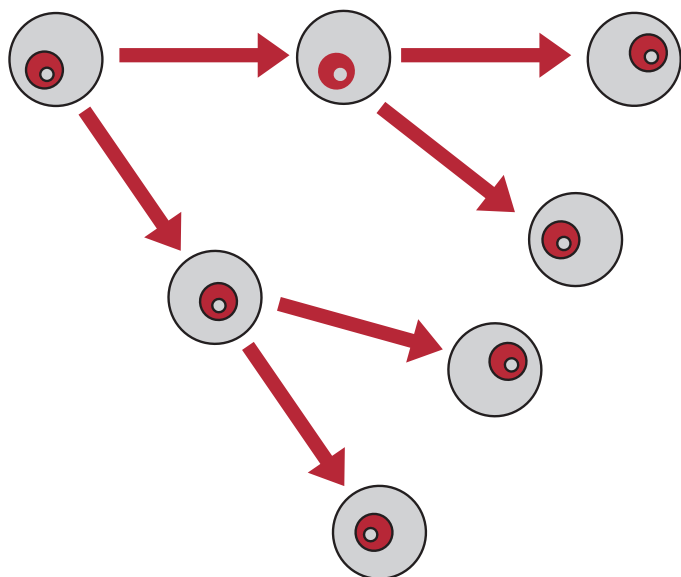
---

4, tiết 4, mục 1.





HÌNH 3: THỰC VẬT QUANG HỢP.



HÌNH 4: SINH SẢN VÔ SINH Ở VI KHUẨN.

cơ thể sống hoàn chỉnh được hình thành bằng sự tập hợp nhiều tế bào (hình 1). Các tế bào này là đơn vị tạo nên các cơ quan khác nhau (rễ, thân, lá, hoa), cùng đảm nhiệm các chức năng khác nhau. Là sinh vật dinh dưỡng theo kiểu tự dưỡng, thực vật trao đổi năng lượng với môi trường ngoài bằng cách lấy năng lượng từ ánh sáng mặt trời để thực hiện quá trình quang hợp: hấp thu  $\text{CO}_2$  và tạo ra  $\text{O}_2$ , làm tăng cường nguồn  $\text{O}_2$  cho sinh quyển (hình 3).

Sự trao đổi năng lượng này có thể được thấy rõ hơn nữa ở động vật. Vì động vật là sinh vật tiêu thụ nên  $\text{O}_2$  là nguồn không thể thiếu trong hoạt động sống.  $\text{O}_2$  được lấy từ không khí ở môi trường bên ngoài hoặc từ  $\text{H}_2\text{O}$ ; đây là quá trình thở. Nơi chứa  $\text{O}_2$  trong cơ thể động vật cũng rất đa dạng: ở động vật có vú gọi là phổi, ở cá gọi là mang, ở thực vật thì có khí khổng,...

Một đặc điểm quan trọng của sự sống là khả năng duy trì và tái tạo tích cực cấu trúc đặc thù của hệ thống đã sản sinh ra nó. Tuổi đời của sinh vật là có hạn, nên chúng có khả năng duy trì các thế hệ tiếp theo bằng nhiều hình

thức sinh sản – đó là sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính. Sự duy trì và tái tạo cấu trúc của cơ thể sống được thể hiện qua các loài sinh vật, từ bậc thấp đến bậc cao. Một ví dụ là quá trình sinh sản vô tính ở vi khuẩn (hình 4). Trong ý nghĩa tổng quát của sự sống, ngay cả những hệ thống như các nguyên tử cũng có đặc điểm này. Một nguyên tử có khả năng duy trì và tái tạo cấu trúc của nó theo thời gian. Khi nào không duy trì và tái tạo được cấu trúc của chính mình, nguyên tử sẽ bị hủy diệt.

Những ví dụ vừa nêu đã minh họa ba đặc điểm tổng quát của sự sống:

- Được hình thành từ một hoặc nhiều đơn vị cơ bản được gọi là tế bào;
- Là một hệ thống mở, trao đổi năng lượng và thông tin một cách có chọn lọc với môi trường bên ngoài,
- Có khả năng duy trì và tái tạo tích cực cấu trúc đặc thù của hệ thống đã sản sinh ra mình.

Đây là ba đặc điểm của sự sống theo ý nghĩa tổng quát, kể cả ý nghĩa đạo học, chứ không giới

hạn trong ý nghĩa sinh học. Mỗi vật trong vũ trụ, một khi đã được tạo ra, thì hoặc là nó tiếp tục tồn tại, hoặc là nó bị hủy diệt. Nếu như nó tồn tại (tức là không bị hủy diệt), thì nó đều có cả ba đặc điểm vừa nêu. Do đó, sự tồn tại của một sự vật luôn tuân theo cách thức mà ta gọi là sự sống.

Chữ “cách thức” mà ta vừa nhấn mạnh ở đây còn được giáo lý Đại Đạo gọi là “Pháp” (phương pháp, giải pháp). Khi nói “Pháp là sự sống”, ta có thể hiểu một cách đơn giản: Để một vật tồn tại trong vũ trụ, phương pháp hay giải pháp duy nhất là nó phải sống. Như vậy, đối với mỗi cá thể, sự sống của bản thân nó chính là “pháp”. Đây là một quy luật mà dù ở bất kỳ một đẳng cấp nào, cương vị nào – từ một nguyên tử, hay những loài sinh vật thấp nhất (cấu tạo từ một tế bào) cho đến đến cao nhất (như con người) – cũng đều phải tuân theo. Riêng đối với con người, nếu biết “sống” cho đúng nghĩa là con người, thì sẽ làm chủ được bản thân, làm chủ được sự sống của

mình. Khi đó, con người sẽ thấy rõ: cái Pháp “biết sống” này cũng chính là giải pháp cho sự tiến hóa của bản thân mình, và của cả vạn vật.

Con người là tế bào sống của một cơ thể sống to lớn hơn. Cơ thể sống ấy là xã hội. Trong cơ thể xã hội, hành xử của mỗi tế bào như vậy đều tạo một ảnh hưởng trên toàn bộ cơ thể. Ví dụ, nếu một nhà giáo không làm đúng thiên chức của mình thì sẽ làm huỷ hoại một hoặc nhiều thế hệ, làm cho xã hội suy đồi về đạo đức, chẳng những hôm nay mà cả ngày mai nữa. Ở phần sau, khả năng ảnh hưởng này sẽ là một phần trong ý nghĩa của chữ “Quyền” trong Quyền Pháp; nghĩa là mỗi cá nhân đều có một “Quyền” nào đó trong việc chi phối toàn bộ cơ thể xã hội.

Trong một cơ thể sống của xã hội bao gồm nhiều con người, “Pháp” ở đây còn là kỷ cương, trật tự, quy tắc, điều luật, pháp chế,... chung của xã hội. Đó là những nguyên tắc mà mọi cá nhân đều phải thi hành, với mục

đích hướng đến sự hoàn thiện bản thân, để cùng nhau duy trì sự hòa hiệp chung của toàn xã hội. Ví dụ, mỗi người tham gia điều khiển phương tiện giao thông đều phải tuân thủ luật lệ giao thông. Không có sự tuân thủ ấy thì không thể có được sự điều hòa trong hoạt động xã hội, và xã hội không thể duy trì được đời sống của mình; mà đã vậy thì xã hội cũng không thể tồn tại và phát triển.

Tóm lại, để có thể tự bảo tồn lấy mình, mỗi cá thể phải biết sống, tức là phải biết tuân thủ những định luật, điều lệ, quy tắc nhất định của vũ trụ và xã hội. Cách thức bảo tồn này được gọi là Pháp. Như vậy, Pháp chính là sự sống.

## 2. QUYỀN LÀ TÌNH THƯƠNG

Theo giáo lý Đại Đạo: “Quyền là năng lực của một chủ thể có đủ điều kiện tác động vào một hay nhiều đối tượng là thực thể, vật loại, tổ chức, tập thể hay cá nhân con người.”<sup>3</sup>

Trong quyển “Quyền lực, tầm ảnh hưởng và

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, tr.74.

sức thuyết phục” thuộc bộ sách “Cẩm nang kinh doanh Harvard” của Đại học Harvard, có ba khái niệm được nêu lên – mà ta có thể thấy rằng chúng là ba mức độ biểu hiện (trong số nhiều mức độ biểu hiện khác nhau) của chữ “Quyền” trong “Quyền Pháp” – đó là: quyền lực, sự ảnh hưởng, và sức thuyết phục. Quyền lực là khả năng của một người trong việc phân bổ nguồn lực, ra quyết định và bắt buộc người khác phải tuân thủ quyết định của mình. Sự ảnh hưởng là khả năng mà một người sử dụng để thay đổi hành vi hay thái độ của người khác; không giống như quyền lực, sự ảnh hưởng có thể tạo ra tác động mà không cần ép buộc hay ra lệnh trực tiếp. Sức thuyết phục là một quy trình để một người thay đổi hay củng cố thái độ, quan điểm hoặc hành vi của người khác.

Đây là ba mức độ thể hiện cách tác động của chủ thể lên đối tượng, mà người đời thường làm. Mức độ thấp nhất là quyền lực, ép buộc

người khác. Mức độ cao hơn là tạo ảnh hưởng mà không cần ép buộc. Mức độ cao hơn nữa là khả năng ảnh hưởng làm người khác thay đổi. Tuy nhiên, chúng ta chỉ nhìn thấy được mức độ, mà không biết làm cách nào để chuyển từ một cấp độ thấp lên một cấp độ cao hơn, sao cho nó không làm tổn thương cơ thể sống của xã hội.

Chữ “Quyền” trong Quyền Pháp giải quyết được điều này khi định nghĩa rằng: “Quyền là tình thương”. Sức mạnh cứu độ là dùng tình thương để cảm hóa, tạo ảnh hưởng đạo đức, tạo sức thuyết phục,... Khi con người có được tình thương đối với người khác, thì sẽ có khả năng thu phục, ảnh hưởng, thay đổi người khác, nghĩa là có thể tác động đến hành động cũng như cách cư xử của người khác mà không cần dùng đến quyền hành, mệnh lệnh hoặc đe dọa.

Tuy nhiên, tình thương trong chữ “Quyền” không phải là tình thương theo nghĩa một tình cảm trong thất tình lục dục (ái, ố, hi,

nộ,...). Tình thương, theo nghĩa phổ quát, là sự thể hiện lòng nhân của bản thân ta đối với chúng sanh. Lòng nhân đó có ba mức độ biểu hiện:

**MỨC ĐỘ THỨ NHẤT - CÔNG BÌNH:** là sự đối xử bình đẳng giữa con người với con người. Nhờ có tình thương công bình, thương người như thương mình, mà tập thể mới hòa thuận, không hơn thua hay cạnh tranh. Ví dụ: Để người khác tôn trọng mình, yêu thương mình, trước tiên, mình phải tôn trọng, yêu thương người khác.

**MỨC ĐỘ THỨ HAI - BÁC ÁI:** là làm những điều tốt cho vạn vật. Tình thương bác ái là sự mở rộng thêm của tình thương công bình, là thương người hơn thương mình. Nhờ tình thương bác ái, con người sẽ gần nhau hơn, mở rộng lòng nhân để tha thứ. Ví dụ: Người khác làm mình buồn, hãy tha thứ cho họ (bằng cách đặt mình vào vị trí họ để thông cảm với họ).

**MỨC ĐỘ THỨ BA - TỪ BI:** là thương chúng sanh

đến mức quên cả bản thân của riêng mình, luôn tìm kiếm để mang đến những điều tốt đẹp đến cho chúng sanh. Tình thương từ bi đó chính là sự hy sinh để phụng sự cho tha nhân, cho vạn vật. Ví dụ: Những người tình nguyện chăm sóc bệnh nhân AIDS ở giai đoạn cuối.

Cả ba mức độ này đều là sự thể hiện lòng nhân của chủ thể đối với đối tượng.

Chúng ta sẽ thể hiện Quyền như thế nào trước đối tượng? Thể hiện Quyền bằng tình thương. Về thực chất, tình thương chính là một quyền năng, một sức mạnh tỏa ra từ tâm hồn của con người. Khi có tình thương đối với chúng sanh, con người sẽ đạt được khả năng giáo hóa và cứu độ chúng sanh. Khả năng đó, giáo lý Đại Đạo gọi là “Quyền”. Như vậy, khi có tình thương, con người sẽ đạt được Quyền. Và ngược lại, sử dụng Quyền chính là sử dụng tình thương để hướng dẫn nhân sanh đi đến Chân – Thiện – Mỹ.

### 3. QUYỀN PHÁP LÀ TÌNH THƯƠNG VÀ SỰ SỐNG

Những nội dung đã được trình bày ở trên – Pháp là sự sống, Quyền là tình thương – có thể được tóm tắt bằng một sơ đồ như ở hình 5. Sơ đồ này giải thích Quyền Pháp như là một mối liên hệ giữa bản thân của người nắm quyền pháp (chủ thể) và đối tượng chịu tác động của quyền pháp (khách thể). Khi ta (chủ thể) thực hiện được công bình, bác ái, từ bi, thì tình thương ấy sẽ tác động đến chúng sanh (khách thể) để mang đến sức sống (hay là sự sống) cho chúng sanh. Một khi chúng sanh đã hưởng được cái sống mà tình thương của ta đem đến cho họ, thì họ sẽ thừa nhận một cách tự nhiên rằng ta có một cái “Quyền” đối với họ. Sự thừa nhận này cho ta một thông tin phản hồi để hiểu rõ mức độ đạt được “Pháp” của bản thân mình.

Từ đây, chúng ta có thể đi đến một định nghĩa về Quyền Pháp: “Quyền Pháp là sự sống được tạo ra, duy trì và phát triển bởi tình thương”.



Trong vũ trụ này, sự sống của mọi loài đều được tạo ra và duy trì nhờ tình thương. Gà mẹ hy sinh bản thân che chở cho đàn gà con khi thấy điều, quạ bay đến mà không cần biết rằng hành động đó thật sự có tác dụng đến đâu; đó là một ví dụ về tình thương trong bản năng của loài vật. Ở loài người, sự yêu thương, chăm sóc, che chở, hy sinh vì con cái của những bậc làm cha mẹ để mong con có được cuộc sống tốt hơn; đó là một ví dụ về tình thương trong bản tánh của nhân loại. Nhưng dù ở loài vật hay loài người,

tình thương vẫn là yếu tố không thể thiếu để bảo tồn sự sống. Như vậy, nếu vũ trụ không có tình thương, hiển nhiên vũ trụ sẽ không thể có sự sống. Nói một cách khác, sự sống trong vũ trụ này là một sự sống được hậu thuẫn bởi tình thương.

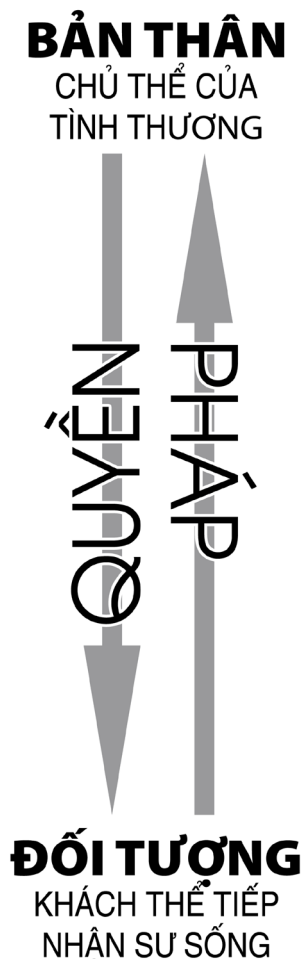
Sự hiện diện của tình thương sẽ tạo ra sự sống với nhiều màu sắc. Nhưng chỉ có những sự sống được tạo ra từ tình thương của Chơn tâm mới là sự sống thật sự. Tình thương chật hẹp của lục đục thất tình sẽ tạo ra sự sống phù du; tình thương rộng lớn của tình tạo hóa sẽ tạo ra sự sống vĩnh cửu. Chính sự sống vĩnh cửu là sự sống thật sự vậy.

Trên thực tế, để làm cho nhân sanh thấy rõ “Quyền Pháp là gì?”, chúng ta phải vận dụng Quyền Pháp vào trong đời sống bằng chính sự sống của bản thân mình, phải mang sự sống đó đến với mọi người, mọi vật xung quanh bằng chính tình thương của mình. Có như vậy, Quyền Pháp mới thật sự có ý nghĩa là tình thương và sự sống.

Theo giáo lý Đại Đạo, “Quyền Pháp Đạo không là điều cai trị. Quyền Pháp Đạo chính là sự thương yêu, giải thoát cai trị để tiến hóa”.<sup>4</sup> Con người đạt được Quyền Pháp không thể là con người dùng quyền lực để cai trị, mà phải là con người tìm ra được lẽ sống cho xã hội bằng tình thương, tạo ra được sức sống cho xã hội bằng tình thương. Nhờ có được những tình thương như

4. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Sư Tập 1968-1969, tr. 88-89.

(XEM TIẾP TRANG 119)



HÌNH 5: QUYỀN PHÁP ĐỐI VỚI BẢN THÂN VÀ ĐỐI TƯỢNG.

# CAO ĐÀI

## nguyên lý về tính nhất thể trong tôn giáo

CAO HOÀNG PHONG • TRẦN NGỌC TÂM  
NGUYỄN QUANG THỌẠI



Là một phần của đề án nghiên cứu “Cao Đài – một tổng luận về tính nhất thể” nhằm triển khai yếu điểm giáo lý “Cao Đài” cho mọi thành phần xã hội không phân biệt xu hướng tín ngưỡng, bài viết này chỉ ra rằng Cao Đài là một nguyên lý hiện diện khắp nơi trong cuộc sống mà con người có thể cảm nhận bằng trực giác từ trong sâu thẳm của tâm linh. Cách tiếp cận của bài này là dựa trên những định nghĩa về

“Cao Đài” trong quyển Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo và có so sánh với một số tự điển bên ngoài.

### 1. GIẢI THÍCH HAI CHỮ CAO ĐÀI

**ĐÀI 臺:** Theo tự điển Thiều Chửu, 1 nói đến chữ “Đài” là nói đến chiều cao trong xây dựng (ví dụ: nền cao, nhà cao); một vị trí cao trong tổ chức hành chính (ngày xưa gọi quan Thượng thư là Trung đài, thời nhà Hán có chức quan Ngự sử đài).

Theo Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, chữ “Đài” trong “Cao Đài” được dùng để chỉ khách quan tính trong kiến trúc của trời đất. Mọi vật trong trời đất đều mang một cấu trúc có thứ bậc, bao gồm nhiều tầng lớp và cấp độ, trong đó, mỗi tầng lớp (cấp độ) đóng một vai trò xác định để hình thành và duy trì sự hiện hữu của toàn bộ cấu trúc: tầng dưới làm nền tảng cho tầng trên, tầng trên phát huy tác dụng của tầng dưới.<sup>2</sup>

**CAO 高:** Theo tự điển Thiều Chửu, 3 “Cao” nghĩa là: có khoảng cách lớn, đối với mặt đất theo hướng thẳng lên; hơn hẳn mức bình thường (cao quý, cao thượng, thanh cao), giỏi, vượt hơn thế tục.

Theo Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, chữ “Cao” trong “Cao Đài” được dùng để chỉ chủ thể tính trong nhận thức của con người, lên quan đến tinh thần, lý tưởng của con người.<sup>4</sup>

Qua những diễn giải trên đây,

1. Tự điển Thiều Chửu, bản điện tử.
2. Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, tr.25.
3. Tự điển Thiều Chửu, bản điện tử.
4. Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, tr.26.

chúng ta thấy hai chữ “Cao Đài” là một sự kết hợp giữa hai mặt bổ túc cho nhau: chủ thể tính của con người (Cao) và khách quan tính của trời đất (Đài), siêu nhiên (Cao) và tự nhiên (Đài), tinh thần (Cao) và vật chất (Đài), lý tưởng (Cao) và thực tế (Đài), đạo (Cao) và đời (Đài), v.v...

Mọi sự vật trong thế giới này đều được cấu tạo theo cùng một cách thức: chúng đều là một chỉnh thể được lắp ghép từ nhiều phần tử khác biệt cùng thỏa mãn những điều kiện, tính chất nhất định. Ví dụ, cơ thể của con người là một chỉnh thể, được lắp ghép, hình thành từ những cơ quan nội tạng, tứ chi, cùng với một khối óc tinh vi làm cơ quan đầu não. Mỗi phần tử cấu tạo nên cơ thể này, đến lượt mình, lại là một chỉnh thể được lắp ghép từ những thành phần nhỏ hơn. Cứ tiếp tục suy luận như vậy, vạn vật đều là những chiếc “Đài” được cấu tạo bởi nhiều tầng lớp khác nhau.

Mặt khác, mỗi sự vật trong thế giới này cũng là một mảnh ghép nào đó

của một thực thể rộng lớn hơn, những tầng lớp nào đó của một chiếc “Đài” to lớn hơn. Cứ như vậy, ta suy ra rằng tất cả mọi sự vật trong trời đất, dù nhỏ hay lớn, và dù khác biệt nhau như thế nào, cũng đều là những mảnh ghép ở những tầng lớp khác nhau của vũ trụ đại thể. Những mảnh ghép này là những thành phần bổ túc cho nhau để cùng tạo nên cái tổng thể của càn khôn vũ trụ.

Trong sự sinh diệt của vạn thể, những mảnh ghép này lúc thì tụ lại, lúc thì tán ra, và vũ trụ có vẻ giống như một trò chơi ghép hình (puzzle) của Tạo Hóa. Nhưng đây hoàn toàn không phải là một trò chơi, mà là một hoạt động được định hướng rất mạnh mẽ và rõ ràng của

vũ trụ để tiến hóa.

Sự định hướng đó như thế nào? Toàn bộ chiếc “Đài” của càn khôn vũ trụ, cũng như tất cả vô số những chiếc “Đài” của mọi cấu tử tạo nên vũ trụ, đều phải phát triển những giá trị tinh thần của chính mình. Các cấu trúc vật chất có thể sinh diệt, tán tụ... vào lúc này hay lúc khác, nhưng những giá trị tinh thần phải được tích lũy theo thời gian. Như vậy, mọi chiếc “Đài” đều phải gia tăng độ “Cao” của những giá trị tinh thần. Và đó chính là sự định hướng và ý nghĩa của “trò chơi ghép hình” này.

Với những nhận xét như trên, chúng ta có thể đi đến định nghĩa về hai chữ “Cao Đài” như sau:

Cao Đài là một chỉnh



thể, được cấu tạo bởi nhiều tầng lớp và được lắp ghép từ các phần dị biệt cùng thỏa mãn những điều kiện, tính chất nhất định để tạo thành một chỉnh thể duy nhất; chỉnh thể đó, mang đầy đủ ý nghĩa hai yếu tố: lý tưởng với thực tế, đạo với đời, lượng và phẩm, vật chất và tinh thần, để cho con người tri và hành theo chỉnh thể đó.

Định nghĩa này cho thấy khái niệm “Cao Đài” bao quát cả hai phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, thoát khỏi mọi giáo điều tôn giáo nhưng luôn dựa trên căn bản đạo lý. Định nghĩa này cũng xác định một tính chất phổ quát trong vạn vật mà ta có thể gọi là “tính Cao Đài”. Tính Cao Đài là tính chất mà nhờ

đó, mọi vật đều có khả năng bổ túc cho nhau trong việc tạo nên cái đại thể của vũ trụ.

## 2. CAO ĐÀI LÀ NGUYÊN LÝ VỀ TÍNH NHẤT THỂ

Định nghĩa về hai chữ “Cao Đài” như trên đây cho thấy rằng, mọi sự vật khác biệt đều là những thành phần của một tổng thể vũ trụ duy nhất. Rõ ràng, cái MỘT của toàn bộ vũ trụ phải chứa đựng tất cả, và tất cả đều là sự biểu hiện cho sự tồn tại toàn phần của cái MỘT. Ở đây, MỘT có nghĩa là cái toàn thể hợp nhất và duy nhất của tất cả.

Như vậy, khái niệm “Cao Đài” chứa đựng lẽ Một, hay là nguyên lý về tính nhất thể.

Vạn vật trong vũ trụ đều có một bản thể duy nhất. Bản thể đó là Thượng Đế, tạo lập nên càn khôn vũ trụ và thống ngự trong vạn vật. Trong giáo lý của đạo Cao Đài, Đức Thượng Đế đã dạy:

*Thầy là ngôi Thái Cực, Thái Nhất vô hình, huyền năng vô thượng. Thầy không có cái phạm thể như các con. Thầy là cái lý thiên nhiên, là Đạo. Tướng của Thầy là Chơn Không. Thế của Thầy là Nhứt, Nguyệt, Tinh. Các con hãy hình dung cái đại thể bao la vô tận ấy là cái vóc thân của Thầy chớ đừng nhân cách hoá mà sai lầm.<sup>5</sup>*

Trong trời đất, sự hiện hữu của con người tạo nên một thế Thiên – Địa – Nhân, gọi là thế Tam Tài. Trong thế Tam Tài, con người là trời đất thu nhỏ. Cái Một trong lòng trời đất là khối Đại Linh Quang, hay Đại Hồn, hay Đại Ngã; còn cái Một trong tâm con người là điểm Tiểu Linh Quang, hay Tiểu Hồn, hay Tiểu Ngã. Nhờ sự đồng nhất về bản thể với trời đất, mà con người có Phật tánh, hay Thượng Đế tánh, tức



5. Đản Chiếu Minh.



là tính Cao Đài, hay Cao Đài nội tại. Vì Cao Đài nội tại là một bản tính sẵn có trong tâm khảm của mỗi cá nhân, nên khi biết hướng vào nội tâm, thì mỗi người đều có thể cảm nhận được bản tính đó của chính mình.

Một khi biết phát huy tính Cao Đài, con người sẽ sử dụng được năng lực tâm linh của mình để bổ sung vào cái vũ trụ mà mình đang sống những ý nghĩa tinh thần, tô điểm và khoác lên thế giới vật chất những vẻ đẹp của tư tưởng, những nét văn hóa, những nền văn minh,... Con người còn có thể điều dắt những cá nhân khác trong đồng loại của mình trở thành các bậc quân tử, thánh hiền. Nhờ hướng về tha nhân để thể hiện công bình, bác ái và từ bi, mỗi con người có thể phát triển nơi bản thân mình một Tiểu Thiên Địa mệnh mông đầy đủ ý nghĩa.

### 3. CAO ĐÀI LÀ NGUYÊN LÝ VỀ TÍNH NHẤT THỂ TRONG TÔN GIÁO

Vận dụng khái niệm “Cao Đài” vào lĩnh vực tôn giáo, chúng ta dễ dàng thấy được tính chất nhất lý của mọi tôn giáo trên thế giới.

Đạo Cao Đài ra đời trong buổi Hạ nguồn mạt kiếp, là nguồn cuối cùng của một chu kỳ vận hành tiến hoá của càn khôn vũ trụ. Đây cũng là hồi chuông thứ ba khai mở Đại Đạo, nên gọi là Tam Kỳ Phổ Độ. Trong Nhất Kỳ và Nhị Kỳ, Đức Thượng Đế cũng đã gióng các hồi chuông dưới các hình thức khác nhau:

*Thầy thương con, ba lần hạ thế,  
Hé Thiên môn, tìm kế dạy con.<sup>6</sup>*

Dù rằng qua các thời kỳ, việc gióng chuông có mang nhiều hình thức khác nhau, nhưng cũng từ một cái chuông mà ra. Chuông ấy là Bạch Ngọc Chung tại tòa Bạch Ngọc Kinh, nơi Đức Chí Tôn cao ngự.

Dù rằng mỗi thời kỳ đều có những tôn giáo khác nhau xuất hiện, mỗi tôn giáo có đấng giáo chủ với những hình thức thờ phượng, ngôn ngữ khác nhau nhưng những đấng giáo chủ đều là sứ giả của Thượng Đế, đều nhận lãnh sứ mạng từ một nơi duy nhất đó chính là Đức Cao Đài. Khi đến thế gian, các sứ giả đều có cùng chung một mục đích là cải tạo xã hội, xây dựng đời sống công bình, bác ái, từ bi giúp con người hiểu được giá trị cao tốt của mình để tu thân hành đạo đạt đến chỗ chân, thiện, mỹ.

Về Phật Đạo, Đức Thích Ca Mâu Ni dạy:

*Phá chấp ngã sắc không không sắc,  
Tâm không bình vị đắc Như Lai;  
Thích Ca thị ngã Cao Đài,  
Cao Đài thị ngã đời thay danh từ.*

Về Tiên Đạo, Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy:

*Nay Chí Tôn lập thành Đại Đạo,  
Hiệu Cao Đài phục đảo linh căn;  
Trời hôm nhờ ngọn huệ đăng,  
Dắt dìu sanh chúng tâm phăng môi  
giềng<sup>7</sup>*

Về Thánh Đạo, Đức Chúa Ki-tô cũng dạy:

6. Thánh Tuyên Trung Hưng.

7. Đại Thừa Chơn Giáo, Đại Đạo Luận.

*Đức Chúa Trời tá danh cứu thế,  
Danh Cao Đài Ngọc Đế kỳ Ba;  
Việt Nam hạnh ngộ Đạo nhà,  
Hoàn cầu vạn quốc nhìn Cha là Thầy.<sup>8</sup>*

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, các Đấng Giáo Tổ cùng với Thượng Đế Chí Tôn đều đồng nhất lâm trần dạy Đạo, chứ không như Nhất Kỳ và Nhị Kỳ. Đây là điểm đặc biệt của thời Tam Kỳ, mà nhờ đó, nhân loại có thể thấy rõ nguyên lý của tính nhất thể trong vạn giáo.

Về mặt hình thức, tính nhất thể còn được thể hiện trong các công trình kiến trúc của các tôn giáo. Các chùa chiền, nhà thờ, đền thờ, thánh thất, thánh tịnh,... thường được xây dựng với những tháp cao, những đài cao nhiều tầng, thể hiện khát vọng vươn lên của các tôn giáo (hình 1, hình 2, và hình 3). Những kiến trúc như vậy là sự biểu tượng hóa đối với tính Cao Đài trong các nền tôn giáo.

Tóm lại, Cao Đài sẽ là Vật nếu chúng ta nhìn ở góc độ hình tướng, và sẽ là Tâm nếu chúng ta nhìn ở góc độ tinh thần. Điều đó chứng minh rằng Cao Đài là sự kết hợp bình hành giữa Tâm và Vật trong cùng một nguyên lý duy nhất của vũ trụ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tự điển Thiệu Chửu, bản điện tử <http://perso.orange.fr>.
- Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, nhà xuất bản Tôn Giáo, 2006.
- Đại Thừa Chơn Giáo.
- Thánh Truyền Trung Hưng. □

8. Thánh giáo tại Hòn Cung Đàn

## ●●● QUYỀN PHÁP – TÌNH THƯƠNG VÀ SỰ SỐNG

(TIẾP THEO TRANG 114)

vậy, xã hội mới có thể giải thoát ra khỏi mọi sự cai trị, và từ đó xã hội mới tiến hóa.

#### 4. THẢO LUẬN

Cho đến đây, nhóm nghiên cứu đã trình bày một định nghĩa đơn giản và thực tiễn về quyền pháp: “Quyền Pháp là sự sống được tạo ra, duy trì và phát triển bởi tình thương.” Cách phát biểu này dường như có nghĩa là tình thương là cái có trước sự sống. Tuy nhiên, theo giáo lý Đại Đạo, Pháp là gốc, Quyền là ngọn, đạt được Pháp tức sẽ đạt được Quyền, thậm chí “Có Quyền không có Pháp, không đưa con người đi về đâu; trái lại, sẵn sàng xô ngã con người vào lạc lầm u tối”<sup>5</sup>. Nhóm nghiên cứu sẽ làm sáng tỏ vấn đề này trong bài báo kế tiếp.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CQPTGL, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, NXB. Tôn giáo, 2006.
2. CQPTGL, Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969.
3. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chí Nam.
4. Đại học Harvard, bộ sách “Cẩm nang kinh doanh Harvard”, “Quyền Lực, Tâm Anh Hưởng, và Sức Thuyết Phục”, First News dịch, NXB. Tổng hợp TP.HCM, 2006.
5. B.M. Međnikov, Những Tiên Đề của Sinh Học, NXB. Mir Maxcova, 1986.
6. Nguyễn Đức Lượng, Sinh học đại cương, NXB. Đại học Quốc gia, 2005. □

5. Đạo Học Chí Nam, chương 4, tiết 4, mục 1.

# MỘT BIỂU TƯỢNG THƯỢNG ĐẾ TRONG VĂN HÓA AI CẬP CỔ ĐẠI:

## Mắt Thần Horus

LÊ VĂN LỘC • NHỰT QUANG • BẢO TRẦN

Nền văn minh Ai Cập, hay nền văn minh sông Nil, là một trong các nền văn minh sớm nhất thế giới. Dấu ấn của nó còn lưu lại đậm nét trong thế giới ngày nay, từ các thành tựu văn hoá như chữ viết, kiến trúc,... cho đến triết học, đạo học của Ai Cập cổ đại. Những công trình nghiên cứu kim tự tháp Ai Cập đã cung cấp cho nhân loại những khám phá thú vị và bổ ích về nền văn minh Ai Cập cổ đại. Một trong những khám phá như vậy có liên quan đến những giá trị văn hóa và tâm linh trong đời sống người Ai Cập cổ đại; đó là khám phá về biểu tượng của Thượng Đế: Con Mắt của Thần Horus. Biểu tượng này (hình 1) được các nhà khảo cổ học tìm thấy dưới lớp vải liệm

thứ 12 của xác ướp vua Tutankhamun.

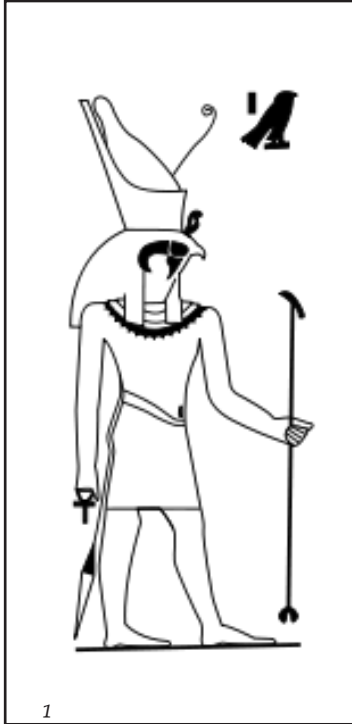
Đây là một trong những biểu tượng nền tảng của văn hóa Ai Cập cổ đại, vì những họa tiết của biểu tượng này vừa là những bộ chữ viết cơ bản trong văn tự tượng hình cổ đại của người Ai Cập, vừa là những con số quan trọng trong hệ thống đo lường cổ đại của họ. Biểu tượng này cũng được nhiều nền văn hóa trên thế giới tiếp nhận và lưu truyền cho đến ngày nay. Hội Tam Điểm (Freemasonry) có biểu tượng “Con mắt nhìn thấy tất cả” (All seeing Eye), Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ in biểu tượng “Con mắt của Thượng Đế” (Eye of Providence) ở mặt sau tờ 1 dollar,... Đây đều là những biểu tượng được thừa kế từ

biểu tượng Mắt Thần Horus của Ai Cập cổ đại.

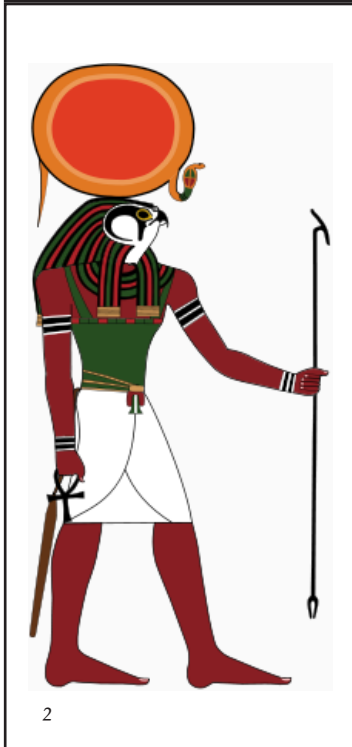
### 1. THẦN HORUS LÀ AI?

Theo truyền thuyết, Horus là con trai của Osiris, một vị vua của Ai Cập cổ đại. Người anh của vua Osiris là Seth, được xem là kẻ xấu xa trong vũ trụ, đã giết Osiris và tự lên ngôi là vua Ai Cập. Sau khi giết Osiris, Seth thách đấu với Horus và bị thua. Seth bị đày đến sa mạc và biến thành thần bão cát khủng khiếp. Còn Horus lên ngôi vua và trở thành pharaoh.

Horus là một trong những vị thần (god) nổi tiếng nhất của tôn giáo Ai Cập cổ đại. Sự sùng bái vị thần này đã tồn tại rất lâu trong văn hóa Ai Cập. Vị thần này được gọi bằng nhiều tên khác nhau như thần bầu trời,



1



2

thần chim ưng... nhưng tên quen thuộc nhất là thần Horus.

Thần Horus là chúa tể cai quản bầu trời, được biểu tượng hóa qua nhiều hình ảnh khác nhau. Thông dụng nhất là hình ảnh chim ưng. Trong cách biểu tượng hóa này, thần Horus được tượng trưng bởi một đầu chim ưng hoặc một con chim ưng, hoặc phổ biến hơn nữa là một người nam có đầu chim ưng (hình 1).

Là thần cai quản bầu trời, Horus tự nhiên cũng được xem như nắm cả mặt trời, mặt trăng. Trong một số hình vẽ, biểu tượng thần Horus có cả mặt trời bên trên (hình 2).

Những biểu tượng khác của Thần Horus là một con sư tử có đầu chim ưng, hoặc nhân sư (sphinx).

Trong các biểu tượng có liên quan đến chim ưng, thì mắt chim ưng chính là mắt thần Horus.

#### <sup>2</sup>. Ý NGHĨA CỦA MẮT THẦN HORUS

Mắt của thần Horus là một biểu tượng quyền năng quan trọng của người Ai Cập. Đó là

vương quyền bất tử, có khả năng hộ trì, che chở và chữa lành bệnh. Biểu tượng này còn được dùng như bùa hộ mạng, vì người Ai Cập cổ đại tin tưởng biểu tượng bất khả hủy diệt này sẽ giúp họ trong việc tái sinh.

Theo văn hóa Cổ Ai Cập, hai mắt của thần Horus còn tượng trưng cho mặt trời và mặt trăng. Mắt phải tượng trưng cho mặt trời, còn mắt bên trái tượng trưng cho mặt trăng. Cặp mắt của thần Horus tượng trưng cho toàn thể vũ trụ, cho sự kết hợp và sức mạnh, năng lực tối cao của Ngài.

Mắt Thần Horus cũng là mắt của mỗi con người. Trong ngôn ngữ của người Ai Cập cổ đại, có nhiều từ ẩn dụ được dùng để nói về mắt – một bộ phận cơ thể con người. Và một trong những từ ẩn dụ được dùng thường xuyên là “mắt thần Horus”. Nghĩa là thay vì gọi mắt của con người là “mắt”, thì họ gọi mắt của con người là “mắt thần Horus”. Như vậy, điều này ám chỉ rằng nơi mỗi con người bình thường đều có đôi mắt



của vị thần tối cao, cai quản trời đất và có quyền năng bất tử.

### 3. VAI TRÒ CỦA MẮT THẦN HORUS TRONG VĂN HÓA AI CẬP

Mắt Thần Horus đóng vai trò rất quan trọng trong văn hóa Ai Cập. Các họa tiết trong biểu tượng Mắt Thần Horus được sử dụng như những bộ chữ cơ bản của một hệ thống văn tự tượng hình, đồng thời, như những con số trong một hệ thống đo lường của người Ai Cập cổ đại.

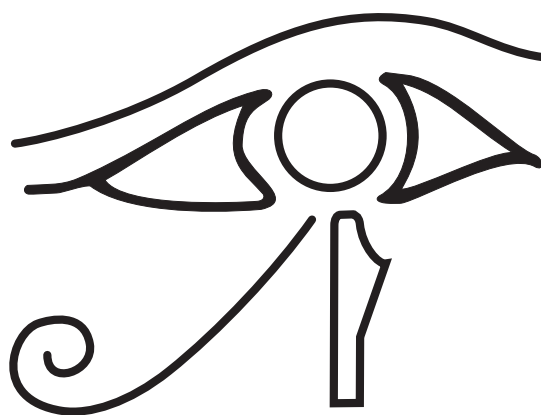
Biểu tượng Mắt Thần Horus được người Ai Cập cổ đại phân tích thành sáu đơn vị họa tiết, hay sáu thành phần. Sáu thành phần này lại là sáu biểu tượng đóng những vai trò tượng trưng cho sáu giác quan: khứu giác, thị giác, tư tưởng, thính giác, vị giác và xúc giác.

Trong hệ thống đo lường của Ai Cập cổ đại có các đơn vị đo là “heqat” và “ro”. Đơn vị “heqat” được tượng trưng bởi con mắt, còn đơn vị “ro” được tượng trưng bằng cái miệng. Con mắt tương đương <sup>1</sup> “heqat”, và bằng <sup>320</sup> “ro”.

Bản thân Mắt Thần Horus được đồng nhất với số 1. Số 1, hay là 1 đơn vị “heqat”, được định nghĩa qua một tổng số như sau:

$$1 = \frac{1}{2} + \frac{1}{4} + \frac{1}{8} + \frac{1}{16} + \frac{1}{32} + \frac{1}{64} + \dots$$

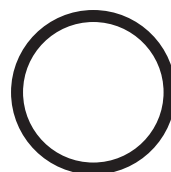
Mỗi số hạng trong tổng số này tương ứng với một họa tiết trong Mắt Thần Horus. Họa tiết ở bên phải con người là số  $\frac{1}{2}$ , và cũng tượng trưng cho khứu giác. Con người là số  $\frac{1}{4}$ , tượng trưng cho thị giác. Lông mày là số  $\frac{1}{8}$ , tượng trưng cho tư tưởng. Họa tiết ở bên trái



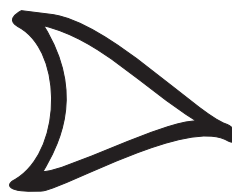
*chân mày, số  $\frac{1}{8}$ , tư tưởng.*



*phần bên trái của con người, số  $\frac{1}{16}$ , thính giác.*



*con người, số  $\frac{1}{4}$ , thị giác.*



*phần bên phải của con người, số  $\frac{1}{2}$ , khứu giác.*



*hình nét thẳng bên dưới mắt, số  $\frac{1}{64}$ , xúc giác.*



*hình nét xoắn bên dưới mắt, số  $\frac{1}{32}$ , vị giác.*

con người là số  $\frac{1}{64}$ , tượng trưng cho thính giác. Nét xoắn bên dưới mắt, số  $\frac{1}{32}$ , tượng trưng cho vị giác. Nét thẳng bên dưới mắt, số  $\frac{1}{64}$ , tượng trưng cho xúc giác.

Ý nghĩa ẩn dụ của công thức này nằm ở chỗ liên kết số  $^1$  với sáu phân số  $\frac{1}{2}$ ,  $\frac{1}{4}$ ,  $\frac{1}{8}$ ,  $\frac{1}{16}$ ,  $\frac{1}{32}$  và  $\frac{1}{64}$ . Sáu phân số là sáu giác quan, còn số  $^1$  là Mắt Thần Horus. Vì khi nói đến sáu giác quan, người Ai Cập cổ đại đã kể đến thị giác và tư tưởng, vậy Mắt Thần Horus chắc chắn không phải là con mắt thông thường, cũng không phải là tư tưởng, mà là cái Thần của con người. Trong đạo học Ai Cập cổ đại, cái Thần này là một cơ quan tiếp nhận, còn sáu giác quan là sáu cửa để thu thập thông tin.

Việc lắp ghép những thành phần (lông mày, con người,...) để tạo nên biểu tượng Mắt Thần Horus được thực hiện theo những quy tắc số học nghiêm ngặt. Để hiểu được những quy tắc này, ta quy đổi từ đơn vị đo lường "heqat" sang đơn vị đo lường "ro" như

sau:

$$\frac{1}{2} \text{ "heqat" } = 160 \text{ "ro" }.$$

$$\frac{1}{4} \text{ "heqat" } = 80 \text{ "ro" }.$$

$$\frac{1}{8} \text{ "heqat" } = 40 \text{ "ro" }.$$

$$\frac{1}{16} \text{ "heqat" } = 20 \text{ "ro" }.$$

$$\frac{1}{32} \text{ "heqat" } = 10 \text{ "ro" }.$$

$$\frac{1}{64} \text{ "heqat" } = 5 \text{ "ro" }.$$

Quy tắc sắp xếp như sau: các giác quan được sắp thứ tự theo tầm quan trọng của chúng và theo mức độ năng lượng mà nó hấp thụ thông tin cho một con người. Càng nhiều đơn vị "ro" (đơn vị này vốn được tượng trưng bởi cái miệng) thì càng nhiều năng lượng, càng nhiều "thức ăn", càng nhiều thông tin.

Như vậy, Mắt Thần Horus xem như là một tổng thể gồm sáu phần tử, đồng thời, là một hệ thống xác định số lượng phần tử trong một tổng thể bất kỳ.

#### 4. THẢO LUẬN

Đối với nhiều nền văn hóa ở phương Tây, Mắt Thần Horus chính là một biểu tượng của Thượng Đế. Đối với đạo Cao Đài, một tôn giáo lấy Thiên Nhân làm biểu tượng của Thượng Đế, những thông tin có được từ việc nghiên cứu Mắt Thần Horus là rất đáng

quan tâm. Chúng ta hãy so sánh giữa Thiên Nhân của đạo Cao Đài và Mắt Thần Horus của Ai Cập cổ đại để tìm những điểm tương đồng và dị biệt.

Điểm tương đồng đầu tiên, đó là việc sử dụng hình ảnh con mắt để làm biểu tượng Thượng Đế. Không những tượng trưng cho Thượng Đế, biểu tượng này còn tượng trưng cho cái Thần của vũ trụ và Thần của con người.

Điểm thứ hai, Mắt Thần Horus cai quản và chở che loài người cũng tương đồng với quan niệm "Trời cao có mắt" của dân gian Việt Nam và giáo lý Cao Đài.

Điểm tương đồng thứ ba giữa Thiên Nhân và Mắt Thần Horus nằm ở mối tương quan giữa con mắt với mặt trời (mặt trời) và nguyệt (mặt trăng). Người cổ Ai Cập tin tưởng rằng hai mắt của vị chúa tể bầu trời tượng trưng mặt trời và mặt trăng. Còn giáo lý Cao Đài nói rằng: "Hai con mắt của các con là nhục nhãn, tức là âm với dương; thì cũng như Thái Cực là Thiên Nhân,

còn lưỡng quang là nhật nguyệt hằng soi sáng khắp Càn Khôn,...” Đạo Học Chi Nam giải thích sự kết hợp giữa nhật với nguyệt như sau: Trong Hán tự, chữ “nhật” kết hợp với chữ “nguyệt” sẽ thành chữ “Minh”, và trong mọi quá trình tán-tụ của vũ trụ đều có chữ “Minh” này hiện diện; khi “nhất bốn tán vạn thù” thì Minh này là Minh của Thái Cực, còn khi “vạn thù quy nhất bốn” thì Minh này là Minh của Hoàng Cực. Vậy, cái đạo lý mà cả Thiên Nhân lẫn Mắt Thần Horus cùng diễn tả ở đây là tính nhất thể giữa Thượng Đế và con người.

Bây giờ, nếu nói về sự dị biệt, thì biểu tượng Thiên Nhân luôn luôn là hình ảnh con mắt bên trái, trong khi biểu tượng Mắt Thần Horus thì tùy trường hợp, có khi là con mắt bên phải, cũng có khi là con mắt bên trái (hình 14). Trong những vấn đề về thể đạo, thì người Ai Cập cổ đại dùng hình tượng con mắt bên phải của Thần Horus, ví dụ như để tạo văn tự, tạo các tỉ lệ đo lường,... Còn trong những vấn đề về thiên đạo, thì họ dùng con mắt bên trái.

Nhưng như vậy, thì bên trong sự dị biệt này lại chứa một sự tương đồng khác, vì Thiên Nhân của đạo Cao Đài cũng được sử dụng chủ yếu trong Thiên đạo Đại thừa.

Những điều này cho chúng ta thấy rằng, Thiên Nhân của đạo Cao Đài cũng là một biểu tượng được Thượng

1. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 46 “Cách thờ phượng”, tr.432.

Đế thiết lập bằng cách dung hòa và tổng hợp ý nghĩa của nhiều biểu tượng Thượng Đế đã có trong các tôn giáo trên thế giới. Và chắc chắn Thần Nhân Horus của Ai Cập cổ đại đã được tổng hợp vào Thiên Nhân của đạo Cao Đài.

Bây giờ, chúng ta hãy thảo luận về dãy số khai triển của con số 1 từ biểu tượng Mắt Thần Horus:

$$1 = \frac{1}{2} + \frac{1}{4} + \frac{1}{8} + \frac{1}{16} + \frac{1}{32} + \frac{1}{64} + \dots$$

Dãy số trên đây có thể được viết lại như sau:

$$1 = \frac{1}{2^1} + \frac{1}{2^2} + \frac{1}{2^3} + \frac{1}{2^4} + \frac{1}{2^5} + \frac{1}{2^6} + \dots$$

hay là:

$$1 = 2^{-1} + 2^{-2} + 2^{-3} + 2^{-4} + 2^{-5} + 2^{-6} + \dots$$

Dãy số này là một sự bổ túc cho Kinh Dịch. Theo Kinh Dịch – một bộ kinh cổ được xem là của Trung Hoa cổ đại – sự sinh hóa trong càn khôn vũ trụ diễn ra theo quá trình như sau: Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái,... Quá trình này có thể được diễn tả bằng dãy số:

$$1, 2, 4, 8, 16, 32, 64, \dots$$

hay là:

$$1, 2^1, 2^2, 2^3, 2^4, 2^5, 2^6, \dots$$

Trong dãy số của kinh Dịch,  $2^1 = 2$  tương ứng với hai nghi (Âm và Dương),  $2^2 = 4$  tương ứng với bốn tượng (Thái Âm, Thái Dương, Thiếu Âm, Thiếu Dương),  $2^3 = 8$  tương ứng với tám quẻ đơn (Càn, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn),  $2^6 = 64$  tương ứng với sáu mươi bốn quẻ kép.

Dãy số của Trung Hoa cổ đại là một dãy số có giá trị tăng dần (theo cấp số (XEM TIẾP TRANG 145))

## TRIỂN LÃM LỚN NHẤT VỀ

# ĐẠO ĐỨC KINH

Đạo Đức Kinh (tiếng Trung: 道德經; là quyển sách do triết gia Lão Tử viết ra vào khoảng năm 600 trước Công nguyên. Theo truyền thuyết thì Lão Tử vì chán chường thế sự nên cưỡi trâu xanh đi ở ẩn. Ông Doãn Hỷ đang làm quan giữ ải Hàm Cốc nín lại “nếu ngài quyết đi ẩn cư xin vì tôi để lại một bộ sách!”, Lão Tử bèn ở lại cửa ải Hàm Cốc viết bộ Đạo Đức Kinh dặn Doãn Hỷ cứ tu theo đó thì đắc đạo. Do đó, Đạo Đức Kinh còn được gọi là sách Lão Tử.

[NGUỒN: WIKIPEDIA]



THIỆN CHÍ SƯU TÂM

Cuốn Đạo đức kinh bằng thẻ tre, nhiều khả năng có niên đại từ năm 278 trước Công nguyên, cùng nhiều ấn phẩm và phiên bản khác của tác phẩm triết học Trung Quốc kinh điển này đang được trưng bày tại Hong Kong.

Đây là triển lãm về Đạo đức kinh với quy mô lớn nhất thế giới, trong đó có tất cả các loại ấn phẩm, bài bình giải, các biên soạn bằng tiếng Hoa hiện đại (180 loại) và tác phẩm dịch của 26 ngôn ngữ

nước ngoài (250 loại).

Người ta đã tìm thấy các tấm thẻ tre Đạo đức kinh, được coi là những phiên bản lâu đời nhất của tác phẩm kinh điển này, trong một ngôi mộ ở tỉnh Hồ Bắc hồi năm 1993. Các nhà khảo cổ đều cho rằng 3 bó thẻ tre này có niên đại từ thời Chiến Quốc (403-221 trước Công nguyên) và chiếm khoảng 1/3 bản sao thời nay. Triển lãm giới thiệu 5 phần trong bó thẻ tre thứ 2.

Đã được dịch sang hơn

30 thứ tiếng và tái bản nhiều lần trong hơn 2000 năm lịch sử, Đạo đức kinh là một trong những tác phẩm triết học Trung Hoa được nghiên cứu nhiều nhất và được coi là một trong những văn bản quan trọng nhất của di sản trí tuệ loài người. Tác phẩm phân tích mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên và nêu bật chân lý của sự hòa hợp trong cuộc sống. □

THEO T.V - THỂ THAO VÀ VĂN HÓA • NGUỒN: BÁO TUỔI TRÉ ONLINE NGÀY 02.05.2007.





# CẢO THƠM LẦN GIỜ TRƯỚC ĐÈN

MINH TRUNG SƯU TÂM

Mặc Tử ở nước Lỗ sang nước Tề, qua nhà bạn cũ, vào chơi. Người bạn nói chuyện với Mặc Tử rằng: “Bây giờ thiên hạ còn ai biết đến việc nghĩa, một mình ông khổ thân để làm việc nghĩa thì có thắm vào đâu! Chẳng thà thôi đi có hơn không?”

Mặc Tử nói: “Bây giờ có người ở đây, nhà mười đứa con, một đứa cày, chín đứa ăn không thì đứa cày chẳng nên cày chăm cày hơn lên ư? Tại sao thế? Tại đứa ăn không thì nhiều, đứa đi cày lại ít. Bây giờ thiên hạ chẳng chịu làm việc nghĩa thì ông phải biết khuyên tôi càng làm lắm mới phải, có đâu lại ngăn tôi như thế!”

LỜI BÀN:

Trong khi nhân tâm, thế đạo suy đồi, mình là người còn đứng vững được thì sao lại chịu suy đồi với thiên hạ cho cùng bị trôi một loạt. Vì nếu ai cũng như thế cả thì còn đâu những trang hướng đạo là người cảnh tỉnh được kẻ u mê để duy trì lấy nhân tâm thế đạo nữa? Cho nên những người thức thời, có chí, dù ở vào đời biến loạn, vong bản đến đâu cũng không chịu đắm đuối vào sự bất nghĩa vô nhân, khác nào như cây tùng, cây bách mùa đông tuyết sương mà vẫn xanh; con gà trống, mưa gió tối tăm mà vẫn gáy. Những bậc ấy chẳng những thế mà thôi, lại đem bao nhiêu tinh lực, tâm trí ra, cố gắng giữ lấy phong hóa mà dìu dắt, mà đưa đường cho những kẻ u mê đắm đuối.

*Đời càng suy biến khổ đau*

*Những trang đạo đức càng trau gương lành*

*Độ người trong khắp nhân sanh*

*Đưa về chánh đạo làm lành nói chơn.*

Xin góp lời khuyến khích làm nhân nghĩa, bằng hai câu cuối của kinh Sám hối:

*Làm người nhân nghĩa vẹn toàn*

*Muôn năm bóng khuất tiếng còn bay xa. □*

# TAM CÔNG

CÂU LẠC BỘ TIẾNG ANH – NGOẠI GIAO VỤ

During the third period of universal salvation, God teaches human beings a new method of cultivation called Tam công. Tam công includes công quả, công phu and công trình.

Công quả means helping people in need on both aspects: spiritual and material life. There are three ways of doing công quả:

1. Providing for needy people.
2. Advising others to lead a moral life.
3. Guiding people to self-cultivate to free themselves from the cycle of karma and reincarnation.

Công quả has a true value when it is done with sincerity and love for others without yearning for profit, gratitude or reputation in spirit.

Công trình means self cultivating, developing good conduct, trying to cease bad behaviors, spending our whole life studying with determination to perfect ourselves, controlling six desires which come from six senses and seven passions, such as joy, anger, love, hatred, sadness, desires and fear.

How to self-cultivate? Every day,

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Thượng Đế dạy con người một phương pháp tu hành mới gọi là Tam Công. Tam công bao gồm công quả, công phu và công trình.

Công quả là giúp đỡ tha nhân trên cả hai phương diện tâm linh và nhân sinh. Có ba cách làm công quả:

1. Bồi thí của cải vật chất.
2. Khuyên người khác sống lương thiện đạo đức.
3. Hướng dẫn nhơn sanh tu hành để thoát khỏi vòng luân hồi nghiệp quả.

Công quả có giá trị đích thực khi công quả được làm với tinh thần vô công, vô cầu, vô danh, xuất phát từ tấm lòng chơn thật và tình thương yêu đối với người khác.

Công trình là tu thân luyện kỹ, trau dồi đạo đức, cố gắng trừ bỏ các tật xấu và suốt đời chí tâm tu học để hoàn thiện hóa bản thân, chế ngự lục dục (sáu ham muốn xuất phát từ lục căn) và thất tình (hỷ, nộ, ái, ố, ai, dục, cụ).

Tu thân như thế nào? Theo lời Thầy

according to God's teachings, Caodaists should read, listen to and practice Holy teachings as well as educating stories. This will keep Caodaists away from any temptation. Before going to bed, we should make a recollection of what we have done during the day to realize what is right and what is wrong. Then we must decide firmly not to repeat the misconduct committed. One of the best ways to control six desires and seven passions is to practice meditation properly.

Công trình is also considered as the achievement of công quả and công phu during our whole life.

Công phu, a term of Caodaism, includes four sessions of daily prayers and meditation at:

\* The time of Rat from 11 pm to 1 am

\* The time of Rabbit from 5 am to 7 am

\* The time of Horse from 11 am to 01 pm

\* The time of Rooster from 5 pm to 7 pm

To be able to practice meditation, Caodaists must take at least ten days of vegetarianism a month. From the age of forty, if one takes full time strict vegetarianism and stops having sex, (s)he can take up high levels of meditation. Caodaists must learn meditation from authorized dignitaries. In Caodaism, Công phu is "thiền định". Thiền means abstraction. Định means tranquilization.

Công phu is a way to control our

dạy, hằng ngày, người môn đệ Cao Đài cần đọc Thánh kinh hiền truyện, nghe thuyết minh giáo lý và thực hành theo lời dạy của Thiêng liêng. Bằng cách này, người tín hữu sẽ tránh được mọi cám dỗ. Trước khi đi ngủ, mỗi người nên kiểm điểm lại những việc mình đã làm trong ngày để nhận ra điều nào đúng, điều nào sai rồi phải quyết tâm không tái phạm lỗi lầm đã làm. Một trong những cách tốt nhất để chế ngự thất tình lục dục là công phu đúng cách.

Công trình cũng được xem là thành quả của công quả và công phu trong suốt cuộc đời.

Công phu, một thuật ngữ Cao Đài, bao gồm bốn thời cúng tịnh vào các giờ sau:

\* Giờ Tý từ 11g khuya đến 01g sáng

\* Giờ Mão từ 5g đến 7g sáng

\* Giờ Ngọ từ 11g đến 01g trưa

\* Giờ Dậu từ 5g chiều đến 7g tối

Để được thọ pháp, người môn đệ Cao Đài phải ăn chay ít nhất mười ngày một tháng. Từ 40 tuổi trở lên, tín hữu nào trường trai tuyệt dục thì có thể tiến đạo lên cấp cao. Người môn đệ Cao Đài phải học Thiền với những bậc Thiên ân được Ôn Trên cho phép giảng pháp. Trong đạo Cao Đài, Công phu chính là thiền định. "Thiền là tâm vô niệm. Định là dừng lại tất cả."

Công phu là cách kiểm soát bản thân

body and purify our mind in a spirit of non egoism in order to become one with the Nature of the Universe. The ultimate purpose of công phu is to rid ourselves of the cycle of karma and reincarnation.

Venerable Trần Hưng Đạo teaches us:

“Giải thoát lấy công phu làm chính,

Học tu tuân luật lệnh làm đầu”

That means:

“Công phu is the best way to attain self salvation,

Obedying religious rules and teachings comes first”

The power of total tranquilization could help us maintain good health and a peaceful mind, get a radiant and friendly face, and solve difficult problems easily in our daily life.

THE RELATIONSHIP AMONG CÔNG QUẢ, CÔNG PHU, CÔNG TRÌNH.

Công Quả helps us to end our karma. Our karma depends on what we did in our previous lives and present life: that is the law of cause and effect and reincarnation. Everybody is controlled by karma. Look at the current life of a person, we may know what his karma is. Good karma brings happiness, wealth... while bad karma is the cause of all bad things such as sickness, unhappiness, accidents... We do not know how our karma is. So we should perform a lot of công quả in order to collect “âm chất” bit by bit. We can, therefore, reduce, even

và thanh lọc bản tâm trên tinh thần vô ngã nhằm hòa hợp với Bản thể của vũ trụ. Mục đích tối thượng của công phu là giải thoát con người khỏi vòng luân hồi nghiệp quả.

Đức Trần Hưng Đạo dạy rằng:

“Giải thoát lấy công phu làm chính,

Học tu tuân luật lệnh làm đầu”

Công năng đại định có thể giúp chúng ta duy trì sức khỏe tốt và tâm thanh tịnh, có một khuôn mặt ngời sáng dễ mến, và có thể dễ dàng giải quyết các vấn đề khó khăn trong đời sống thường ngày.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG QUẢ, CÔNG PHU, CÔNG TRÌNH.

Công quả giúp chúng ta đoạn nghiệp. Nghiệp tùy thuộc vào những gì chúng ta đã làm trong kiếp trước và kiếp này: đó là luật nhân quả luân hồi. Mọi người đều bị nghiệp lực chi phối. Nhìn vào kiếp hiện tại của một người, chúng ta có thể biết được nghiệp của người ấy: nghiệp lành mang lại hạnh phúc, sự giàu sang... còn nghiệp dữ là nguyên nhân của mọi điều xấu như bệnh hoạn, bất hạnh, tai nạn... Chúng ta không thể nào biết được nghiệp của mình lành dữ nhiều ít thế nào. Do đó, chúng ta nên làm thật nhiều công quả để mót bòn âm chất hầu giải trừ bớt



end our previous bad karma. Âm chất means the invisible result of the undeclared charity work. According to Holy teachings, not only bad karma but also good karma will prevent our return to God forever. So, if we do not want to be reincarnated, we should not think of receiving good karma when observing công quả. During the third salvation, to encourage us to self cultivate and help us end the karma soon, God gives coefficient <sup>3</sup> to our công quả.

However, công quả observance alone is not enough for us to be liberated from reincarnation. First, we should do a lot of Công quả to lay a solid foundation for our religious practice. Then, we start achieving the construction with Công Phu. Công phu is the key element to free ourselves from reincarnation. Công quả, like the foundation of a house, helps us lighten our bad karma by lessening the risks of diseases and all kinds of accidents... This is the best way to keep our body and mind serene in meditation. Besides Công quả, we should also self-cultivate, that means doing công trình, to control six desires and seven passions in order to practice công phu well. Without công quả and công trình, surely we cannot observe công phu. After practicing công phu for a long period of time, we will be able to control six desires and seven passions. Công trình helps us develop our love for other beings and our readiness to perform công

nh nghiệp chướng tiền khiên, thậm chí để đoạn nghiệp. Âm chất là kết quả vô hình của công đức (việc thiện làm trong thầm lặng). Theo Thánh giáo, không chỉ nghiệp dữ mà kể cả nghiệp lành cũng vĩnh viễn ngăn cản đường chúng ta trở về cùng Thượng Đế. Do đó, nếu không muốn luân hồi, chúng ta không nên cầu phước khi làm công quả. Trong Tam kỳ phổ độ, để khuyến khích chúng ta tu hành và để giúp chúng ta sớm giải xong nghiệp lực, Đức Chí Tôn cho công quả được nhân lên hệ số <sup>3</sup>.

Nhưng nếu chỉ làm công quả thì không đủ để giải thoát khỏi luân hồi sanh tử. Trước nhất, chúng ta nên làm thật nhiều công quả để xây nền đắp móng cho việc tu hành. Khi đã có một nền tảng vững chắc, chúng ta bắt đầu xây dựng phần còn lại của ngôi nhà đó là công phu. Công phu là yếu tố quyết định giúp chúng ta thoát khỏi luân hồi sanh tử. Công quả, chẳng khác nào nền móng của ngôi nhà, giúp chúng ta giải trừ nghiệp dữ tức là giảm bớt bệnh tật và mọi thứ tai nạn... Đây là cách tốt nhất giúp thân tâm chúng ta được thanh tịnh và như thế mới thực hành tốt công phu. Bên cạnh công quả, chúng ta cũng nên luyện kỹ tu thân tức là thực hành công trình để chế ngự thất tình lục dục nhằm thực hành tốt công phu. Không có công quả và công trình, chẵn chẵn chúng ta không thể công phu tốt. Và sau một thời gian dài thực hành tốt công phu, chúng ta sẽ dễ dàng kiểm soát được thất tình lục dục.

••• (XEM TIẾP TRANG <sup>132</sup>)

# TẾT ĐOAN NGO

MINH TRUNG

Vào một ngày Tết Đoan Ngọ đây ánh thái dương. Cơm nước đã sẵn sàng, tôi đem lên Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Trương ba gà mên chè đậu trắng.

Ngài độ cơm trưa xong, tôi trình:

– Bạch ông, Anh Lớn Đầu Sư Thái Giáp Thanh, Chị Lớn Phối Sư Hương Thục và bà Lễ Sanh Hương Dự mời Ông dùng chè của ba vị.

Đức Giáo Tông gật đầu bảo:

– Em hãy mở nắp đi!

– Dạ! Tôi đập và mở các nắp.

Đức Giáo Tông dùng mỗi gà mên ba muống. Ăn xong Ngài nói:

– Em cũng ăn chè, nhai cho thật kỹ rồi phê bình cho Anh nghe. Em há miệng ra!

Chính tay Ngài múc chè đưa vào miệng tôi mỗi gà mên ba muống. Tôi vô cùng xúc động...

– Bạch Ông, chè của Anh Lớn Thái rất ngọt, quá đặc, có vị gừng thơm, không có chất béo, đậu trắng cứng không mềm.

Ngài gật đầu.

– Chè của Chị Lớn, đậu mềm, thơm va-ni, có nước cốt dừa rất béo nhưng quá lỏng.

Ngài gật đầu.

– Chè của bà Lễ Sanh đậu quá mềm, không còn hạt, rất béo, không có vị thơm.

Ngài gật đầu:

– Em phê bình rất đúng! Dọn dẹp xong, xuống uống nước, Anh sẽ nói chuyện này cho em nghe.

Uống nước xong, Ngài bảo:

– Hồi nãy, Anh biểu em phê bình chè, giờ em lắng nghe Anh nói đây. Cũng như người ta giữ năm đức tính Ôn, Lương, Cung, Kiệm, Nhượng. Vậy, mỗi thứ để nấu chè mà không đạt thì chè sẽ không ngon. Còn ở thế gian, còn mang thân xác nhân gian thì ta còn sống với lục căn, lục trần. Biết nó, sống với nó mà ta không bị nó lôi kéo, xô đẩy là sống trong chánh đạo. Biết nó, sống với nó mà ta bị nó lôi kéo, xô đẩy là sống trong tà đạo. Biết nó càng rõ, càng thấy sự bỉ ổi tồi tệ của nó, càng giúp cho ta giác ngộ, càng giúp cho ta xa rời không tưởng, càng giúp cho ta hoà mình với thời gian, giúp cho ta biết nhún nhường. Những kẻ còn tự cao mình là đạo đức, trong sạch, thanh tao, xa rời nhân gian là những kẻ sống trong ảo tưởng, sống xa Đạo.

Em phải biết “Thế gian là trường học của chư hồn”. Vậy tu là sửa. Sửa là giúp ta đi đúng hướng. Sự đi đúng hướng giúp ta giải được nghiệp quả. Nghiệp quả là những sai lầm của ta tích lũy từ nhiều tiền kiếp lẫn kiếp hiện tại. Kiếp hiện tại là hậu quả của

nhieu tiền kiếp. Nếu biết tu để hoá giải ở kiếp này thì đương nhiên có thể giải được nghiệp quả của các tiền kiếp. Vì thế nên có câu “Tu nhưt kiếp, ngộ nhưt thời” là vậy. Ngộ là biết. Biết là xoá, là tẩy. Xoá tẩy ngay tức khắc! Biết diệt trừ tham sân si. Thầy mở Đạo lần Ba, Đại Ân Xá, em có biết không?

– Bạch Ông, con biết.

– Vậy mục đích của con đường tu là thực hành cái biết vậy. Em thông minh, cố gắng tinh tấn lập công bồi đức để giúp Đạo sau này. Ngài xoa tay trên đầu tôi ba lần rồi bảo:

– Thời đã đến giờ công phu...

Tôi đi xuống mà lòng phơi phới, cảm quan diêu động, đầy vui tươi vì Đức Giáo Tông đã dạy cho tôi biết, điều mà lòng tôi đang day dứt chưa kịp mở miệng hỏi.

... Thời Tý của ngày thứ ba sau hôm

tôi được Ngài dứt chẻ và bảo ban, Ngài vào đại tịnh. Trước khi thiên định, Ngài cho gọi hai thanh đồng chúng tôi lên dặn: “Khi dứt hơi quá bảy ngày mà Anh chưa về thì hai em sẽ cho Hội Thánh hay...”

Năm hôm sau đó Ngài dứt ống. Thời Tý hai hôm sau nữa, Ngài dứt thờ và xuất thần vào cõi hư vô trong vang ngân của tiếng kim chung ở lầu Thiên Lý Mật Truyền. Đúng như lời Ngài đã nói trước: Trong kỳ tháng 5 này Ông Trên cho Ngài “ra tịnh”. “Ra tịnh” là ra đi phổ thông phổ truyền giáo lý Đại Đạo khắp hoàn cầu:

ĐẠI ĐẠO HOÀNG KHAI TAM GIÁO QUI NGUYÊN  
THÔNG TỬ HẢI, TAM KỲ PHỔ HOÁ NGŨ CHI  
HIỆP NHỨT ĐỘ TOÀN CẦU.

Ngài đã ra đi như thế.

Minh Trung (ghi theo lời kể của Ngài Thanh đồng Sáu Long Đình). □

---

### ●●● TRANG NGOẠI NGỮ: TAM CÔNG (TIẾP THEO TRANG 130)

quả. Meditation also assists công quả when, in profound abstractrion, we reserve two minutes at the end of each session to orientate all benedictions of God to all other beings.

To make the point, God teaches us to observe Tam Công since that is the sole way to build up a one-world, happy and peaceful, for all. Tam công, therefore, reunites us with God as One. □

Công trình giúp chúng ta phát triển tình yêu thương chúng sanh và tinh thần sẵn sàng làm công quả. Công phu cũng hỗ trợ cho công quả vì sau mỗi thời công phu, chúng ta dành hai phút để hồi hướng điển lành của Thượng Đế cho bá tánh chúng sanh.

Tóm lại, Đức Thượng Đế dạy chúng ta thực hành Tam công vì đó là cách duy nhất để xây dựng một thế giới đại đồng an lạc hạnh phúc cho nhân sanh đồng thời cũng giúp chúng ta giải thoát khỏi luân hồi sanh tử để trở về hiệp nhưt cùng Thầy. □

# MỘT CHUYẾN LIÊN GIAO

CHÍ THẬT



Ngày 01-3 Đinh Hợi (thứ ba 17-4-2007) được sự phân công của Ngoại Giao Vụ, chúng tôi gồm ba nhân viên (Chí Thật, Minh Đức và Đinh Thị Hạnh) đi dự lễ kỷ niệm 67 năm ngày thành lập Thành thắt Nguyệt Cảnh Cao Đài Minh Chơn Đạo (1940-2007) ở Cà Mau.

Xuất phát từ Cơ Quan lúc <sup>20g</sup><sup>25</sup> phút ngày <sup>29.3</sup> Đinh Hợi, hai con ngựa sắt chở chúng tôi ra phòng vé công ty xe khách Mai Linh (số <sup>500</sup> Lê Hồng Phong). Làm thủ tục mua vé xong, có xe trung chuyển đưa chúng tôi ra xa cảng miền Tây lúc <sup>21g</sup><sup>35</sup> phút, khởi hành đi Cà Mau.

- <sup>23g</sup><sup>20</sup> phút đến Cái Bè (Tiền Giang), xe dừng lại tại một cửa hàng ăn uống, cho hành khách giải lao. Mọi việc ổn định, xe tiếp tục lên đường.

- <sup>0g</sup><sup>45</sup> phút, đến bến phà Hậu Giang (bắc Cần Thơ), mọi người xuống xe đi bộ qua cầu phà. Sang sông, xe chạy một mạch.

- <sup>2g</sup><sup>15</sup> phút, một lần nữa, xe dừng lại tại một cửa hàng ăn uống thuộc địa phận Sóc Trăng. Sau <sup>30</sup>



phút thư giãn, xe tiếp tục lên đường.

Đến trung tâm TP Cà Mau, lúc 4g<sup>30</sup> phút, trời đã mờ mờ sáng. Xe trung chuyển chở chúng tôi đến bến tàu A, từ đây theo sự chỉ dẫn của người địa phương, chúng tôi đi chuyển tàu cao tốc đầu tiên khởi hành lúc 5g<sup>10</sup> phút. Giá vé mỗi hành khách là sáu chục ngàn đồng. Hỏi thăm bà con địa phương, chúng tôi được biết, nếu đi đường bộ đến Thánh thất khoảng 85km, đi những phương tiện đường thủy bình thường khác phải mất 4 tiếng rưỡi.

Chiếc tàu cao tốc chạy như bay trên kênh xáng Bà Kẹo, một vùng sông nước mênh mông trắng xoá. Sau 1g<sup>40</sup> phút uốn lượn trên nước, tàu dừng lại ở trạm cuối cuộc hành trình.

Thánh thất Nguyệt Cảnh đã hiện ra trước mắt chúng tôi, lúc này là 6g<sup>50</sup> phút. Thật bất ngờ, một nơi xa xôi cách TP.HCM khoảng 500km, lại nằm trên vùng sông nước, phương tiện đi lại không mấy thuận lợi, ấy thế mà tạo dựng được ngôi Thánh Thể Đức Chí Tôn hoàn hảo với đầy đủ tam đài, Thiên Phong đường, đông lang, tây lang và các công trình phụ khác.

Chúng tôi được Ban tổ chức tiếp đón niềm nở, hướng dẫn vào Thánh thất rửa mặt, mời ăn điểm tâm với món bánh tét, bánh ít, đặc biệt là bánh bò thom ngon, do đạo hữu nơi đây tự chế biến với nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương.

Đến đây, ngoài dự lễ kỷ niệm lần thứ 67 ngày thành lập Thánh thất,

chúng tôi còn dự lễ cắt băng khánh thành Thiên Phong đường được tiến hành long trọng lúc 8g sáng, với sự hiện diện của quý Anh Chị lớn Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo Hậu Giang, các cấp lãnh đạo chính quyền tỉnh Cà Mau (huyện Phú Tân, thị trấn Cái Đôi Vàm), cùng toàn thể quý đồng đạo xa gần, và đại diện của Phật Giáo.

Thánh thất Nguyệt Cảnh, nằm trên vàm lưu thông ra cửa biển Cà Mau, cập bờ biển vịnh Thái Lan, cũng là nơi cuối miền đất nước, (Thánh thất cách cửa biển 2km) xưa gọi là Cái Đôi Vàm. Vào thời điểm 1938, 1939 dân cư nơi đây khoảng 50 hộ.

Ngày rằm tháng Giêng (1940), Đức Chương Pháp Trần Đạo Quang cùng một số chức sắc Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo thừa lệnh Ôn Trên đến xứ Cái Đôi Vàm qui tụ nhơn sanh để mở đạo Cao Đài. Cơ sở đạo lúc sơ khai chỉ là một cái tịnh nhỏ để thờ Thánh tượng, có nơi cho nhơn sanh cúng kính vào hai ngày sóc vọng. Văn phòng Ban Trị Sự được đặt tại nhà ông Trần Văn Sách. Số đạo hữu được 72 vị (18 gia đình).

Năm 1943 bộ phận Hiệp Thiên Đài phối hợp chư chức sắc Hội Thánh Minh Chơn Đạo có Anh Cả Cao Triều Phát đến đây theo lệnh của Ôn Trên, thiết lập đàn cơ. Hôm ấy Đức Lý Giáo Tông lâm đàn, ban sắc lệnh cho Thánh sở nơi đây là Nguyệt Cảnh Tịnh.

Năm 1945 Ôn Trên giáng cơ tại Tòa Thánh Ngọc Sắc, sửa danh hiệu Nguyệt Cảnh Tịnh lại là Thánh thất

Nguyệt Cảnh. Lúc này số tín đồ là <sup>252</sup> vị tất cả.

Năm <sup>1955</sup> giáo hữu Trần Văn Lâu mua hai dây đất ruộng với diện tích ngang <sup>75</sup>m, dài <sup>125</sup>m, hiến cho Hộ đạo Nguyệt Cảnh xây dựng Thánh thất.

Tháng <sup>8\_1955</sup> toàn Hộ đạo với sự vận động của ban cai quản, trong hai tháng tích cực công quả, bốn đạo nơi đây đã đắp được nền chánh điện, xây dựng được Thiên Phong đường và phòng trừ.

Năm <sup>1956</sup> Đức Lý Giáo Tông giảng cơ tại Thánh thất Nguyệt Cảnh, dạy phải tạo dựng chánh điện. Kể từ tháng Giêng đến rằm tháng <sup>9</sup> trong năm (<sup>1956</sup>), chánh điện đã được hoàn tất theo lệnh dạy.

Trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm, Thánh thất xuống cấp, nhân sự cũng không còn hoạt động mạnh như buổi đầu.

Năm <sup>1976</sup>, phái đoàn đầu tinh đạo Hội Thánh Minh Chơn Đạo xuống Hộ đạo Nguyệt Cảnh, củng cố lại ban cai quản, ban trị sự nhiệm kỳ <sup>1976\_1981</sup>.

Năm <sup>1992</sup> nhân dịp lễ Thượng nguồn rằm tháng Giêng, Hộ đạo mở cuộc họp nhơn sanh, tiến hành kế hoạch xây dựng lại tam đài.

Tháng <sup>02\_1992</sup> xây dựng Hiệp Thiên Đài, hoàn tất vào lễ Trung nguồn rằm tháng <sup>7</sup> (<sup>1992</sup>).

Tháng <sup>8\_1994</sup> xây dựng Bát Quái Đài, đến tháng <sup>02\_1995</sup> hoàn tất.

Ngày <sup>16\_01\_1997</sup> xây dựng Cửu Trùng Đài, đến lễ Trung nguồn rằm tháng <sup>7</sup> (<sup>1997</sup>) làm lễ an vị.

Trong <sup>5</sup> năm (<sup>1992\_1997</sup>) đã hoàn tất Tam Đài.

Ngày <sup>24\_10\_2006</sup> khởi công xây dựng Thiên Phong đường, hoàn tất vào ngày rằm tháng Giêng (<sup>2007</sup>).

Buổi lễ kỷ niệm kết thúc lúc <sup>10g</sup> <sup>15</sup> phút cùng ngày. Dùng cơm trưa xong, chúng tôi được một đạo hữu mời về nhà gần Thánh thất để nghỉ trưa. Khoảng <sup>4g</sup> chiều chúng tôi được chở ra cửa biển Cà Mau tham quan.

Chúng tôi lại được mời dùng cơm chiều với gia đình, sau đó đứng <sup>17g</sup> <sup>10</sup> phút, chúng tôi lên chiếc cao tốc trở lại bến tàu A đứng <sup>19g</sup> <sup>30</sup> phút, xe trung chuyển của công ty xe khách Mai Linh đưa chúng tôi ra bến xe Cà Mau. Đứng <sup>20g</sup> <sup>30</sup> phút xe khởi hành. Trên xe chỉ có <sup>5</sup> hành khách, mọi người được đánh một giấc ngon lành.

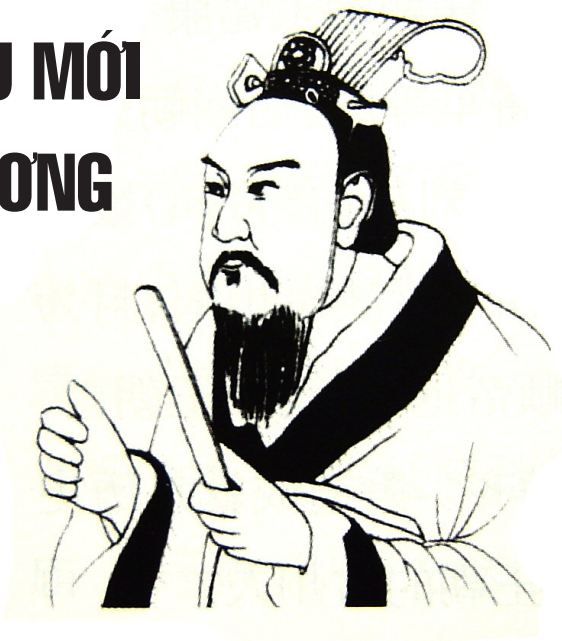
Chúng tôi về lại TP.HCM lúc <sup>4g</sup> sáng ngày hôm sau <sup>02\_3</sup> Đinh Hợi (thứ Tư <sup>18\_4\_2007</sup>).

Hai con ngựa sắt hôm đi, gọi trong quán cà phê gần phòng vé. Chủ quán mới đóng cửa lúc hơn <sup>3g</sup>, có kêu mấy họ cũng không mở. Túng thế, <sup>3</sup> người chúng tôi đành vào một quán cà phê gần đó ngồi trông cho trời mau sáng.

Suốt hơn <sup>3</sup> tiếng đồng hồ chờ cánh cửa bên kia đường mở, chúng tôi nhớ tới gói bánh bò lúc chia tay được quý đạo hữu gửi tặng, mở ra vẫn còn mùi thơm ngào ngạt, thế là vừa ăn vừa trò chuyện. Cánh cửa bên kia đường mở ra lúc <sup>7g</sup> <sup>15</sup> phút sáng. Chúng tôi thở phào, vội vàng vào dắt xe ra, chào chia tay và lên xe trở về nhà... □

# CHỈ CÓ HIỂU ĐẠO MÀU MỚI THOÁT KIẾP TRẦN DƯƠNG

THANH MAI



Trong Tam Kỳ Phổ Độ, khi giảng đàn dạy đạo, các Đấng Thiêng Liêng vẫn hay lấy các tích xưa để làm gương răn dè các môn đệ. Chẳng hạn, dạy về mấu chốt của đường tu giải thoát, hai vị Tiên Khai Đại Đạo Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt có lần nhắc chuyện Lương Võ Đế như sau:

*Lương Võ Đế đem vàng ròng bạc vạn,  
Cất bảy mươi hai cảnh chùa cho danh rạng tứ phương,  
Có phải chẳng mua chuộc lỗi thiên đường,  
Hay nghiệp quả còn vẫn vương, Đài Thành cam nạ tử?  
Ôi, vật chất khó lưu tình quý síe!  
Oai hùng không đương cự nổi vô thường,  
Chỉ có hiểu đạo màu mới thoát kiếp trần dương,  
Chỉ có biết nhân nghĩa mới an khương bình thế cuộc.*

(NGỌC MINH ĐÀI, <sup>15</sup>.02 ĐÌNH MÙI, <sup>24</sup>.3.-1967)

Theo sử Trung Quốc, Lương Võ Đế tên thật là Tiêu Diễn (<sup>464</sup>-<sup>549</sup>), làm thứ sử Ung Châu dưới triều Tề, trấn thủ thành Tương Dương. Vua nhà Tề là Bảo Quyên ăn chơi vô độ, bỏ bê triều chánh, ngược đãi đại thần. Tiêu Diễn vốn là tôn thất nhà Tề, hợp binh với em của vua Tề là Bảo Dung, dấy lên ở Giang Lăng, chống lại Bảo Quyên. Bảo Dung tự lập làm vua, hiệu là Hòa Đế. Sau Tiêu Diễn đánh lấy Quách Thành, phá Tầm Dương, vây Kiến Nghiệp, Hòa Đế bị giết. Tiêu Diễn vào kinh đô, buộc vua Tề (Bảo Quyên) nhường ngôi. Tiêu Diễn làm vua, đổi tên nước là Lương,

1. Nạ: đói. Nạ tử: chết đói. Cam: cam chịu, cam đành. Đài Thành cam nạ tử: đành chịu chết đói ở Đài Thành.

xưng Lương Võ Đế (năm 502).

Lương Võ Đế tài kiêm văn võ, làm cho nước Lương một thời hùng mạnh. Vua rất sùng đạo Phật, quy y năm 517, có ba lần bỏ ngai vàng vào chùa tu. Năm 538, nhân sứ thần đưa về nước xá lợi của Phật, Lương Võ Đế cho lập chùa thờ, bố thí cho dân chúng và ân xá tội nhân.

Nhà vua lấy công quỹ (quốc khố) cho cất chùa khắp trong nước (trương truyền được 72 ngôi), ủng hộ Tam Bảo, được các Phật tử tôn xưng là Phật Tâm Thiên Tử.

Trước kia, tôn thất nhà Tề bị Lương Võ Đế giết hại, phải sang nước Ngụy cầu cứu. Hai nước Lương và Ngụy đánh nhau, tướng của Ngụy là Hầu Cảnh qua hàng Lương Võ Đế, được phong Hà Nam Vương. Về sau Hầu Cảnh thấy Lương Võ Đế mãi mê theo đạo Phật, bỏ bê triều chánh, thế lực suy yếu, nên cất binh làm phản, chiếm Kiến Nghiệp, Đài Thành, vây Lương Võ Đế trong cung, tuyệt hết lương thực, Lương Võ Đế phải chết đói (năm 549).

Chuyện Lương Võ Đế và cái chết thảm thương của ông như kể trên có thể khiến nhiều người thắc mắc. Vua mộ đạo tu hành, xây cất 72 ngôi chùa, lẽ ra được hưởng nhiều phước báo, có sao cuối đời phải chịu nạn chết đói (ngạ tử)?

Lời dạy của hai vị Tiên Khai Đại Đạo cho thấy Lương Võ Đế dùng “vàng ròng bạc vụn” của chúng dân (lấy công quỹ) để xây chùa “cho danh rạng tứ phương”, do đó không hề tạo

được một công đức nào, bởi lẽ công quả chỉ có giá trị đích thực và tạo được âm chất khi nào công quả được làm với tinh thần vô công, vô kỷ, vô cầu, vô danh.

Luật nhân quả trả vay vay trả không hề tư vị một ai. Lúc soán ngôi vua Tề, Lương Võ Đế đã gây nhiều nghiệp sát, nên cuối đời phải đền nghiệp sát bằng nạn “ngạ tử”. Điều này đã được Đức Quan Thế Âm xác nhận trong một lần giảng dạy tại Huòn Cung Đàn (15-7 Đinh Mùi, 1967):

*Chư đấng chúng sanh cần ý niệm: sống trên cõi đời vật chất (...) kiếp con người có hạn (...) cần tu tạo đức để tránh những điều lầm xua còn ghi lại. Vậy Bần Nữ nhắc, dẫu cho bực đế vương như Lương Võ Đế hồi xưa tạo thất thập nhị thiên môn nhưng tâm tà vô định thì lấy dẫu mà bảo tôn linh tánh đó. Chư chúng sanh còn thấy tích.*

(...)

*Nay nhắc lại trong kỳ tiên giáo,  
Kìa Lương Đế khai tạo thiên môn,  
Thất nhị cảnh để bảo tồn,  
Truyền chư tăng chúng triều hôn<sup>2</sup> sám kỳ.  
Điều oan nghiệt vay thì phải trả,  
Hễ sát sanh mạng quả đền bù,  
Đài Thành ngạ tử còn lưu,  
Thân hồn phải chịu hận cừu rửa tan.  
Con biển nạn thờ than tế độ,  
Lời van cầu Phật Tổ cứu nguy,  
Căn thân đã mãn hồi quy,  
Lấy công đền tội vậy thì hướng sanh.*

Theo lời Đức Quan Âm dạy trên đây, chúng ta thấy sau khi đền xong nghiệp quả, nhờ luôn hướng về Phật

2. Triều hôn: sớm tối.



pháp, thành khẩn van cầu Phật Tổ cứu nguy nên cuối cùng chon linh Lương Võ Đế cũng được siêu thoát.

Trong thánh giáo dẫn trên, để khuyến nhủ các môn đồ phải luôn ghi nhớ luật nhân quả báo ứng, Đức Quan Âm còn nhắc đến tích Hoàng Hậu Hy Thị (vợ Lương Võ Đế) như sau:

*Còn Hy Thị trước manh ác dạ,  
Hại chúng tăng để thỏa lòng phàm,  
Tội tình Hy Thị vương mang,  
Hóa thân động vật để làm báo tin.  
Vì oan nghiệt tội tình vay trả,  
Luật luân hồi nhơn quả trả xong,  
Hóa thân khúc thiện<sup>3</sup> lập công,  
Đêm khuya đánh tiếng đạo đồng công phu.  
Vì chúng tăng đường tu còn thiếu,  
Lúc đêm khuya báo hiệu trở lên,  
Cất tiếng khê khắt trước đèn,  
Đánh tan giấc điệp trôi rên công phu.  
Vì tiểu tăng trí ngu, quá bực,  
Đang yên giấc đánh thức, giận mà,  
Đành lòng chặt đứt đoạn ra,  
Làm cho khúc thiện thân đà biến thân.  
Mỗi oan nghiệt nơi trần cấu tạo,  
Hồn linh về Bồng Đảo hội châu,  
Lương Đế mộ đạo Phật thân,  
Thương thay Hy Thị nguyện cầu độ linh.  
Để ăn năn nghe kinh sám hối,  
Rồi linh hồn cho tội tiêu tan.  
Lòng thành luyện đạo hưởng an,  
Tiêu trừ nghiệp chướng tiếp ban ân lành.*

Nguyên Lương Võ Đế có một hoàng hậu tên là Hy Thị. Tuy được sủng ái nhưng Hy Thị luôn đố kỵ, ganh ghét cung phi, độc ác với mọi người. Thấy vua sùng đạo Phật và kính trọng chư tăng, bà thêm căm ghét các sư, hủy

báng Tam Bảo.

Tương truyền một hôm Lương Võ Đế thỉnh Hòa Thượng Chí Công và <sup>500</sup> sư vào cung để cúng dường. Hoàng Hậu Hy Thị bèn sai người giết chó, lấy thịt làm nhân bánh bao dâng cho sư. Sau khi chư tăng thọ trai xong và trở về chùa, Hy Thị tấu trình: “Xưa nay bệ hạ tin các hoà thượng đã tu chứng nên cung kính cúng dường. Vừa rồi nhân bánh bao làm bằng thịt chó mà họ không biết, đã ăn hết, vậy thì đâu phải đã chứng đạo!”.

Lương Võ Đế nghe xong nổi giận, bèn lên ngựa kéo quân đến chùa để chém chư tăng. Vừa đến cổng tam quan đã thấy Hòa Thượng Chí Công đứng chờ bên gốc bồ đề, vua hỏi: “Hòa Thượng ra đây làm gì?”.

Hòa Thượng đáp: “Ra đợi bệ hạ chém đầu, vì sợ máu đổ trong chùa làm ô uế cửa Phật.”.

Kinh ngạc, Lương Võ Đế hỏi: “Có tài tiên tri như vậy mà sao trưa nay Hòa Thượng và chư tăng không biết nhân bánh bao làm bằng thịt chó?” .

Hòa Thượng đáp: “Đêm qua trong lúc thiền định, bần tăng đã biết âm mưu của Hoàng Hậu nên kịp sai chúng tăng làm bánh bao chay giấu trong tay áo tràng bên phải. Khi vào cung thọ trai thì lấy ra ăn, còn bánh bao của Hoàng Hậu cúng dường thì giấu trong tay áo bên trái rồi đem về chùa chôn.

Hòa Thượng đưa vua ra chỗ chôn bánh. Cho đào lên thì quả như lời kể. Vua hối hận, tạ lỗi rồi hồi cung. Từ ấy, vua càng thêm kính trọng Hòa Thượng

3. Khúc thiện: con dế.

Chí Công, khiến cho Hoàng Hậu Hy Thị càng thêm căm giận. Lòng sân hận nung nấu mãi khiến bà sinh bệnh, lia trần.

Theo lời Đức Quan Âm dạy trên đây thì Hoàng Hậu Hy Thị sanh ác tâm ám hại chư tăng nên phải luân hồi làm con đế (khúc thiện), ngày ngày lập công chuộc tội bằng cách gáy lên mỗi sáng sớm để đánh thức tăng chúng trong chùa dậy công phu. Chẳng may, một hôm có tiểu tăng mê ngủ mà bị đánh thức nên nổi giận chặt đôi thân đế. May thay, bấy giờ Lương Võ Đế đã được Phật Tổ cứu vớt, động lòng cảm thương mà nguyện cầu cho Hy Thị được cứu rỗi.<sup>4</sup>

Cả hai câu chuyện về Hoàng Hậu Hy Thị, một do Đức Quan Âm dạy trong Tam Kỳ Phổ Độ và một do nhân gian truyền khẩu, tuy hơi khác nhau nhưng chung quy đều cho thấy rõ luật nhân quả báo ứng xưa nay không hề sai chạy.

Sau khi nhắc tích Lương Võ Đế, hai vị Tiền Khai Đại Đạo Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt tiếp tục để lời khuyến nhủ hàng môn đệ Cao Đài:

---

4. Tích Hy Thị lưu truyền trong dân gian có hơi khác:

Lương Võ Đế sau khi biết rõ Hòa Thượng Chí Công là bậc chơn tu lại càng yêu mến kính trọng hơn nữa. Hoàng Hậu Hy Thị vì thế càng thêm tức giận, sai thuộc hạ đến chùa đem kinh sách ra đốt hết.

Sau, bà bệnh nặng rời từ trần, đầu thai làm mãng xà. Một hôm, Võ Đế nằm mộng thấy bà tâu rằng: “Khi thiếp còn sống ăn ở bất nhân, tổn vật hại người, làm điều ác độc. Vì có ấy nên nay phải làm mãng xà, thân dài, vóc lớn, bò lết không nổi, đói không có chi ăn, khát chẳng có chi uống, cực khổ trăm bề, lại thêm trong chân vảy có độc trùng đeo bám cắn rút da thịt, đau thắt ruột gan! Xin bệ hạ nghĩ tình xưa nghĩa cũ mà từ bi thỉnh thầy làm chay siêu độ cho thiếp, may nhờ Phật pháp hộ trì, thoát ra khỏi vòng ác báo, thì thiếp cảm ơn đời đời.”

Sáng ra, Lương Võ Đế truyền lệnh rước các tăng vào triều, hỏi: “Ai có phép chi cứu giải Hoàng Hậu chẳng?” Hòa Thượng Chí Công tâu: “Tội của Hoàng Hậu rất nặng, xin bệ hạ hãy lập đàn tràng sám hối mới cứu được.”

Võ Đế bằng lòng, cầu Hòa Thượng Chí Công soạn ra mười quyển sám hối văn, rồi lập đàn làm chay ba tháng trong cung, cầu siêu cho Hoàng Hậu. Một hôm, trai đàn gần mãn, có mùi hương nồng nã bay khắp trong cung. Võ Đế ngược mắt nhìn lên trời, thấy một tiên nữ đứng giữa hư không chấp tay tâu rằng: “Thiếp nhờ công đức của chư tăng và bệ hạ cầu sám hối đã thoát kiếp mãng xà sanh về cõi trời Đạo Lợi.”

Võ Đế vui mừng khôn xiết, bèn mời Hòa Thượng Chí Công đến hỏi: “Hoàng hậu do nhân duyên nào mà bình sinh thù ghét chư tăng như vậy?”

Hòa Thượng tâu: “Thuở xưa, trong một ngôi chùa trên núi, có con đế thường ở dưới chân cái đôn để nước. Con đế ở chùa lâu ngày dường như có tánh linh, mỗi buổi sáng sớm đều gáy lên inh ỏi để đánh thức tăng chúng dậy công phu. Vị trụ trì mỗi khi tới đó lấy nước đều chú nguyện cho con đế mau siêu thoát mà sanh về cõi người. Nhưng vị giám tự ghét con đế sáng nào cũng gáy vang rân chẳng cho ông ngủ. Một hôm, trụ trì đi vắng, khi bị đánh thức lúc đang ngon giấc, giám tự bực tức bắt con đế, cắt ngang bụng làm hai, rồi bỏ lại dưới chân đôn. Khi trụ trì về, không nghe tiếng đế gáy, kiểm dưới chân đôn thì thấy xác. Trụ trì chú nguyện cho nó, lấy một rêu vải đỏ cột nối hai mảnh xác đế, rồi đem chôn. Con đế ấy kiếp này là Hoàng Hậu, còn giám tự là bần tăng. Oan gia gặp nhau, nếu kiếp này bần tăng tu hành chảnh mảng ắt không thoát khỏi tay Hoàng Hậu!”

Võ Đế gật gù: “Hèn gì Hoàng Hậu thường buộc dải lụa đỏ ngang lưng không rời, chả biết duyên có vì sao. Đêm nọ, Hoàng Hậu ngủ mê, Trẫm lén tháo dải lụa ra, thì Hoàng Hậu than rằng đau lưng, buộc trở lại thì không đau nữa. Nay Hòa thượng bày tỏ như vậy, mới thấy rõ Phật nói “NHÂN QUẢ” thiệt là không sai.”

Đường tâm tôi muốn đi nhờ ánh đuốc,  
Con bão bùng chó vượt biển cây thuyền  
con,  
Dẫu có tài toan lấp biển đời non,  
Không đạo đức khó thoát vòng nhân  
quả.

Hỡi ai đó chó vay nhiều rồi phải trả,  
Trả rồi vay, vay trả mãi luân hồi,  
Có chi bằng thức tỉnh học Đạo Trời,  
Cho thân thoát khổ, cho đời thoát tai.  
(NGỌC MINH ĐÀI, 15\_02 ĐÌNH MÙI, 24\_3\_1967)

Người môn đệ Cao Đài ngày nay  
quả là hạnh phúc khi được tắm mình  
trong dòng giáo lý thanh lương của  
các Đấng để rồi cũng chính dòng nước  
thanh lương ấy sẽ đưa tất cả những ai  
biết tự mình xuôi dòng trở về nguyên  
bổn. □

## TRANG THƠ

# CHỢT TỈNH

ĐỖ THẾ SƠN • T.T.TỪ QUANG

Bao năm xuôi ngược đường đời  
Tưởng rằng cõi tạm là nơi quê nhà  
Mãi mê trong chốn ta bà  
Ngủ quên trong giấc mộng trần bao la  
Nhờ Thầy mở Đạo Kỳ Ba  
Tâm linh thức giấc tìm ra bến bờ  
Định thần thoát khỏi cơn mơ  
Hướng về cố quận ban sơ của mình  
Vốn là nguồn cội tâm linh  
Tiên Thiên từ ấy khai sinh đất trời  
Mới hay muôn vật ở đời  
Trần gian quán trọ dạo chơi rồi về  
Ngân nga khúc nhạc tình quê  
Một lòng quay lại tìm về cảnh xưa.  
□

## VỌNG CỔ

# CHUNG SỨC XÂY ĐỜI

CHÁNH TÂM

NÓI LỜI:

Thanh thiếu niên ngập tràn nhiệt  
huyết,

Một trời xuân điểm tuyết non sông.

Dù cho đến hạ, thu, đông

Đá mềm chân cứng, dạ lòng đừng  
nao.

LÝ CHIỀU CHIỀU:

Người người đi trước xây Đài Cao,  
cho đời sau

Thanh thiếu niên ta cùng nối bước

Ánh sao- ánh sao soi đường

Nay chúng ta chuyên cần

Học hành- học hành tinh anh

Mai sau đắp xây cho đời

VỌNG CỔ:

1. Thanh thiếu niên mầm non  
bất diệt, trái ngon nhờ người biết  
gieo trồng. Đạo màu hòa điệu quốc  
phong, tương lai nếu có nhờ trong  
hội... này.

Thanh thiếu niên không sống cái  
sống của riêng mình. Không làm cái  
làm của riêng mình, mà phải làm  
và phải sống cho đại chúng. Để mọi  
người thấm đượm tình thương, cùng  
hát bài ca trong nhịp đời trỗi dậy, nung  
chí anh hùng trong bão tố phong ba.  
Quyết chí không sòn một dạ kiên  
trung, dâng hiến cho đời tình thương  
nhân thế.

2. Hỡi những ai trung kiên với Đạo

hãy cùng nhau sưởi ấm những đêm trường. San lấp đi, những hăm hố oan cừu, để gầy dựng trời Nam trong Thánh đức, cho muôn người sống trọn một niềm vui.

Hỡi ai đã trung kiên một dạ, thì đây nguyên đức đá khai đường. Trần hoàn tận độ đảm đương. Cõi Thiên phù trợ lo lường tiến thẳng.

TRĂNG THU DẠ KHÚC:

Hãy chung tay xây dựng cho ngày mai sáng tươi

Đem ánh đạo màu

Công dụng mọi người

Tình thương hoà ái khắp nơi nơi

Thế nhân an lạc là điều ta thỏa ước mong

Kìa kìa xa xa

Thấp thoáng một con đò

Rước đưa khách tục trở về quê xưa chốn cố hương,

VỌNG CỐ:

<sup>5</sup>. Ánh đuốc trong ta bùng lên trời dậy

thấp sáng không gian sưởi ấm muôn..

... loài. Chí cả nặng mang tung cánh chim hồng. Rạo rục trong tim qua từng hơi thở. Nhịp đập này là tiếng nói của muôn vạn sinh linh. Thốn thức đợi chờ người thanh thiếu niên vun đời xây Thánh đức. Trên mảnh đất Nam bang Trời Cha định sẵn. Ngàn hoa đua nở, rục rở trời xuân, tỏa ngát ngàn hương xây đắp cho đời.

<sup>6</sup>. Ngọc như đá ngọc đâu có quý. Cát là vàng vàng ví cát thôi. Thánh nhơn sở dĩ khác người, Trái lòng đạo đức giúp đời tế dân.

Ngoài đạo hạnh trí năng kiến thức, trong luyện thần nội tức điều hòa. Thần hình bền vững do ta. Đạo màu công dụng gần xa đại đồng.

Mong rằng sanh chúng được bình an. Thế giới an bang hưởng thái bình. Một đạo tâm thành truyền chánh giáo. Reo chuông thoát tục phất cờ tuyệt sinh. □





# CẢM XẠ HỌC

## từ huyền bí đến khoa học

THEO TUỔI TRẺ • HỒNG PHÚC SƯU TẦM

Cùng lúc Đại học Lund danh tiếng của Thụy Điển công nhận “thần giao cách cảm” là một môn khoa học, thì ở Việt Nam, trường Đại học Hồng Bàng (TP.HCM) cũng ra mắt Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng cảm xạ địa sinh học vào tháng 9.

Hiệu trưởng trường Hồng Bàng - tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng - khẳng định: “Việc xây dựng trung tâm nghiên cứu này dưới góc độ khoa học là nhằm đưa ra ánh sáng những vấn đề mà nhân loại đang quan tâm nhưng chưa giải thích được”.

Cảm xạ học, tiếng Pháp Radiesthésie (xuất phát từ <sup>2</sup> tiếng Latin là Radius - tia sáng, tia xạ

và Aisthesis - nhạy cảm), là khả năng nhạy cảm của con người với bức xạ từ các vật thể. Khoa học hiện đại đã chứng minh mọi sinh vật, khoáng vật... đều có bức xạ dưới dạng sóng và con người có khả năng cảm nhận, phân tích và sử dụng được lượng thông tin đặc biệt này trong đời sống xã hội, nếu có kiến thức về cảm xạ học và công cụ hỗ trợ.

Từ hàng nghìn năm trước, người ta đã biết đến hoạt động huyền bí của những nhà chiêm tinh, thầy bói, phù thủy, đồng cốt... qua việc tìm mỏ quặng, tìm mạch nước ngầm, xác định địa trạch, dự báo thời tiết, dự đoán tương lai - thời

vận, tìm người và đồ vật mất tích... Tuy nhiên, vì không có các luận cứ khoa học thuyết phục, người ta chỉ còn biết phủ lên những hiện tượng, sự việc ấy các “tấm màn tôn giáo mờ ảo”, hay phép thuật phù thủy... và cảm xạ học thường bị nhìn nhận như những hoạt động mê tín dị đoan. Ngay cả những năm gần đây, mặc dù xã hội đã phần nào thừa nhận khả năng “tìm mộ” của một số ít người có “khả năng ngoại cảm”..., nhìn chung cảm xạ học vẫn cứ là lĩnh vực khó nói đến và còn “bán tín bán nghi”, mà cản trở đầu tiên vẫn là chưa giải thích, thuyết phục được bằng luận cứ khoa học.

Về lịch sử cảm xạ học Việt Nam, vào đầu những năm 70, ông Kim Hoàng Sơn đã có viết sách về vấn đề này và hướng dẫn một số người theo học. Hơn 20 năm sau, bác sĩ Du Quang Châu tu nghiệp ở Pháp về đã cùng một số cộng sự tổ chức nghiên cứu, thực hiện Việt Nam hoá môn cảm xạ học hiện đại, xuất bản nhiều đầu sách, nội san và mở các lớp huấn luyện. Từ năm 1998, dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Khoa học công nghệ tin học ứng dụng (UIA), lần đầu tiên ở nước ta môn cảm xạ học chính thức được quan tâm nghiên cứu dưới hình thức một số đề tài khoa học mang số hiệu 812 do bác sĩ Du Quang Châu làm chủ nhiệm. Tuy chỉ mới xúc tiến trong một thời gian ngắn nhưng những gì tổng kết được hết sức thú vị. Họ đã thu được những kết quả khả quan trong ứng dụng cảm xạ học vào việc điều chỉnh, nâng cao sức khoẻ con người (rèn luyện tâm thể, thể chất, chẩn đoán bằng cảm xạ...), khắc phục và xử lý ô nhiễm môi trường nhà ở, kích thích tăng trưởng thảo mộc, kiểm tra chất lượng thực phẩm và mỹ phẩm, vận dụng trong kiến trúc xây dựng, địa chất... Hiện bộ môn cảm xạ học Việt Nam đang tiến hành nghiên cứu thực nghiệm hai đề tài nhánh là cai nghiện ma tuý (ở khu vực phía Bắc) và sử dụng năng lượng cảm xạ kích thích và phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng (ở khu vực phía Nam).

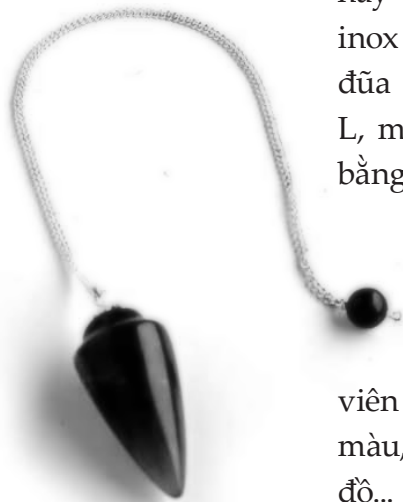
Ngày 11/10 tới, tại Hà Nội lần đầu tiên sẽ khai giải lớp huấn luyện ứng dụng năng lượng cảm xạ trong chống tái nghiện ma tuý cho các cảm xạ viên

đã học qua chương trình sơ cấp.

Bất cứ vật thể hay sinh vật nào cũng có sóng bức xạ, nhưng để “điểm mặt, chỉ tên” được sóng bức xạ thì con người phải nhờ những dụng cụ đặc biệt, có tác dụng truyền dẫn và khuếch đại sóng. Nói là đặc biệt nhưng thật ra những dụng cụ cảm xạ học rất đơn giản, gọn nhẹ. Xưa thường là những chiếc que hình chữ Y, chiếc gậy bằng gỗ hạnh và các con lắc, có khi làm bằng sỏi, đá. Nhưng những gì sử sách ghi lại đã cho thấy các nhà cảm xạ học xưa kia đã tìm ra nhiều tài nguyên, kho báu, mạch nước ngầm dưới nước chỉ bằng những dụng cụ đơn giản như thế. Qua hàng nghìn năm trải nghiệm, các dụng cụ này đã được bổ sung, cải tiến, hiện đại hoá nhưng chủ yếu thay thế vật liệu, còn hình dạng, tính năng



Nhà cảm xạ học A.B.Mermet (1866-1937)



thì ít thay đổi. Dụng cụ cảm xạ học phổ biến ngày

nay là các con lắc bằng inox hay thạch anh, đôi đĩa kim loại hình chữ L, mô hình kim tự tháp bằng vật liệu nhẹ, những

viên đá thạch anh nhiều màu, các hình vẽ cảm xạ đồ... Đặc biệt từ con lắc truyền thống, gần đây một người Việt Nam tên Michel Trần Văn Ba đã

sáng tạo ra cây đũa Michel vừa có hình dạng, tính năng của đũa cảm xạ lại vừa là quả lắc nhưng độ nhạy cảm cao hơn nhiều so với hai dụng cụ trên. Tuy vậy, dụng cụ chỉ là hỗ trợ, khả năng nội sinh của con người mới là yếu tố quyết định thành công. Khả năng ấy chỉ có thể có được nếu con người kiên trì nghiên cứu, tập luyện và “lắng nghe” chuyển động của cơ thể mình. □

## KIẾN THỨC SỨC KHỎE

### MẬT ONG CHỮA LÀNH

### VẾT THƯƠNG NGƯỜI BỆNH TIỂU ĐƯỜNG

VIỆT THU SƯ TÂM

Một nghiên cứu thử nghiệm của bác sĩ Jennifer Eddy tại Đại học Y khoa và Sức khỏe Cộng đồng Wisconsin, Mỹ mới đây

chứng tỏ rằng mật ong có thể điều trị các vết lở loét của bệnh nhân tiểu đường, tránh bị cưa chân.

Bà Eddy nói rằng phương pháp điều trị này rất đơn giản, chỉ cần nhỏ mật ong vào vết thương sau khi đã lấy đi phần da chết nhiễm vi khuẩn. Theo bà, mật ong giết chết vi khuẩn do có tính axit và sử dụng mật ong tránh được những phức tạp do vi khuẩn kháng thuốc. Sự lưu thông máu và khả năng chống nhiễm trùng của cơ thể người bị tiểu đường kém nên vết thương không lành và cứ mỗi 30 giây trên thế



giới có một người bệnh tiểu đường bị đoạn chi.

Trên thực tế ở New Zealand, mật ong đã được dùng để chữa lở loét cho những người nằm liệt giường và được sử dụng thay thế thuốc ở châu Âu nhưng y văn Mỹ không đề cập đến mật ong. □

TRÚC LÂM • THEO AFP

## NƯỚC CHANH GIÚP NGỪA BỆNH SỎI THẬN

VIỆT THU SƯ TÂM

Uống nước chanh có thể giúp ngăn ngừa nguy cơ bị sỏi thận. Sỏi thận hình thành khi các chất khoáng từ nước tiểu kết

tinh và tạo thành sỏi bên trong thận.

Ở hầu hết mọi người thì nước tiểu có chứa một loại hóa chất muối kali (potassium citrate) chống việc hình thành sỏi. Tuy nhiên, ở những người có rất ít chất này lại có nguy cơ bị sỏi thận cao.

Nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc Đại

học y khoa Wisconsin và Đại học Duke (Mỹ) cho thấy, những bệnh nhân dùng một lượng nước chanh (khoảng 120 ml pha trong 2,5 lít nước mỗi ngày) trong suốt 40 tháng điều trị đã có sự tăng đáng kể hợp chất muối kali và sỏi của những bệnh nhân này cũng nhỏ đi. □ THEO THANH NIÊN.



### ●●● MẮT THẦN HORUS (TIẾP THEO TRANG 124)

nhân với công bội là 2), mô tả những quá trình phóng phát hay phân tán, từ Thái Cực tạo thành vạn vật, đó là quá trình “Nhất bốn tán vạn thù”. Còn dãy số của Ai Cập cổ đại là một dãy số có giá trị giảm dần (theo cấp số nhân với công bội là 1/2), mô tả những quá trình

thu liễm hay quy tụ, để trở về bên trong lòng con số 1; đó là quá trình “vạn thù quy Nhất bốn”.

Các dãy số của Ai Cập lẫn Trung Hoa đều dùng số 2 làm cơ số, nhằm mô tả hai mặt tương phản nhưng bổ túc cho nhau trong vũ trụ. Trung Hoa gọi hai mặt này là Âm

và Dương. Ai Cập tượng trưng hai mặt này bằng hai mắt của thần Horus, hay là mặt trăng và mặt trời. Như vậy nền đạo học cổ đại ở Ai Cập và Trung Hoa vừa tương đồng, vừa bổ túc cho nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:  
WWW.WIKIPEDIA.ORG  
WWW.GUARDIAN.NET □



# THEO • DÒNG

BẠCH CÚC



**22-02-2007 (06-01 ĐH):** Thánh thất Đa Phước – Bình Chánh tổ chức Lễ cầu an cho bá tánh nhân dịp đầu năm với sự tham dự đông đảo của chính quyền địa phương các cấp và đại diện 18 phái đoàn đạo hữu các nơi. Giáo sư Ngọc Đầy Thanh đã thuyết trình đề tài “Ý nghĩa lễ cầu an”. Vụ phó Ngoại giao Đạt Tường đại diện CQPTGLĐĐ được mời phát biểu cảm tưởng. (Hình 1: TT Đa Phước tiếp đón khách).

**23-02-2007 (07-01 ĐH):** CQPTGLĐĐ dự lễ cầu an đầu xuân Đình Hội tổ chức theo nghi thức cổ truyền: hạ nêu, nhạc lễ, xây châu hát bộ tại Lăng Đức Tả Quân Lê Văn Duyệt – Bà Chiểu. (Hình 2: Ban Quý tế Lăng Ông tiếp rước phái đoàn CQPTGLĐĐ).



**24-02-2007 (08-01 ĐH):** Thánh thất Tân Sơn Nhì (quận Tân Phú) long trọng cử hành đại lễ vía Đức Chí Tôn và kỷ niệm 81 năm thành lập Thánh thất với sự hiện diện của đại diện 31 Thánh sở các nơi. Giáo sĩ Huệ Ý được mời thuyết giảng đề tài “Xả phú cầu bần – Xả thân cầu đạo”.

**25-02-2007 (09-01 ĐH):** Đạo trưởng Chí Tín, Phó Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan khai trương Hội trường TMGL Cơ Quan năm Đình Hội với đề tài “Đắc Nhứt”.

# ĐẠO • SƯ



**27-02-2007 (11-01 ĐH):** Nhân ngày “Thầy thuốc Việt Nam”, đại diện Hội Chữ thập đỏ quận I cùng với đại diện UBND và UBMTTQ phường Nguyễn Cư Trinh đến thăm và tặng quà cho Phòng khám bệnh phước thiện CQPTGLĐĐ. (Hình 3: Đạo tử Kim Trinh nhận quà trong ngày Thầy thuốc Việt Nam).

**28-02-2007 (12-01 ĐH):** TT Ngọc Linh long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm Hoa Đài lần thứ 48 dưới sự chứng lễ của BTT Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên và đại diện của 30 Thánh tịnh và 15 Thánh thất. Đạo tử Chánh Văn Phòng NCH Cơ Quan được mời nói chuyện với đề tài “Ý nghĩa Nữ Chung Hòa ĐỆTKPĐ”.



**07-03-2007 (19-01 ĐH):** Thánh thất Long Vân (Thủ Đức) cử hành trọng thể lễ khánh thành tái thiết Thánh sở với sự chủ trì của Ngài Đầu Sư Thượng Tám Thanh, đại diện Hội đồng Chương quản Tòa Thánh Tây Ninh và Nữ Đầu Sư Hương Nhìn. Trên 40 đơn vị đạo được mời tham dự. (Hình 4: TT Long Vân – Thủ Đức).

**08-03-2007 (20-01 ĐH):** Đại diện NCH Cơ Quan dự “họp mặt kỷ niệm 97 năm ngày Quốc tế phụ nữ 8-3 và 1967 năm cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng” do Hội Liên hiệp phụ nữ quận I tổ chức tại Trung tâm Văn hóa Q.I, số 6 – Mạc Đĩnh Chi.





**11-03-2007 (23-1 ĐH):** Phái đoàn Cơ Quan và Nữ Chung Hòa đã đến Bạc Liêu dự lễ kỷ niệm thành lập ngôi Cao Thượng Bửu Toà và ngày đăng Tiên của Ngài Chơn Sắc. Ban Tổ chức mời Vụ Phó Văn Hóa Vụ Hồng Phúc thuyết trình đề tài “Lòng Từ Phụ”, Đạo muội Thanh Mai dẫn chương trình buổi lễ và Ngoại giao Vụ trưởng Thiện Nguyễn phát biểu cảm tưởng. Nhân dịp này, NCH Cơ quan cũng đã phối hợp giao lưu học Thánh giáo với nữ phái sở tại, Đạo tỷ Chánh văn phòng NCH Kim Trinh bình giảng Thánh giáo.

**20-03-2007 (02-02 ĐH):** Một chuyến cứu trợ đồng bào, đồng đạo nạn nhân của cơn bão số 9 tại tỉnh Bến Tre đã được tổ chức với sự phối hợp của 5 đơn vị: Minh Lý Thánh Hội, Thánh thất Trung Minh, Hội Thánh Ban Chính Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý Đại Đạo và Trung tâm Văn hoá Cao Đài Calgary (Canada) do Đạo tỷ Thân Kim Loan đại diện. Phái đoàn đã đến 3 địa điểm: Thánh thất Thanh Phước và đồng bào xã Thanh Phước – huyện Bình Đại: tặng mỗi phần quà gồm mì gói, gạo, đường, bột ngọt và 100.000 đồng. • Thánh thất Vĩnh Hòa và chùa Phật An Bửu, xã Vĩnh Hòa, huyện Ba Tri: giúp kinh phí sửa chữa. • UBND xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày: tặng mỗi người 100.000 đồng (Hình 5: Phái đoàn cứu trợ đến xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày).

**31-03-2007 (12-02 ĐH):** CQPTGLĐĐ đã đến

dự lễ Maulid-Muhammad (S.A.W) 1428 Hồi lịch-2007 dương lịch do Ban Đại diện cộng đồng Hồi giáo TP. HCM tổ chức. Cùng tham dự, có các đơn vị Phật giáo, Minh Lý Thánh Hội và Ban Đại diện Hội đồng Chương quản TT Tây Ninh tại thành phố HCM. (Hình 6: Giờ đọc kinh Koran trong chánh điện Hồi giáo).

**02-04-2007 (15-02 ĐH):** Ngoại giao Vụ gồm Vụ trưởng Thiện Nguyễn và Vụ Phó Bạch Cúc đã đến Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý tham dự Đại hội đại biểu nhân sanh nhiệm kỳ III 2007-2012 toàn phái trùng dụng lễ kỷ niệm 72 năm ngày thành lập phái Cao Đài Bạch Y (1936-2007).

**06-04-2007 (19-02 ĐH):** Thánh thất Trung Hiền (Tân Bình) tổ chức lễ kỷ niệm ngày khánh thành Thánh sở. Vụ trưởng Ngoại giao Thiện Nguyễn được mời phát biểu cảm tưởng. • Ngoại giao Vụ Phó Bạch Cúc cùng với Đinh Thị Hạnh dự “Lễ kỷ niệm truyền thống Đại hội Hòa Quang Thánh Đức, chuyển hóa Đại đồng” trùng dụng Lễ Kỷ niệm ngày lạc thành ngôi Tam Đài lần thứ 34 tại Thánh tịnh Kim Thành Long (Tiền Giang).

**17-04-2007 (01-03 ĐH):** Thánh tịnh Trước Mai (Cần Thơ) tổ chức lễ khánh thành cổng chánh môn và kỷ niệm tri ân chư tiền bối. Phái đoàn Cơ quan có Vụ Phó NG Bạch Cúc, Cao Hoàng Phong và

Thúy Nga tham dự. • TT Nguyệt Cảnh (Cà Mau) cử hành lễ khánh thành Thiên Phong đường và lễ kỷ niệm 67 năm thành lập Thánh thất. Ngoại giao Vụ Cơ Quan tham dự có Lê Chí Thật, Minh Đức và Đinh Thị Hạnh.

**22-04-2007 (06-03 ĐH):** Đại diện Cơ Quan gồm Hoàng Mai, Bạch Cúc và Thúy Nga đến dự lễ an vị Thánh tượng tại TT Đức Hòa (Long An) có sự chứng kiến của đại diện Hội đồng Chương quản Tòa Thánh Tây Ninh, Đầu Sư Thượng Tám Thanh.

**28-04-2007 (12-03 ĐH):** Phái đoàn CQPTGLĐĐ do Đạo trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Đạt Trí hướng dẫn cùng với Phó Chủ tịch NCH Bạch Hạnh, Vụ trưởng NG Thiện Nguyễn và Giáo sĩ Kim Dung đã đến dự lễ khánh thành Tam Đài điện thờ Đức Chí Tôn tại Hội Thánh Tam Quan Cầu Kho (Bình Định) được tổ chức trong 2 ngày 12 và 13-3 Đinh Hợi. (Hình 15: Điện thờ Đức Chí Tôn tại Hội Thánh Tam Quan). • Phái đoàn Cơ Quan và NCH đã đến TT Thiên Trước dự lễ kỷ niệm tri ân tiền bối, đồng thời giao lưu học Thánh giáo nữ phái. Vụ phó Bạch Cúc được mời phát biểu cảm tưởng. • Đại diện Cơ Quan và NCH dự lễ khánh thành hậu đường và lễ kỷ niệm 65 năm ngày Đức Nguyễn Ngọc Tương thọ phong Giáo Tông, trùng dựng 42 năm thành lập TT Đô Thành tại Thánh sở đường Hậu Giang, Q.6

**29-04-2007 (13-03 ĐH):** Phái đoàn Cơ Quan viếng lễ tang ông Tôn Thiện Hùng, Chủ tịch UBMTTQ P. Nguyễn Cư Trinh tại tư gia.

**01-05-2007 (15-03 ĐH):** Phái đoàn CQPTGLĐĐ đến Vĩnh Nguyên Tự (Long An) dự lễ kỷ niệm tái thiết lần thứ 34. Đạo trưởng Phụ tá Bảo Pháp Chơn Quân Thiên Vương Tinh đã thuyết trình đề tài: “Kỷ niệm tái thiết Vĩnh Nguyên Tự”. • Thánh tịnh Nguyệt Thanh Quang (Gò Công Tây) tổ chức lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Thánh tịnh, trùng dựng kỷ niệm 75 năm qui vị của Đức Ngô Đại Tiên và lần thứ 13 ngày xây dựng ngôi Tam đài. Vụ Phó Đạt Tường tham dự.

**08-05-2007 (22-03 ĐH):** Phái đoàn Cơ Quan đến dự lễ “Khai cơ trí thạch” xây dựng Văn phòng Trị sự TT Củ Chi tại xã Nhuận Đức. Đạo huynh Tổng Thư ký Thiện Chí được mời phát biểu tại buổi lễ. Sau khi dự lễ, trên đường về, Anh Lớn Bảo Thế Hắc Quang, Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên có ghé thăm Cơ Quan và đàm đạo với quý Đạo trưởng Thiên Vương Tinh, Đạt Trí, Đạo huynh Thiện Chí và Huệ Nhân.

**09-05-2007 (23-03 ĐH):** Phái đoàn CQPTGLĐĐ đến viếng giác linh Anh Lớn Hiến Thế Huệ Thành thuộc Hội Thánh Cầu Kho Tam Quan tại tư gia, liểu đạo ngày 06-05-2007, hưởng thọ 83 tuổi.



**11-05-2007 (25-03 ĐH):** Phái đoàn CQPTGLĐĐ đến Tòa Thánh Tây Ninh, dự lễ tang cụ Tổng giám Trần Văn Khoa tức ông Năm Nhà Đền được tổ chức tại Báo Ân Từ, thọ 108 tuổi, là người đã nhập môn tại chùa Gò Kén thuở khai Đạo.

**15-05-2007 (29-3 ĐH):** Đại diện Ngoại giao Vụ Cơ Quan dự lễ khai trương của Công ty TNHH Trái Tim Hồng của các em khuyết tật.



## TIN TỨC NỮ CHUNG HÒA CQPTGLĐĐ GIAO LƯU HỌC TẬP THÁNH GIÁO

**28-02-2007 (12-01 ĐH):** Tại TT Ngọc Linh, Đạo Tỷ Thủy Tuyên bình giảng bài 2, Q. Lòng Từ Mẫu. (Hình 16)  
Đạo tỷ Thủy Tuyên tại TT Ngọc Linh

**09-03-2007 (21-01 ĐH):** Tại Cao Thượng Bửu Tòa, Đạo tỷ Kim Trinh bình giảng bài 2 – Q. Lòng Từ Mẫu.

**19-03-2007 (01-02 ĐH):** tại Vĩnh Nguyên Tự, Giáo sĩ Kim Dung bình giảng bài 6, quyển NCH thời kỳ sơ khởi.

**28-04-2007 (12-03 ĐH):** tại TT Thiên Trước, Đạo tỷ Hồng Phúc bình giảng bài 7, quyển Lòng Từ Mẫu.

**17-05-2007 (01-04 ĐH):** Tại Minh Kiến Đài, Giáo sĩ Kim Dung bình giảng bài 11, quyển NCH thời kỳ tái lập. □